



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN
HUDLAND**

-----o0o-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA DỰ ÁN:

**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ MỚI TẠI THÔN
PHỦ, XÃ THÁI HỌC VÀ THÔN NHUẬN ĐÔNG, XÃ
BÌNH MINH, HUYỆN BÌNH GIANG**

**ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN: THÔN PHỦ, XÃ THÁI HỌC
VÀ THÔN NHUẬN ĐÔNG, XÃ BÌNH MINH, HUYỆN BÌNH GIANG,
TỈNH HẢI DƯƠNG
(NAY LÀ XÃ ĐƯỜNG AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG)**

HẢI PHÒNG, 08/2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN
HUDLAND**

-----000-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA DỰ ÁN:

**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ MỚI TẠI THÔN
PHỦ, XÃ THÁI HỌC VÀ THÔN NHUẬN ĐÔNG, XÃ
BÌNH MINH, HUYỆN BÌNH GIANG**

**ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN: THÔN PHỦ, XÃ THÁI HỌC
VÀ THÔN NHUẬN ĐÔNG, XÃ BÌNH MINH, HUYỆN BÌNH GIANG,
TỈNH HẢI DƯƠNG**

(NAY LÀ XÃ ĐƯỜNG AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG)

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Có



GIÁM ĐỐC

Vũ Tuấn Bình

HÀ NỘI, 08/2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG BIỂU	v
DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	vii
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
1. Tên chủ dự án đầu tư	1
2. Tên dự án đầu tư	1
2.1. Tên dự án đầu tư	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	7
3.1. Công suất của dự án đầu tư	7
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	7
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	8
4.1. Nhu cầu sử dụng nước của dự án	8
4.2. Nhu cầu sử dụng điện của dự án	11
4.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất	13
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có)	13
5.1. Quy mô sử dụng đất và hạng mục công trình dự án.....	13
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	16
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	16
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	17
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	18
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	19
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	19
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	21
1.3. Xử lý nước thải	23
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	58

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	60
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	60
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	61
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	62
6.1. Giải pháp phòng cháy chữa cháy (PCCC)	62
6.2. Giải pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố do hóa chất.....	63
6.3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn	68
6.4. Các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống điện	68
6.5. Các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố liên quan đến nước thải.....	69
6.5.1 Yêu cầu về giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố liên quan đến nước thải.....	69
6.5.2 Nguyên tắc ứng phó sự cố chất thải:	69
6.5.3 Ứng phó sự cố do nước thải tại trạm XLNT	71
6.5.4 Các trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố do nước thải	73
6.5.5 Một số sự cố thường gặp và giải pháp ứng phó:	78
6.6. Kế hoạch phòng chống và ứng phó sự cố thiên tai.....	88
6.6.1 Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố thiên tai	88
6.6.2 Các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố ngập lụt nghiêm trọng.....	90
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).....	91
7.1. Giảm thiểu ảnh hưởng do tiếng ồn, độ rung.....	91
7.2. Trang bị bảo hộ lao động.....	91
7.3. Đào tạo nâng cao nhận thức về an toàn và bảo vệ môi trường	91
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.....	91
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học	92
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	92
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	105
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	105
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	106

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	107
Chương V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	109
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	109
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	109
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	109
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	111
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	111
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	111
2.2.1 Quan trắc nước thải	111
2.2.2 Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp	112
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án .	112
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	112
Chương VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	113
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường...	113
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	113
PHỤ LỤC BÁO CÁO	115

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á	NCKH	Nghiên cứu khoa học
BĐKH	Biến đổi khí hậu	NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
BTTN	Bảo tồn thiên nhiên	NN&MT	Nông nghiệp và môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường	QA/QC	Bảo đảm chất lượng/Kiểm soát chất lượng
CCN	Cụm công nghiệp	QCCP	Quy chuẩn cho phép
CKBVMT	Cam kết bảo vệ môi trường	QCVN	Quy chuẩn Việt nam
CN	Công nghiệp	QCTĐHN	Quy chuẩn Thủ đô Hà Nội
CTCN	Chất thải công nghiệp	QTMT	Quan trắc môi trường
CTNH	Chất thải nguy hại	TCN	Thủ công nghiệp
CTNN	Chất thải nông nghiệp	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
CTXD	Chất thải xây dựng	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt nam
CTR	Chất thải rắn	TNMT	Tài nguyên và môi trường
DTM	Đánh giá tác động môi trường	TNN	Tài nguyên nước
GDP	Tổng sản phẩm trong nước	TXLNT	Trạm xử lý nước thải
GTVT	Giao thông Vận tải	VSMT	Vệ sinh môi trường
HST	Hệ sinh thái	WB	Ngân hàng thế giới
HTX	Hợp tác xã	WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
IUCN	Hội quốc tế về bảo tồn thiên nhiên	WB	Ngân hàng thế giới
KBTTN	Khu bảo tồn thiên nhiên	WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
KCN	Khu công nghiệp	XLNT	Xử lý nước thải
KCNC	Khu công nghệ cao	ASBR	Bể xử lý sinh học theo mẻ cải tiến
KH&KT	Khoa học và kỹ thuật		
KHCN	Khoa học công nghệ		
KT-XH	Kinh tế - xã hội		

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Bảng thống kê tọa độ ranh giới khu đất dự án	2
Bảng 2. Bảng kê các loại giấy phép, phê duyệt về XD, PCCC, ĐTM có liên quan đến dự án	5
Bảng 3. Bảng kê các nhu cầu sử dụng nước của dự án	9
Bảng 4 Bảng kê các thiết bị chính của Trạm bơm cấp nước cho dự án	10
Bảng 5. Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt.....	11
Bảng 6. Tổng hợp trạm biến áp và cấp trung thế	12
Bảng 7. Hóa chất sử dụng của dự án	13
Bảng 8. Thống kê các hạng mục đầu tư chính của dự án.....	13
Bảng 9 Cơ cấu sử dụng đất của dự án	14
Bảng 10 Các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án	18
Bảng 11. Tổng hợp khối lượng của hệ thống thoát nước mưa.....	19
Bảng 12 Bảng kê các thiết bị chính của Trạm bơm tuần hoàn.....	21
Bảng 13 Thống kê vật liệu thoát nước thải	22
Bảng 14.Hàm lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải	24
Bảng 15 Thống kê các thiết bị chính của dự án	31
Bảng 16. Các thông số kỹ thuật chính của Hệ thống xử lý mùi, khí thải tại trạm xử lý nước thải tập trung.....	59
Bảng 17. Thống kê các tình huống xảy ra sự cố và phương án ứng phó	66
Bảng 18. Kế hoạch phối hợp nội bộ ứng phó sự cố.....	67
Bảng 19 Các hoạt động ứng phó theo mức độ thiệt hại khi xảy ra sự cố tại Dự án.....	72
Bảng 20. Thống kê số lượng các thiết bị theo từng bậc xử lý trong DCCN	74
Bảng 21. Thống kê số lượng các công trình trong DCCN.....	76
Bảng 22 Ví dụ về lịch trình bảo dưỡng phòng ngừa của thiết bị	77
Bảng 23 Một số sự cố thường gặp đối với mạng lưới thu gom nước thải về nhà máy, nguyên nhân và cách khắc phục	79
Bảng 24. Các sự cố thường gặp đối với công trình XLNT và phương án khắc phục	79
Bảng 25. Một số sự cố thường gặp đối với các thiết bị, nguyên nhân và cách khắc phục.....	82
Bảng 26 Một số nguyên nhân chính dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn và các biện pháp khắc phục.....	85
Bảng 27 Các biện pháp phát hiện sớm sự cố nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn	87
Bảng 28. Tổng hợp những nội dung thay đổi của các hạng mục công trình đối với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.....	94

Bảng 29. Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	105
Bảng 30 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải .	106

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Vị trí thực hiện dự án.....	3
Hình 2. Một số hình ảnh của dự án	8
Hình 2. Một số hình ảnh công trình, thiết bị cấp nước cho dự án	10
Hình 2. Một số hình ảnh công trình, thiết bị cấp điện cho dự án	13
Hình 5. Hình ảnh miệng thụ nước mưa của dự án.....	21
Hình 6 Sơ đồ dây chuyền công nghệ trạm xử lý nước thải	25
Hình 7. Hình ảnh các hạng mục công trình và thiết bị của trạm xử lý nước thải tập trung	57
Hình 8. Hình ảnh đầu đo và tủ điện của hệ thống quan trắc nước thải online	58
Hình 9 Hình hệ thống xử lý mùi trạm xử lý nước thải	59
Hình 10. Ảnh chụp một số hệ thống PCCC đã được lắp đặt của dự án	63

Chương I. **THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1. Tên chủ dự án đầu tư

- Tên công ty: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland.
- Trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà HUDLAND TOWER, lô ACC7, khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai Thành Phố Hà Nội
(nay là Phường Định Công, Thành phố Hà Nội)
- Người đại diện: Ông Phạm Cao Sơn
- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
- Điện thoại: 024.3652 3862
- Mã số thuế 0102340326
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: mã số doanh nghiệp 0102340326, do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp phép đăng ký lần đầu ngày 10/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 28/02/2025.

2. Tên dự án đầu tư

2.1. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
(Nay là xã Đường An, Thành Phố Hải Phòng)
- Phạm vi ranh giới dự án:
 - Phía Đông Bắc: Giáp tuyến đường tỉnh lộ 392 và Thôn Mỹ Trạch, xã Thái Minh (nay là xã Đường An).
 - Phía Đông Nam: Giáp tuyến đường tỉnh lộ 394.
 - Phía Tây Nam: Giáp thôn Nhuận Đông, xã Thái Minh (nay là xã Đường

An).

- Phía Tây Bắc: Giáp thôn Quang Tiền, xã Thái Minh (nay là xã Đường An).

Bảng 1. Bảng thống kê tọa độ ranh giới khu đất dự án

TÊN MÓ C	TỌA ĐỘ		TÊN MÓC	TỌA ĐỘ	
	X	Y		X	Y
1	2309043.584	571737.4196	30	2309052.55	571066.6705
2	2308994.891	571761.1657	31	2309012.671	571058.6052
3	2309050.726	571981.6962	32	322309007.8	571057.62
4	2309157.891	571962.2283	33	2309006.26	571057.01
5	2309182.75	571949.06	34	2308969.495	571048.4665
6	2309260.77	571869.8475	35	2308910.215	571034.8825
7	2309240.84	571866.95	36	2308874.698	571026.8382
8	2309237.401	571866.5038	37	2308812.286	571011.6703
9	2309210.94	571863.07	38	2308808.17	571010.86
10	2309209.864	571861.47	39	2308807.61	571010.86
11	2309208.81	571857.9	40	2308802.93	571010.17
12	2309208.287	571853.6399	41	2308773.403	571003.2749
13	2309195.9	571752.72	42	2308667.77	570979.93
14	2309194.671	571722.048	43	2308663.14	570979.87
15	2309197.46	571719.38	44	2308644.5	570975.3189
16	2309197.52	571704.28	45	2308608.077	570966.4758
17	2309198.85	571689.4	46	2308560.739	570954.9029
18	2309199.39	571675.04	47	2308518.817	570944.4179
19	2309200.235	571660.8688	48	2303486.952	570936.073
20	2309203.55	571601.64	49	2308410.144	570915.7259
21	2309206.26	571557.77	50	2308432.484	570968.0055
22	2309206.34	571529.05	51	2308493.937	571112.5815
23	2309206.07	571523.66	52	2308529.183	571195.994

24	2309207.08	571496.59	53	2308590.672	571341.5107
25	2309209.458	571494.1315	54	2308678.948	571546.784
26	2309192.648	571348.403	55	2308728.4	571661.79
27	2309180.67	571244.57	56	2308910.35	571566.28
28	2309158.051	571053.7729	57	2308913.41	571565.86
29	2309051.924	571066.5338	58	2308974.19	571644.83
30			59	2306972.275	571645.8224

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30' múi chiều 3°)



Hình 1. Vị trí thực hiện dự án

- Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 15/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang. Theo đó, nhà đầu tư được chọn là Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland.
- Dự án “Đầu tư xây dựng khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang” được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 07/01/2021. Theo đó, phạm vi và quy mô của dự án bao gồm:

- Tổng diện tích đất dự án: 442.610 m², trong đó: Đất công trình công cộng diện tích 26.678 m², đất ở diện tích 156.719 m², đất hỗn hợp (dịch vụ-thương mại) 8.710m², đất công viên, cây xanh, mặt nước diện tích 56.921m², đất nghĩa trang và cây xanh cách ly diện tích 6.075m², đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật 5.114m², đất đấu nối với đường tỉnh 392, 394 diện tích 4.239m², đất giao thông diện tích 178.154m²
- Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh bao gồm: Chuẩn bị mặt bằng, san nền; hệ thống đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống cấp nước sinh hoạt, cấp nước chữa cháy; hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống cây xanh; đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.580m³/ngày đêm.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, sau đó chia lô và bán đất cho dân sử dụng lâu dài. Các hạng mục đơn lẻ như đất thương mại dịch vụ, đất công cộng (nhà văn hóa, khu hành chính, trường học, trạm y tế) ... sẽ do nhà thầu thứ cấp xây dựng.
- Quy mô của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường:
 - Theo Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư 4538/QĐ-UBND ngày 15/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương và Hợp đồng đầu tư thực hiện dự án số 01/2020/HDDA giữa UBND huyện Bình Giang và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland cho dự án Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang. Dự án có tổng mức đầu tư (chưa bao gồm chi phí lãi vay và tiền sử dụng đất) là 562.359.460.000 VNĐ (Năm trăm sáu mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng). Do vậy, theo qui định tại khoản 1, điều 9, Luật đầu tư công Dự án “Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang” thuộc dự án nhóm B.
- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường:
 - Dự án không thuộc các yếu tố nhạy cảm về môi trường được quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.
- Phân nhóm đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường:

- Dự án thuộc đối tượng theo Phụ lục IV (Danh mục các dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường) của Nghị định 05/2025/NĐ-CP, cụ thể tại mục II.5.c (Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên: Có tổng diện tích của dự án dưới 50ha và có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên từ 05ha trở lên).

Các loại giấy phép, phê duyệt về XD, PCCC, ĐTM có liên quan đến dự án:

Bảng 2. Bảng kê các loại giấy phép, phê duyệt về XD, PCCC, ĐTM có liên quan đến dự án

Stt	Tên văn bản/tài liệu
1	Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang”.
2	Thông báo số 100/TB-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện Bình Giang về Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang”
3	Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang”
4	Hợp đồng đầu tư thực hiện dự án số 01/2020/HDDA giữa UBND huyện Bình Giang và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển HUDLAND về việc thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang”.
5	Văn bản số 540/CTy-KT ngày 21/07/2020 của Công ty TNHH MTV KTCT Thủy Lợi V/v Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng, xã Bình Minh, huyện Bình Giang.
6	Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 1) cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland để đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang.
7	Quyết định số 1078/QĐ-HDQT ngày 01/08/2021 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland về phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang.

8	Văn bản số 1272/Cty – KT ngày 30/11/2021 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi về việc thống nhất phương án thi công hệ thống thoát nước Khu dân cư mới thôn Phú xã Thái học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang.
9	Văn bản số 2004/CV-KDNS ngày 22/11/2021 của Công ty Cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương về việc chấp thuận nguồn và điểm đầu nối cấp nước dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang.
10	Văn bản số 01/TD-PCCC ngày 15/12/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH về Giấy chứng nhận Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
11	Văn bản số 593/GP-UBND ngày 04/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.
12	Văn bản số 06/GPXD ngày 16/03/2022 của Sở Xây dựng UBND tỉnh Hải Dương về giấy phép xây dựng.
13	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần , mã số doanh nghiệp: 0102340326; đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 08 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 28 tháng 02 năm 2025.
14	Quyết định số 3145/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang.
15	Công văn số 08/CV-2024 ngày 06/06/2024 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển Việt Đức V/v chấp thuận điểm đầu nối cung cấp nước sạch.
16	Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh (nay là xã Thái Minh), huyện Bình Giang.
17	Biên Bản thỏa thuận số 50/BTT-PCHP-HUDLAND Công ty Điện lực Hải Phòng (PCHP) và Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản Hudland về việc đầu nối công trình điện. Công trình: Đường cáp ngầm 35kV và các TBA cấp điện cho Dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, thành phố Hải Phòng).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Mục tiêu dự án: Đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 16/10/2014. Quy hoạch này đã được điều chỉnh cục bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 14/10/2020, và tiếp tục được điều chỉnh, phê duyệt tại Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND huyện Bình Giang đối với đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh (nay là xã Thái Minh), huyện Bình Giang.

- Tạo quỹ đất xây dựng khu dân cư, phục vụ tăng trưởng kinh tế trong khu vực, đáp ứng nhu cầu nhà ở cho khu vực và từng bước chuyển hóa lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp và dịch vụ đô thị.

- Đáp ứng nhu cầu nhà ở mới, tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng cho thị trấn từ việc khai thác hợp lý quỹ đất đô thị, sớm hiện thực hóa, cụ thể hóa quy hoạch mở rộng thị trấn Ké Sặt.

Loại hình đầu tư của dự án là đầu tư hạ tầng khu dân cư có tổng diện tích 442.479,7 m² (44,24 ha). Quy mô dân số khoảng 5.576 người.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Dự án “Đầu tư xây dựng khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang” tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (nay là xã Đường An, Thành phố Hải Phòng) xây dựng hạ tầng dân cư phục vụ sinh hoạt cho quy mô dân số khoảng 5.576 người, trong khu vực không có hoạt động sản xuất, do đó báo cáo không trình bày về công nghệ sản xuất.

Quá trình vận hành dự án, chủ dự án sẽ thực hiện quy trình vận hành về thu gom tiêu thoát nước mưa; thu gom - xử lý nước thải; thu gom – lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại; thu gom – lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt. Quy trình vận hành các công trình hạ tầng trên được trình bày tại Chương 3 của Báo cáo.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Sản phẩm của dự án là mặt bằng khu dân cư đã được đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật như hệ thống đường giao thông, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, hệ thống cấp điện chiếu sáng, hệ thống xử lý nước thải tập trung, ...

Một số hình ảnh các hạng mục công trình của dự án:



Hình 2. Một số hình ảnh của dự án

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

Dự án đầu tư hạ tầng khu dân cư mới, do đó không có sử dụng các nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm, các nguyên liệu hóa chất sử dụng cho hoạt động xử lý nước thải là chủ yếu. Thông tin chi tiết được trình bày cụ thể trong các mục dưới đây.

4.1. Nhu cầu sử dụng nước của dự án

Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ tuyến ống cấp nước hiện có nằm dọc theo tỉnh lộ 392 có đường kính $\Phi 250$ mm. Từ nguồn cấp này, nước được dẫn vào mạng lưới cấp nước nội bộ của khu dân cư thông qua tuyến ống chính. Mạng lưới cấp nước trong khu được thiết kế theo nguyên tắc mạng vòng kết hợp mạng nhánh, giúp đảm bảo việc cấp nước liên tục, ổn định và thuận tiện khi vận hành, sửa chữa mà không làm gián đoạn cấp nước cho toàn khu. Các tuyến ống nhánh có độ sâu chôn trung bình 0,5 m.

Mạng lưới cấp nước được thiết kế kết hợp cả cấp nước sinh hoạt và cấp nước chữa cháy, sử dụng ống nhựa HDPE với đường kính từ D63 đến D250. Các hố van, tế chờ được bố trí đầy đủ để kết nối với các công trình đơn vị. Tại từng lô đất, đồng hồ đo lưu lượng được lắp đặt phía ngoài để thuận tiện cho việc theo dõi và quản lý.

Nhu cầu sử dụng nước của dự án bao gồm: nước sinh hoạt, nước cho các công trình dịch vụ - công cộng, nước tưới cây, nước rửa đường, lượng nước dự phòng (bao gồm rò rỉ, thất thoát), nước cho trạm bơm, nước cho trạm xử lý nước thải. Tổng nhu cầu sử dụng nước cho toàn khu được tính toán là 1.769,16 m³/ngày đêm (đã bao gồm nước chữa cháy trong 3h liên tục là 162 m).

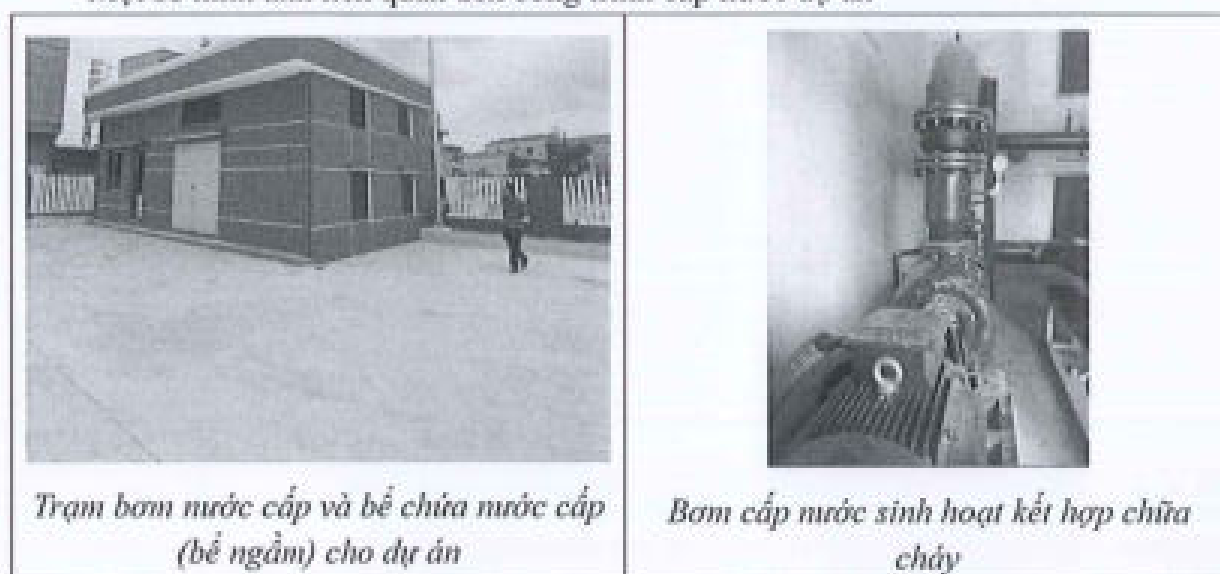
Bảng 3. Bảng kê các nhu cầu sử dụng nước của dự án

STT	Kí hiệu lô đất	Chức năng sử dụng đất	Q (m3)
I		Đất công trình công cộng	
1	CC-1	Công trình hành chính khu ở & Nhà văn hóa	23.65
2	TH-2	Trường tiểu học	4.57
3	NT	Nhà trẻ, mẫu giáo	21.95
4	SHCD	Khu sinh hoạt cộng đồng	3.74
5	YT	Trạm Y tế	1.99
6	CH	Chợ	8.02
7	CA	Trạm công an	1.17
8	VH	Công trình văn hóa	1.37
II		Đất ở	
1		<i>Đất xây dựng nhà ở biệt thự đơn lập</i>	39.00
2		<i>Đất xây dựng nhà ở biệt thự song lập</i>	49.80
3		<i>Đất xây dựng nhà ở liền kề</i>	299.40
4		<i>Đất xây dựng nhà ở biệt thự Phù</i>	19.80
5		<i>Đất xây dựng nhà ở xã hội thấp tầng</i>	37.28
6		<i>Đất xây dựng chung cư, nhà ở thu nhập thấp</i>	403.50
III		Đất hỗn hợp (Dịch vụ - Thương mại)	
	DVTM-1	Đất hỗn hợp (Dịch vụ - Thương mại)	113.94
	DVTM-2	Đất hỗn hợp (Dịch vụ - Thương mại)	0.68
IV		Đất công viên, cây xanh, mặt nước	
	TDTT	Thể dục thể thao	11.23
	CV	Công viên	20.42
	RL	Ruộng lúa giữ lại	
	CXKGM	Đất cây xanh Không gian mở	77.46
	MN	Mặt nước	
V		Đất nghĩa trang và cây xanh cách ly	
	NT	<i>Nghĩa trang</i>	
		<i>Cây xanh cách ly</i>	12.44

VI	HTKT	Đất đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật	
	HT1	Trạm cấp nước	1.03
	HT2	Trạm xử lý nước thải	3.19
VII		Đất đầu nối với các trục đường Tỉnh lộ	
	DN-1	Đầu nối với Tỉnh lộ 392	1.44
	DN-2	Đầu nối với Tỉnh lộ 394	0.23
VIII		Đất giao thông	
		Đường giao thông	58.79
		Đường dạo	1.46
		Tổng	
Tổng lưu lượng			1217.54
Nước dự phòng			121.75
Tổng lưu lượng nước			1339.30
Ngày dùng nước lớn nhất			1607.16
Nước chữa cháy(1 đám cháy trong 3h)			162
Tổng nhu cầu dùng nước			1769.16

Đơn vị cung cấp nước sạch cho dự án là Công ty cổ phần Đầu tư XDPT Việt Đức đã có văn bản số 08/CV-2024 ngày 06/06/2024 về việc chấp thuận điểm đầu nối cung cấp nước sạch cho Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Bất động sản Hudland.

Một số hình ảnh liên quan đến công trình cấp nước dự án



Hình 3. Một số hình ảnh công trình, thiết bị cấp nước cho dự án

Một số thiết bị chính của Trạm bơm cấp nước:

Bảng 4 Bảng kê các thiết bị chính của Trạm bơm cấp nước cho dự án

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
-----	----------	-------------------	--------	----------

1	Máy bơm sinh hoạt và PCCC	Loại bơm: Bơm điện Q264 m ³ /h; H=25m Xuất xứ: Đầu bơm – Ebara/Indonedia, động cơ Teco/Việt Nam	Bộ	2
2	Máy phát điện + ATS	Công suất: 100kVA Xuất xứ: Cummins-Trung Quốc	Hệ thống	1

4.2. Nhu cầu sử dụng điện của dự án

Nguồn điện cung cấp cho dự án được lấy từ cột 116 lộ 377 E8.15 hiện có dọc theo tỉnh lộ 392, thông qua hệ thống trạm biến áp 35(22)/0,4kV và tuyến cáp ngầm trung thế Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x70mm² – 22/35(40,5)kV được xây dựng mới trong khu vực dự án. Điện năng sau trạm biến áp được cấp đến các khu vực chức năng thông qua tuyến cáp ngầm hạ thế Cu//XLPE/PVC/DSTA/PVC 0,6/1kV. Việc bố trí đi ngầm không chỉ đảm bảo an toàn mà còn phù hợp với yêu cầu về mỹ quan đô thị.

Từ các trạm biến áp, hệ thống lộ hạ thế 0,4 kV cấp điện cho các nhu cầu: sinh hoạt hộ gia đình, công trình công cộng, khu dịch vụ thương mại, cây xanh – công viên, chiếu sáng đường phố, và các công trình hạ tầng khác. Mạng lưới điện được thiết kế đồng bộ, tối ưu hóa khả năng phân phối và vận hành an toàn.

Phụ tải điện sinh hoạt được xác định theo loại hình công trình và đặc điểm cư trú. Khu nhà ở thấp tầng, biệt thự, liền kề và chung cư được phân loại theo tiêu chuẩn cấp điện hộ dân tương ứng.

Bảng 5. Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt

Stt	Loại nhà ở	Chỉ tiêu cấp điện (kW/hộ)
1	Nhà ở biệt thự	5,0
2	Nhà ở liền kề, thấp tầng	3,0
3	Nhà ở xã hội cao tầng	3,0

Các công trình công cộng như trường học, chợ, trung tâm thương mại, cơ sở y tế, nhà văn hóa,... được tính toán theo diện tích sàn, số lượng người sử dụng.

Tổng công suất điện toàn khu được tính toán là 10.150 kVA.

Dự án bố trí 10 trạm biến áp 35(22)/0,4kV với công suất từ 250 kVA đến 2x1250 kVA, tổng công suất lắp đặt đạt 10.150 kVA, đảm bảo dự phòng và cấp điện ổn định cho toàn bộ khu vực. Trạm biến áp được bố trí tại các khu vực công cộng như vườn hoa, cây

xanh, đảm bảo tiếp cận thuận lợi, không ảnh hưởng đến công trình kiến trúc và cư dân xung quanh.

Bảng 6. Tổng hợp trạm biến áp và cáp trung thế

Stt	Thiết bị	Đơn vị	Khối lượng
1	Trạm biến áp 2x1250 kVA	Trạm	1
1	Trạm biến áp 2x1000 kVA	Trạm	2
2	Trạm biến áp 750 kVA	Trạm	2
3	Trạm biến áp 630 kVA	Trạm	2
4	Trạm biến áp 320 kVA	Trạm	2
5	Trạm biến áp 250 kVA	Trạm	1
6	Cáp trung thế 35kV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W- 3x70mm ²	m	3.117

Chiếu sáng công cộng được thiết kế cho toàn bộ hệ thống giao thông, vỉa hè, công viên, quảng trường và các khu vực sinh hoạt ngoài trời. Hệ thống sử dụng đèn LED công suất 4x20W, 30-50W, 100W và 150W lắp trên cột cao từ 3,2 m đến 8 m. Khoảng cách giữa các cột đèn trung bình 25–30 m, bố trí đối xứng tùy theo mặt cắt ngang đường.

Cáp chiếu sáng đi ngầm bằng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC với các tiết diện từ 4x4mm² đến 4x25 mm². Hệ thống đèn được điều khiển bằng tủ chiếu sáng thông minh, theo thời gian (giữa mùa hè và mùa đông), kết hợp điều khiển bằng aptomat.

Hệ thống thông tin liên lạc được thiết kế đồng bộ, ngầm hóa toàn bộ bằng ống luồn cáp uPVC D110. Mạng cáp chia làm 3 cấp:

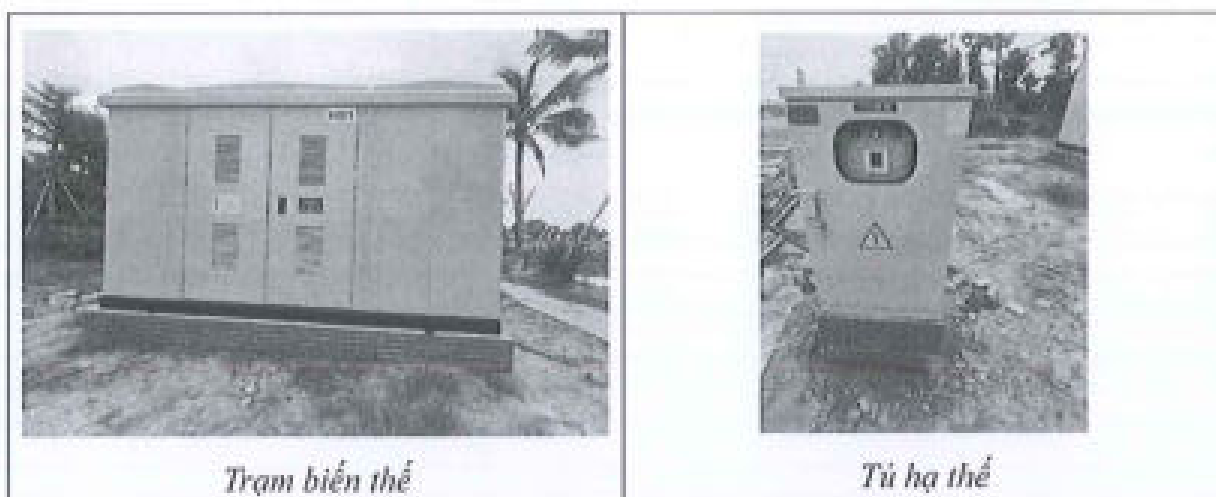
Cấp 1: Từ mạng lưới cáp tỉnh đến tổng đài vệ tinh.

Cấp 2: Từ tổng đài đến các tủ cáp viễn thông.

Cấp 3: Từ tủ cáp đến các công trình sử dụng.

Chủ dự án là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hudland đã ký Thỏa thuận đấu nối điện với Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương tại Văn bản số 07/2021/PCHD-HUDLAND ngày 02/12/2021, đồng thời ký Biên bản thỏa thuận số 50/BTT-PCHP-HUDLAND với Công ty Điện lực Hải Phòng (PCHP) về việc đấu nối công trình điện. Công trình đấu nối gồm: đường cáp ngầm 35kV và các trạm biến áp (TBA) cấp điện cho Dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, thành phố Hải Phòng).

Một số hình ảnh liên quan đến công trình cấp điện của dự án



Hình 4. Một số hình ảnh công trình, thiết bị cấp điện cho dự án

4.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất

Hóa chất chủ yếu được sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải.

Bảng 7. Hóa chất sử dụng của dự án

Stt	Tên hóa chất	Đặc tính (rắn, lỏng, ...)	Đơn vị	Lượng sử dụng
1	NaClO, 12 %	Dung dịch	Tấn/năm	27
2	Than hoạt tính	Rắn	Tấn/năm	0.3

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có)

5.1. Quy mô sử dụng đất và hạng mục công trình dự án

Các hạng mục công trình đầu tư của dự án:

Bảng 8. Thống kê các hạng mục đầu tư chính của dự án

Stt	Các hạng mục đầu tư chính của dự án	Tình trạng
1	Hệ thống đường giao thông.	Đã xây dựng
2	Hệ thống thoát nước mưa, nước thải.	Đã xây dựng
3	Hệ thống cây xanh.	Đã xây dựng
4	Hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng.	Đã xây dựng
5	Hệ thống thông tin liên lạc.	Đã xây dựng

6	Hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy.	Đã xây dựng
7	Trạm xử lý nước thải tập trung.	Đã xây dựng

Bảng 9 Cơ cấu sử dụng đất của dự án

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công trình công cộng	26.576	6,0
2	Đất ở	156.555	35,4
	Đất xây dựng nhà ở biệt thự đơn lập	21.512,0	
	Đất xây dựng nhà ở biệt thự song lập	17.961,0	
	Đất xây dựng nhà ở liền kề	53.796,5	
	Đất xây dựng nhà ở biệt thự Phú	31.519,0	
	Đất nhà ở xã hội (chung cư, nhà ở thu nhập thấp)	31.766,3	
3	Đất hỗn hợp (Dịch vụ - thương mại)	8.710	2,0
4	Đất công viên, cây xanh, mặt nước	63.739	14,4
5	Đất nghĩa trang và cây xanh cách ly	5.996	1,4
6	Đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật	4.998	1,1
7	Đất đấu nối với các trục đường Tỉnh lộ	4.171	0,9
8	Đất giao thông	171.734	38,8
	Đường giao thông	146.979	
	Bãi đỗ xe	21.109	
	Đường dạo	3.645,6	
	Tổng	442.479,7	100

(Theo Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500)

Các công trình xây dựng có quy mô nêu trên được bố trí khu đất có tổng diện tích 424.479,7 m² (đã được bố trí như trong bản vẽ quy hoạch tổng thể) đảm bảo công năng sử dụng; đảm bảo sự liên hệ giữa các công trình; đạt được yêu cầu thuận tiện cho công tác xây dựng nhà ở khu dân cư và hài hòa về mỹ quan.

Cây xanh được bố trí một cách khoa học, hài hoà, phù hợp gắn kết các công trình kiến trúc với nhau vừa tạo bóng mát, thẩm mỹ và góp phần điều hoà môi trường.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với quy mô của dự án và đảm bảo tính liên hoàn với các công trình khác trên khu đất.

Chương II.

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương” được triển khai trong bối cảnh thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương, đáp ứng nhu cầu về đất ở và cơ sở hạ tầng cho người dân trong khu vực.

Dự án phù hợp với mục tiêu tổng thể trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024. Dự án không nằm trong khu vực cấm hoặc hạn chế phát triển do các yếu tố nhạy cảm về môi trường như: vùng bảo tồn thiên nhiên, khu vực có hệ sinh thái nhạy cảm, v.v...

Dự án không nằm trong các khu vực có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt về môi trường, vùng phòng hộ đặc biệt hoặc khu vực ưu tiên phục hồi môi trường. Khu vực thực hiện dự án thuộc vùng phát triển đô thị, đất nông thôn chuyển đổi mục đích theo kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc phát triển khu dân cư mới phù hợp với định hướng phân vùng môi trường nhằm kiểm soát phát thải và bảo vệ các khu vực nhạy cảm lân cận, như hệ thống sông suối, ao hồ, đất canh tác nông nghiệp.

Dự án được triển khai trên địa bàn thôn Phú xã Thái Học và Nhuận Đồng, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của khu vực nói riêng và các quyết định quy hoạch của tỉnh Hải Dương nói chung. Cụ thể như sau:

- Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang đến năm 2020.
- Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
- Quyết định 321/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 2830/QĐ-UBND phê duyệt chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 3962/QĐ - UBND ngày 19/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030.

- Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 15/11/2011 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt quy hoạch vùng tỉnh Hải Dương đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.
- Nghị quyết số 31/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Hải Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Theo quy định tại khoản 3, điều 8 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 2, điều 4 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì thẩm quyền thực hiện đánh giá môi trường nước mặt, trầm tích, đánh giá khả năng chịu tải, hạn ngạch xả nước thải đối với nguồn nước mặt nội tỉnh thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh.

Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có quyết định của UBND tỉnh về ban hành khả năng chịu tải của nguồn nước mặt nội tỉnh; nên chưa có cơ sở để xác định khả năng chịu tải của dự án.

Nước thải của dự án là nước thải sinh hoạt (lưu lượng lớn nhất là 1.580 m³/ngày. đêm) đảm bảo xử lý nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A), Nước thải đã qua xử lý ra hệ thống ao hồ hiện hữu trong khu vực dự án sau đó chảy ra kênh Hà Phủ.

Hoạt động của cơ sở không làm phát sinh nước thải công nghiệp.

Như vậy hoạt động của cơ sở không tác động lớn đến môi trường.

Chương III.
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Các công trình và thiết bị xử lý chất thải của Dự án được mô tả và được trình bày chi tiết trong các mục dưới đây.

Bảng 10 Các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án

Stt	Tên công trình	Số lượng/công suất thiết kế
I	Công trình thu gom, xử lý nước thải	
1	Hệ thống thoát nước mưa	+ Cống BTCT: D300 – D1200 ; chiều dài khoảng 7307.93m. + Cống hộp B*H: 400*400 – 2000*1500; chiều dài khoảng 3363.52m. + Trạm bơm tuần hoàn: Q=5000 m ³ /ngày.đêm.
2	Hệ thống thoát nước thải	+ Cống BTCT B400; chiều dài khoảng 4516 m. + Cống BTCT D400; chiều dài khoảng 2870 m. + Hố ga thu nước cống thoát nước thải khoảng: 236 cái
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	+ Số lượng: 01 hệ thống. + Công suất: 1.580 m ³ /ngày.đêm
II	Các công trình xử lý bụi, khí thải	
I	Hệ thống xử lý mùi, khí thải trạm xử lý nước thải	+ Công suất hút: 6.500 m ³ /h + Đường kính: D1000 + Chiều cao: 2400 – 3616 m + Vật liệu: SUS304
III	Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn, CTNH	
1	Thùng chứa rác khu vực công cộng	+ Số lượng: 06 cái + Dung tích: 120 – 240 lít

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa của dự án được thiết kế và xây dựng theo đúng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt. Toàn bộ khu vực dự án được thiết kế hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, tách biệt giữa nước mưa và nước thải sinh hoạt nhằm đảm bảo hiệu quả vận hành, tránh quá tải hệ thống xử lý nước thải, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường nguồn tiếp nhận.

Hệ thống thoát nước mưa được chia thành ba lưu vực:

- Lưu vực 1 và Lưu vực 2 thoát nước theo hướng Nam, nước mưa sau khi thu gom được dẫn qua các ao hồ điều hòa của dự án rồi xả vào kênh Hà Phú thông qua tuyến cống hợp BTCT kích thước $2 \times (2000 \times 2000)$ mm.
 - o Tọa độ điểm xả: $X = 2308639.9427$; $Y = 571457.6201$
- Lưu vực 3 thoát nước theo hướng Bắc, nước mưa được gom lại và thoát ra tuyến mương hiện hữu, sau đó đổ vào kênh Sắt Phú qua cửa xả D800.
 - o Tọa độ điểm xả: $X = 2309223.8774$; $Y = 571864.7628$

Nguồn tiếp nhận nước mưa là hệ thống kênh Hà – Phú và Sắt – Phú, là kênh cấp nước tưới và tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc thoát tự chảy, đảm bảo phù hợp với địa hình khu vực và các quy chuẩn hiện hành. Mạng lưới được bố trí dạng cành cây, trong đó các tuyến cống nhánh thu gom nước mặt dẫn về các tuyến cống chính, theo đường tự thủy, sau đó thoát ra các cửa xả vào nguồn tiếp nhận.

Các tuyến cống được bố trí đồng bộ với các công trình ngầm khác như hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc, và có bố trí đầy đủ giếng thăm, giếng thu, giếng nút, giếng ngoặt để thuận tiện cho việc duy tu, kiểm tra và bảo trì định kỳ.

Hệ thống được thiết kế đảm bảo thoát an toàn toàn bộ lượng mưa tiêu chuẩn thiết kế, với độ dốc đặt ống từ $i = 0,12\%$ đến $0,19\%$.

Hệ thống thoát nước mưa bao gồm các tuyến cống BTCT ly tâm, cống hợp BTCT, cửa xả và hố ga thu gom nước mưa. Các hố ga được chia làm ba loại chính: hố ga thăm (GT), hố ga thu thăm kết hợp (TT) và hố ga thu trực tiếp (TM).

Nước mưa từ các tuyến đường được thu gom qua ga thu nước ở mép đường, sau đó dẫn qua ống D300 về các tuyến cống chính. Từ đó nước được dẫn tới hệ thống hồ, kênh trong khu vực và cuối cùng xả vào hệ thống thủy lợi bên ngoài.

Bảng 11. Tổng hợp khối lượng của hệ thống thoát nước mưa

STT	Tên vật liệu	Loại	Đơn vị	Số lượng
-----	--------------	------	--------	----------

1	Cổng BTCT ly tâm	D300	m	1589,3
2	Cổng BTCT ly tâm	D600	m	4936,7
3	Cổng BTCT ly tâm	D800	m	644,7
4	Cổng BTCT ly tâm	D1000	m	251,5
5	Cổng BTCT ly tâm	D1200	m	73
6	Cổng BTCT ly tâm	D1500	m	34
7	Cổng hộp BTCT	BxH=400x400	m	149
8	Cổng hộp BTCT	BxH=400x600	m	1485,9
9	Cổng hộp BTCT	BxH=600x400	m	695,4
10	Cổng hộp BTCT	BxH=600x600	m	272,6
11	Cổng hộp BTCT	BxH=600x1000	m	231
12	Cổng hộp BTCT	BxH=1000x800	m	106
13	Cổng hộp BTCT	BxH=1200x600	m	149,9
14	Cổng hộp BTCT	BxH=1200x800	m	171,4
15	Cổng hộp BTCT	BxH=2x(2000X2000)	m	20,4
16	Cổng hộp BTCT	BxH=2000x1500	m	102,4
17	Hố ga		cái	903
18	Cửa xả		cái	15
19	Trạm bơm tuần hoàn	Q=5000m ³ /ng.đ	Trạm	1

Để đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, chủ đầu tư xây dựng quy trình kiểm tra, bảo trì định kỳ hàng tháng toàn bộ tuyến cống, giếng thu, cửa xả. Bất kỳ hư hỏng hoặc tắc nghẽn nào được phát hiện sẽ được sửa chữa hoặc thay thế kịp thời.

Ngoài ra, các hoạt động vệ sinh môi trường, thu gom rác thải đường phố, quét dọn lòng lề đường, tuyên truyền không xả rác xuống hố ga cũng được thực hiện thường xuyên, nhằm giảm tải ô nhiễm nguồn nước mưa chảy tràn, góp phần giảm thiểu tác động đến nguồn tiếp nhận.

Dự án sẽ thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý liên quan đến hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi, trong đó có văn bản số 1272/Cty-KT ngày 30/11/2021 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương về việc thống nhất phương án thi công hệ thống thoát nước Khu dân cư mới thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang vào công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Một số hình ảnh liên quan đến công trình thoát nước mưa của dự án



Hình 5. Hình ảnh miệng thu nước mưa của dự án

Bảng 12 Bảng kê các thiết bị chính của Trạm bơm tuần hoàn

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Máy bơm tuần hoàn	Loại bơm: Bơm chìm Q=209 m ³ /h Cột áp H= 10 m Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thoát nước thải của khu dân cư được thiết kế theo nguyên tắc thoát nước riêng hoàn toàn, tách biệt với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải từ các khu nhà ở, công trình công cộng và dịch vụ được thu gom riêng, xử lý đạt tiêu chuẩn và sau đó mới thải ra nguồn tiếp nhận.

Toàn khu được chia làm 3 lưu vực chính để thu gom nước thải. Các tuyến cống thu gom được bố trí dọc theo các trục đường giao thông nội khu, thu nước thải từ hai bên công

trình và dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.580 m³/ngày đêm (bao gồm 180 m³/ngày đêm từ khu dân cư lân cận).

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại từng hộ gia đình trước tiên được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Sau đó, nước thải tiếp tục được thu gom vào hệ thống cống ngầm BTCT đúc sẵn B400, D400mm đi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Trên mạng lưới thu gom, các hố ga thăm kỹ thuật được bố trí theo quy chuẩn TCVN 7957:2023, với khoảng cách trung bình từ 20–30m/ga, nhằm phục vụ cho việc đấu nối hệ thống trong các ô đất, vận hành và bảo trì trong suốt vòng đời dự án.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 1.580 m³/ngày đêm, trong đó:

- Nước thải khu đô thị: 918,05 m³/ng.đ
- Nước thải công trình công cộng – dịch vụ: 407,84 m³/ng.đ
- Nước thải của bản thân trạm XLNT: 73 m³/ng.đ
- Nước thải khu dân cư bên cạnh: 180 m³/ng.đ

Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – cột A, giá trị C_{max} với hệ số K = 1,0, được xả ra ao hồ hiện hữu trong dự án, sau đó chảy ra kênh Hà Phú, là nguồn tiếp nhận cuối cùng.

Hệ thống thoát nước thải bên trong từng ô đất sẽ được thiết kế chi tiết trong giai đoạn triển khai công trình kiến trúc, tùy thuộc vào tính chất, quy mô và bố trí mặt bằng cụ thể. Các công trình dịch vụ – thương mại nếu có phát sinh nước thải đặc thù (mỡ, dầu, chất tẩy rửa...), bắt buộc phải xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom chung.

Tại vị trí đấu nối vào hệ thống, các ga thăm kỹ thuật bằng BTCT hoặc ga gom uPVC được bố trí với nắp ga bằng thép bên trên có lát vật liệu hoàn thiện hoặc composite đặt dưới vỉa hè, đảm bảo thuận tiện trong vận hành, bảo dưỡng và giữ được tính thẩm mỹ cho đô thị.

Bảng 13 Thống kê vật liệu thoát nước thải

TT	Tên vật liệu	Loại	Đơn vị	Số lượng
1	Cống hộp BxH=400x400	B400	m	4561
2	Cống tròn BTCT D400	D400	m	2870
3	Hố ga thu nước cống thoát nước thải		cái	236

4	Cửa xả		Cái	1
5	Trạm xử lý nước thải công suất 1.580m ³ /ng.đ		cái	01

❖ Điểm xả nước thải sau xử lý:

- Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT mức A chảy vào ao, hồ hiện hữu khu vực dự án và sau đó chảy ra kênh Hà Phú.
- Tọa độ điểm xả: X = 2308973.4766; Y= 571488.1939

1.3. Xử lý nước thải

Nước thải của khu dân cư mới chủ yếu phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của người dân, các công trình thương mại – dịch vụ, trường học và công cộng trong khu đô thị. Các nguồn phát sinh bao gồm: tắm giặt, vệ sinh cá nhân, nấu nướng, rửa dọn, vệ sinh nhà cửa... Đây là loại nước thải sinh hoạt điển hình, có đặc điểm ô nhiễm chủ yếu là hữu cơ phân hủy sinh học cao, chất rắn lơ lửng, các chất dinh dưỡng (Nitơ, Photpho) và vi sinh vật gây bệnh.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt tại từng hộ dân cư được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi thoát ra hệ thống thu gom bằng các tuyến cống BTCT, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung đặt trong khuôn viên dự án.

Hệ thống thoát nước thải được thiết kế theo nguyên tắc thoát riêng hoàn toàn với nước mưa, nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý, tránh quá tải và ổn định vận hành.

Nước thải sinh hoạt của khu đô thị có các thành phần ô nhiễm đặc trưng như sau:

- Chất hữu cơ (BOD₅, COD): Dễ phân hủy sinh học, gây suy giảm oxy hòa tan trong nước, ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái thủy sinh, là nguyên nhân chính gây ra hiện tượng phú dưỡng nếu không được xử lý đúng cách.
- Chất rắn lơ lửng (TSS): Làm giảm tính truyền quang của nước, cản trở đời sống các loài thủy thực vật đáy.
- Các chất dinh dưỡng (Nitơ, Photpho): Là yếu tố gây phú dưỡng mạnh tại thủy vực tiếp nhận, dẫn đến hiện tượng “nở hoa” tảo, suy thoái chất lượng nước, mùi hôi và suy giảm đa dạng sinh học.
- Vi khuẩn gây bệnh: Nước thải sinh hoạt luôn chứa Coliforms và các vi sinh vật gây bệnh như tả, thương hàn, kiết lỵ..., có thể phát tán rộng nếu không được xử lý đạt chuẩn.

Bảng 14. Hàm lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thông số thiết kế	QCVN 14:2008/ BTNMT cột A
1.	pH	-	5-9	5-9
2.	BOD ₅	mg/L	150-250	30
3.	TSS	mg/L	100-300	50
4.	TDS	mg/L	100-500	50
5.	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	10-50	5
6.	PO ₄ ³⁻ _P	mg/L	4-12	6
7.	NO ₃ ⁻ _N	mg/l	5-60	30
8.	S ²⁻	mg/L	1-4	1
9.	Tổng các chất HDBM	mg/l	4-15	5
10.	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	7-35	10
11.	Tổng Coliforms	MPN/ 100mL	10 ⁵ -3.10 ⁷	3.000

Các thông số thiết kế trên được xác định trên cơ sở tham khảo dữ liệu thực tế từ các khu đô thị có quy mô và tính chất tương đồng như Khu du lịch Grand Phú Quốc (7.700 m³/ng.đ), Khu đô thị Ecopark Văn Giang (14.200 m³/ng.đ),... Tư vấn đã tính toán theo giá trị ô nhiễm đầu vào lớn nhất nhằm đảm bảo an toàn kỹ thuật, duy trì hiệu quả xử lý ổn định trong mọi điều kiện vận hành.

Căn cứ vào quy mô, tính chất nước thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường, dự án lựa chọn công nghệ xử lý nước thải là ASBR – Advanced Sequencing Batch Reactor, tức bể phản ứng sinh học cải tiến theo mẻ, kế thừa từ công nghệ SBR truyền thống và đã được thẩm định, chấp thuận trong Báo cáo ĐTM.

Ưu điểm của công nghệ ASBR gồm:

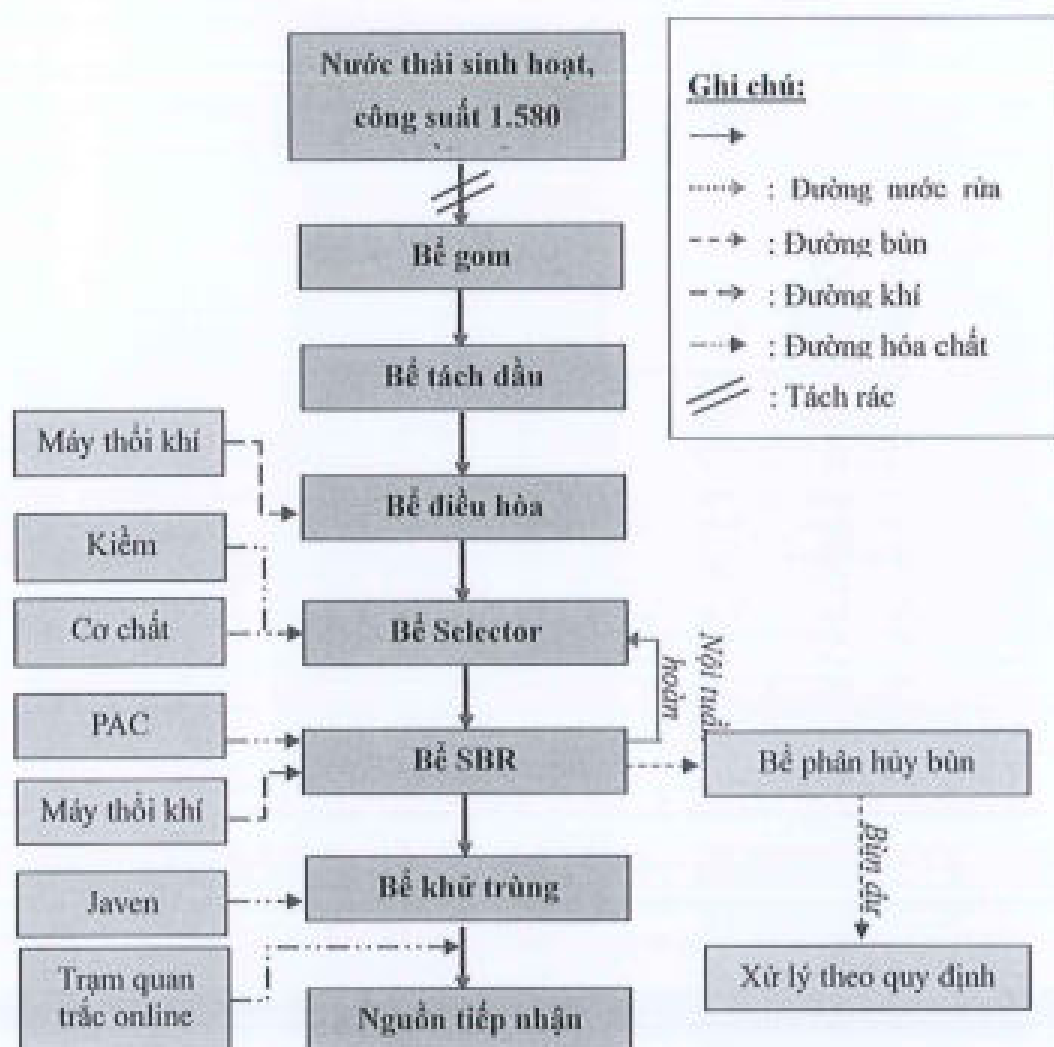
- Hoạt động theo chu trình mẻ hoàn toàn tự động, thích hợp với biến động lưu lượng và tải trọng nước đầu vào.
- Có khả năng tích hợp xử lý các chỉ tiêu BOD, Nitơ, Phốt pho, tách bùn và nước trong cùng một bể.

- Sử dụng bể selector (tiền phản ứng) nhằm tăng cường hiệu quả vi sinh xử lý, giảm sinh bùn, hạn chế mùi, tăng hiệu quả lắng của bùn.
- Tiết kiệm năng lượng do máy thổi khí hoạt động gián đoạn, ít thiết bị hơn, vận hành linh hoạt.

Bùn sinh ra trong quá trình xử lý là bùn vi sinh ổn định, không mùi, không gây nguy hại. Bùn được thu gom, nén và định kỳ bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý môi trường theo quy định.

❖ **Sơ đồ dây chuyền công nghệ:**

Sơ đồ dây chuyền công nghệ được thể hiện như sau:



Hình 6 Sơ đồ dây chuyền công nghệ trạm xử lý nước thải

➤ **Mô tả Công nghệ xử lý nước thải:**

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ được dẫn tập trung vào bể thu gom. Tại bể thu gom lắp đặt song chắn rác, nhằm tách bỏ rác tránh tắc nghẽn đường ống, thiết bị. Từ bể gom

thu gom nước thải được bơm dẫn về bể tách mỡ nhằm loại bỏ hoàn toàn mỡ thừa ra khỏi nước thải, sau đấy nước thải chảy vào bể điều hòa.

Mục đích chính của bể điều hòa là điều hòa nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải về mức ổn định, tránh tình trạng ở một thời điểm nào đó nước thải có độ đậm đặc hay độ pH quá cao - đạt mức đỉnh điểm làm ảnh hưởng tới quá trình xử lý phía sau cũng như gây sốc cho vi sinh hoặc làm chết phần lớn vi sinh, dẫn tới việc phải nuôi cấy lại, làm tăng chi phí và tiêu tốn thời gian của Chủ đầu tư.

Ngoài ra, bể điều hòa còn tạo ra lưu lượng dòng chảy ổn định cũng như các thành phần khác ở mức ổn định cho hệ thống sau đó được hoạt động ổn định.

Bể điều hòa được lắp đặt hệ thống phân phối khí đĩa thô để khuấy trộn dòng nước thải, hạn chế sự tích lũy cặn cặn xuống đáy bể và làm nổi các thành phần chất rắn chính của nước thải lên trên bề mặt của bể điều hòa, tạo sự đồng nhất của nước thải và ngăn chặn việc phát sinh ra mùi hôi thối. Sau khi ổn định, nước thải được bơm sang giai đoạn xử lý chính.

Xử lý bằng phương pháp sinh học theo công nghệ ASBR:

Nước thải từ bể điều hòa được bơm vào các bể ASBR thông qua đường ống dẫn nước. Việc điền nước vào các bể ASBR này hoàn toàn tự động thông qua các van điều khiển và chương trình điều khiển trung tâm. Các bể này là công đoạn chính trong quá trình xử lý chính để làm sạch các chất ô nhiễm có trong nước thải.

Công nghệ ASBR là công nghệ xử lý nước thải dạng mẻ tuần hoàn liên tục, theo đó các quá trình như oxy hóa cacbon, quá trình nitrat hóa, khử nitơ và khử Photpho bằng phương pháp sinh học được diễn ra đồng thời. Phương pháp này không cần thiết bị khuấy trộn, bể lắng thứ cấp. Quá trình xử lý sẽ diễn ra liên tục khi hệ thống được lắp đặt ít nhất là 2 bể hoạt động song song.

Trong suốt quá trình xử lý, bùn hoạt tính sẽ liên tục được sinh ra. Loại bùn này không có mùi và không gây nguy hại tới sức khỏe cho người vận hành và môi trường xung quanh khi được xử lý theo quy trình: Bùn được bơm về bể chứa & lưu bùn sau đó được bơm lên máy ép bùn để làm khô bùn trước khi đưa đi xử lý hợp vệ sinh.

Quá trình phản ứng ở bể ASBR gồm các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Nước thải đầu vào sẽ trộn lẫn với bùn hồi lưu có tỷ lệ F/M cao ở ngăn SELECTOR. Sự kết hợp bể SELECTOR với các bể phản ứng khác nhau tạo nên ưu việt khác biệt giữa công nghệ ASBR và các bể hoạt động theo công nghệ SBR. Đặc điểm này giúp loại bỏ dây chuyền FILL và FILL-ANOXIC-MIX mà thay vào đó là dây chuyền FILL-AERATE và do đó vận hành hệ thống đơn giản hơn.

Hệ thống này đảm bảo quá trình xử lý sinh học sẽ tạo ra các hạt bùn hoạt tính, và làm tăng độ an toàn trong quá trình vận hành, giảm thiểu sự tập trung dòng thải. Bể Selector hỗ trợ quá trình phát triển các vi sinh vật khử photpho, do đó photpho được khử theo phương pháp sinh học mà không cần thêm hoá chất.

Giai đoạn 2: Quá trình phản ứng diễn ra trong bể ASBR gần tương tự như quá trình SBR & Aeroten truyền thống. Đây là phương pháp xử lý nước thải mà qua đó các quá trình như oxy hóa cacbon, quá trình nitrat hóa, khử nitơ và khử Photpho bằng phương pháp sinh học được diễn ra đồng thời.

Nguyên tắc hoạt động của SBR bao gồm chuỗi chu trình xử lý liên tiếp với các chu kỳ sau:

- **Fill (Làm đầy):** Nước thải được bơm vào bể SBR, trong bể phản ứng hoạt động theo mẻ nối tiếp nhau, tùy theo mục tiêu xử lý, hàm lượng BOD đầu vào, quá trình làm đầy có thể thay đổi linh hoạt: làm đầy – tĩnh, làm đầy – hòa trộn, tạo điều kiện cho hệ vi sinh vật phát triển và hoạt động mạnh mẽ.
- **React (Pha phản ứng, thổi khí):** Tạo phản ứng sinh hóa giữa nước thải và bùn hoạt tính bằng sục khí để cấp oxy vào nước và khuấy trộn đều hỗn hợp. Thời gian của pha này tùy thuộc vào chất lượng nước thải. Trong pha này diễn ra quá trình nitrat hóa, nitrit hóa và oxy hóa các chất hữu cơ. Loại bỏ COD/BOD trong nước và xử lý các hợp chất Nitơ. Trong giai đoạn này cần kiểm soát các thông số đầu vào như: DO, BOD, COD, N, P, cường độ sục khí, nhiệt độ, pH... để có thể tạo bông bùn hoạt tính hiệu quả cho quá trình lắng sau này.
- **Settle (Lắng):** trong pha này ngăn không cho nước thải vào bể SBR, không thực hiện thổi khí và khuấy trong pha này nhằm mục đích lắng trong nước trong môi trường tĩnh hoàn toàn. Đây cũng là thời gian diễn ra quá trình khử nitơ trong bể với hiệu suất cao.

Kết quả của quá trình này là tạo ra 2 lớp trong bể, lớp nước tách pha ở trên và phần cặn lắng chính là lớp bùn ở dưới.

- **Draw (Rút nước):** Nước đã lắng sẽ được hệ thống thu nước tháo ra không bao gồm cặn lắng nhờ thiết bị Decantor.
- **Idle (Ngưng):** Chờ đợi để nạp mẻ mới, thời gian chờ đợi phụ thuộc vào thời gian vận hành 4 pha trên và vào số lượng bể, thứ tự nạp nước nguồn vào bể. Có thể bỏ qua khâu vận hành này.
- **Xả bùn dư:** Xả bùn dư là được thực hiện trong giai đoạn lắng nếu như lượng bùn trong bể quá cao, hoặc diễn ra cùng lúc với quá trình rút nước. Giai đoạn này rất quan trọng trong việc giúp cho bể hoạt động liên tục, phần dư lắng dưới đáy bể sẽ được các bơm bùn bơm sang bể nén bùn, đồng thời chuẩn bị bắt đầu cho mẻ xử lý kế tiếp; việc xả bùn thường được thực hiện trong giai đoạn lắng hoặc tháo nước trong.

Giai đoạn xả bùn hoàn tất, nước thải tiếp tục được nạp vào bể SBR để bắt đầu một chu kỳ mới.

Cơ chế hoạt động cụ thể của bể SBR diễn ra như sau:

Quá trình xử lý sẽ diễn ra liên tục do có 02 bể hoạt động song song và lệch pha nhau. Tổng thời gian phản ứng của 1 chu kỳ là 6 giờ. Trong đó 02 giờ là pha điền nước Fill up, 02 giờ pha sục khí 1 giờ lắng và 1 giờ xả nước (*Theo Metcalf & Eddy - Wastewater engineering- Treatment and Reuse (4th Edition) – Trang 781*).

Mỗi một bể SBR sẽ có 04 chu kỳ và tổng 02 bể SBR. Mỗi bể SBR có thời gian bơm nước là 24 giờ cho 04 chu kỳ vận hành luân phiên và tổng thời gian bơm nước vào là liên tục 24h/24h cho tổng 02 bể SBR. Như vậy đầu vào là liên tục 24h/24h luôn đảm bảo đáp ứng được lượng nước thải đầu vào liên tục.

Tùy lưu lượng nước đầu vào có thể nhiều hay ít mà thời gian bơm nước được rút ngắn. Cơ chế hoạt động bơm nước hoàn toàn là tự động.

Còn pha rút nước của bể SBR hoạt động gián đoạn. Một chu kỳ hoạt động của bể SBR có thời gian rút nước là 1 giờ. Một bể SBR trong một ngày vận hành 04 chu kỳ và tổng 02 bể SBR vận hành là 08 chu kỳ. Tổng thời gian rút nước của cả 02 bể là 4 giờ.

Công suất của Decantor rút nước sẽ gấp 2 lần công suất bơm đầu vào. Decantor này hoạt động dạng phao nổi trên mặt nước và vận hành hoàn toàn tự động nhờ vào van điều khiển lắp trên đường ống thoát của Decantor. Thời gian rút nước sẽ được lập trình trên PLC và vận hành hoàn toàn tự động, không cần đến sự can thiệp của người vận hành.

Cơ chế khử Nitơ trong nước thải theo công nghệ sinh học A.SBR trải qua các bước như sau:

Bước 1: NH_4^+ bị ô xy hóa thành NO_2^- do các vi khuẩn nitrit hóa theo phản ứng:

Vi khuẩn Nitrat hóa



Bước 2: Oxy hóa NO_2^- thành NO_3^- do các vi khuẩn nitrat hóa theo phản ứng:

Vi khuẩn Nitrat hóa



Tổng hợp quá trình chuyển hóa NH_4^+ thành NO_3^- như sau:



Khoảng 20-40% NH_4^+ bị đồng hóa thành vỏ tế bào. Phản ứng tổng hợp thành sinh khối được viết như sau:



$\text{C}_5\text{H}_7\text{O}_2\text{N}$: là công thức biểu diễn tế bào vi sinh vật được hình thành

Tổng hợp các quá trình trên bằng phản ứng sau:



Quá trình sinh học khử NO_3^- thành khí N_2 diễn ra trong môi trường thiếu khí (anoxic) dưới tác dụng của các vi sinh vật thiếu khí. Quá trình khử NO_3^- thành khí N_2 có thể mô tả bằng các phản ứng sau:

Vi khuẩn thiếu khí



Vi khuẩn thiếu khí



Vì khuẩn thiếu khí



Mô tả 1 số quá trình khác:

- Bơm nước thải, bơm bùn sinh học: Hoạt động theo chu kỳ cài đặt tự động, theo mức nước có trong bể được đo bởi thiết bị đo mức liên tục.
- Máy thổi khí cho bể điều hòa: cung cấp lượng khí dựa trên hệ thống tự động & luân phiên đảo thiết bị theo thời gian để đảm bảo tuổi thọ cho động cơ.
- Máy thổi khí cho bể A.SBR: cung cấp lượng khí dựa trên hệ thống tự động & luân phiên đảo thiết bị theo thời gian để đảm bảo tuổi thọ cho động cơ. Để tiết kiệm năng lượng tiêu hao cho hệ thống, Nhà thầu sử dụng biến tần để điều khiển tốc độ vòng quay của máy thổi khí thông qua đầu đo DO online để cấp oxy vào bể.
- Bổ sung độ kiềm: Thông thường quá trình vận hành trạm xử lý nước thải sinh hoạt không cần phải bổ sung lượng kiềm từ bên ngoài. Tuy nhiên trong một số trường hợp thì vẫn cần phải bổ sung lượng kiềm bên ngoài vào hệ thống do lượng kiềm trong nước thải bị mất đi. Trong thiết kế này tư vấn có tính đến trường hợp bổ sung lượng kiềm để đảm bảo rằng quá trình xử lý luôn đạt chất lượng cao nhất. Tùy thuộc vào lượng kiềm mất đi mà trong quá trình vận hành sẽ bổ sung một lượng kiềm tương ứng. Hàng ngày người vận hành sẽ đo pH trong bể SBR để kiểm soát độ kiềm. Khi pH thấp dưới mức cho phép ($\text{pH} < 6.5$) thì kiềm sẽ được bơm bổ sung vào để luôn duy trì pH ở ngưỡng từ 6.5-8. Lượng kiềm bổ sung sẽ tùy thuộc vào nồng độ NH_4^+ đầu vào thực tế như thế nào để chuyển hóa hoàn toàn sang NO_3^- . Sau khi giai đoạn vận hành thử nghiệm sẽ tính toán và đưa ra lượng kiềm chính xác nhất.
- Trong trường hợp nước thải đầu vào có nồng độ Phốt pho vượt ngưỡng cao mà vi sinh vật không có khả năng xử lý để đạt tiêu chuẩn theo QCVN, thì sẽ có một lượng PAC được cấp vào bể A.SBR để keo tụ lượng phốt pho này. Sau khi Phốt pho được keo tụ và lắng xuống đáy bể sẽ được bơm ra bể phân hủy bùn.
- Lượng Phốt pho được xử lý ở giai đoạn xử lý sinh học sẽ giảm được một phần theo tỉ lệ C:N:P = 100:5:1 tương ứng với lượng P được xử lý là 3.5mg/l. Với giả thiết Phốt pho đầu vào cao nhất là 12mg/l và đầu ra phải < 6mg/l. Như vậy lượng Phốt pho chưa

được xử lý vẫn còn là 8.5mg/l. Lúc này hóa chất PAC được cấp vào bể SBR để keo tụ để xử lý với hiệu suất keo tụ là 50% tương ứng với xử lý được 4mg/l. Như vậy đầu ra sau khi xử lý keo tụ P sẽ chỉ còn 4.5mg/l hoàn toàn đáp ứng được với QCVN 14:2008, cột A.

Khử trùng nước thải sau xử lý

Nước thải sau khi xử lý ở các bể A.SBR đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu và được hút ra bởi các thiết bị thu nước DECANTER, xả vào bể KHỬ TRÙNG và tiến hành khử trùng bằng hóa chất NaClO. Tại đây, nước thải được đi qua các vách ngăn tạo dòng chảy kiểu zig zắc và được bơm hóa chất khử trùng NaClO có nồng độ đủ để phản ứng với các vi khuẩn có hại bị tiêu diệt.

Nước sau khi khử trùng, đạt các tiêu chuẩn xả thải theo cột A QCVN 14:2008/BTNMT thì sẽ được bơm xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

Bảng 15 Thống kê các thiết bị chính của dự án

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
A	BỂ ĐẦU VÀO				
1	Coarse screen/ Giò tách rác thô	Filter pore size/ Kích thước lỗ lọc: 10mm Capacity /Công suất: 140m3/h Material/ Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Cái	1
2	Sumpit pump/ Bơm bể thu gom				
	Submersible Pump/ Bơm chìm	Model: CN150-MT Type: Submersible pump/ Loại: Bơm chìm Thông số hoạt động: - Lưu lượng: 132 m3/hr - Cột áp: 13m - Đường kính đầu ra:	Shimnaya – Japan	Bộ	2

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		DN150 Động cơ: - Loại: air-filled submersible induction motor - Công suất 7.5kw - Điện áp: 3pha/380V/50Hz - Tốc độ: 1500rpm - Cấp bảo vệ: IP68 - Cấp cách điện: F - Kiểu khởi động: trực tiếp - Dòng khởi động: 107A - Dòng định mức: 17.8A Material / Vật liệu Thân: gang đúc FC250 Cánh: gang FC250 Trục: thép không gỉ SUS402J2			
	Auto Coupling/ Khớp nối tự động	Model: P150 Material: Cast iron/ Vật liệu: Gang Note: 01 duty, 01 standby Ghi chú: 01 bộ hoạt động, 01 bộ dự phòng	Việt Nam	Bộ	2
3	Level switch/ Phao đo mức	Model: MS21 Type / Loại: Reed switch Operating temperature/ Nhiệt độ hoạt động: 0° ÷ 50°C Specific gravity of	Shimnaya – Japan	Bộ	1

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		liquid/ Tỷ trọng riêng của lưu chất : 0.95 ÷ 1.1 Liquid temperature/ Nhiệt độ lưu chất: -0°C ÷ 60°C Voltage/ Điện áp: AC/D30V Current / Dòng điện: 0.5A Cable length / chiều dài cáp: 6m Cable type/ Loại cáp: 0.2mm2 x 2cores x O.D 4.7mm Vật liệu: - Thân: nhựa ABS - Cáp: nhựa PVC mềm - Cục nặng: gang FC150 phủ nhựa PVC			
4	Slider/ Thanh trượt	Material/ Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Bộ	2
5	Đồng hồ đo lưu lượng dầu vào	Model: Promag W 400, 5W4C1F, DN150 6" Loại: đo lưu lượng điện từ Basic model: Promag 10L1F, DN150 6" Liner: Polyurethane Process connection: PN10, St37- 2, lap joint flange, stamped plate EN1092-1 (DIN2501) Electrodes: 1.4435/316L, bullet nose Calibration: 0.5% Approval: Non-hazardous area Housing: Compact Alu, IP67	Endress Hauser / Pháp	Bộ	1

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		NEMA4X			
B	EQUALIZATION TANK/ BỂ ĐIỀU HÒA				
1	Equalization Pump/Bơm bể điều hòa				
	Submersible Pump/ Bơm chìm	Model: CN651-MT Thông số hoạt động: - Lưu lượng: 33 m³/hr - Cột áp: 7m - Đường kính đầu ra: DN65 Động cơ: - Loại: air-filled submersible induction motor - Công suất 1.5kw - Điện áp: 3pha/380V/50Hz - Cấp bảo vệ: IP68 - Cấp cách điện: F - Kiểu khởi động: trực tiếp - Dòng khởi động: 25.4A - Dòng định mức: 3.7A Material / Vật liệu Thân: gang đúc FC250 Cánh: gang FC250 Trục: thép không gỉ SUS402J2 Auto Coupling/ Khớp nối tự động Material: Cast iron/ Vật liệu: Gang	Shimnaya – Japan	Bộ	3

Số	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		"Note: 01 duty, 01 standby/ Ghi chú: 01 bộ hoạt động, 01 bộ dự phòng"			
	Auto Coupling/ Khớp nối tự động	Model: P 65 Material: Cast iron/ Vật liệu: Gang	Việt Nam	Set	3
2	Level switch/ Phao đo mức	Type / Loại: Reed switch Operating temperature/ Nhiệt độ hoạt động: $0^{\circ} \div 50^{\circ}\text{C}$ Specific gravity of liquid/ Tỷ trọng riêng của lưu chất : $0.95 \div 1.1$ Liquid temperature/ Nhiệt độ lưu chất: $-0^{\circ}\text{C} \div 60^{\circ}\text{C}$ Voltage/ Điện áp: AC/D30V Current / Dòng điện: 0.5A Cable length / chiều dài cáp: 6m Cable type/ Loại cáp: 0.2mm ² x 2cores x O.D 4.7mm Vật liệu: - Thân: nhựa ABS - Cáp: nhựa PVC mềm Cục nặng: gang FC150 phủ nhựa PVC	Shimnaya – Japan	Set	1
3	Slider for submersible pump/ Thanh trượt bơm chìm	Material/ Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Set	3
4	Coarse air diffuser/ Đĩa khí thô	Model: CBD105 Type: Disc, Coarse bubble/ Kiểu: Đĩa, Bọt thô Min airflow/ Lưu lượng tối thiểu: 2m ³ /h	Jager / Germany	Set	80

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		Max airflow/ Lưu lượng tối đa: 25m³/h Design airflow/ Lưu lượng thiết kế: 10m³/h Diameter/ Đường kính: 105mm Thread joint/ Khớp ren : R 3/4" Vật liệu: Màng: Silicone Thân: Reinforce Polypropylene (PP-GF)			
5	Air Blower/ Máy thổi khí	Model: ARS50 Thông số hoạt động: - Lưu lượng: 1.67 m³/phút Áp lực: 45kPa - Thiết kế với tính năng cooling silencer giúp làm mát vòng bi và spur type rotor cho hiệu suất hoạt động cao Vật liệu: - Rotor: FCD450 - Rotor housing: FC200 - Timing gear: SCM415 Oil seal: NBR "Accessories included: Inlet and outlet silencer; Check valve; Safety valve; Common base; Pulley and V-belts; Belt cover; Flexible joint; Pressure gauge. Phụ kiện	Shimnaya – Japan	Set	2

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		đi kèm: Giảm âm đầu hút; đầu đẩy; Van 1 chiều; Van an toàn; Khung đế; Pully motor; Pully đầu thổi; V-Belt; Belt cover; Khớp nối mềm; đồng hồ đo áp suất;" Động cơ Motor: Enertech - Australia Công suất 2.2kW/3pha/380V/50Hz "Note: 01 duty, 01 standby Ghi chú: 01 bộ hoạt động, 01 bộ dự phòng"			
6	Motor Valve/ Van điều khiển motor	Model: D6250W+PRCA-S2-T-250 Van bướm điều khiển điện on/off + Điện áp: 240VAC, 24V AC/DC + Moment xoắn: 160Nm + Bảo vệ: IP66/67- Thân + Thân gang (GGG 40) + Đĩa inox + Trục: inox + Áp lực làm việc: Pn16 + Nhiệt độ làm việc: -10...120°C + Kết nối bích tiêu chuẩn ISO 7005-2 and EN 1092-2	Belimo / Thụy Sĩ	Set	2
C	SELECTOR TANK/ BỂ SELECTOR				

Số	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
1	Coarse air diffuser/ Đĩa khí thô	Model: CBD105 Type: Disc, Coarse bubble/ Kiểu: Đĩa, Bọt thô Min airflow/ Lưu lượng tối thiểu: 2m³/h Max airflow/ Lưu lượng tối đa: 25m³/h Design airflow/ Lưu lượng thiết kế: 10m³/h Diameter/ Đường kính: 105mm Thread joint/ Khớp ren : R 3/4" Vật liệu: - Màng: Silicone - Thân: Reinforce Polypropylene (PP-GF)	Jager / Germany	Set	66
D	SBR TANK/ BỂ ASBR				
1	Fine air diffuser/ Đĩa khí tinh	Model: HD270 Type: Disc, Fine bubble/ Kiểu: Đĩa, Bọt tinh Airflow rate / Lưu lượng: 2 - 6m³/hr Diameter/ Đường kính: 268mm Active diameter / Đường kính hoạt động: 218mm Perforated area/ Diện tích sục khí: 0.037m² Thread joint/ Khớp ren : R 3/4" Vật liệu: Màng: F053 EPDM, black Thân: Reinforce	Jager / Germany	Set	320

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		Polypropylene (PP-GF) Cung cấp bao gồm: bộ nối ống			
2	Recycle Pump / Bơm tuần hoàn				
	Submersible Pump/ Bơm chìm	Model: CN150- MT Thông số hoạt động: - Lưu lượng: Q = 165m³/h (chọn Q tuần hoàn = 2.5 Q đầu vào) - Cột áp: 7m Động cơ: - Loại: air-filled submersible - Công suất 15kw - Điện áp: 3pha/380V/50Hz - Cấp bảo vệ: IP68 - Cấp cách điện: F - Kiểu khởi động: trực tiếp, Material / Vật liệu - Thân: gang đúc FC250 - Cánh: gang FC250 - Trục: thép không gỉ SUS402J2 - Trục: thép không gỉ SUS402J2	Shimnaya - Japan	Set	2
	Auto Coupling/ Khớp nối tự động	Model: P150 Material: Cast iron/ Vật liệu: Gang	Việt Nam	Set	2
3	Slduge Pump / Bơm bùn				
	Submersible Pump/ Bơm chìm	Model: CN501-MT Type: Submersible pump/ Loại: Bơm chìm Thông số hoạt động: Lưu lượng: 15 m³/hr	Shimnaya - Japan	Set	2

S#	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		Cột áp: 7m Đường kính đầu ra: DN40 Động cơ: Loại: air-filled submersible induction motor Điện áp: 3pha /380V/50Hz cách điện: F Kiểu khởi động: trực tiếp Dòng khởi động: 4.1A Dòng định mức: 0.9A Material / Vật liệu Thân: gang đúc FC250 Cánh: gang FC250 Cấp bảo vệ: IP68 Trục: thép không gỉ SUS402J2			
	Auto Coupling/ Khớp nối tự động	Model: P 50 Material: Cast iron/ Vật liệu: Gang "Note: 01 duty, 01 standby Ghi chú: 01 bộ hoạt động, 01 bộ dự phòng"	Việt Nam	Set	2
4	Air Blower/ Máy thổi khí	Model: ARS125 Thông số hoạt động: Lưu lượng: 9.2 m3/phút Áp lực: 45kPa Thiết kế với tính năng cooling silencer giúp làm mát vòng bi và spur type rotor cho hiệu suất hoạt động cao	Shimnaya – Japan	Set	3

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		Vật liệu: - Rotor: FCD450 Rotor housing: FC200 Timing gear: SCM415 Oil seal: NBR "Accessories included: Inlet and outlet silencer; Check valve; Safety valve; Common base; Pulley and V-belts; Belt cover; Flexible joint; Pressure gauge. Phụ kiện đi kèm: Giảm âm đầu hút; đầu đẩy; Van 1 chiều; Van an toàn; Khung đế; Pully motor; Pully đầu thổi; V-Belt; Belt cover; Khớp nối mềm; đồng hồ đo áp suất;" Động cơ Motor: Enertech - Australia Công suất: 11kW/3pha/380V/50Hz "Note: 01 duty, 01 standby Ghi chú: 01 bộ hoạt động, 01 bộ dự phòng"			
5	Motor Valve/ Van điều khiển motor	Model: D6250W+PRCA-S2-T-250 - Van bướm điều khiển điện on/off Model: D6250W+PRCA-S2-T-250 + Điện áp: 240VAC, 24V AC/DC	Belimo / Thụy Sĩ	Set	4

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Monen xoắn: 160Nm + Bảo vệ: IP66/67- Thân + Thân gang (GGG 40) + Đĩa inox + Trục: inox + Áp lực làm việc: Pn16 + Nhiệt độ làm việc: -10...120°C + Kết nối bích tiêu chuẩn ISO 7005-2 and EN 1092-2			
6	Decanter	Lưu lượng lên đến 400m3/h Vật liệu: SS304	Việt Nam	Set	2
7	Level switch/ Phao đo mức	Model: MS 21 Type / Loại: Reed switch Operating temperature/ Nhiệt độ hoạt động: 0° ÷ 50°C Specific gravity of liquid/ Tỷ trọng riêng của lưu chất : 0.95 ÷ 1.1 Liquid temperature/ Nhiệt độ lưu chất: -0°C ÷ 60°C Voltage/ Điện áp: AC/D30V Current/ Dòng điện: 0.5A Cable length / chiều dài cáp: 6m Cable type/ Loại cáp: 0.2mm2 x 2cores x O.D 4.7mm Vật liệu: Thân: nhựa ABS Cáp: nhựa PVC mềm Cục nặng: gang FC150 phủ nhựa PVC	Shimnaya – Japan	Set	2

Sst	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
E	DISINFECTION TANK/ BỂ KHỬ TRÙNG				
1	Treated water Pump / Bơm nước sau xử lý				
	Submersible Pump/ Bơm chìm	Model: CN80-MT Thông số hoạt động: - Lưu lượng: 65 m3/hr - Cột áp: 7m - Đường kính đầu ra: DN65 Động cơ: - Loại: air-filled submersible induction motor - Công suất 3.7kw Điện áp: 3pha/380V/50Hz Cấp bảo vệ: IP68 Cấp cách điện: F Kiểu khởi động: trực tiếp Dòng khởi động: 25.4" - Dòng định mức: 3.7A Material / Vật liệu - Thân: gang đúc FC250 - Cánh: gang FC250 Trục: thép không gỉ SUS402J2	Shimnaya – Japan	Set	3
	Auto Coupling/ Khớp nối tự động	Model: P 80B Material: Cast iron/ Vật liệu: Gang	Việt Nam	Set	3
2	Level switch/ Phao đo mức	Model: MS 21 Type / Loại: Reed switch Operating temperature/	Shimnaya – Japan	Set	1

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		Nhiệt độ hoạt động: 0° ÷ 50°C Specific gravity of liquid/ Tỷ trọng riêng của lưu chất : 0.95 ÷ 1.1 Liquid temperature/ Nhiệt độ lưu chất: -0°C ÷ 60°C Voltage/ Điện áp: AC/D30V Current / Dòng điện: 0.5A Cable length / chiều dài cáp: 6m Cable type/ Loại cáp: 0.2mm² x 2cores x O.D 4.7mm Vật liệu: Thân: nhựa ABS Cáp: nhựa PVC mềm Cực nặng: gang FC150 phủ nhựa PVC			
3	Đồng hồ đo lưu lượng đầu ra	Model: Promag W 400, 5W4C1F, DN150 6" Loại: đo lưu lượng điện từ Basic model: Promag 10L1F, DN150 6" Liner: Polyurethane Process connection: PN10, St37- 2, lap joint flange, stamped plate EN1092-1 (DIN2501) Electrodes: 1.4435/316L, bullet nose Calibration: 0.5% Approval: Non-hazardous area Housing: Compact Alu, IP67 NEMA4X	Endress Hauser / Đức	Bộ	1

Sst	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
F	CHEMICAL SYSTEM/ HỖ THỐNG HÓA CHẤT				
1	Nutrition tank / Bồn pha chế hóa chất methanol, javen, PAC, NaOH	Volume/ Dung tích: V = 1m ³ Material/ Vật liệu: PE	Son Hà/ Việt Nam	Set	4
2	Dosing pump / Bơm định lượng	Model: DIC138UPPC4000 Power/ Công suất: 0,18kW Voltage/ Điện áp: 380V/3pha/50Hz Capacity/ lưu lượng: Q = 155l/h x 9bar "Materials: Pump head: PP; Diaphragm pump: PTFE/ Vật liệu: Đầu bơm: PP; Màng bơm: PTFE" "Note: 01 duty, 01 standby Ghi chú: 01 bộ hoạt động, 01 bộ dự phòng"	MYTHO- Italy	Set	8
3	Mixer Motor Chemical / Động cơ khuấy trộn hóa chất	Model: SK20F-90LP/4 TF RD Công suất động cơ : 0.75kW/50Hz/380V Tỉ số truyền : 10.56 Cấp bảo vệ : IP55/ Class F Tốc độ đầu ra : 132 vòng/phút Momen đầu ra : 108Nm Kích thước trục: 25x60 "Bao gồm:	Nord – Germany	Set	4

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Gối đỡ: thép sơn phủ Epoxy - Việt Nam + Trục cánh khuấy: SS304 - Việt Nam"			
G	ODOR TREATMENT SYSTEM/ HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI				
1	Scrubber/ Tháp hấp thụ	Material/ Vật liệu: SUS304; thickness/ dày 2mm Contact material/ Vật liệu tiếp xúc: PVC	Việt Nam	Set	1
2	Exhaust fan / quạt hút	Model: HDP-HK-3700 Type: centrifugal fan/ Loại: quạt ly tâm Motor: Asia Power/ Công suất: 3,7kW Voltage/ Điện áp: 380V/3pha/50Hz	Việt Nam	Set	1
3	Chemical tank / Bồn hóa chất hấp thụ	Volume/ Dung tích: V = 0,5m3 Material/ Vật liệu: PE	Sơn Hà /Việt Nam	Set	1
4	Mixer Motor Chemical / Động cơ khuấy trộn hóa chất	Model: SK20F-90LP/4 TF RD Thông số: Kiểu /Loại SK01F-90L/4 Công suất động cơ: 1.5 kW Tốc độ quay đầu ra: 1395/268 RPM	Nord – Germany	Set	1

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		Momen xoắn đầu ra: 53 Nm Hệ số phục vụ: 1.5 Tỷ số truyền: 5.20 Chế độ vận hành: S1 Cấp cách điện F Vỏ bảo vệ: IP 55 Nguồn cung cấp: 230/400 V, 50 Hz Dòng điện định mức (400V): 3.55 A Trục đầu ra: Diameter = 20 mm, length = 40mm Vị trí lắp đặt: V1/M4 (see figure) Vị trí hộp đầu dây: 1 Vị trí cấp vào: 1 Mặt bích: Diameter = 200 mm Trọng lượng xấp xỉ: 23 kg without options Dầu bôi trơn: Mineral oil ISO VG220, approx. 0.38 litres Lớp sơn ngoài cùng: RAL 7031 bluegrey dull Thiết kế bánh răng: Flange design (F) + Trục cánh khuấy: SS304 - Việt Nam.			
5	Recycle pump for odor/ Bơm tuần hoàn dung dịch	Model: PMD 2573 Type: Magnetic drive pump/ Loại: Bơm dẫn động từ	Sansor – Japan	Set	2

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		Power/ Công suất: 0,12kW Capacity/ lưu lượng: Q = 2m ³ /h x 5m Voltage/ Điện áp: 380V/3pha/50Hz "Note: 01 duty, 01 standby Ghi chú: 01 bộ hoạt động, 01 bộ dự phòng"			
6	Dosing pump/Bơm định lượng	Model: D1C138UPPC4000 Power/ Công suất: 0,18kW Voltage/ Điện áp: 380V/3pha/50Hz Capacity/ lưu lượng: Q = 155l/h x 9bar "Materials: Pump head: PP; Diaphragm pump: PTFE/ Vật liệu: Đầu bơm: PP; Màng bơm: PTFE" "Note: 01 duty, 01 standby Ghi chú: 01 bộ hoạt động, 01 bộ dự phòng"	MYTHO- Italy		
H	MORNINGTORING SYSTEM/ HỘ THỐNG QUAN TRẮC				
1	Thiết bị hiển thị dữ liệu quan trắc các thông số PH, COD, TSS, Amoni	Model: CM444 Thiết bị thu nhận tín hiệu đa chức năng thiết kế module hóa theo dạng transmitter - Kết nối với các đầu dò	Endress+Hauser Đức	Set	1

S#	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		kỹ thuật số đo: pH, COD, TSS, Amoni... Có màn hình hiển thị và cài đặt Bảo vệ chống nước và ăn mòn. - Truyền giá trị đo bằng các ngõ ra tín hiệu 4-20mA cho từng kênh hoặc truyền thông Modbus. Nguồn điện: 220VAC; 50Hz			
2	Đầu đo COD	Model: CASS1D Đầu dò kỹ thuật số, kết nối với thiết bị thu nhận tín hiệu. Phương pháp đo: Hấp thụ quang học UV, loại gắn trực tiếp xuống nước thải Dải đo: 0 - 800mg/l (tối thiểu) Độ phân giải: 0,1 mg/L Sai số: Tối đa 5% Thời gian đáp ứng: <10 giây Phương pháp làm sạch: Tích hợp làm sạch tự động. Cấp bảo vệ: IP68, có thể ngâm trực tiếp trong nước"	Endress+Hauser Đức	Set	1
3	Đầu đo TSS	Model: CUSS1D Đầu đo loại kỹ thuật số, sử dụng công nghệ kết nối dạng số, kết nối với thiết bị thu nhận tín hiệu.	Endress+Hauser Đức	Set	1

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		Phương pháp đo: loại quang học, tín hiệu ánh sáng tán xạ trở về cảm biến được đo và tương quan với lượng chất rắn lơ lửng trong nước thải giúp gia tăng độ chính xác giá trị đo Sensor kỹ thuật số, có chức năng tự động kiểm tra phát hiện bẩn cửa sổ đo, lỗi hệ thống làm sạch tự động Dải đo: 0 - 4000mg/l (tối thiểu) Độ phân giải: 0,1 mg/l...1 g/l Sai số: Tối đa 2% Thời gian đáp ứng: <10 giây Ứng dụng trong môi trường nước thải. Tích hợp làm sạch tự động. Vật liệu sensor: thép không gỉ Cấp bảo vệ: IP68, có thể ngâm trực tiếp trong nước"			
4	Đầu đo PH (tích hợp nhiệt độ)	Model: CPF81E Đầu đo loại kỹ thuật số, sử dụng công nghệ kết nối dạng số. Phương pháp đo: điện cực thủy tinh, tích hợp đầu dò nhiệt độ. Dải đo: 0 - 14 pH Độ phân giải: 0,01 pH Điện cực thủy tinh. Cấp bảo vệ: IP68, có thể ngâm trực tiếp trong nước"	Endress+Hauser Mỹ	Set	1

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
5	Cáp Memosens	Model: CYK10 Basic model: Meas. cable CYK10 Memosens Approval: Non-hazardous area Cable Length: 3m Cable Connection: Wire terminals "	Endress+Hauser Mỹ	Set	1
6	Đầu đo Amoni	Model: CAS40D Nguyên lý đo: Đo hiệu điện thế / ISE Đặc tính: - Đo trực tuyến các thông số khoáng chất trong các nhà máy xử lý nước thải đô thị - Hệ thống điện cực chọn lọc ion để đo liên tục Amoni và Nitrat Kịch thước: Đường kính: 112 mm (4,41 inch) Độ sâu ngâm: 510mm (20,08 inch) Thiết kế: - Điện cực chọn lọc ion cho amoni hoặc nitrat, kali, clorua, pH - Điện cực chọn lọc ion để bù nhiễu Cảm biến nhiệt độ: Nhiệt độ vận hành: Từ 2 ° C đến 40 ° C (36 đến 100 ° F)	Endress+Hauser Đức	Set	1

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		Nhiệt độ môi trường: Từ - 20 ° C đến 50 ° C (-4 đến 120 ° F) Áp suất vận hành: Tối đa 400 mbar (160 in H₂O)"			
7	Thiết bị lấy mẫu	Model: AS 950 Thiết bị lấy mẫu tự động từ xa, có khả năng lấy mẫu theo chu kỳ hoặc nhận lệnh theo yêu cầu của cơ quan chức năng, và bảo quản mẫu trong môi trường lạnh. Điện áp: 230VAC, 50Hz Cấp bảo vệ: IP42 Truyền thông Modbus - Lưu lượng bơm lấy mẫu: 4,8 L / phút (1,25 gpm) ở lực nâng thẳng đứng 1 m (3 ft) với ống nạp 3/8-in điển hình - Bình lưu mẫu: 1 - 5.5 Gallon - Chế độ lấy mẫu: Theo thời gian, theo lưu lượng, Bảng thời gian, Bảng lưu lượng, Sự kiện - Chế độ vận hành: Liên tục hoặc không liên tục"	Hach/ Mỹ	Set	1
8	Tủ điều khiển tự động hệ thống quan trắc và linh kiện	Tủ điều khiển tự động hệ thống quan trắc và linh kiện đáp ứng yêu cầu thông tư 10-2021 của Bộ tài nguyên môi trường	Việt Nam	Set	1

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		Thông số kỹ thuật: - Điện áp định mức: 220VAC, 50Hz - Datalogger có chức năng thu thập dữ liệu quan trắc, lưu trữ và truyền tới sở TNMT, có màn hình hiển thị và điều khiển thiết bị lấy mẫu tự động từ xa. - Router kết nối mạng internet có địa chỉ IP tĩnh - Bộ lưu điện UPS - Các thiết bị chính: MCB, bộ điều khiển bơm lấy mẫu luân phiên, rơ-le trung gian, chống sét lan truyền... và các phụ kiện khác theo quy định. - Bao gồm chi phí cấu hình hệ thống datalogger, kết nối tới máy chủ tại sở TNMT - Bao gồm chi phí lắp đặt, đấu nối, kiểm tra, chạy thử"			
9	Hệ thống camera	Model: DS-2DE2C400MW-DE 4.0MP quay quét (PTZ) hồng ngoại giám sát thiết bị quan trắc tại nhà trạm quan trắc và cửa xả, bao gồm đầu ghi và ổ cứng lưu trữ đáp ứng quy định tại thông tư 10-2021 Bộ TNMT, bao gồm công tác lắp đặt và vật tư cần thiết (cột gắn camera, cáp cáp	Trung Quốc	Set	1

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		nguồn, cáp quang, ống luồn dây cáp ngầm,...)			
10	Cảm biến nhiệt độ, độ ẩm cho trạm quan trắc loại gắn tường	Dải đo 0-100%RH Nhiệt độ 0...60 độ C Nguồn cấp 10-35VDC Có màn hình hiển thị"	E+E ELEKTRONIK	Set	1
11	Hệ thống báo cháy	Bao gồm Cảm biến báo cháy, báo khói đặt tại trạm quan trắc và kết nối tới tủ báo cháy trung tâm đặt tại phòng điều khiển.	Unipos	Set	1
I	HỆ THỐNG ĐIỆN ĐỘNG LỰC VÀ ĐIỀU KHIỂN				
1	Tủ điều khiển động cơ MCC (MCC1,2,3) và linh kiện	Điện áp định mức: 380VAC, 50Hz, 150A Tiêu chuẩn thiết kế: IEC 61439, form I Có chức năng cấp nguồn, điều khiển, bảo vệ cho các phụ tải, động cơ, bù công suất phản kháng Các thiết bị chính: Thanh cái đồng, MCCB, MCB, contactor, biến tần, rơ-le nhiệt điện tử, biến dòng, đồng hồ đa năng, đèn báo, nút nhấn, bộ điều khiển tự bù, tụ bù hạ thế, biến áp cách ly cho mạch điều khiển, rơ-le trung gian, quạt thông gió... Bao gồm chi phí cài đặt, hiệu chỉnh biến tần, EOCR, bộ điều khiển tự bù...	Việt Nam	Set	1

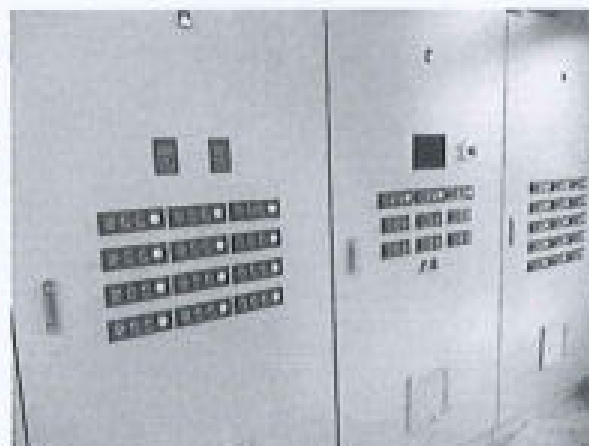
Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
		Bao gồm chi phí lắp đặt, đấu nối, kiểm tra, chạy thử"			
2	Tủ điều khiển ICP và linh kiện	Điện áp định mức: 220VAC, 50Hz Hệ thống điều khiển PLC Siemens S7-1200, bao gồm CPU và các module vào ra số, vào ra tương tự Màn hình cảm ứng HMI kích thước 7 inch Các thiết bị chính: MCB, UPS online, bộ điều khiển PLC, màn hình HMI, nguồn 24VDC, rơ-le trung gian... Có chức năng điều khiển, giám sát toàn bộ các thiết bị chấp hành, thiết bị đo, lưu trữ dữ liệu, cảnh báo, lưu nhật ký vận hành Bao gồm chi phí nhân công lập trình hệ thống PLC, HMI Bao gồm chi phí lắp đặt, đấu nối, kiểm tra, chạy thử	Việt Nam	Set	1
3	Hệ thống cáp điện, điều khiển, tín hiệu từ các tủ MCC, ICP tới phụ tải và thiết bị đo lường, bao gồm máng cáp loại đục lỗ, ống luồn dây, phụ kiện và lắp đặt.		Việt Nam	Sys	1

Stt	TÊN THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NHÀ THẦU CHÀO	XUẤT XỨ	Đơn vị tính	Số lượng
K	Hệ thống điện trong nhà				
1	Hệ thống chiếu sáng (trong nhà trong phạm vi hệ thống xử lý) bao gồm cáp cấp nguồn từ tủ MCC, bao gồm công tác lắp đặt hoàn thiện.		Việt Nam	Sys	1
2	Máy điều hòa 12.000 BTU cho phòng làm việc bao gồm công tác lắp đặt và vật tư lắp đặt hoàn thiện.	Model: FTF3 5XAV1V	Daikin; LG hoặc tương đương	Set	1

Một số hình ảnh các hạng mục công trình và thiết bị trong trạm xử lý nước thải tập trung:



Nhà điều hành



Tủ điện điều khiển ở nhà điều hành



Máy bơm chìm ở bể điều hòa



Máy bơm chìm ở bể ASBR



Máy thổi khí trong nhà điều hành



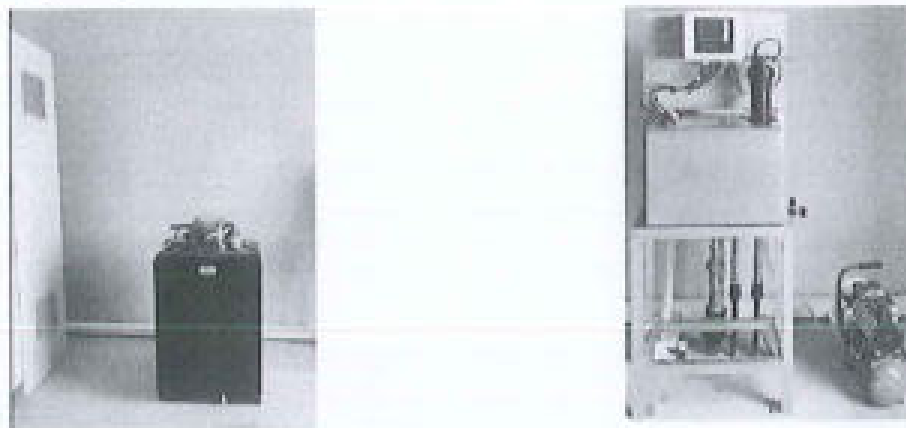
Hệ thống xử lý mùi trạm xử lý nước thải

Hình 7. Hình ảnh các hạng mục công trình và thiết bị của trạm xử lý nước thải tập trung

❖ Hệ thống quan trắc online nước thải sau xử lý

- Nhiệm vụ: giám sát chất lượng nước thải đầu ra khỏi Nhà máy để sớm phát hiện những bất thường, nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro, sự cố của Trạm XLNT.
- Vị trí: lắp đặt ở phía sau bể khử trùng
- Các thông số quan trắc: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, TSS, Amoni.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT cột A, với hệ số $K_q = 1$ và $K_r = 0,1$.
- Chế độ giám sát: Liên tục.
- Phương thức giám sát tự động và lưu trữ dữ liệu: đo liên tục các chỉ tiêu, đầu đo truyền kết quả qua bộ điều khiển, có thể giao tiếp với máy chủ đặt tại phòng điều khiển trung tâm, truyền dữ liệu liên tục và có thể kiểm soát hệ thống, cảnh báo cho người quản lý khi các chỉ số kiểm soát vượt mức cho phép hoặc có sự cố bất thường xảy ra. Các giá trị được lưu trữ trong bộ nhớ từ 1 đến 6 tháng, tùy theo cài đặt. Dữ liệu từ trạm quan trắc tự động

cũng được truyền trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường Hải Phòng. Công ty sẽ tạo tài khoản sử dụng máy chủ FTP (File Transfer Protocol), đây là một giao thức truyền tải tập tin từ Nhà máy đến máy chủ FTP của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hải Phòng thông qua mạng Internet. Nội dung các dữ liệu truyền đi bao gồm: Thời gian, tên thông số, kết quả và đơn vị thông số.



Hình 8. Hình ảnh đầu đo và tủ điện của hệ thống quan trắc nước thải online

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Khí thải trong dự án chủ yếu phát sinh từ quá trình xử lý nước thải tại Trạm xử lý nước thải tập trung. Các nguồn phát sinh cụ thể bao gồm:

- Khu vực xử lý cơ học như: bể gom đầu vào, bể lắng cát, tách dầu, bể điều hòa;
- Cụm xử lý sinh học: bể Selector, ASBR, bể chứa bùn.

Khí thải phát sinh tại đây thường mang mùi hôi đặc trưng của nước thải sinh hoạt, bao gồm các hợp chất như Hydro sunfua (H_2S), Amoniac (NH_3), Metan (CH_4) và các khí hữu cơ dễ bay hơi (VOC). Nếu không được xử lý, khí thải có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường xung quanh.

Để giảm thiểu ô nhiễm không khí, toàn bộ các khu vực phát sinh khí thải tại trạm xử lý nước thải được đậy kín, thu gom khí thải qua hệ thống đường ống chuyên dụng. Khí thải sau đó được quạt gió công nghiệp hút cưỡng bức, dẫn qua hệ thống xử lý gồm 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Bể hấp thụ bằng hóa chất

Khí thải được đưa vào bể hấp thụ hóa học, nơi nó tiếp xúc với dung dịch hấp thụ có chứa các chất oxy hóa hoặc axit/bazơ trung hòa, nhằm loại bỏ các khí độc hại và có mùi hôi, thối.

Giai đoạn 2: Bể hấp thụ than hoạt tính

Sau khi qua bể hấp thụ hóa chất, khí thải tiếp tục được dẫn vào bể chứa than hoạt tính để xử lý triệt để mùi hôi và các khí độc còn sót lại. Than hoạt tính có khả năng giữ

lại các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC), H_2S và NH_3 thông qua cơ chế hấp phụ vật lý và hóa học.

+ Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật chính của hệ thống xử lý mùi, khí thải tại trạm xử lý nước thải tập trung, gồm:

Bảng 16. Các thông số kỹ thuật chính của Hệ thống xử lý mùi, khí thải tại trạm xử lý nước thải tập trung

Stt	Nội dung	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Quạt hút mùi	Model: HDP-HK-37000 Công suất hút: $6.500\text{ m}^3/\text{giờ}$ Áp lực tĩnh: 1.500Pa ($220\text{mmH}_2\text{O}$) $3.7\text{kW}/380\text{V}/50\text{Hz}$	Bộ	1
2	Tháp hấp phụ than hoạt tính	Kích thước: $D1000 \times H2400\text{ mm}$ Ống DN300 Vật liệu: SUS304 Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1
3	Tháp hấp thụ hóa chất	Kích thước: $D1000 \times H3616\text{ mm}$ Dung dịch hóa chất: NaOH Vật liệu: SUS304	Bộ	1

Hình ảnh hệ thống xử lý mùi trạm xử lý nước thải:



Hình 9 Hình hệ thống xử lý mùi trạm xử lý nước thải

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Trong khu dân cư không bố trí các điểm tập kết rác thải tạm thời nhằm tránh phát sinh mùi và mất mỹ quan đô thị. Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom như sau:

- Tại hộ gia đình: Người dân có trách nhiệm tự thu gom chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt hàng ngày vào các túi kín hoặc thùng đậy nắp. Sau đó, rác được mang ra điểm đón khi xe thu gom của đơn vị vệ sinh môi trường địa phương đi qua. Xe dừng tại các vị trí giao lộ như ngã ba, ngã tư theo lịch trình cố định, thuận tiện cho các hộ dân trong khu vực mang rác đến đổ.
- Tại khu vực công cộng và dọc các tuyến đường nội khu: Dự án bố trí các thùng thu gom rác bằng nhựa, có nắp đậy. Các thùng rác được đặt sát lề đường hoặc vỉa hè, đảm bảo thuận tiện cho người dân bỏ rác và cho xe chuyên dụng thu gom.

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại ngay tại nguồn nhằm thuận tiện cho quá trình thu gom, tái chế và xử lý sau này.

Ngoài ra, người dân được hướng dẫn và tuyên truyền về phân loại rác thải tại nguồn thông qua các tài liệu phát tay, biển chỉ dẫn tại các khu vực công cộng và các buổi phổ biến do ban quản lý phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức.

Chất thải rắn sau khi được thu gom sẽ được vận chuyển bằng xe chuyên dụng của đơn vị có chức năng (được chính quyền địa phương cấp phép hoạt động) đến khu xử lý chất thải rắn tập trung.

Toàn bộ hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sẽ được thực hiện thông qua hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường chuyên trách. Kinh phí thực hiện được người dân đóng góp định kỳ theo quy định của địa phương, thông qua tổ dân phố hoặc ban quản lý khu dân cư.

Tại các khu vực công cộng như: công viên, khu sinh hoạt cộng đồng, trường học, vỉa hè, chủ đầu tư bố trí thùng rác công cộng có nắp đậy, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh, đồng thời hỗ trợ công tác thu gom nhanh chóng, đồng bộ.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh trong khu vực dự án chủ yếu là từ:

- Hộ gia đình (bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, ắc quy, hóa chất tẩy rửa,...);
- Các khu chức năng công cộng, dịch vụ (trạm y tế, nhà văn hóa, nhà vệ sinh công cộng,...).

Để đảm bảo kiểm soát tốt CTNH, dự án triển khai biện pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức và năng lực thực hành phân loại tại nguồn, cụ thể như sau:

- Đối với hộ gia đình: Các hộ dân được hướng dẫn, tuyên truyền về vai trò và cách thức phân loại CTNH tại nguồn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các văn bản pháp luật có liên quan. Người dân tự thực hiện thu gom, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt hàng ngày (pin, bóng đèn huỳnh quang, thuốc trừ sâu còn sót lại, hóa chất vệ sinh mạnh...). Các CTNH này được lưu giữ trong bao bì kín, ghi nhãn cảnh báo rõ ràng tại khu vực riêng biệt trong hộ gia đình, tránh lẫn với rác thải sinh hoạt thông thường.
- Đối với phân khu chức năng, dịch vụ, công trình công cộng: Các nhà đầu tư thứ cấp có trách nhiệm xây dựng phương án phân loại, lưu giữ và xử lý CTNH phát sinh từ các hoạt động của mình. Phương án này cần tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Việc lưu giữ, vận chuyển và xử lý phải được thực hiện bởi các đơn vị có giấy phép phù hợp.

Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ tạm thời sẽ được thu gom, vận chuyển và xử lý bởi các đơn vị có giấy phép xử lý CTNH theo quy định. Các hợp đồng xử lý sẽ được ký kết định kỳ giữa Ban quản lý khu dân cư (hoặc các hộ gia đình/nhà đầu tư thứ cấp) với các đơn vị có chức năng phù hợp được Bộ NN&MT hoặc Sở NN&MT cấp phép.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong khu vực dự án, tiếng ồn và độ rung chủ yếu phát sinh từ:

- Các phương tiện giao thông đi lại trong khu dân cư;
- Hoạt động của thiết bị cơ giới, máy móc trong quá trình vận hành trạm xử lý nước thải hoặc hệ thống kỹ thuật hạ tầng;
- Một số hoạt động sinh hoạt tập trung ngoài trời tại khu vực công cộng

Để đảm bảo môi trường âm thanh trong khu đô thị hài hòa, thân thiện và phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, dự án áp dụng các nhóm giải pháp đồng bộ, gồm cả kỹ thuật và quản lý như sau:

- Thực hiện bảo dưỡng các máy móc, trang thiết bị có phát sinh tiếng ồn đúng thời gian quy định để đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, giảm rung lắc, giảm độ ồn cơ học.
- Bố trí các hoạt động có thể gây tiếng ồn (như thu gom rác, bảo dưỡng hệ thống kỹ thuật...) vào các khung giờ phù hợp, tránh thời gian nghỉ ngơi (trưa, tối). Các khu vực nhạy cảm như gần trường học, trạm y tế, khu an dưỡng được hạn chế tối đa các nguồn gây ồn.
- Khuyến khích cư dân sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường như xe đạp, xe đạp điện, phương tiện công cộng. Điều này góp phần giảm ùn tắc và giảm tiếng ồn từ động cơ phương tiện cá nhân.
- Trồng các dải cây xanh tại vỉa hè, dọc tuyến đường giao thông, khu vực công cộng và xung quanh trạm xử lý nước thải. Hàng cây xanh giúp hấp thụ âm thanh, tạo

không gian yên tĩnh, nâng cao chất lượng cảnh quan và giảm hiệu ứng đảo âm từ mặt đường.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

6.1. Giải pháp phòng cháy chữa cháy (PCCC)

Dự án đã được thiết kế hệ thống phòng cháy, chữa cháy đồng bộ, bao phủ toàn bộ các hạng mục công trình. Cụ thể, hệ thống giao thông nội bộ được quy hoạch đảm bảo điều kiện để xe chữa cháy tiếp cận đến tất cả các khu vực trong khu dân cư. Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà bao gồm đường ống, trạm bơm và các trụ/hạng nước chữa cháy được bố trí dọc theo các tuyến đường chính, tại những vị trí thuận tiện, đáp ứng các yêu cầu về bán kính phục vụ, áp lực và lưu lượng nước theo quy chuẩn hiện hành. Ngoài ra, tại nhà điều hành trạm xử lý nước thải và các công trình kỹ thuật có nguy cơ cháy nổ được trang bị các bình chữa cháy xách tay để kịp thời xử lý sự cố khi phát sinh.

Chủ đầu tư đã phối hợp với cơ quan chức năng để thực hiện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. Dự án đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế PCCC số 01/TD-PCCC ngày 15/12/2021. Hiện nay, toàn bộ hệ thống phòng cháy, chữa cháy của dự án đã được lắp đặt và trang bị đầy đủ theo đúng thiết kế đã được phê duyệt và đã được nghiệm thu.

Về thiết bị, dự án đã trang bị các loại bình chữa cháy phù hợp với từng loại nguy cơ. Cụ thể, sử dụng bình chữa cháy bột tổng hợp loại ABC, có khả năng dập tắt các đám cháy do chất rắn, chất lỏng hoặc khí gây ra. Bên cạnh đó, một số vị trí đặc thù như khu vực có thiết bị điện, máy móc chính xác được trang bị thêm bình chữa cháy bằng khí CO₂ để chữa cháy hiệu quả mà không làm hư hỏng thiết bị.

Trong quá trình bố trí và lắp đặt thiết bị, dự án tuân thủ nghiêm ngặt các quy định kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn phòng cháy. Máy móc, thiết bị được sắp xếp trật tự, gọn gàng, duy trì khoảng cách an toàn theo yêu cầu kỹ thuật và tạo điều kiện thoát hiểm khi cần thiết. Hệ thống dây dẫn điện, cầu dao, ổ cắm và các vị trí dễ phát sinh tia lửa điện được che chắn, cách ly và lắp đặt theo đúng tiêu chuẩn an toàn.

Bên cạnh các giải pháp kỹ thuật, dự án cũng chú trọng công tác quản lý và tuyên truyền nâng cao nhận thức phòng cháy, chữa cháy cho toàn thể cán bộ, công nhân viên. Nội quy, quy định PCCC và tiêu lệnh chữa cháy được xây dựng và niêm yết rõ ràng tại các khu vực làm việc. Toàn bộ cán bộ, công nhân viên được yêu cầu tham gia đầy đủ các lớp huấn luyện và phổ biến kiến thức PCCC, có trách nhiệm bảo quản phương tiện chữa cháy tại chỗ, tuyệt đối không sử dụng sai mục đích. Một số khu vực dễ cháy như nhà kho, khu kỹ thuật được quy định nghiêm ngặt về an toàn, trong đó có quy định cấm tuyệt đối việc hút thuốc.

Để đảm bảo tính sẵn sàng, dự án sẽ tổ chức thao diễn PCCC định kỳ với sự phối hợp của cơ quan Cảnh sát PCCC địa phương. Đồng thời, xây dựng phương án phòng

cháy, chữa cháy chi tiết cho từng tình huống có thể xảy ra, trình cơ quan chức năng phê duyệt trước khi dự án chính thức đi vào vận hành.

Trong trường hợp xảy ra cháy nổ, quy trình ứng phó khẩn cấp được thiết lập với các bước xử lý cụ thể như sau:

- Nhân viên phát hiện sự cố có trách nhiệm báo ngay cho chủ đầu tư hoặc Ban quản lý hạ tầng kỹ thuật khu dân cư để huy động lực lượng ứng phó, đồng thời thông báo cho lực lượng PCCC chuyên nghiệp.
- Trong thời gian chờ lực lượng cứu hỏa đến hiện trường, nhân viên được huấn luyện sẽ sử dụng thiết bị chữa cháy tại chỗ để khống chế đám cháy, mặc trang bị bảo hộ cá nhân, xác định hướng gió, đặc điểm vật liệu cháy để lựa chọn phương pháp phù hợp.
- Sau khi bàn giao hiện trường cho đội chữa cháy chuyên nghiệp, nhân viên tiếp tục phối hợp hỗ trợ.
- Khi sự cố đã được kiểm soát, các khu vực có nguy cơ được giám sát để phòng cháy trở lại, đồng thời vệ sinh, bảo trì và bổ sung các thiết bị đã sử dụng để sẵn sàng cho tình huống tiếp theo.

Hình ảnh về Hệ thống phòng cháy chữa cháy đã được lắp đặt của Dự án:



Hình 10. Ảnh chụp một số hệ thống PCCC đã được lắp đặt của dự án

6.2. Giải pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố do hóa chất

Chủ dự án đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho dự án, cụ thể như sau:

Biện pháp phòng ngừa:

+ Thực hiện đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về bao gói, bảo quản và vận chuyển hóa chất:

- Hóa chất từ xe vận chuyển về kho chứa đều đóng trong bao gói dạng thùng 50 lít, dạng can 25 lít, lọ hóa chất 0,5 lít và bao chứa 25 Kg. Hóa chất sử dụng đều mua của các nhà cung cấp trong nước. Sau khi về đến dự án, quá trình xếp dỡ vận chuyển đều tuân thủ các quy trình, quy phạm đảm bảo an toàn. Công nhân xếp dỡ, vận chuyển đều được huấn luyện Kỹ thuật an toàn hóa chất theo quy định tại Thông tư 44/2012/TT-BCT. Ngoài ra các quy trình, dụng cụ lao động sử dụng để vận chuyển hóa chất như xe chuyên dùng, các khay chống tràn được Công ty trang bị với mục tiêu kiểm soát và ứng phó khoanh vùng tốt nhất khi xảy ra tràn đổ.

- Thao tác trong quá trình vận chuyển đều được chuẩn hóa, quá trình vận chuyển, xếp dỡ, san chiết đều được chuẩn hóa trong từng công đoạn.

- Các bao gói không còn chứa hoá chất được nhân viên xấp sếp tại khu vực rác thải nguy hại và được kiểm soát quy trình vận chuyển và cất giữ các bao gói thải bỏ đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Việc tồn trữ, bảo quản và sử dụng hóa chất luôn tuân thủ quy định của pháp luật và đảm bảo an toàn. Đối với các hóa chất mua về thì bao bì đảm bảo theo tiêu chuẩn bao gói và chỉ sử dụng 1 lần (phuy đựng hóa chất, vỏ bao, vỏ can, lọ thủy tinh...) sau đó thải bỏ vào khu vực chứa chất thải nguy hại.

- Đối với các bồn chứa hóa chất thì thời hạn sử dụng theo khuyến cáo của nhà sản xuất, tuy nhiên trong quá trình hoạt động cũng được nhân viên kiểm tra thường xuyên. Nếu phát hiện bất thường và có nguy cơ gây rò rỉ, tràn đổ hóa chất thì sẽ tiến hành sửa chữa hoặc thay thế. Ngoài ra dự án cũng xây dựng bờ bao để chống tràn, đổ hóa chất đối với khu vực chứa các bồn trên.

- Bể chứa Javen: Bố trí hồ lưu trữ khẩn cấp xung quanh bể Hypoclorit Natri với lớp phủ chịu hóa chất bên trong để lưu trữ toàn bộ dung tích bể trong trường hợp rò rỉ.

+ Lập danh sách các điểm nguy cơ:

- Đặc điểm của trạm xử lý nước thải là sử dụng và lưu trữ hoá chất trong suốt quá trình hoạt động. Vì vậy khả năng xảy ra sự cố liên quan đến hoạt động hoá chất chủ yếu liên quan đến quy trình vận hành, vận chuyển, yếu tố con người và quá trình kiểm tra hệ thống lưu trữ hoá chất.

- Với công nghệ xử lý nước thải, các hóa chất sử dụng tại trạm xử lý chủ yếu có tính ăn mòn (tính axit, tính bazơ) và có tính độc hại nhẹ. Các hóa chất sử dụng gần như không có khả năng gây cháy. Do vậy việc dự báo tình huống sự cố có liên quan đến cháy nổ sẽ không đề cập trong tài liệu này. Biện pháp an toàn bắt buộc đối với những người làm việc trong các khu vực trên phải được trang bị kính đơn bảo vệ mắt, quần áo bảo hộ lao động đảm bảo an toàn với hóa chất, sử dụng găng tay kháng hóa chất.

- Việc kiểm soát, giảm thiểu các mối nguy hóa chất cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

- Biện pháp loại bỏ: Biện pháp tốt nhất trong việc ngăn chặn các rủi ro phát sinh từ việc sử dụng các hóa chất nguy hiểm là loại trừ khỏi môi trường làm việc những hóa chất đó. Tuy nhiên, điều này không phải luôn thực hiện được.
- Thay thế: Loại bỏ các chất, hoặc các quá trình độc hại, nguy hiểm hoặc thay thế chúng bằng hóa chất khác ít nguy hiểm hơn hoặc không còn nguy hiểm nữa.
- Biện pháp kỹ thuật (cách ly): Thực hiện việc che chắn giữa người lao động và hóa chất nhằm ngăn cách mọi nguy cơ liên quan tới hóa chất đối với người lao động. Ngoài ra sử dụng hệ thống thông gió thích hợp để di chuyển hoặc làm giảm nồng độ độc hại trong không khí chẳng hạn như khói, khí, bụi, mù.
- Biện pháp hành chính (kiểm soát): Áp dụng các quy trình làm việc cụ thể với từng loại hóa chất. Giám định, đo đạc môi trường làm việc đặc biệt khu vực phát sinh mùi hóa chất tại bộ phận tẩy và nhuộm màu... Thực hiện huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất cho người tiếp xúc với hóa chất...
- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động nhằm ngăn ngừa việc tiếp xúc trực tiếp với hóa chất. Phần lớn các nguy cơ từ sử dụng hóa chất có thể kiểm soát được bằng các biện pháp kỹ thuật kể trên. Nhưng khi các biện pháp đó chưa loại trừ hết được các mối nguy, hay nói cách khác khi nồng độ hóa chất trong môi trường chưa đạt tiêu chuẩn cho phép thì người lao động phải được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân. Phương tiện này chỉ làm sạch không khí bị nhiễm hóa chất trước khi vào cơ thể chứ nó không làm giảm hoặc khử chất độc có trong môi trường xung quanh. Do đó khi sử dụng các phương tiện bảo vệ đã hư hỏng hoặc không đúng chủng loại có nghĩa là ta đã tiếp xúc trực tiếp với hóa chất nguy hiểm. Vì vậy, không được coi phương tiện bảo vệ cá nhân là biện pháp đầu tiên để kiểm soát rủi ro mà chỉ được coi là biện pháp hỗ trợ thêm cho các biện pháp kiểm soát kỹ thuật.

Quy trình ứng phó sự cố:

+ Khi phát hiện ra sự cố tất cả các cán bộ công nhân viên đều phải thông báo ngay cho cán bộ phụ trách an toàn của trạm xử lý, toàn dự án. Khi xảy ra sự cố hóa chất, chủ dự án sẽ tiến hành các biện pháp ứng phó sau:

- Ngừng vận hành công đoạn xảy ra sự cố, cấm biển báo và căng dây xung quanh khu vực xảy ra sự cố;
- Di tản người ra khỏi khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi hóa chất.
- Kịp thời khóa các van, đường ống bị rò rỉ (nếu có).
- Sử dụng cát hoặc các phụ gia cần thiết để đổ lên khu vực bị tràn hóa chất và tiến hành thu dọn, vệ sinh sạch sẽ khu vực bị tràn hóa chất.

- Khoanh vùng xung quanh không cho hóa chất tràn sang nơi khác. Rải các loại vật liệu thấm hút như giẻ lau, mùn cưa... lên hóa chất, chú ý khi tiếp xúc với hóa chất phải có bảo hộ lao động đầy đủ như bao tay cao su, khẩu trang, mặt nạ phòng độc, giày, ủng bảo hộ... sau đó vệ sinh sạch sẽ bằng cát và các vật liệu thấm hút. Sàn sau đó được rửa sạch và dẫn nước thải thải rửa sang Trạm XLNT.

- Nếu sự cố lớn vượt khả năng khắc phục của chủ dự án, chủ dự án sẽ cần báo ngay cho các cơ quan quản lý địa phương để cùng phối hợp.

+ Kế hoạch phối hợp hành động của các lực lượng khi xảy ra tình huống sự cố hóa chất:

Theo nhận định các tình huống xảy ra sự cố hóa chất chủ yếu do 4 sự cố cụ thể đã được định hướng xử lý và phối hợp hành động chi tiết theo bảng sau:

Bảng 17. Thống kê các tình huống xảy ra sự cố và phương án ứng phó

Tình huống sự cố	Sơ tán người / tài sản	Cấp độ			Kế hoạch phối hợp	
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Bên trong	Bên ngoài
Rơi can hóa chất chứa hóa chất	Người/ tài sản	v	v		v	
Bục can hóa chất	Người	v			v	
Gây kích ứng trên người thao tác, tiếp xúc	Người			v	v	v
Tràn đổ hóa chất ra môi trường	Người/ tài sản			v	v	v

+ Phân loại tình huống hợp phần cấp:

Căn cứ vào phạm vi, mức độ nguy hiểm của các trường hợp sự cố, tai nạn có thể xảy ra trong hoạt động của dự án. Các trường hợp khẩn cấp được phân thành 3 cấp độ khác nhau là: cấp 1, cấp 2 và cấp 3.

* **Cấp 1:** Trường hợp sự cố, tai nạn nhỏ không lập tức gây nguy hại đối với tính mạng, tài sản, môi trường. Các tình huống này có thể kiểm soát được bởi các biện pháp xử lý tại chỗ. Khu vực xảy ra sự cố chịu trách nhiệm huy động lực lượng và thực hiện các biện pháp xử lý nói trên.

* **Cấp 2:** Trường hợp sự cố, tai nạn gây nên những nguy hiểm nhất định đối với tính mạng, tài sản và môi trường (cháy nhỏ, nổ nhỏ, nhiễm độc khí, nhiễm độc hóa chất...). Để kiểm soát được các tình huống này, ngoài việc triển khai các biện pháp ứng cứu bằng lực lượng ứng cứu tại chỗ, còn phải có sự phối hợp, hỗ trợ ứng cứu của các lực

lượng, phương tiện sẵn có gần kề khu vực xảy ra sự cố theo các phương án đã thỏa thuận trước. Bộ phận quản lý khu vực xảy ra sự cố, tai nạn chịu trách nhiệm ứng cứu và phối hợp các lực lượng tham gia ứng cứu.

*** Cấp 3:** Trường hợp sự cố gây nên mối nguy hiểm nghiêm trọng đối với con người, môi trường hoặc có khả năng thiệt hại công trình (gây kích ứng trên người thao tác, tiếp xúc, tràn đổ hoá chất ra môi trường...). Tình huống này có thể xuất hiện ngay lập tức hoặc xuất phát từ các tình huống, sự cố thấp hơn do không kiểm soát được và phát triển theo xu hướng ngày càng xấu đi nghiêm trọng. Trong các tình huống này, Ban chỉ đạo UCKC sẽ trực tiếp chỉ đạo, có thể yêu cầu sự hỗ trợ của các đơn vị xung quanh khu vực. Trường hợp phức tạp hơn sẽ xin hỗ trợ, chỉ đạo trực tiếp lực lượng cứu hộ chuyên nghiệp (PCCC, UBND...).

+ Kế hoạch phối hợp ứng phó sự cố:

Dự án sẽ lập Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất nhằm mục đích chuẩn mực hóa công tác an toàn khi xảy ra sự cố hóa chất. Các nhân viên đội ứng phó có trách nhiệm hướng dẫn và hỗ trợ các nhân viên khi gặp sự cố hóa chất.

Yêu cầu đặt ra cho các thao tác phối hợp bên trong nhận định rõ rủi ro đã xảy ra theo từng cấp độ. Từ đó định hướng khả năng phối hợp sơ tán người và tài sản nhằm giảm thiểu mức thấp nhất có thể xảy ra. Kế hoạch phối hợp nội bộ được thể hiện như sau:

Bảng 18. Kế hoạch phối hợp nội bộ ứng phó sự cố

STT	Quy trình	Hành động
1	Người phát hiện	- Nhận biết được các thông tin sự cố: + Sự cố xảy ra ở đâu? + Xảy ra sự cố gì? + Mức độ tác động của sự cố? + Có sự cố cháy nổ không? + Số người bị thương? - Nếu có tràn đổ hóa chất, dầu mỡ ra hệ thống thoát nước mưa hoặc ra môi trường, lập tức đóng các cửa xả nước và cô lập sự cố bằng các vật liệu sẵn có gần nhất. - Thông báo cho mọi người trong khu vực xảy ra sự cố; - Thông báo cho cấp trên tình hình hiện tại sự cố.
2	Người phát hiện, Điều độ sản xuất, Bảo vệ, Cấp trên của người phát hiện sự cố	- Thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người và gọi điện theo các số liên lạc nội bộ để thông báo tình hình sự cố: + Phòng bảo vệ; + Trung tâm điều độ sản xuất; - Yêu cầu mọi người thực hiện đúng theo quy trình ứng cứu sự cố khẩn cấp.

6.3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn

Mô tả

Bất kỳ sự cố tràn nào, trên nhà máy hoặc xung quanh ranh giới của nhà máy, liên quan đến dầu, nhiên liệu, nước thải, bùn thải hoặc các chất lỏng khác.

Hướng dẫn

Nhân viên phải bảo vệ bản thân và những người khác trước khi cố gắng dọn dẹp/ngăn chặn chất tràn. Trong trường hợp Chủ đầu tư (hoặc Ban quản lý hạ tầng kỹ thuật) cho rằng sự cố tràn sẽ khiến nhân viên gặp rủi ro, cần liên hệ với các dịch vụ khẩn cấp.

Quy trình ứng phó

Nhân viên báo cáo sự cố tràn sẽ liên hệ với Chủ đầu tư (hoặc Ban quản lý hạ tầng kỹ thuật) và thông báo về các trường hợp xảy ra tràn, yêu cầu hỗ trợ từ nhân viên nội bộ hoặc các dịch vụ khẩn cấp.

Nhân viên tham gia dọn dẹp / ngăn chặn chất tràn cần xem xét các hướng dẫn sau:

- Sử dụng quần áo hoặc thiết bị bảo hộ cá nhân.
- Ngăn chặn nước tràn đến mức giảm thiểu nhất có thể có tính đến loại vật liệu bị tràn.
- Nếu có thể, hãy thông tắc cống thoát nước mưa.
- Khi đến cơ quan cứu hộ khẩn cấp đến (nếu được yêu cầu), hãy bàn giao trách nhiệm về sự cố tràn cho Cán bộ cấp cao. Cung cấp hỗ trợ theo yêu cầu.
- Xác định phương án tốt nhất để xử lý và/hoặc loại bỏ vật liệu rơi vãi.
- Khử nhiễm bất kỳ thiết bị an toàn cá nhân nào được sử dụng và sẵn sàng để sử dụng trong tương lai. Làm sạch, đổ đầy, thay thế hoặc sạc lại tất cả các vật liệu khẩn cấp đã sử dụng, để sẵn sàng sử dụng trong tương lai.

6.4. Các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống điện

Biện pháp ứng phó với sự cố mất điện:

Nguồn điện do Công ty Điện lực cung cấp được truyền tải qua đường dây cáp đôi, gồm một đường cáp chính và một đường dự phòng. Tuy vậy, đôi khi vẫn xảy ra tình trạng cắt điện, có thể do chủ ý của Công ty nhưng cũng có thể do sự cố hỏng hóc. Dự án cũng đã được thiết kế sao cho trong trường hợp bị cắt điện, hoạt động của Dự án không bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Vì lợi ích cộng đồng, Chủ dự án cam kết sẽ làm việc với Công ty Điện lực để tránh tình trạng trạm xử lý nước thải bị cắt điện.

6.5. Các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố liên quan đến nước thải

6.5.1 Yêu cầu về giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố liên quan đến nước thải

Sự cố môi trường (SCMT) liên quan đến nước thải thường bắt nguồn từ thiên nhiên và hoạt động của con người. Khi xảy ra SCMT sẽ gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, gây thiệt hại về kinh tế, chi phí khắc phục ô nhiễm, làm mất sinh kế của người dân, thậm chí là tính mạng của con người đặc biệt còn gây ra các bất ổn về chính trị, xáo trộn trong dư luận và tâm lý xã hội, trong một số trường hợp còn làm ảnh hưởng tới hình ảnh và uy tín của quốc gia trên trường quốc tế, ...

SCMT do nước thải thường xảy ra với 3 nhóm:

- Nhóm 1: do thiên tai, lũ lụt, bão, hạn hán....;
- Nhóm 2: do hoạt động của con người; và,
- Nhóm 3: do cả con người và thiên nhiên gây ra.

Quy chế ứng phó sự cố chất thải đã được Thủ tướng ký Quyết định ban hành (Quyết định số 09/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ), phân loại sự cố chất thải, quy định cơ chế, trách nhiệm các bên liên quan trong phòng ngừa, ứng phó sự cố, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố chất thải, cơ chế tài chính, sự tham gia của cộng đồng, ... Quy chế cũng chỉ rõ, nguyên tắc ứng phó sự cố chất thải là tích cực phòng ngừa, chủ động xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nguồn lực, các phương án hiệp đồng để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố chất thải.

Điều 108 của Luật BVMT 2014 đã quy định trách nhiệm của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh trong phòng ngừa sự cố môi trường, với các biện pháp như: lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó; lắp đặt thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó; đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường; thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật; có biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường... Luật BVMT 2020 đã quy định rõ hơn về công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải (Điều 51, 53).

Nghị định 08/2022-NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật BVMT 2020 đã cụ thể hóa các quy định liên quan đến phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo Luật BVMT 2020 tại Chương IX, mục 1, Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, Điều 108 – 111.

6.5.2 Nguyên tắc ứng phó sự cố chất thải:

Việc ứng phó sự cố liên quan nước thải sẽ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1- Tích cực phòng ngừa, chủ động xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các nguồn lực, các phương án hiệp đồng để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

2- Tổ chức tiếp nhận, xử lý kịp thời thông tin sự cố, ưu tiên báo đảm thông tin cho hoạt động ứng phó, báo cáo kịp thời đến cơ quan có thẩm quyền khi vượt khả năng ứng phó.

3- Ứng phó sự cố chất thải phải được thực hiện theo phương châm "bốn tại chỗ" và "ba sẵn sàng" quy định tại pháp luật phòng, chống thiên tai; phối hợp, huy động mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả hoạt động chuẩn bị và ứng phó sự cố.

4- Chỉ huy thống nhất, phối hợp và hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động ứng phó sự cố chất thải.

5- Tổ chức, cá nhân gây sự cố chất thải chịu trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức ứng phó sự cố, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác do sự cố gây ra theo quy định của pháp luật.

+ Đối với Hệ thống Thoát nước và xử lý nước thải của Dự án, sự cố do nước thải được phân loại thành 4 mức độ gồm: Sự cố mức độ thấp, sự cố mức độ trung bình, sự cố mức độ cao và sự cố mức độ thảm họa.

- *Sự cố mức độ thấp*: gồm sự cố trong phạm vi của cơ sở và trong khả năng tự ứng phó của cơ sở; chủ cơ sở tổ chức ứng phó (Dự án); Sự cố có phạm vi ảnh hưởng trong địa giới hành chính của một quận, huyện (sự cố xảy ra trên mạng lưới thoát nước), Chủ tịch UBND cấp xã, Trưởng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức ứng phó.

- *Sự cố mức độ trung bình* là sự cố có phạm vi ảnh hưởng trong địa giới hành chính của TP. Hải Phòng (trừ sự cố mức độ thấp). Sự cố loại này do Chủ tịch UBND TP. Hải Phòng, Trưởng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn TP. Hải Phòng chỉ đạo tổ chức ứng phó.

- *Sự cố mức độ cao* là sự cố có phạm vi ảnh hưởng trên địa giới hành chính của hai tỉnh trở lên. Sự cố này do Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn chỉ đạo tổ chức ứng phó.

- *Sự cố thảm họa* là sự cố đặc biệt nghiêm trọng, có ảnh hưởng lớn đến quốc phòng, an ninh, ngoại giao. Việc ứng phó sự cố này được thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

+ Cơ quan, người có thẩm quyền chỉ đạo tổ chức ứng phó sự cố được thành lập sở chỉ huy, chỉ định người chỉ huy, chỉ định người phát ngôn và được quyền yêu cầu và huy động các lực lượng có liên quan để tổ chức ứng phó sự cố.

+ Cơ quan tham mưu trong tổ chức ứng phó sự cố là Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường các cấp tương ứng thẩm quyền chỉ đạo ứng phó sự cố của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp.

+ Ứng phó sự cố có 03 giai đoạn: (1) giai đoạn chuẩn bị ứng phó sự cố, (2) giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố và (3) giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố. Bắt đầu và kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố và giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường phải được công bố công khai bởi cơ quan có thẩm quyền để cộng đồng dân cư được biết.

- *Giai đoạn thứ nhất là chuẩn bị ứng phó sự cố.* Giai đoạn này gồm các hoạt động như xây dựng kế hoạch, kịch bản ứng phó sự cố; xây dựng lực lượng, nguồn lực và trang thiết bị ứng phó sự cố và tổ chức diễn tập ứng phó sự cố sự cố.

- *Giai đoạn thứ hai là tổ chức ứng phó sự cố,* gồm các hoạt động tiếp nhận, xử lý thông tin và công bố sự cố chất thải; thành lập sở chỉ huy, chỉ định người chỉ huy, người phát ngôn; huy động các lực lượng để triển khai các hoạt động ứng phó cụ thể; điều tra nguyên nhân sự cố trong trường hợp cần thiết.

Về tổ chức ứng phó sự cố chất thải, quy trình cụ thể thực hiện bao gồm: Tiếp nhận thông tin về sự cố → xử lý thông tin → công bố thông tin sự cố và khuyến cáo cộng đồng → chỉ định người chỉ huy, người phát ngôn → thành lập sở chỉ huy và huy động lực lượng ứng phó sự cố → tiến hành các hoạt động ứng phó sự cố và xác định nguyên nhân sự cố (nếu có) → Công bố kết thúc ứng phó sự cố → Cải tạo, phục hồi môi trường → công bố kết thúc cải tạo, phục hồi môi trường.

- *Giai đoạn thứ ba là cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố chất thải,* gồm các nội dung như điều tra, đánh giá mức độ thiệt hại; xác định khối lượng, hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; xây dựng, phê duyệt kế hoạch, dự toán và tổ chức thực hiện kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường; nghiệm thu và công bố hoàn thành giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường.

+ Về chi phí thực hiện: Về nguyên tắc, ai gây ra sự cố chất thải thì phải có trách nhiệm chi trả cho chi phí tổ chức ứng phó, cải tạo và phục hồi môi trường, bao gồm cả các trách nhiệm khác như bồi thường thiệt hại, hành chính, hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức, cá nhân gây ra sự cố không có khả năng chi trả, chi trả không đủ, không kịp thời hoặc trong trường hợp chưa xác định được chủ thể gây ra sự cố thì nhà nước có trách nhiệm đứng ra tổ chức ứng phó sự cố để bảo vệ lợi ích chung, lợi ích của cộng đồng. Trường hợp này, nguồn kinh phí được xác định là từ nguồn kinh phí dự phòng, nguồn sự nghiệp môi trường và các nguồn khác theo quy định pháp luật. Sau đó tổ chức, cá nhân gây ra sự cố có trách nhiệm bồi hoàn các chi phí liên quan đến tổ chức ứng phó sự cố chất thải và cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố cho nhà nước.

6.5.3 Ứng phó sự cố do nước thải tại trạm XLNT

+ Người đại diện theo pháp luật của cơ sở hoặc người được ủy quyền là người chỉ huy ứng phó sự cố tại cơ sở. Người chỉ huy ứng phó sự cố tại cơ sở phải tổ chức ứng phó sự cố, đánh giá phạm ảnh hưởng và khả năng tự ứng phó của cơ sở.

+ Trường hợp sự cố trong khả năng tự ứng phó của cơ sở, người chỉ huy có trách nhiệm thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố theo kế hoạch, kịch bản đã được phê duyệt; đồng thời có trách nhiệm báo cáo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp phường, xã về việc ứng phó sự cố trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện sự cố.

+ Trường hợp sự cố vượt ngoài khả năng tự ứng phó của cơ sở, người chỉ huy phải thông báo ngay đến UBND cấp phường, xã hoặc Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp trên để được tổ chức ứng phó; bàn giao quyền chỉ huy cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn và chỉ đạo lực lượng ứng phó sự cố của cơ sở thực hiện theo yêu cầu của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

+ Báo cáo và thông báo sự cố thất thải gồm các nội dung: thời gian, địa điểm, nguyên nhân xảy ra sự cố; mức độ, phạm vi ảnh hưởng, các thiệt hại do sự cố gây ra; các hoạt động ứng phó sự cố đã thực hiện; đánh giá khả năng ứng phó của cơ sở và các nội dung khác có liên quan.

+ Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố phải có trách nhiệm cải tạo, phục hồi môi trường hoặc chi trả kinh phí cho công tác cải tạo, phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bảng dưới đây trình bày các hoạt động ứng phó theo mức độ thiệt hại khi xảy ra sự cố tại Dự án.

Bảng 19 Các hoạt động ứng phó theo mức độ thiệt hại khi xảy ra sự cố tại Dự án

Mức độ thiệt hại	Mô tả	Hoạt động ứng phó
Mức độ I: Sự cố gây tác động không đáng kể	Sự cố gây rủi ro ở mức thấp; Nước thải sau xử lý vẫn nằm trong giới hạn cho phép; Sự cố này không gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người và các vấn đề về môi trường; Sự cố này thường được khắc phục trong vòng 24 giờ.	Báo cáo cho bộ phận quản lý; Kiểm soát nước thải đầu vào của trạm XLNT; Triển khai các biện pháp khắc phục; Ghi chép lại thông tin của sự cố và các biện pháp đã áp dụng để khắc phục sự cố; Khắc phục và sửa chữa các thiệt hại xảy ra sau khi các công trình xử lý quay trở lại làm việc bình thường.
Mức độ II: Sự cố gây tác động đáng kể (Sự cố cấp cơ sở hoặc cấp xã, phường, sự cố ở mức độ thấp – theo phân	Trạm XLNT xảy ra sự cố đáng kể; Nước thải sau xử lý vượt quá giới hạn cho phép; Trạm XLNT bị gián đoạn hoạt động;	Báo cáo cho bộ phận quản lý để kiểm tra và khắc phục tại hiện trường; Triển khai các hoạt động để khắc phục sự cố đã nêu trong mức độ I;

loại của Quy chế ứng phó sự cố chất thải, ban hành theo Quyết định 09/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng CP)	Cần có sự can thiệp bên ngoài; Sự cố ảnh hưởng đến sức khỏe con người và gây ra một số vấn đề về môi trường; Có thể mất hơn 24 giờ để khắc phục sự cố.	Thực hiện các bước cần thiết để ngăn chặn sự cố và bảo đảm công trình quay trở lại hoạt động bình thường; Ghi chép lại thời gian xảy ra sự cố; Theo dõi tình trạng hoạt động của các sensor cảm biến sau khi hệ thống xử lý quay trở về trạng thái làm việc bình thường. Báo cáo cho UBND xã, phường và Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh trong vòng 24h.
Mức độ III: Sự cố gây tác động nghiêm trọng (Sự cố cấp tỉnh hoặc cấp Quốc gia, sự cố mức độ trung bình hoặc cao hoặc mức thảm họa - theo phân loại của Quy chế ứng phó sự cố chất thải, ban hành theo Quyết định 09/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng CP)	Các sự cố gây ra gián đoạn nghiêm trọng cho trạm xử lý; Ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người và gây ô nhiễm môi trường; Có thể mất nhiều ngày để giải quyết sự cố.	Tất cả các hành động ở cấp độ I và cấp độ II; Báo cáo cho UBND xã, phường, và Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh. BCH cấp xã, phường báo cáo UBND tỉnh và BCH cấp tỉnh; bàn giao quyền điều hành cho BCH cấp tỉnh (nếu sự cố ở cấp tỉnh). BCH cấp tỉnh báo cáo BCH cấp Quốc gia; bàn giao quyền điều hành cho BCH cấp Quốc gia (nếu sự cố ở cấp QG và ở mức cao). Nếu sự cố ở mức thảm họa, sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp. Liên lạc với truyền thông để công khai sự cố.

6.5.4 Các trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố do nước thải

Với dự án thoát nước và XLNT đô thị, đặc biệt là dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang”, với công suất thiết kế tương đối lớn, địa điểm bố trí ngay trong nội thành có mật độ cao, quỹ đất hạn chế, nước thải được thu gom và xử lý là nước thải sinh hoạt đô thị, có

lẫn một phần nước ngầm và nước mưa (vào mùa mưa), không thể bố trí công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải được xây dựng riêng biệt, vì lý do nước thải, nước mưa từ các tuyến cống thoát nước và trạm bơm chính, có đặc tính tương đối ổn định, dễ phân hủy sinh học, hệ thống cống thoát nước có một dung tích chứa lớn. Quy định hiện hành cũng không quy định bắt buộc phải xây dựng các dung tích chứa nước thải riêng biệt khi có sự cố. Tuy nhiên, với quy mô công suất tương đối lớn, việc áp dụng các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với Dự án là rất cần thiết. Dự án áp dụng các giải pháp công trình và phi công trình sau đây để phòng ngừa và ứng phó sự cố do nước thải.

a) Dây chuyền công nghệ đảm bảo khả năng làm việc ổn định, đạt quy chuẩn xả thải:

Dây chuyền công nghệ xử lý nước thải của dự án được thiết kế và lựa chọn trên cơ sở phù hợp với quy mô, đặc điểm nước thải và yêu cầu bảo vệ môi trường của khu dân cư. Toàn bộ hệ thống được tính toán để vận hành ổn định, liên tục, đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Công nghệ xử lý được bố trí theo hướng khép kín, bao gồm các công đoạn cơ học, sinh học và khử trùng, đảm bảo hiệu quả xử lý cao đối với các thông số ô nhiễm hữu cơ, chất rắn lơ lửng và vi sinh vật gây bệnh. Các thiết bị quan trọng như bơm, máy thổi khí, tủ điều khiển, cảm biến đo chất lượng nước được lựa chọn từ các hãng uy tín, có độ bền và độ tin cậy cao, đồng thời được bố trí phương án vận hành luân phiên và dự phòng để giảm thiểu nguy cơ sự cố kỹ thuật.

Hệ thống được trang bị bể điều hòa nhằm cân bằng lưu lượng và tải lượng ô nhiễm, góp phần duy trì hiệu suất xử lý ổn định trong mọi điều kiện vận hành. Ngoài ra, hệ thống tách biệt hoàn toàn giữa nước thải và nước mưa, giúp tránh hiện tượng quá tải hoặc pha loãng trong mùa mưa, đảm bảo hệ thống xử lý không bị gián đoạn.

Việc vận hành dây chuyền công nghệ tuân thủ theo quy trình kỹ thuật cụ thể, có sự giám sát thường xuyên của cán bộ chuyên môn và được kiểm tra định kỳ thông qua phân tích mẫu nước thải đầu ra. Nhờ đó, hệ thống luôn đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt các giá trị giới hạn quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT hoặc quy chuẩn tương đương, góp phần phòng ngừa các sự cố xả thải vượt quy chuẩn ra môi trường.

b) Bố trí các thiết bị hoạt động song song, có thiết bị dự phòng:

Các thiết bị được thiết kế và lựa chọn làm việc song song, có thiết bị dự phòng, đảm bảo khả năng dừng bất kỳ thiết bị nào khi cần bảo trì hay khi có sự cố xảy ra. Các thiết bị khác vẫn hoạt động bình thường.

Bảng 20. Thống kê số lượng các thiết bị theo từng bậc xử lý trong DCCN

Stt	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
I	Bể đầu vào		
1	Bơm chìm bể thu gom	Bộ	2
II	Bể điều hòa		
1	Bơm chìm bể điều hòa	Bộ	3
2	Đĩa phân phối khí thô	Bộ	80
3	Máy thổi khí	Bộ	2
4	Van điều khiển motor	Bộ	2
III	Bể Selector		
1	Đĩa phân phối khí thô	Bộ	66
IV	Bể ASBR		
1	Đĩa phân phối khí tinh	Bộ	320
2	Bơm tuần hoàn	Bộ	2
3	Bơm bùn	Bộ	2
4	Máy thổi khí	Bộ	3
5	Van điều khiển motor	Bộ	4
6	Gạn thu nước (Decanter)	Bộ	2
7	Phao đo mức	Bộ	2
V	Bể khử trùng		
1	Bơm chìm	Bộ	3
VI	Hệ thống hóa chất		
1	Bơm định lượng cho mỗi bồn hóa chất	Bộ	2
VII	Hệ thống xử lý mùi		
1	Bơm tuần hoàn dung dịch hóa chất	Bộ	2

c) Sử dụng các đơn nguyên làm việc song song để điều tiết dòng nước thải trong hệ thống:

Các đơn nguyên xử lý được thiết kế làm việc song song. Với công suất thiết kế 1.580 m³/ngày, trong thời gian tới, Hệ thống xử lý nước thải của dự án sẽ chỉ hoạt động chưa hết công suất, đảm bảo khả năng chứa nước thải lớn, đảm bảo khả năng dừng bất kỳ công

trình nào khi cần bảo trì hay khi có sự cố xảy ra, trong khi vẫn duy trì các đơn nguyên khác hoạt động bình thường.

Bảng 21. Thống kê số lượng các công trình trong DCCN

STT	Công trình	Đơn vị	Số lượng
1	Bể selector	Số môđun	2
		Số ngăn/ môđun	2
2	Bể ASBR	Số môđun	2
		Số bể/ môđun	2

d) Hệ thống đo lường – giám sát – tự động hóa - điều khiển:

Hệ thống XLNT của dự án được thiết kế với mức độ tự động hóa cao, cho phép tối ưu hóa quá trình vận hành, chọn thông số vận hành phù hợp với lưu lượng và chất lượng nước đầu vào cũng như qua từng bậc xử lý, giúp giảm chi phí vận hành (điện, hóa chất) và giảm thiểu rủi ro xảy ra sự cố, đồng thời cho phép sớm phát hiện các dấu hiệu bất thường và xử lý, khắc phục sớm.

Rất nhiều thao tác vận hành được thực hiện dựa trên các thông tin được phát hiện và đo đạc bởi trang thiết bị đo.

e) Chương trình quan trắc, giám sát môi trường định kỳ:

Chi tiết Chương trình quan trắc, giám sát môi trường định kỳ được trình bày chi tiết ở Chương 5, mục 2.1

f) Trạm quan trắc chất lượng nước thải online:

Độ pH, nhiệt độ, các chỉ số TSS, COD, NH_4^+ và lưu lượng nước thải đầu ra sẽ được quan trắc để gửi số liệu theo thời gian thực tới Sở Tài nguyên Môi trường và truyền trực tiếp qua Scada về phòng điều khiển phục vụ công tác vận hành của nhà máy.

Chi tiết Chương trình quan trắc, giám sát môi trường tự động liên tục được trình bày chi tiết ở Chương 5, mục 2.2.

g) Kế hoạch bảo dưỡng thiết bị:

Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, công trình là giải pháp đặc biệt quan trọng để đảm bảo hệ thống làm việc bình thường, phát huy hiệu quả tối đa, phòng ngừa các rủi ro, sự cố có thể xảy ra. Có hai phương thức bảo dưỡng: bảo dưỡng phòng ngừa và bảo dưỡng phục hồi. Bảo dưỡng phòng ngừa là hoạt động bảo dưỡng có lịch trình được thiết kế nhằm ngăn thiết bị bị lỗi và gián đoạn trong quá trình xử lý. Bảo dưỡng phòng ngừa điển hình bao

gồm việc kiểm tra bể và kiểm tra thiết bị, thay dầu, bôi trơn động cơ, v.v.. Mục đích của một chương trình bảo dưỡng phòng ngừa có hiệu quả là để bảo vệ thiết bị có giá trị, tăng tuổi thọ của thiết bị này và để đảm bảo việc xử lý thích hợp. Kiểu thứ hai của bảo dưỡng là bảo dưỡng phục hồi. Kiểu bảo dưỡng này được tiến hành khi một lỗi xảy ra và được yêu cầu để khôi phục thiết bị về tình trạng hoạt động.

Chi phí và thời gian để hoàn thành bảo dưỡng phòng ngừa là hầu như là luôn luôn ít hơn chi phí và thời gian để hoàn thành bảo dưỡng sửa chữa. Tùy thuộc vào hoạt động và kiểu của thiết bị, sự bảo dưỡng có thể được yêu cầu hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng nửa năm hoặc hàng năm. Bảng dưới đây đưa ra một ví dụ của lịch trình bảo dưỡng phòng ngừa.

Dự án đặc biệt coi trọng nội dung bảo trì, bảo dưỡng. Lịch bảo dưỡng phòng ngừa hoàn chỉnh sẽ được chuẩn bị bởi người vận hành dựa vào các tài liệu hướng dẫn thiết bị được cấp bởi các nhà sản xuất vì các tài liệu hướng dẫn thiết bị sẽ đề nghị tần suất bảo dưỡng và cũng như các thông số kỹ thuật về loại nhiên liệu, chất bôi trơn hoặc dầu cần có.

Bảng 22 Ví dụ về lịch trình bảo dưỡng phòng ngừa của thiết bị

Vận hành và bảo dưỡng phòng ngừa		Tần suất						
		Hàng ngày	Hàng tuần	Hàng tháng	Đợt 3 tháng	Đợt 6 tháng	Hàng năm	Khi cần thiết
1	Bơm và động cơ							
	1)Kiểm tra tắc nghẽn bơm	√						
	2)Kiểm tra bơm về tình trạng kẹt và gần kẹt	√						
	3)Kiểm tra nhiệt độ vòng bi của bơm	√						
	4)Kiểm tra các động cơ về tỏa nhiệt	√						
	5)Kiểm tra các trục tay áo của bơm			√				
	6)Xả dầu mỡ bôi trơn bơm, làm sạch sạch các lỗ tra dầu và vòng bi bằng dầu hòa				√			
	7)Kiểm tra bạc lót bơm				√			
	8)Kiểm tra liên kết của bơm và mặt bích của động cơ với cạnh thẳng					√		

9)Kiểm tra crepin bơm và van một chiều					√		
10)Kiểm tra các vòng chống mài mòn của bơm						√	
11)Làm sạch các ống kín nước						√	
12)Thay thế các tay áo trục bơm							√
13)Làm sạch lưới chắn tại đường vào ống hút máy bơm							√
14)Bôi trơn các vòng bi bơm							√
15)Thay thế phần vỏ bơm							√

6.5.5 Một số sự cố thường gặp và giải pháp ứng phó:

a) Các biện pháp phòng ngừa sự cố tại hệ thống XLNT:

- Kiểm soát quá trình vận hành, tuân thủ các yêu cầu và thông số kỹ thuật thiết kế.
- Nhân viên vận hành phải được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống trạm xử lý nước thải.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành trạm xử lý nước thải đã được đề ra.

+ Các sự cố liên quan đến nước thải có thể xảy ra trong quá trình vận hành và cách khắc phục được trình bày trong bảng dưới đây.

+ Đối với lỗi sự cố do vỡ, hỏng, rò rỉ đường ống: Thông thường, hệ thống chỉ xảy ra sự cố với 01 mô-đun/ngăn nên có thể vận hành các mô-đun/ngăn còn lại trong khi sửa chữa mô-đun sự cố. Nếu việc sửa chữa sự cố quá dài, cần giảm sản lượng sản xuất để giảm lượng nước thải đầu vào cho tới khi khắc phục được sự cố và các mô-đun trở lại hoạt động bình thường.

+ Đối với lỗi sự cố thiết bị (bơm nước thải, máy thổi khí,...): Các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải đều được trang bị thêm các thiết bị dự phòng. Vì vậy, nếu xảy ra lỗi thiết bị, chuyển sang sử dụng thiết bị dự phòng và đưa thiết bị hỏng hóc đi sửa chữa.

+ Khi sự cố xảy ra, phòng kỹ thuật và công nhân vận hành sẽ rà soát lại toàn bộ các thông số vận hành để điều chỉnh theo đúng thiết kế.

+ Nếu sự cố vượt quá khả năng xử lý của Công ty, phải thuê công ty bên ngoài có năng lực về kiểm tra điều chỉnh.

Bảng 23 Một số sự cố thường gặp đối với mạng lưới thu gom nước thải về nhà máy, nguyên nhân và cách khắc phục

Các sự cố thường gặp	Nguyên nhân chính	Cách khắc phục
Tắc nghẽn cống thoát nước	- Rác thải sinh hoạt (như túi nilon, giấy vệ sinh, dầu mỡ). - Cặn bã, bùn đất tích tụ trong đường cống. - Vật cản lớn bị cuốn vào cống trong các trận mưa lớn.	- Thường xuyên kiểm tra và làm sạch các đường cống. - Cài đặt các rào chắn và bể lắng để giữ lại các vật cản lớn. - Sử dụng các thiết bị thông cống chuyên dụng để làm sạch các đoạn cống bị tắc.
Vỡ hoặc rò rỉ đường ống	- Đường ống xuống cấp - Ảnh hưởng từ hoạt động xây dựng hoặc các sự cố thiên tai. - Do tải trọng nặng như xe cộ trên đường. - Do sụt lún đất đá, ...	- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ hệ thống đường ống. - Sửa chữa hoặc thay thế ngay các đoạn cống bị hư hỏng. - Sử dụng các vật liệu bền vững và phù hợp cho việc lắp đặt hệ thống cống.

Bảng 24. Các sự cố thường gặp đối với công trình XLNT và phương án khắc phục

Các trục trặc về kỹ thuật thường gặp	Nguyên nhân chính	Cách khắc phục
Bể xử lý sinh học		
Hiện tượng bùn nổi nhiều trên mặt nước trong quá trình lắng:	Do sự trương nở bùn thường do vi sinh vật dạng sợi (Filamentous) hoạt động như những thanh nổi ngăn chặn sự tạo khối của những hạt bùn và tạo ra khả năng lắng kém	Để khắc phục vấn đề này bằng cách cho các hóa chất keo tụ vào bể lắng;

	Tỷ số F/M cao	Giảm lưu lượng nước thải, giảm thải bùn để giảm tỷ số F/M hay tăng tuổi bùn.
	Nồng độ DO thấp	Kiểm tra DO có được duy trì $DO > 2\text{mg/l}$, nếu không điều chỉnh tăng cấp khí
	SVI quá cao	Điều chỉnh thông số $SVI < 150$.
	pH quá cao hay quá thấp	Kiểm tra để có thể phải điều chỉnh thông số $pH = 6,5-7,5$;))
	Mất cân bằng tỷ lệ BOD:N:P	Bổ sung chất dinh dưỡng hoặc thay đổi các thông số vận hành
Hiện tượng bùn thối: thường là đen hoặc vàng tối, nổi lên trên bề mặt trong quá trình lắng;	Lượng bùn dư không được bơm hết	Bơm bùn dư thường xuyên
	Do lưu lượng nước thải quá thấp	Sục khí liên tục
Sự tạo bọt bề mặt xử lý sinh học.	Nồng độ MLSS thấp	Duy trì nồng độ MLSS trong bể cao hơn bằng cách tăng lưu lượng bùn hồi lưu.
	Sục khí quá nhiều	Giảm cung cấp khí trong thời gian lưu lượng đầu vào thấp nhưng vẫn duy trì mức DO không nhỏ hơn 2mg/l .
Hình thành lớp váng bọt trong bể xử lý sinh học	Bùn dư quá nhiều	Kiểm tra nồng độ bùn trong bể sục khí, tăng lưu lượng bùn thải.
	Ô nhiễm do nước thải công nghiệp	Duy trì bình thường các thông số vận hành
Có các dải bùn chạy dài	Nồng độ oxy thấp trong bể sục khí	Tăng lưu lượng sục khí
	Mất cân bằng tỷ lệ BOD:N:P	Bổ sung chất dinh dưỡng phù hợp
	Tải trọng bùn quá cao	Giảm lượng bùn dư

	Thông số pH thấp	Điều chỉnh pH(pH≈7)
Các hiện tượng bùn nổi trong quá trình lắng	Hiện tượng có các đám bùn nhỏ(đám đầu đình)	Tăng lưu lượng bùn thải
	Do xuất hiện dầu mỡ	Loại bỏ dầu mỡ và thực hiện tách triệt để dầu mỡ ở bể lắng.
Nồng độ NH ₃ cao ở đầu ra	Nồng độ Oxy thấp trong quá trình sục khí	Tăng hàm lượng oxy trong quá trình sục khí
	Nồng độ oxy tại các khu vực bể không đều	Điều chỉnh đầu phân phối khí phù hợp
	Xuất hiện thành phần nước thải công nghiệp ảnh hưởng quá trình xử lý	Tìm cách hạn chế sự ảnh hưởng bằng cách duy trì sự ổn định của pH; tăng cường quá trình ni tơ hoá.
	Thời gian lưu giữ bùn quá thấp	Tăng hàm lượng bùn trong bể xử lý sinh học
	Quá trình khử ni tơ chưa đạt yêu cầu	Điều chỉnh và tăng thời gian ni tơ hoá
	Tỷ lệ chất hữu cơ/Ni tơ quá thấp	Bổ sung cacbon từ bên ngoài
Nồng độ BOD ở đầu ra tăng cao	Do sục khí chưa đủ	Tăng thời gian sục khí
	Lượng bùn hoạt tính thấp	Giảm lượng bùn thải
	Xuất hiện thành phần kim loại nặng; các chất dung môi; dung dịch phenol; xyanua...	Xác định chính xác chất gây ô nhiễm và tìm biện pháp loại bỏ.
	Bùn lắng kém	Cho thêm hóa chất
	Do tải trọng bùn thấp, sẽ xảy ra hiện tượng bùn tụ thành đám nhỏ, nổi lên rồi trôi theo nước trong quá trình tách nước khỏi bể xử lý sinh học	Tăng lượng bùn dư, giảm thời gian lưu giữ bùn.
Bể làm đặc bùn		
	Bùn dư quá nhiều	vận hành máy ép bùn;

Bùn nổi đầy bể làm đặc bùn	Bùn không lắng được	cho chất keo tụ trợ lắng;
	Bùn vón cục bám từng mảng trên mặt bể	vớt thủ công hoặc vận hành cào bùn;
	Bùn quá loãng	thêm chất keo tụ;
Bùn sau ép không đạt độ khô	Do bùn quá loãng	Bổ sung thêm chất polymer
	Máy ép bùn bị trục trặc	Kiểm tra, điều chỉnh các thông số máy ép bùn
Thiết bị khử mùi		
Hệ thống các bơm không hoạt động	Cầu dao nguồn ngắt do đấu nối ngược pha,	Đấu lại pha cho đúng
	Quá tải	Kiểm tra lại toàn bộ nguyên nhân gây quá áp, đóng lại cầu dao
Hiệu suất xử lý khí giảm do vi sinh vật bị chết (với hệ thống khử mùi vi sinh)	Thiếu oxy	Bổ sung oxy
	Thiếu chất dinh dưỡng	Kiểm tra lại hoạt động của bơm chất dinh dưỡng
	Phát sinh một số chất độc, có hại cho vi sinh vật	Khôi phục lại hệ thống vi sinh vật
	Lớp đệm hữu cơ bị thối mục	Thay lớp đệm mới
Hàm lượng hóa chất cung cấp không đủ (rửa khí)	Bơm định lượng hỏng	Sửa bơm
	Lượng khí thải tăng do sự cố trong các công trình sinh học	Điều chỉnh bơm định lượng để tăng hàm lượng hóa chất
Bồn chứa hóa chất bị rò rỉ (rửa khí)	Ngoại lực, ăn mòn	Vá lại
Bơm hóa chất bị rò rỉ (rửa khí)	Hở đầu nối, joang	Sửa hoặc thay mới
Bơm hoạt động mà hóa chất không ra (rửa khí)	Bơm hỏng (bị tụt áp)	Sửa hoặc thay mới
	Hết hóa chất	Bổ sung hóa chất vào bể chứa

Thiết bị, động cơ có chất lượng không tốt hoặc cũ thường gây ra các sự cố. Trong NM XLNT, các thiết bị, động cơ thường bị trục trặc bao gồm: Máy hút khí, máy tách rác.... Một số sự cố đối với các thiết bị này được liệt kê theo bảng sau.

Bảng 25. Một số sự cố thường gặp đối với các thiết bị, nguyên nhân và cách khắc phục

Các trục trặc về kỹ thuật thường gặp	Nguyên nhân chính	Cách khắc phục
Máy thổi khí		
Tiếng động lạ hay chấn động	Dây cu-roa bị giãn	Căng dây lại hay thay dây mới
	Không đủ dầu, mỡ bôi trơn	Thêm dầu, mỡ
	Do sự tiếp xúc các thành phần bên trong.	Thực hiện kiểm tra bên trong máy và vệ sinh
	Áp lực bất thường	Xử lý nguồn gây ra bất ổn về áp lực
	Sự lỏng lẻo các khớp nối	Siết chặt các chi tiết nối
Sự thải nhiệt bất bình thường	Sự thông khí không đầy đủ	Làm thoáng máy nhiều hơn để giảm nhiệt
	Tắc nghẽn lớp lọc bụi	Làm sạch lớp lọc
	Không đủ nước làm mát hay tắc nghẽn đường mát.	Làm sạch ống nước làm mát.
Rò rỉ dầu máy	Quá nhiều dầu máy	Điều chỉnh lượng dầu đến phần giữa mắt dầu khi máy ngừng hẳn.
	Sự lỏng lẻo các khớp nối	Siết chặt các chi tiết nối
	Phốt nhót bị hư	Thay phốt mới.
Không đủ thể tích khí yêu cầu	Rò rỉ đường ống dẫn khí	Loại bỏ các nguồn gây rò rỉ
	Gia tăng áp lực hút	Loại bỏ các nguồn làm tăng áp lực ở cuối đầu hút
	Dây cu-roa bị giãn	Căng dây lại hay thay dây mới
Gia tăng áp lực đẩy	Van đóng	Mở hết van
	Tắc nghẽn ống phân phối khí	Làm sạch ống phân phối khí
	Gia tăng mật độ bùn hay cặn lắng	Loại bỏ bùn, cặn lắng
Máy bơm		

Bơm dừng hoạt động sớm hoặc không khởi động được	Nguồn điện cung cấp không đúng	Kiểm tra mạch và sửa chữa cho đúng nếu cần thiết
	Cáp nối không liên kết được hoặc kết nối không hiệu quả	Thay thế cáp bằng cáp mới hay sửa lại liên kết cáp
	Bộ bảo mức khởi động không chính xác hoặc không liên kết	Loại bỏ vật gây trở ngại, sửa chữa và thay thế nếu cần thiết
	Động cơ bị kẹt bởi những vật bên ngoài	Kiểm tra bơm và loại bỏ vật bên ngoài nếu cần
	Động cơ bị cháy	Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết
Bơm hoạt động được một thời gian rồi dừng lại	Bộ bảo vệ nhiệt làm việc khi động cơ hoạt động phơi nhiễm với không khí trong một thời gian dài	Nâng mực nước
	Bộ bảo vệ nhiệt làm việc với nền nhiệt độ cao	Hạ nhiệt độ nước
Trục trục thiết bị cung cấp điện khởi động	Thiết lập giá trị không đúng	Thay thế bằng giá trị mới thích hợp hơn hoặc thay đổi giá trị bằng giá trị thiết lập chính xác.
	Động cơ hoạt động không bình thường (cháy hoặc bị bẫy nước)	Sửa chữa hoặc thay thế khi cần thiết
	Động cơ 50 Hz được sử dụng lưới điện cung cấp 60 Hz	Kiểm tra biển hiệu và thay thế bơm hoặc bánh công tác nếu cần thiết
Công suất (lưu lượng nước vào bơm) giảm hoặc nước không vào chút nào cả	Bơm quay nghịch đảo không đúng hướng	Thay đổi hai pha của hệ thống đường dây điện bằng pha khác
	Khớp không khí bị hỏng	Kiểm tra mức độ dừng lại bình thường của bơm và lỗ thông khí của bơm
	Bơm hoặc ống bị tắc bởi vật thể bên ngoài	Loại bỏ vật thể bên ngoài

	Cột áp bơm quá cao hoặc áp suất mất mát trong đường ống quá lớn	Xem lại thiết kế ban đầu và thay đổi nếu cần thiết
Trường hợp quá áp	Sự giảm điện thế quá lớn	Kiểm tra nguồn cấp điện
	Bơm quay nghịch đảo không đúng hướng	Thay đổi hai pha của hệ thống đường dây điện bằng pha khác
	Bơm bị tắc bởi vật thể bên ngoài	Kiểm tra bơm và loại bỏ vật thể bên ngoài nếu cần
Rung hoặc có tiếng ồn	Bơm quay nghịch đảo không đúng hướng	Thay đổi hai pha của hệ thống đường dây điện bằng pha khác
	Bơm bị tắc bởi vật thể bên ngoài	Kiểm tra bơm và loại bỏ vật thể bên ngoài nếu cần
	Ống cung cấp bị lỏng	Sửa chữa đường ống
	Đường ống hoạt động bị cộng hưởng/có tiếng ồn	Sửa chữa đường ống
	Giá đỡ bơm bị hỏng	Sửa chữa hoặc thay thế
	Van cổng mở chưa đủ rộng	Điều chỉnh độ mở van hợp lý

b) Biện pháp ứng phó sự cố trong trường hợp nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn.

Nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau, thường bao gồm các yếu tố liên quan đến vận hành, bảo trì hệ thống, và thành phần nước thải đầu vào. Dưới đây là một số nguyên nhân phổ biến và các biện pháp khắc phục:

Bảng 26 Một số nguyên nhân chính dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn và các biện pháp khắc phục

Các nguyên nhân thường gặp	Nguyên nhân chính	Cách khắc phục
Quá tải hệ thống xử lý	Lưu lượng nước thải vào hệ thống xử lý lớn hơn lưu lượng thiết kế	Điều chỉnh giảm lưu lượng nước thải đầu vào đến hệ thống xử lý thông qua trạm bơm và các hồ ga thu gom

		nước trên hệ thống cống bao
Thành phần nước đầu vào thay đổi	Thành phần các chất ô nhiễm đầu vào vượt quá giá trị thiết kế của hệ thống.	Tiến hành phân tích thường xuyên để theo dõi thành phần nước thải đầu vào.
		Điều chỉnh giảm lưu lượng nước thải đầu vào để giảm tải cho hệ thống xử lý.
		Thay đổi chế độ vận hành (thời gian của mỗi chu kỳ) phù hợp với thành phần chất ô nhiễm đầu vào.
Lỗi vận hành	Nhân viên vận hành không đúng quy trình	Đào tạo nhân viên vận hành để đảm bảo tuân thủ đúng quy trình
		Xây dựng quy trình vận hành chuẩn
		Thiết lập quy trình kiểm soát và theo dõi các thông số vận hành quan trọng thường xuyên.
Thiết bị hư hỏng	Hư hỏng hoặc bảo trì thiết bị không đúng cách	Lên kế hoạch bảo trì định kỳ chi tiết
		Sửa chữa, thay thế kịp thời thiết bị hư hỏng
		Xây dựng lịch kiểm tra và thay thế linh kiện thiết bị, theo dõi tuổi thọ của từng thiết bị
Sự cố hóa chất xử lý	Loại hóa chất sử dụng không đảm bảo	Sử dụng hóa chất chất lượng và phù hợp
	Liều lượng hóa chất sử dụng không đúng	Kiểm soát và điều chỉnh liều lượng hóa chất dựa theo yêu cầu thực tế
		Dự trữ hóa chất để tránh thiếu hụt, đảm bảo luôn có sẵn lượng hóa chất để sử dụng

Để phòng ngừa sự cố nước thải đầu ra không đạt quy chuẩn, hệ thống XLNT cần được vận hành đúng theo thiết kế và quy trình đã được phê duyệt. Một hệ thống linh hoạt, có khả năng xử lý hiệu quả các biến động về lưu lượng và thành phần nước thải sẽ giúp ngăn chặn tình trạng quá tải hoặc không đạt yêu cầu xử lý. Đồng thời, việc đào tạo và nâng cao năng lực cho đội ngũ vận hành là rất quan trọng, giúp họ hiểu rõ quy trình, nắm vững cách xử lý sự cố và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn. Bên cạnh đó, thực hiện bảo trì định kỳ sẽ đảm bảo thiết bị luôn hoạt động ổn định, giảm thiểu nguy cơ hư hỏng và gián đoạn không mong muốn trong quá trình vận hành.

Các biện pháp phát hiện sớm sự cố, tránh nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn được áp dụng trong dự án:

Bảng 27 Các biện pháp phát hiện sớm sự cố nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn

Biện pháp phát hiện	Nội dung
Lắp đặt hệ thống giám sát tự động	- Lắp đặt các cảm biến đo lường liên tục các thông số quan trọng như lưu lượng (đầu vào, đầu ra) pH, COD, TSS, Ammonia tại đầu ra hệ thống xử lý. - Lắp đặt các cảm biến đo lường các thông số vận hành của các hạng mục công trình khác như cảm biến đo pH, COD nước thải đầu vào (trạm bơm), cảm biến ORP, DO trong bể phản ứng bùn hoạt tính, đồng hồ đo lưu, ... - Kết nối hệ thống giám sát với thiết bị báo động để cảnh báo khi thông số vượt ngưỡng cho phép.
Theo dõi các thông số vận hành	- Theo dõi và ghi chép các thông số vận hành để phát hiện bất kỳ thay đổi đột ngột nào.
Quan sát trực quan	- Nước thải đầu ra có màu sắc bất thường (màu đen, nâu đục, ...). - Có nhiều bọt nổi lên trên bề mặt nước thải, đặc biệt là trong các bể phản ứng sinh học. - Bùn tích tụ hoặc lắng đọng không đúng cách ở đáy hoặc bề mặt các bể lắng. - Tiếng ồn hoặc rung lắc bất thường từ các thiết bị

Biện pháp ứng phó khi sự cố xảy ra:

- Nước thải sau khi được xử lý được giám sát bằng trạm quan trắc nước thải tự động liên tục. Tại đây nếu phát hiện sự cố chất lượng nước thải sau xử lý không đạt chuẩn cho phép, bơm nước thải đầu vào ngay lập tức sẽ được dừng lại, không tiếp nhận

nước thải vào nhà máy. Nước thải được lưu tại các bể xử lý. Tiến hành lấy mẫu kiểm tra lại. Nếu số liệu quan trắc tự động là tin cậy, tiến hành khắc phục sự cố. Trong trường hợp Nhà máy hoạt động chưa hết công suất thiết kế, các bể xử lý còn khả năng chứa nước thải, vẫn có thể tiếp nhận nước thải đầu vào với lưu lượng giảm đi. Trường hợp Nhà máy hoạt động gần hoặc hết công suất thiết kế, Nước thải sẽ được chứa trong bể điều hòa, trường hợp bể điều hòa không còn dung tích chứa Nhà máy sẽ dừng hoàn toàn trạm bơm nước thải đầu vào cho đến khi sự cố được khắc phục, nước thải đạt quy chuẩn xả thải mới tiến hành xả ra môi trường. Cũng cần lưu ý là trường hợp này chỉ xảy ra như một tình huống xấu nhất, khi các biện pháp quản lý, giám sát ở phía trước trong hệ thống không phát hiện ra bất thường.

- Trong trường hợp đó, có một lượng nước thải nhất định tại hồ khử trùng có chất lượng vượt quy chuẩn (theo 1 hoặc 1 vài thông số). Tùy theo nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này (có liên quan đến chất lượng nước và thông số vượt quá chuẩn), có thể ứng phó như sau:
 - Trường hợp nhà máy chưa hoạt động hết công suất, bể điều hòa và các bể xử lý thuộc đơn nguyên 2, có thể được huy động để tạm chứa nước thải sự cố. Nước thải sẽ được bơm từ hồ khử trùng về các bể phản ứng sinh học thuộc các đơn nguyên này để lưu trữ tạm thời. Sau khi các hạng mục xử lý được rà soát, kiểm tra, khắc phục sự cố (nếu có), nước thải từ các ngăn chứa tạm này sẽ được bơm dẫn về bể phản ứng sinh học (đơn nguyên 1) để xử lý lại. Nước thải vẫn có thể được bơm từ hệ thống thu gom về đầu dây chuyền thông qua trạm bơm chính với lưu lượng nhỏ hơn so với công suất vận hành hàng ngày.
 - Trường hợp nhà máy đã hoạt động gần hoặc hết công suất, không còn dung tích chứa tạm nước thải sự cố, trạm bơm chính sẽ dừng hoàn toàn. Nước thải từ hồ khử trùng được bơm dẫn về các bể phản ứng sinh học thuộc các đơn nguyên 1, 2 để xử lý lại. Các hạng mục công trình xử lý được rà soát, kiểm tra, khắc phục sự cố (nếu có). Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải đầu ra đạt quy chuẩn xả thải, được khẳng định bằng kết quả giám sát từ trạm quan trắc tự động và các mẫu phân tích thủ công, nước thải sau xử lý sẽ được xả ra môi trường, và hệ thống quay trở lại quy trình hoạt động bình thường.

6.6. Kế hoạch phòng chống và ứng phó sự cố thiên tai

6.6.1 Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố thiên tai

Phòng chống và ứng phó với sự cố thiên tai, lũ lụt là nhiệm vụ hết sức khó khăn, và nhiều khi vượt quá tầm kiểm soát của con người, vì vậy biện pháp mang lại nhiều hiệu quả và khả thi nhất là dự báo sớm được thiên tai lũ lụt và chuẩn bị phòng chống ngay từ khi thiên tai chưa bắt đầu. Cụ thể:

- Giải pháp kỹ thuật: thiết kế san nền, hệ thống thoát nước phù hợp, kết cấu công trình đảm bảo theo cấp động đất khu vực;
- Xây dựng phương án phòng chống lụt, bão trước mùa mưa bão.
- Thành lập đội phòng chống thiên tai, đội ứng cứu, cứu hộ tại chỗ, bồi dưỡng kiến thức phòng chống, ứng cứu khi có sự cố do thiên tai xảy ra.
- Vào mùa mưa bão, thường xuyên liên lạc với Ban chỉ huy phòng chống bão lụt tại địa phương để cập nhật thông tin, trao đổi kinh nghiệm và phối hợp triển khai các phương án phòng chống bão lụt.
- Theo dõi chặt chẽ các tin tức dự báo khí tượng thủy văn, phối hợp chặt chẽ và nghiêm chỉnh chấp hành chỉ đạo của Ủy ban phòng chống lụt bão quốc gia.
- Có kế hoạch phối hợp với lực lượng địa phương xử lý hậu quả sau sự cố nếu xảy ra.
- Nâng cao nhận thức và kiến thức cho các cán bộ nhân viên trong Nhà máy về thiên tai, lũ lụt.
- Khi xảy ra bão lũ, Chủ đầu tư (Ban quản lý hạ tầng kỹ thuật) tổ chức trực lãnh đạo 24/24 giờ, để nắm chắc diễn biến tình hình, dự kiến các tình huống xấu nhất có thể xảy ra; phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng tại chỗ để khẩn trương bố trí cán bộ trực tiếp đến các khu vực quan trọng, phối hợp với chính quyền địa phương để chỉ đạo công tác ứng phó kịp thời và có hiệu quả.
- Triển khai kế hoạch, phương án phòng chống lụt bão của Nhà máy đến tất cả cán bộ công nhân viên.
- Đưa các nguyên vật liệu vào vị trí an toàn trong nhà xưởng, hạn chế thấp nhất khả năng xảy ra sự cố.
- Chú ý việc phòng cháy và chữa cháy do sự cố điện, sẵn sàng huy động các phương tiện, trang thiết bị, thông tin để liên lạc.
- Bảo vệ an ninh trật tự, tài sản, trang thiết bị, phòng ngừa các đối tượng xấu lợi dụng khi bão xảy ra để trộm cắp, cướp giật,...
- Chuẩn bị thuốc men cần thiết để đáp ứng nhu cầu cứu thương và khắc phục hậu quả, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ an ninh trật tự.
- Thực hiện chằng chống các phòng không kiên cố, phòng tạm trước lụt bão và khắc phục hậu quả sau lụt bão.
- Tổ chức lực lượng, chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản.

- Sắp xếp máy móc, thiết bị để di dời đến khu vực an toàn nhằm giảm thiểu thiệt hại khi xảy ra mưa bão.

- Tổ chức lực lượng xung kích, trực chiến để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra các tình huống xấu như sập phòng, cháy nổ, v. v....

- Xác định các khu vực trọng điểm có khả năng bị ảnh hưởng nặng khi lụt bão đi qua để thường xuyên theo dõi và kịp thời xử lý, ứng phó.

- Trục, thông tin, báo cáo tình hình và mọi diễn biến, ảnh hưởng, thiệt hại do lụt bão gây ra để cấp trên kịp thời chỉ đạo và có phương án xử lý kịp thời.

6.6.2 Các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố ngập lụt nghiêm trọng

Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập lụt:

Trạm bơm đầu vào được thiết kế để tiếp nhận và truyền tải lưu lượng nước thải theo công suất thiết kế, bao gồm nước thải thu gom từ hệ thống cống riêng. Trong trường hợp lưu lượng nước thải vượt quá công suất thiết kế của máy bơm, mực nước tại khu vực song chắn rác thô và ngăn hút sẽ dâng lên. Nếu mực nước tiếp tục tăng và vượt quá cao trình sàn lắp đặt tay cào song chắn rác, có thể gây hư hỏng thiết bị cơ khí. Trường hợp nghiêm trọng hơn, nếu áp lực thủy lực vượt quá khả năng vận hành của máy bơm, hệ thống có nguy cơ hư hại nặng, bao gồm cả bơm nâng và các kết cấu công trình liên quan. Việc hư hỏng thiết bị và kết cấu công trình không chỉ gây gián đoạn quá trình xử lý nước thải mà còn mất nhiều thời gian để khôi phục hoạt động của nhà máy.

Để chủ động phòng ngừa và ứng phó với các tình huống khẩn cấp do ngập lụt hoặc sự cố tại khu vực trạm bơm đầu vào, Nhà máy đã xây dựng và áp dụng Quy trình ứng phó khẩn cấp, bao gồm các bước sau:

- Tuyệt đối không được vào các tòa nhà hoặc khu vực bị ngập lụt cho đến khi được xác nhận an toàn;
- Nhân viên trực tiếp hiện trường có trách nhiệm quản lý tình huống cho đến khi có chỉ đạo từ Quản lý hệ thống XLNT, hạ tầng khu dân cư;
- Ngắt nguồn cấp nước tại khu vực có thiết bị điện. Đồng thời, tắt toàn bộ công tắc điện liên quan đến máy bơm nước và khóa các van đang vận hành;
- Ngay lập tức liên hệ với cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm vận hành hệ thống;
- Thông báo cho Quản lý nhà máy, hạ tầng khu dân cư để huy động nguồn lực ứng phó;
- Triển khai thông báo và phối hợp với kỹ sư điện/cơ khí để kiểm tra tình trạng thiết bị và xác nhận mức độ an toàn;
- Không cho phép bất kỳ nhân sự nào khác tiếp cận khu vực ngập cho đến khi kỹ sư điện/cơ khí chính thức xác nhận điều kiện an toàn làm việc. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

7.1. Giảm thiểu ảnh hưởng do tiếng ồn, độ rung

- Máy móc được lắp đặt đều là mới và được sản xuất theo công nghệ tiên tiến.
- Các máy móc, thiết bị gây tiếng ồn lớn của nhà máy (máy bơm, máy thổi khí, xử lý bùn,...) được đặt trong nhà kín, phòng tiêu âm để giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực lân cận. Nhà máy đã lắp thêm đệm chống ồn cho các thiết bị có công suất lớn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị, tra dầu bôi trơn máy, phát hiện kịp thời âm thanh khác thường phát ra từ máy đang hoạt động và có biện pháp sửa chữa, thay thế phụ tùng để giảm thiểu tiếng ồn cũng như tăng tuổi thọ thiết bị.
- Lắp đặt thiết bị giảm âm tại các đầu xả hơi thừa.
- Lắp đặt thiết bị có mức độ ồn thấp, thiết bị giảm thanh và vật liệu cách âm tại những nơi cần thiết. Các quạt được bảo ôn cách âm đảm bảo độ ồn nhỏ hơn 85dB ở khoảng cách ≥ 1 m; máy nén khí và bơm cấp nước chính đều có bộ phận bao che cách âm giảm thiểu tiếng ồn.
- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.
- Lắp đặt hệ thống điều khiển tự động để giảm số công nhân làm việc trong khu vực ồn, xây dựng tường cách âm xung quanh.
- Các thiết bị gây rung được lắp đặt thêm trên đệm cao su và lò xo chống rung, giảm độ rung tối thiểu.

7.2. Trang bị bảo hộ lao động

Toàn bộ công nhân làm việc trong nhà máy và khu vực dự án đều được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động trong quá trình làm việc bao gồm: mũ, áo, giày, khẩu trang, găng tay...cùng các thiết bị cần thiết khác.

7.3. Đào tạo nâng cao nhận thức về an toàn và bảo vệ môi trường

- Tổ chức tập huấn, đào tạo định kỳ 1 năm/1 lần cho công nhân viên làm việc trong nhà máy về các giải pháp đảm bảo an toàn trong lao động, đảm bảo vệ sinh môi trường và phòng cháy, chữa cháy; nâng cao hiệu quả vận hành của người lao động.
- Tổ chức diễn tập phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ với tần suất 1 năm/1 lần.

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi

Để đảm bảo an toàn môi trường và chất lượng nguồn nước khi đầu nối hệ thống thoát nước mưa và nước thải từ khu dân cư mới vào công trình thủy lợi, dự án đã xây

đựng các biện pháp phòng ngừa, bảo vệ môi trường nghiêm ngặt theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu của đơn vị quản lý hệ thống thủy lợi.

Hệ thống thoát nước được thiết kế tách riêng giữa nước mưa và nước thải. Nước thải phát sinh từ khu dân cư sẽ được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1) trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Dự án bố trí trạm xử lý nước thải tập trung với công suất phù hợp, có bể gom, bể lắng cát, tách dầu, bể điều hòa, bể xử lý sinh học, bể khử trùng và thiết bị giám sát tự động nhằm đảm bảo nước thải đầu ra luôn đạt quy chuẩn trước khi đầu nổi ra hệ thống thủy lợi.

Việc đầu nổi thoát nước mưa và nước thải vào công trình thủy lợi được thực hiện tại các vị trí cụ thể theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định và chấp thuận, bao gồm: (i) tuyến kênh Hà – Phú và (ii) tuyến kênh Sặt – Phú, với cấu kiện, kích thước cống thoát và các biện pháp gia cố kết cấu được thiết kế phù hợp, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khả năng dẫn nước tưới, tiêu và an toàn dòng chảy.

Trong quá trình vận hành, Chủ đầu tư (Ban quản lý hạ tầng) có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Xi nghiệp Khai thác công trình thủy lợi huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, Thành phố Hải Phòng) là Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh để xác định thời điểm vận hành, tránh gây gián đoạn tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Trường hợp phát sinh sự cố bất khả kháng làm ảnh hưởng đến dòng chảy hoặc chất lượng nước, Chủ đầu tư có trách nhiệm xử lý ngay, đồng thời thực hiện thanh thải dòng chảy, vật cản (nếu có) và được nghiệm thu bởi đơn vị quản lý công trình thủy lợi trước khi đưa vào vận hành.

Ngoài ra, dự án sẽ thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý liên quan đến hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi, trong đó có văn bản số 1272/Cty-KT ngày 30/11/2021 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương về việc thống nhất phương án thi công hệ thống thoát nước Khu dân cư mới thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang vào công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt không yêu cầu phải thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học. Cho nên dự án không thuộc đối tượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học.

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Khi tiến hành triển khai thực tế, Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang.” không có thay

đổi về công trình bảo vệ môi trường so với nội dung đã được phê duyệt trong Báo cáo Đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Hải Dương.

Theo Quyết định số 3145/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phù, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang; và Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND huyện Bình Giang về việc phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới tại thôn Phù, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh (nay là xã Thái Minh), huyện Bình Giang, dự án đã có một số điều chỉnh, thay đổi sau:

Bảng 28. Tổng hợp những nội dung thay đổi của các hạng mục công trình đối với báo cáo DTM đã được phê duyệt

Stt	Hạng mục	Phương án đề xuất trong báo cáo DTM			Phương án thay đổi, điều chỉnh			Giải trình
		Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	
1	Cơ cấu sử dụng đất	1	Đất công trình công cộng	26.678	1	Đất công trình công cộng	26.576	Trong quá trình triển khai dự án, có một số vị trí không thực hiện được quy hoạch do vướng GPMB: Đất cây xanh, mương và đường dạo vươngng Miếu thờ của nhân dân thôn Vạc, Đất DN-1 vươngng nhà dân đã được cấp sổ đỏ, Đất CC-1, YT, CA vươngng Nhà máy may Grand Ocean. Đỉnh chính một số thông số (diện tích, cây xanh, thống kê số lô đất...) do sai số thống kê, sai sót kỹ thuật mà đảm bảo không làm thay đổi tính chất, ranh giới, định hướng phát triển chung của đô thị Nhà đầu tư bổ sung thêm một số hạng mục thiết kế như Cổng chào, cầu hồ trung tâm, hào cấp ... nhằm tăng tiện ích cộng đồng, tạo điểm
		2	Đất ở	156.719	2	Đất ở	156.555	
		2.1	Đất nhà ở biệt thự đơn lập	23.897	2.1	Đất nhà ở biệt thự đơn lập	21.512	
		2.2	Đất nhà ở biệt thự song lập	15.576	2.2	Đất nhà ở biệt thự song lập	17.961	
		2.3	Đất nhà ở biệt thự Phủ	31.519	2.3	Đất nhà ở biệt thự Phủ	31.519	
		2.4	Đất xây dựng nhà ở liên kề	53.797	2.4	Đất nhà phố thương mại (liền kề)	53.797	
		2.5	Đất nhà ở xã hội (chung cư + nhà ở thu nhập thấp)	31.930	2.5	Đất nhà ở xã hội (chung cư+ nhà ở thu nhập thấp)	31.766	
		3	Đất hỗn hợp (Dịch vụ - thương mại)	8.710	3	Đất hỗn hợp (Dịch vụ - thương mại)	8.710	
		4	Đất công viên, cây xanh, mặt nước	56.921	4	Đất công viên, cây xanh, mặt nước	63.739	

		<table><tr><td>5</td><td>Đất nghĩa trang và cây xanh cách ly</td><td>6.075</td><td>5</td><td>Đất nghĩa trang và cây xanh cách ly</td><td>5.996</td></tr><tr><td>6</td><td>Đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật</td><td>5.114</td><td>6</td><td>Đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật</td><td>4.998</td></tr><tr><td>7</td><td>Đất đấu nối với các trục đường Tỉnh lộ</td><td>4.239</td><td>7</td><td>Đất đấu nối với đường tỉnh 392,394</td><td>4.171</td></tr><tr><td>9</td><td>Đất giao thông</td><td>178.154</td><td>9</td><td>Đất giao thông</td><td>171.734</td></tr><tr><td></td><td>Tổng</td><td>442.610</td><td></td><td>Tổng</td><td>442.479</td></tr></table>	5	Đất nghĩa trang và cây xanh cách ly	6.075	5	Đất nghĩa trang và cây xanh cách ly	5.996	6	Đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật	5.114	6	Đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật	4.998	7	Đất đấu nối với các trục đường Tỉnh lộ	4.239	7	Đất đấu nối với đường tỉnh 392,394	4.171	9	Đất giao thông	178.154	9	Đất giao thông	171.734		Tổng	442.610		Tổng	442.479	nhấn cảnh quan mang lại môi trường tốt hơn cho việc nghỉ ngơi, thư giãn, góp phần nâng cao chất lượng sống trong đô thị nói riêng và khu vực nói chung. Điều chỉnh hạng mục Đường dạo để đồng bộ giữa hồ sơ Quy hoạch và Thiết kế cơ sở được duyệt. Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.
5	Đất nghĩa trang và cây xanh cách ly	6.075	5	Đất nghĩa trang và cây xanh cách ly	5.996																												
6	Đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật	5.114	6	Đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật	4.998																												
7	Đất đấu nối với các trục đường Tỉnh lộ	4.239	7	Đất đấu nối với đường tỉnh 392,394	4.171																												
9	Đất giao thông	178.154	9	Đất giao thông	171.734																												
	Tổng	442.610		Tổng	442.479																												
2	Khu nhà ở xã hội	Nhà ở xã hội, liên kết thấp tầng: Chiều cao tầng: 4-5 tầng	Nhà ở xã hội chung cư cao tầng: Chiều cao tầng: 4-5 tầng và 16 -18 tầng	Điều chỉnh để khác phục theo kết luận thanh tra tỉnh ngày 30/01/2024 tại văn bản số 161/KL-TTr.																													
3	Quy mô dân số	5.188 người	5.576 người	Điều chỉnh lại quy mô dân số do điều chỉnh quy hoạch nhà ở xã hội liên kết thấp tầng sang khu nhà ở xã hội chung cư cao tầng khác phục theo kết luận thanh tra tỉnh ngày																													

				30/01/2024 tại văn bản số 161/KL-TT.
				Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.
4	Cổng chào dự án	Không có	Bổ sung Cổng chào dự án đầu tuyến N1 khu Phố Huyện.	Cổng chào dự án được bổ sung nhằm mục đích tạo điểm nhấn nhận diện cho khu dân cư, thể hiện tính đồng bộ, hoàn chỉnh về mặt hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan đô thị. Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.
5.1	Trạm biến áp	Công suất trạm biến áp: TBA 4: 2x800 KVA TBA 9: 630 KVA TBA 10: Chỉ đầu tư tủ RMU, không đầu tư máy biến áp trung thế và tủ hạ thế	Công suất trạm biến áp: TBA 4: 2x1250 KVA TBA 9: 2x1000 KVA TBA 10: 2x1000 KVA	Điều chỉnh lại vị trí, công suất trạm điện TD-8 (là trạm TBA 4), TD-9 (là trạm TBA 9) để đáp ứng mật độ dân số khu nhà ở TNT tăng lên do thay đổi từ nhà thấp tầng sang nhà ở chung cư cao tầng. Đầu

				tư bổ sung TBA 10 phục vụ cấp điện cho các phụ tải sinh hoạt.
5.2	Tủ điện	Có một số tủ điện được bố trí tại một số khu vực có vỉa hè rộng 0.75m và 1m	Điều chỉnh chuyển các tủ điện này sang khu hành lang kỹ thuật	Điều chỉnh phù hợp với thực tế thi công. Do đặt tủ điện vào thi không còn đủ bề rộng để lưu thông trên vỉa hè Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.
6	Hệ thống giao thông	- Mặt cắt 6-6: Có chỉ giới 11,5m (1,0+9.5+1.0)m; - Tuyến đường N1 (chỉ giới 40m) vỉa hè chạy thẳng (không vượt nổi) với vị trí giao với đường bê tông (phía Đông Bắc) của khu dân cư hiện trạng; - Đoạn cuối đường vào khu trường học không bố trí khoảng quay xe	- Mặt cắt 6-6: Có chỉ giới 11,5m (2,0+7,5+2,0)m; - Tuyến đường N1 (chỉ giới 40m) tại vị trí giao với đường bê tông (phía Đông Bắc) của khu cư dân hiện trạng thực hiện vượt nổi lối tiếp cận; - Đoạn cuối đường vào khu trường học thành bố trí điểm quay xe có đường kính 10m.	Để phù hợp với Quy hoạch chi tiết xây dựng của dự án đã được phê duyệt và phù hợp với quy định pháp luật về đầu tư, đất đai hiện hành; Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 3145/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương.

7.1	Hệ thống thoát nước mưa	- Hướng thoát nước chủ yếu về kênh đào trong phạm vi dự án. Công hợp thoát nước mưa ra kênh Hà Phú: BxH=2000x1500; - Không có hệ thống bơm tuần hoàn và đường ống D160mm tạo dòng chảy	- Hướng thoát nước chủ yếu về kênh đào trong phạm vi dự án sau đó thoát ra kênh Hà Phú qua 2 công hợp BxH=2000x2000 cắt qua đường tỉnh 394; - Bổ sung 01 hồ bơm tuần hoàn và khoảng 80m đường ống D200mm tạo dòng chảy tuần hoàn cho hệ thống kênh và hồ đào trong dự án. Vị trí hồ bơm chìm đặt tại ô đất cây xanh cạnh ô đất BX-03. Bơm nước tuần hoàn từ mương số 6 sang mương số 3.	Để phù hợp với Quy hoạch chi tiết xây dựng của dự án đã được phê duyệt và phù hợp với quy định pháp luật về đầu tư, đất đai hiện hành; Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 3145/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương; QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND huyện Bình Giang;
7.2	Tuyến kênh, mương	Tuyến kênh 1; 2; 3; 6. - Cao độ chân cơ: + 2.1; - Cao độ mặt nước: + 1.6. Đoạn kênh CB03; CB04 đến CB06. - Mái dốc 1:1.5	Điều chỉnh mương thoát nước tại các tuyến kênh 1; 2; 3; 6. - Cao độ chân cơ: + 1.3; - Cao độ mặt nước: + 1.9. Đoạn kênh CB03; CB04 đến CB06. - Mái dốc 1:1 (từ cao độ +1.3 đến +3.1), gia cố đá học phần ngập nước từ cao độ +1.3 đến +1.9 và bảo vệ mái dốc từ cao độ +1.9	Điều chỉnh phù hợp với thực tế thi công, đảm bảo ổn định kết cấu mái mương, tăng bề rộng mặt nước tạo cảnh quan chung, tăng tiện ích cộng đồng. Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 3145/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương; QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/6/2025

			đến +1.3 bằng phương án ốp gạch trồng cỏ.	của UBND huyện Bình Giang; Văn bản số 585/SXD-HĐXD ngày 31/3/2025;
8.1	Hệ thống thoát nước thải	Trạm bơm chuyển bậc: - Trạm bơm chuyển bậc nước thải số 1: Công suất 7620 m ³ /ng.đ - Trạm bơm chuyển bậc nước thải số 2: Công suất 65 m ³ /ng.đ Kích thước cống thoát nước thải: D300	Bỏ các trạm bơm chuyển bậc để tăng khả năng tự chảy. Kích thước cống thoát nước thải: D400, kết hợp cống hộp 400x400;	Để phù hợp với Quy hoạch chi tiết xây dựng của dự án đã được phê duyệt và phù hợp với quy định pháp luật về đầu tư, đất đai hiện hành; Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 3145/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương; QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND huyện Bình Giang;
8.2	Tuyến cống thoát nước thải	- Hướng tuyến thoát nước thải khu Biệt thự Phù theo 2 lưu vực. Lưu vực 1 thải khu Biệt thự Phù theo 1 lưu vực, thoát về hệ thống thoát nước thải dọc đường N2. Lưu vực 2 thoát về hệ thống thoát nước thải dọc đường N6. Sau đó chảy về trạm xử lý nước thải. Hệ thống	Điều chỉnh hướng tuyến thoát nước thải khu Biệt thự Phù theo 1 lưu vực. Nước thải được thu gom bởi hệ thống cống BTCT kích thước BxH=400x400 mm sau đó thoát về hệ thống thoát nước thải dọc đường N6.	Điều chỉnh, cập nhật tối ưu thực tế thi công, đảm bảo không gian đặt cống không xung đột với hào cấp. Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.

		cống BTCT kích thước BxH=400x400mm	Nước thải thu gom được dẫn về trạm xử lý.	
9	Hệ thống cấp nước	Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: 250 l/người/ngày. Tổng nhu cầu cấp nước: 1911 m ³ /ng.đ	Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: 150-200 l/người/ngày. Tổng nhu cầu cấp nước: 1802,32 m ³ /ng.đ. Điều chỉnh hướng, tuyến ống nhánh cấp tới điểm tiêu thụ do điều chỉnh NOXH thấp tầng sang cao tầng. Trụ cứu hỏa: Vị trí một số họng cứu hỏa được điều chỉnh để tránh xung đột với các hạ tầng kỹ thuật khác, khoảng cách đảm bảo theo tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy (100 – 120 m)	Đề phù hợp với Quy hoạch chi tiết xây dựng của dự án đã được phê duyệt và phù hợp với quy định pháp luật về đầu tư, đất đai hiện hành; Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 3145/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang;
10	Hạ tầng viễn thông		Điều chỉnh hướng, tuyến ống Hạ tầng viễn thông do điều chỉnh NOXH thấp tầng sang cao tầng.	Điều chỉnh, cấp nhật tới ưu thực tế thi công, đảm bảo không gian đặt hào cáp, ga kỹ thuật, ganivo. Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-

				UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.
11	Hệ thống chiếu sáng		Bổ sung chiếu sáng tại các vị trí bố trí thêm cây xanh cảnh quan do điều chỉnh mương cắt thành đất cây xanh – công cộng. Công suất 4x20W, 30-50W, 100W và 150W đảm bảo tiêu chuẩn chiếu sáng.	Điều chỉnh đề áp ứng yêu cầu kỹ thuật và cảnh quan chung của tuyến phố. Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.
12.1	Cảnh quan và đường dạo	Một số vị trí có bề rộng 1m	Điều chỉnh cảnh quan công viên trung tâm, điều chỉnh lại các chỉ tiết đường dạo trong công viên. - Điều chỉnh vật liệu lát - Điều chỉnh cục bộ, kiến trúc cảnh quan. Một số vị trí có bề rộng 3m	Phù hợp với tình hình thực tế dựa trên nguyên tắc giữ nguyên cơ cấu sử dụng đất nhằm kiến tạo không gian kiến trúc với các công trình hiện hữu Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.

12.2	Hình dáng hồ		Vị chỉnh hình dạng Hồ trong lô đất Công trình văn hóa	Đề phù hợp không gian, kiến trúc cảnh quan, tăng tiện ích cộng đồng. Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.
13	Điều chỉnh lô đất	Diện tích các lô trước điều chỉnh: - LK20-14; 15; 16: Trung bình khoảng 75.06 m ² - LK24-15; 16: Trung bình khoảng 116.9 m ² - LK25-4; 5: Trung bình khoảng 76.05 m ²	Điều chỉnh gộp lô LK20 (ô đất 14,15,16); LK24 (ô đất 14,15); LK25 (ô đất 04,05). Diện tích các lô sau điều chỉnh: - LK20-14: 225.9 m ² - LK24-14: 233.8 m ² - LK25-4: 152.1 m ²	Do Chi giới xây dựng không phù hợp với thực tiễn, không thực hiện được quy hoạch (sau khi tuân thủ chỉ giới xây dựng các lô này không đủ kích thước, hình dáng để xây dựng công trình). Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.
14	Chỉ giới xây dựng	Chỉ giới xây dựng từ 2m đến 3m	Điều chỉnh lại Chỉ giới xây dựng các lô đất LK12, LK13, LK15, LK16, LK-17, LK-18, LK-19, LK-21, LK-22, LK-23, LK-24, LK-25, LK-26,	Cập nhật lại phù hợp với thực tế thi công và quy định của pháp luật, phù hợp với tính chất shophouse của khu phố Huyện trên cơ sở đảm bảo mật độ xây dựng.

				LK-27, LK-28: Chỉ giới xây dựng từ 1m – 3m phù hợp với quy định	Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.
15	Cầu cảnh quan	Có cầu cảnh quan CQ1, CQ2, CQ3, CQ7		Bỏ một số vị trí Cầu cảnh quan CQ1, CQ2, CQ3, CQ7	Do quanh bờ kênh đã có thiết kế đường dạo, vị trí đặt cầu cảnh quan gần các trục đường nên không đem lại hiệu quả về giao thông và cảnh quan, gây lãng phí Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.
16	Tuyến mương	Tuyến mương 4, mương 5, mương 7 là mương cắt		Điều chỉnh chuyển đổi tuyến mương 4, mương 5, mương 7 thành đất cây xanh	Do đây là tuyến mương cắt, ngược hướng dòng chảy dẫn đến khả năng lưu thông kém dễ hình thành đọng ao tù, gây mất vệ sinh Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.

17	Bãi đỗ xe	Trong bản vẽ Quy hoạch san nền không thể hiện cao độ bãi đỗ xe.	Điều chỉnh cao độ Bãi đỗ xe trong bản vẽ QH san nền do cấp nhật cao độ bãi đỗ xe thiết kế với độ dốc thiết kế 1.5%.	Điều chỉnh để tối ưu theo thực tế thi công. Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.
18	Lô đất Dịch vụ, thương mại	Ô đất DVTM-2 tiếp giáp tuyến đường N20C; BX-28 và BX-5 tiếp giáp tuyến đường N11; đường N11;	Điều chỉnh cục bộ vị trí lô đất Dịch vụ thương mại DVTM-2 và BX-28, BX-5. Ô đất DVTM-2 và BX-28 tiếp giáp đường N11; Ô đất BX-5 tiếp giáp tuyến đường N20C;	Đảm bảo không thay đổi diện tích, tăng khả năng phục vụ cư dân khu vực, tăng tiện ích cộng đồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.
19	Ranh giới lô đất	Theo ranh giới đã phê duyệt tại đồ án quy hoạch.	Điều chỉnh ranh giới đồ án quy hoạch tại các vị trí trên hiện trạng nếu có chồng lấn. Vị trí tiếp giáp với trường học hiện trạng tại mốc 57; 58; 59; 1; 2.	Cấp nhật theo thực tế có một số vị trí có chồng lấn. Nội dung điều chỉnh đã được phê duyệt theo QĐ số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà dịch vụ, công cộng, an đường trên khu đầy dịch vụ thương mại 8710 m².
 - Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các căn hộ trên khu đất ở 156.719 m².
- Lưu lượng xả nước thải tối đa (theo công suất hiện tại): 1.580 m³/ngày.đêm
- Dòng nước thải xả: Dự án có 01 dòng nước thải sau trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.580 m³/ngày.đêm.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sau khi xử lý đảm bảo trong khoảng giới hạn giá trị tối đa cho phép theo Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải hoạt, hệ số K_q = 1 và K_r = 1.

Bảng 29. Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa (C _{max} = C _x K _q xK _r)
1	pH	-	5 – 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30
3	COD	mg/l	-
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	50
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
6	Sunfua	mg/l	1,0
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
8	Nitrat (NO ₃ -), tính theo N	mg/l	30
9	Photphat (PO ₄ 3-), tính theo P	mg/l	6
10	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
11	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí điểm xả thải: Nước thải đã qua xử lý ra hệ thống ao hồ hiện hữu trong khu vực dự án sau đó chảy ra kênh Hà Phú.
- Tọa độ xả nước thải: $X(m) = 2308973.4766$; $Y(m) = 571488.1939$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).
- Phương thức xả thải: Tự chảy
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống ao hồ hiện hữu trong khu vực dự án sau đó chảy ra kênh Hà Phú.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:
 - Nguồn số 01: hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải có công suất $1.580 \text{ m}^3/\text{ngày}$
- Lưu lượng xả khí thải tối đa: $6.500 \text{ m}^3/\text{h} = 156.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng với dòng khí thải của hệ thống xử lý mùi từ trạm xử lý nước thải công suất $1.580 \text{ m}^3/\text{ngày}$
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT mức B giá trị C_{max} với hệ số $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$ và QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

Bảng 30 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	Không áp dụng	Không áp dụng
2	NH ₃	mg/Nm ³	50		
1	Methyl Mercaptan	mg/Nm ³	15		

- Vị trí, phương thức xả khí thải:
- Vị trí xả khí thải: Tại khu vực lắp đặt ống xả thải của hệ thống xử lý mùi được lắp đặt trong khuôn viên xây dựng Trạm xử lý nước thải
- Tọa độ xả thải: $X(m) = 2308832.3330$; $Y(m) = 571523.0644$.
- Phương thức xả khí thải: Cường bức bằng quạt hút ly tâm; xả thải 24/24h.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Từ các máy thổi khí, máy bơm được lắp đặt tại Trạm xử lý nước thải công suất 1.580 m³/ngày.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn- Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc. QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Thông tư 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/05/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, dự án đầu tư đã được phê duyệt ĐTM trước ngày thông tư có hiệu lực thi hành được tiếp tục áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT đến hết ngày 31/12/2026. Kể từ ngày 01/01/2027, áp dụng theo QCVN 26:2025/BNMT và QCVN 27:2025/BNMT.

Áp dụng QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung: Thời gian áp dụng theo đúng quy định được phê duyệt.

+ Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện</i>	<i>Khu vực E</i>

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (6:00 - trước 22:00)	Đêm 22:00 - 6:00		
1	75	70	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện</i>	<i>Khu vực D</i>

Chương V.

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ dự án tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của Dự án: 06 tháng sau khi khu dân cư được lấp đầy từ 50% số dân trở lên.

Công suất thiết kế: 1580 m³/ngày.đêm

Công suất hoạt động trong thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến đạt từ 50% công suất thiết kế.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Theo quy định tại khoản 5, điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với cơ sở không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 điều này (cơ sở quy định tại Cột 3 phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/ND-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ), việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Trên cơ sở đó, cơ sở lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

a. Nội dung quan trắc

- Loại mẫu: Mẫu đơn.
- Kỹ thuật lấy mẫu: Theo TCVN 5999:1995.
- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, TSS, Amoni, TDS, Sunfua, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất HDBM, Phốt phát, Tổng Coliform.
- Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0.
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra trong 3 ngày liên tiếp.

- Thời gian dự kiến lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống XLNT công suất 1.500m³/ngày.đêm

b. Tổ chức thực hiện quan trắc môi trường

- Chủ cơ sở: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland.

+ Địa chỉ văn phòng: Tầng 12, tòa nhà HUDLAND TOWER, lô ACC7, khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội.

+ Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở đầu tư:

- Ông Phạm Cao Sơn

- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

- Điện thoại: 024.3652 3862

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102340326, đăng .ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28/02/2025.

Đơn vị đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (tham khảo):

+ Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 (Quatest 1)

- Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Điện thoại: 024.38360289

- Mã số thuế: 0100111602

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường Vimcerts 093/2025/0005.

+ Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch (CECP).

- Địa chỉ: Số 655 đường Phạm Văn Đồng - Phường Cổ Nhuế 1 - Quận Bắc Từ Liêm - Hà Nội.

- Điện thoại: 024 2155182.

- Mã số thuế: 0102900458.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường Vimcerts 072, cấp lần 04 kèm theo Quyết định số 573/QĐ-BTNMT ngày 02/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Viện Công nghệ Môi trường và Năng lượng (ISTEE), Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

- Địa chỉ: Tòa nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Điện thoại: 024.37569136

- Mã số thuế: 0101350508.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường Vimcerts 079, kèm theo Quyết định số 1039/QĐ-BTNMT ngày 05/05/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-Cp quy định: “Dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có mức lưu lượng xả nước thải ra ngoài môi trường quy định tại Cột 4 Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ quy định tại khoản 3 Điều này đến hết ngày 31/12/2024”. Đối chiếu với quy định tại Cột 4 Phụ lục XXVIII cho thấy cơ sở được miễn quan trắc môi trường định kỳ đối với Trạm XLNT công suất 1.580 m³/ngày.đêm.

Quan trắc chất lượng nước sau xử lý:

- Giám sát nước thải sinh hoạt:

+ Vị trí: 01 vị trí tại điểm xả nước thải sau xử lý của Trạm XLNT công suất 1.580m³/ngày.đêm. Nước thải đã qua xử lý ra hệ thống ao hồ hiện hữu trong khu vực dự án sau đó chảy ra kênh Hà Phú.

+ Thông số quan trắc: BOD₅, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phốt phát, Tổng Coliforms.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Thời gian thực hiện quan trắc:

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

2.2.1 Quan trắc nước thải

Chủ cơ sở đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động động các thông số: lưu lượng nước thải, pH, nhiệt độ, COD, TSS và Amoni. Hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục hoạt động ổn định, được kiểm định và hiệu chuẩn định kỳ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật việc kết nối dữ liệu với Nông nghiệp và Môi trường Hải Phòng - Vị trí 01: Sau bể khử trùng của Trạm XLNT công suất 1.580m³/ngđ trước khi xả ra ngoài môi trường;

- Các thông số quan trắc: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Tần suất giám sát và quy chuẩn so sánh.

+ Tần suất giám sát 24/24h và truyền kết quả dữ liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường Hải Phòng

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT cột A- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, hệ số áp dụng $K=1,0$.

2.2.2 Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Không có

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

Không có

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí đơn giá giám sát môi trường được thực hiện theo đơn giá hiện hành của nhà nước và của UBND thành phố Hải Phòng. Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng tư vấn giám sát môi trường thực hiện.

Chương VI.

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland chủ đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang." đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 07/01/2021.

Theo quy định tại khoản 02 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, chúng tôi xin gửi tới Sở Nông Nghiệp và Môi trường hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho các công trình xử lý chất thải của Dự án.

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland cam kết tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, cam kết thực hiện đầy đủ chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo (bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà dự án bắt buộc phải áp dụng); tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường, cam kết cụ thể như sau:

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

Chúng tôi cam kết rằng các số liệu đầu vào phục vụ tính toán, sử dụng trong báo cáo được thu thập và ghi nhận trung thực, chính xác, từ các nguồn tin cậy và phản ánh đúng tình trạng thực tế. Các tính toán được thực hiện cẩn thận, tuân thủ phương pháp khoa học và kỹ thuật hiện hành để đảm bảo tính chính xác và khách quan của kết quả.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan. Cụ thể như sau:

- Nước thải sau xử lý của Nhà máy đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt với hệ số $K_q = 1$ và $K_r = 1$.

- Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ và xử lý theo qui định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện qui định về PCCC: Luật phòng cháy chữa cháy và các qui định liên quan.
- Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường được đề xuất trong Hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường.
- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, cam kết khắc phục triệt để mọi sự cố môi trường nếu xảy ra và báo cáo bằng văn bản tới các cơ quan quản lý có thẩm quyền.
- Cam kết sẽ có văn bản báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Cam kết chung: Chủ dự án cam kết thực hiện tất cả các quy định chung về bảo vệ môi trường theo Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2021, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

PHỤ LỤC 1

VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

Sst	Tên văn bản/tài liệu	Ghi chú
1	Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang”.	
2	Thông báo số 100/TB-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện Bình Giang về Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang”	
3	Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang”	
4	Hợp đồng đầu tư thực hiện dự án số 01/2020/HDDA giữa UBND huyện Bình Giang và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển HUDLAND về việc thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang”.	
5	Văn bản số 540/CTy-KT ngày 21/07/2020 của Công ty TNHH MTV KTCT Thủy Lợi V/v Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng, xã Bình Minh, huyện Bình Giang.	
6	Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 1) cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland để đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang.	
7	Quyết định số 1078/QĐ-HĐQT ngày 01/08/2021 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland về phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang.	

8	Văn bản số 1272/Cty – KT ngày 30/11/2021 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi về việc thống nhất phương án thi công hệ thống thoát nước Khu dân cư mới thôn Phú xã Thái học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang.	
9	Văn bản số 2004/CV-KDNS ngày 22/11/2021 của Công ty Cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương về việc chấp thuận nguồn và điểm đầu nối cấp nước dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang.	
10	Văn bản số 01/TD-PCCC ngày 15/12/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH về Giấy chứng nhận Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy	
11	Văn bản số 593/GP-UBND ngày 04/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	
12	Văn bản số 06/GPXD ngày 16/03/2022 của Sở Xây dựng UBND tỉnh Hải Dương về giấy phép xây dựng.	
13	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần , mã số doanh nghiệp: 0102340326; đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 08 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 28 tháng 02 năm 2025.	
14	Quyết định số 3145/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang.	
15	Công văn số 08/CV-2024 ngày 06/06/2024 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển Việt Đức V/v chấp thuận điểm đầu nối cung cấp nước sạch.	
16	Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 24/06/2025 của UBND huyện Bình Giang về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh (nay là xã Thái Minh), huyện Bình Giang.	
17	Biên Bản thỏa thuận số 50/BTT-PCHP-HUDLAND Công ty Điện lực Hải Phòng (PCHP) và Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản Hudland về việc đấu nối công trình điện. Công trình: Đường cáp ngầm 35kV và các TBA cấp điện cho Dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, thành phố Hải Phòng).	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *42* /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày *07* tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Đầu tư xây dựng khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học
và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang” tại xã Thái Học và
xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần
đầu tư và phát triển bất động sản Hudland

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch môi trường, đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ban hành ngày 31 tháng 12 năm
2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường của dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học
và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang” của Công ty cổ phần
đầu tư và phát triển bất động sản Hudland, họp ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại
phòng họp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư
xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã
Bình Minh, huyện Bình Giang” tại xã Thái Học và xã Bình Minh, huyện Bình
Giang, tỉnh Hải Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh kèm theo Hồ sơ
và Công văn số 3143/HUDLAND-ĐT ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Công ty
cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1196/TT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thái Học và xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /~~10~~

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần đầu tư và phát triển BĐS Hudland;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Bình Giang;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Lưu: VT, NNTNMT, Thành (5b) /

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Bản

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của Dự án "Đầu tư xây dựng khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang" tại xã Thái Học và xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland

(Kèm theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Thông tin về dự án

- Chủ dự án: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland.
- Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland - tầng 12, tòa nhà HUDLAND Tower, lô ACC7, khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Phạm vi, quy mô của dự án:

+ Tổng diện tích đất dự án: 442.610 m², trong đó: Đất công trình công cộng diện tích 26.678 m², đất ở diện tích 156.719 m², đất hỗn hợp (dịch vụ-thương mại) 8.710 m², đất công viên, cây xanh, mặt nước diện tích 56.921 m², đất nghĩa trang và cây xanh cách ly diện tích 6.075 m², đất đầu nổi hạ tầng kỹ thuật 5.114 m², đất đầu nổi với đường tỉnh 392, 394 diện tích 4.239 m², đất giao thông diện tích 178.154 m²

+ Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh bao gồm: Chuẩn bị mặt bằng, san nền; hệ thống đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống cấp nước sinh hoạt, cấp nước chữa cháy; hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống cây xanh; đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.580 m³/ngày đêm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Trong giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng cơ sở hạ tầng: Bụi, khí thải từ hoạt động thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn (phát quang thảm thực vật, phá dỡ, đào bỏ bãi rác, đào đường), chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt, khí thải, chất thải rắn, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong khu dân cư,

chất thải phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng trạm biến áp, từ quá trình chăm sóc cây.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trong quá trình xây dựng hạ tầng khoảng $13,5\text{m}^3/\text{ngày}$. Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5), các chất dinh dưỡng (NO_3^- , PO_4^{3-}) và các vi sinh vật.

- Nước thải phát sinh từ quá trình trộn vữa, tưới ẩm vật liệu, rửa máy móc thiết bị trong quá trình thi công xây dựng phát sinh không nhiều. Thành phần trong nước thải thi công là đất, cát xây dựng thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng trên tuyến thoát nước thi công tạm thời.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động vệ sinh của dân cư sinh hoạt trong khu dân cư là $1.580\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ (bao gồm cả nước thải hoạt của khu dân cư được đấu nối $180\text{m}^3/\text{ngày đêm}$). Nước thải sinh hoạt có các thành phần ô nhiễm như TSS, COD, BOD_5 , các chất dinh dưỡng (NO_3^- , PO_4^{3-}) và các vi sinh vật.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển san lấp mặt bằng: Thành phần phát sinh chủ yếu là bụi, CO, SO_2 , NO_x , HC. Nồng độ phát sinh của các phương tiện vận chuyển từ điểm cách vị trí phát thải 10m: Bụi: $3,720\text{mg}/\text{m}^3$; CO: $11,987\text{mg}/\text{m}^3$; SO_2 : $17,154\text{mg}/\text{m}^3$; NO_2 : $59,523\text{mg}/\text{m}^3$; HC: $3,307\text{mg}/\text{m}^3$. Nồng độ phát sinh của các phương tiện vận chuyển từ điểm cách vị trí phát thải 20m: Bụi: $2,217\text{mg}/\text{m}^3$; CO: $7,145\text{mg}/\text{m}^3$; NO_2 : $35,478\text{mg}/\text{m}^3$; SO_2 : $10,224\text{mg}/\text{m}^3$; HC: $1,971\text{mg}/\text{m}^3$. Bụi, khí thải phát sinh ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và sức khỏe công nhân lao động.

- Bụi cuốn lên từ mặt đất tại khu vực thi công san nền trong cả quá trình san lấp là $0,656\text{g}/\text{s}$. Bụi phát sinh ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng: Thành phần phát sinh chủ yếu là bụi, CO, SO_2 , NO_x , HC. Nồng độ phát sinh của các phương tiện vận chuyển từ điểm cách vị trí phát thải 10m: Bụi: $0,286\text{mg}/\text{m}^3$; CO: $0,922\text{mg}/\text{m}^3$; SO_2 : $1,320\text{mg}/\text{m}^3$; NO_2 : $4,579\text{mg}/\text{m}^3$; HC: $0,254\text{mg}/\text{m}^3$. Nồng độ phát sinh của các phương tiện vận chuyển từ điểm cách vị trí phát thải 20m: Bụi: $0,171\text{mg}/\text{m}^3$; CO: $0,550\text{mg}/\text{m}^3$; NO_2 : $2,729\text{mg}/\text{m}^3$; SO_2 : $0,786\text{mg}/\text{m}^3$; HC: $0,152\text{mg}/\text{m}^3$. Bụi, khí thải phát sinh ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và sức khỏe công nhân lao động.

- Bụi từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu, thiết bị máy móc là 0,021g/s. Bụi phát sinh theo nguồn điểm tác động ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân bốc dỡ.

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện tham gia giao thông trong khu dân cư: Thành phần phát sinh chủ yếu là bụi, CO, SO₂, NO_x, HC. Nồng độ phát sinh của xe con từ điểm cách vị trí phát thải 10m: Bụi: 0,9mg/m³; CO: 2,89mg/m³; SO₂: 0,21mg/m³; NO₂: 14,35mg/m³; HC: 0,8mg/m³. Nồng độ phát sinh của xe máy từ điểm cách vị trí phát thải 10m: Bụi: 1,38mg/m³; CO: 230,44mg/m³; SO₂: 0,45mg/m³; NO₂: 3,45mg/m³; HC: 34,54mg/m³. Bụi, khí thải phát sinh ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe người dân khu vực.

- Mùi, khí thải từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung: thành phần khí thải phát sinh mùi bao gồm: H₂S, Mercaptane, CO₂, CH₄...Ngoài ra, tại trạm xử lý nước thải còn sinh ra sol khí sinh học (E.Coli, vi khuẩn). Mùi, khí thải phát sinh ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng

- Chất thải từ hoạt động chuẩn bị, san lấp mặt bằng

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động đào mương, hồ, kênh và bóc lớp hữu cơ với khối lượng phát sinh là 97.127,67m³. Thành phần chất thải chủ yếu là bùn nền lượng chất thải này được tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động từ hoạt động đào đường bê tông xi măng, đào bỏ khu rác thải là 2.293,21m³ (tương đương 3.439,82 tấn).

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật với định mức phát sinh là 1 tấn/ha thì tổng lượng chất thải phát sinh là 40,58 tấn. Thành phần chủ yếu các loại cây bụi, cỏ và một số loại cây có thân nhỏ.

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ một số nhà tạm, nhà gạch nằm trên diện tích 1.403m² (trong khu vực dự án) với định mức phát sinh 300kg chất thải/m² thì khối lượng phát sinh là 420,9 tấn. Thành phần chất thải bao gồm gạch vỡ, vôi vữa.

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng bao gồm: gạch, đá, xi măng, sắt thép...với khối lượng phát sinh chiếm tỷ lệ 0,5-10% tổng nguyên vật liệu đầu vào, tương đương khoảng 2,92-58,358 tấn/ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của 300 công nhân xây dựng với định mức phát sinh là 0,3 kg/người/ngày thì lượng chất thải phát sinh khoảng 90 kg/ngày. Chất thải nếu không được thu gom sẽ gây ô nhiễm môi trường xung quanh và cảnh quan trong công trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, với định mức phát sinh là 0,5 kg/người/ngày và quy mô dân số là 5.188 người thì với lượng chất thải phát sinh khoảng 2.594 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ cháy, giấy các loại, nylon nhựa, chai thủy tinh, đồ hộp... Đây là lượng chất thải rắn dễ phân hủy gây mùi nếu không được thu gom, vận chuyển và xử lý hợp lý.

- Chất thải rắn phát sinh từ khu vực công cộng (đường giao thông, bãi đỗ xe, cây xanh...) với định mức phát sinh là 100kg rác/ha/ngày thì lượng chất thải phát sinh khoảng 2.040 kg rác/ngày. Đây là loại chất thải hỗn hợp như lá cây, cành cây, giấy, thức ăn thừa... Chất thải không được thu gom và xử lý hợp lý sẽ gây mất cảnh quan khu vực đồng thời gây ô nhiễm môi trường.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh gồm: dầu thải 51,05 kg/tháng, giẻ lau dính dầu 9,08 kg/tháng, bóng đèn huỳnh quang vỡ 2,35 kg/tháng, ốc quy hỏng 1,01 kg/tháng, kim loại thải 20,61 kg/tháng.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân bao gồm pin, linh kiện điện tử, bóng bằng y tế,... khoảng 0,52 - 21,27 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình chăm sóc cây: Các loại bao bì, chai lọ đựng hóa chất bảo vệ thực vật thải bỏ trong quá trình hoạt động chăm sóc cây xanh tại Dự án là chất thải nguy hại phát sinh khoảng 15 kg/mỗi lần phun. Do đó các chất thải nguy hại này sẽ không được lưu giữ trong khu vực dự án mà sau mỗi lần sử dụng các hóa chất này sẽ được bộ phận chăm sóc cây trong khu vực dự án mà chủ dự án thuê thu gom, mang đi xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng trạm biến áp: Chất thải nguy hại chỉ phát sinh từ quá trình vận hành và bảo dưỡng bao gồm: giẻ lau dầu, hộp đựng dầu mỡ, dầu mỡ thải,... Khối lượng ước tính khoảng 4 kg/tháng. Toàn bộ chất thải này phát sinh nếu không được thu gom sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường đất, nước, không khí xung quanh khu vực khu nhà ở.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác

Trong giai đoạn vận hành phát sinh lượng bùn thải từ hệ thống hồ ga, cống rãnh, bể phốt, từ bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung với thành phần chủ yếu là bùn hữu cơ. Với định mức phát sinh bùn thứ cấp là 8g/người/ngày đêm và tổng số dân là 5.188 người thì khối lượng bùn phát sinh trong hệ thống xử lý nước thải là 41,5kg/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng

- Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân: Lắp đặt 06 nhà vệ sinh lưu động trên công trường, loại có dung tích 1.200 lít/nhà. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng tới hút bể phốt của nhà vệ sinh lưu động.

- Nước thải thi công: Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây ngập úng trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước thải của các khu vực bên ngoài dự án; lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước thi công và được kiểm soát bằng các van, vòi khóa để hạn chế lượng nước thải thi công; định kỳ kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải phát sinh từ các khu dịch vụ thương mại chủ yếu là nước thải sinh hoạt, nếu có hoạt động phát sinh nước thải đặc trưng thì đơn vị thứ cấp phải xử lý đạt quy chuẩn cam kết với chủ đầu tư của dự án trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất 1.580m³/ngày đêm của KDC.

- Nước thải sinh hoạt từ các nguồn phát sinh theo đường ống xuống bể phốt 3 ngăn đặt ngầm dưới công trình. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể phốt sẽ theo đường ống thu gom nước thải tự chảy vào hố thu của hệ thống xử lý nước thải tập trung (hệ thống được xây dựng trước khi người dân vào xây dựng nhà ở và xây dựng trong khu đất quy hoạch cho hạ tầng kỹ thuật).

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của Khu dân cư tập trung sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại → bể tách mỡ → bể điều hòa → Cụm bể Selector+SBR → bể khử trùng → bể chỉ thị sinh học (kết hợp là mương quan trắc để lắp đặt hệ thống quan trắc online) → ao, hồ hiện hữu khu vực dự án → kênh Hà Phú; bùn từ bể SBR một phần được tuần hoàn lại bể selector, phần còn lại đưa về bể chứa bùn và bùn được đem đi xử lý

+ Quy mô các hạng mục công trình cho trạm xử lý: Bể tách mỡ 85,4m³; bể điều hòa 665,86m³; bể Selector (02 bể) 275,6m³; bể SBR (02 bể) 1.688,96 m³; bể khử trùng 272,48m³; bể chứa bùn 135,2m³; ngăn chứa nước chảy tràn 52m³; bể chỉ thị sinh học (kết hợp mương quan trắc) 10m³. Hệ thống quan trắc tự động, liên tục cho trạm xử lý 1.580m³/ngày đêm (quan trắc tự động các thông số lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni).

+ Công suất của hệ thống xử lý nước thải: 1.580m³/ngày đêm.

+ Chất lượng nước thải sau xử lý đạt mức A của QCVN14:2008/BTNMT, giá trị C_{max} với hệ số K = 1,0.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng

- Đối với hoạt động của phương tiện vận chuyển: Xe chở nguyên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị được phủ bạt kín; không chuyên chở quá trọng tải quy định; định kỳ bảo dưỡng, thay dầu với tần suất 3 tháng/lần.

- Đối với hoạt động thi công xây dựng: Lắp dựng hàng rào bằng tôn cao 2-2,5m tại khu vực thi công; phun ẩm tuyến đường vận chuyển vào những ngày hanh khô với tần suất 2 lần/ngày; định kỳ bảo dưỡng, thay dầu, mỡ đối với các thiết bị, máy móc tham gia thi công với tần suất 3 tháng/lần.

- Để không làm ảnh hưởng đến tuyến đường giao thông khu vực bên ngoài dự án. Chủ dự án tiến hành rửa bánh xe bằng vòi xịt nước cho phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi dự án. Nước sau khi xịt rửa xe chảy vào ngăn 1 của hồ gom, lắng cặn và vớt váng dầu nổi lên sau đó bơm sang ngăn thứ 2 để tiếp tục sử dụng tuần hoàn, cặn bùn từ ngăn 1 định kỳ thuê xe hút theo quy định. Lượng nước tiêu hao được bổ sung theo nhu cầu sử dụng tại thời điểm tiến hành rửa xe. Kích thước hồ gom (5x3x1,5m, chia làm 2 ngăn).

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với bụi từ hoạt động của phương tiện giao thông: bố trí cây xanh dọc các tuyến đường nội bộ; vệ sinh sân đường thường xuyên; bố trí bãi đỗ xe hợp lý, lắp đặt biển báo và xây gờ giảm tốc độ trên tuyến đường giao thông nội bộ; có quy chế quản lý với các hộ dân khi đi vào xây dựng.

- Đối với hoạt động thu gom rác: Rác thải được thu gom bên lề đường theo tuyến cố định và giờ cố định với tần suất 1 lần/ngày; nghiêm cấm việc xả rác không đúng nơi quy định.

- Đối với mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Hệ thống xử lý nước thải được đặt trong khu hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường là 15m tương ứng với quy mô công suất và quy trình công nghệ xử lý của hệ thống (QCVN01:2019/BXD).

+ Trong khoảng cách an toàn môi trường tiến hành trồng cây xanh với chiều rộng $\geq 10\text{m}$ (QCVN01:2019/BXD).

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong quá trình vận hành: Thường xuyên kiểm tra lượng khí sục vào bể điều hòa, bể hiếu khí để đảm bảo không có tình trạng phân hủy kỵ khí diễn ra; khu vực chứa hóa chất riêng, có mái che đậy; thu gom và xử lý bùn đúng định kỳ, không để bùn tồn đọng lâu ngày và sử dụng các chế phẩm khử mùi như chế phẩm Emwat-1, Gem,...

+ Các bể đều được thông ngăn trên bề mặt, mùi sẽ được thu gom và dẫn vào hệ thống xử lý khí thải (tháp hấp phụ than hoạt tính) không ảnh hưởng đến môi trường sống của các hộ dân.

Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý khí thải: Khí thải $\rightarrow$ đường ống dẫn $\rightarrow$ Quạt hút $\rightarrow$ đường ống chính $\rightarrow$ tháp hấp phụ số 1 $\rightarrow$ Tháp hấp phụ số 2 $\rightarrow$ ống thải.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải như sau: Tháp hấp phụ (DxH=2.000x3.500mm; vật liệu SS400+FRP; số lượng 02 cái); quạt hút (thông số: 4.000m³/h, 15kW-380V; số lượng 01 cái); đường ống nhánh (PVC D168, số lượng 01 HT); đường ống chính (PVC D280, số lượng 01 HT); ống thoát khí

(PVC D280, H=12m, số lượng 01 HT); than hoạt tính 150-300kg.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng

- Đối với chất thải dọn dẹp mặt bằng:

+ Đối với bùn từ hoạt động đào mương, hồ, kênh và bóc lớp hữu cơ với thành phần chất thải chủ yếu là bùn nên lượng chất thải này được tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

+ Đối với chất thải từ phát quang thảm thực vật, chất thải từ việc phá dỡ các nhà tạm và chất thải đào bỏ từ hoạt động đào đường bê tông xi măng, đào bỏ khu rác thải: Toàn bộ chất thải phát sinh này sẽ được tiến hành tập kết tại vị trí thu gom tạm thời trong khu vực dự án, tùy thuộc vào tiến độ, giai đoạn thi công dự án. Chủ đầu tư sẽ tiến hành thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Đối với chất thải xây dựng chủ yếu là vật liệu hư hỏng như gạch vụn, sắt thép, gỗ cốp pha hỏng... một phần được tận dụng triệt để cho hoạt động san lấp phần trống của dự án. Đối với chất thải có thể tái chế được sẽ thu gom bán phế liệu.

- Đối với chất thải sinh hoạt: Trang bị 04 thùng rác loại 200 lít để chứa rác thải sinh hoạt phát sinh và thuê đơn vị thu gom rác của địa phương vận chuyển về bãi thải.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn từ các hộ gia đình: Tự thu gom rác sau đó đợi xe thu gom rác của đơn vị vệ sinh môi trường của địa phương. Xe thu gom chạy theo lịch trình đã định, dừng lại tại ngã ba, ngã tư, các hộ gia đình ở các khu vực xung quanh mang chất thải đổ vào xe, sau đó xe cơ giới đến thu gom và vận chuyển đi vào giờ cố định.

- Chất thải rắn từ các khu vực công cộng, dịch vụ, tuyến đường nội bộ: bố trí các thùng thu gom rác bằng nhựa, có nắp đậy với khoảng cách 100m/thùng để tiện cho người dân bỏ rác. Thùng chứa rác được đặt cạnh đường đi để tiện cho việc thu gom của công nhân đơn vị vệ sinh môi trường địa phương.

- Bùn thải tại hệ thống các bể phốt, hệ thống thoát nước, bùn từ các bể xử lý trong khu vực dự án, định kỳ thuê các đơn vị có chức năng tới nạo vét và kiểm tra phát hiện hỏng hóc để kịp thời thay thế sửa chữa.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Đơn vị quản lý sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tới thu gom và vận chuyển xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng

- Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa xe, máy móc công trình tại khu vực dự án.

- Dầu mỡ thải và giẻ lau dính dầu phát sinh tại khu vực dự án được thu gom vào 2 thùng chứa có nắp đậy loại 200 lít đặt ở mỗi khu thi công. Định kỳ 3-6 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Dầu mỡ thải được thu gom và vận chuyển để xử lý theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với chất thải phát sinh trong nhà dân: Chính quyền địa phương tăng cường tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn người dân phân loại và lưu giữ, xử lý.

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ các khu vực công cộng, hạ tầng kỹ thuật: chính quyền có phương án, thu gom lưu trữ đúng quy định sau đó thuê đơn vị chức năng đến vận chuyển và xử lý.

- Lượng chất thải nguy hại như vỏ bao bì, chai lọ trong quá trình phun thuốc trừ sâu với cây xanh được đơn vị cắt tỉa, phun thuốc trực tiếp thu gom và có trách nhiệm xử lý.

+ Không sử dụng hóa chất thuốc trừ sâu, diệt cỏ, kích thích sự phát triển của cây trồng không rõ nguồn gốc.

+ Tổ chức phun hóa chất thuốc diệt cỏ, trừ sâu theo đúng khuyến cáo và quy trình của nhà sản xuất.

- Chất thải nguy hại trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện, trạm biến áp... do công nhân của ngành điện lực trực tiếp thu gom và vận chuyển về chi nhánh điện huyện Bình Giang xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng

Quy định về tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án; kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng để đưa ra khuyến cáo và thay thế thiết bị thi công; không sử dụng máy móc, thiết bị thi công quá cũ, gây tiếng ồn lớn. Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng thiết bị; không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

b) Giai đoạn vận hành

Xây dựng quy chế hoạt động của khu dân cư. Giáo dục ý thức người dân sinh hoạt hạn chế các hoạt động phát sinh tiếng ồn lớn vào các giờ cao điểm và thời gian nghỉ ngơi.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn chuẩn bị, san lấp mặt bằng và thi công

- Giải pháp phòng chống cháy, nổ: Lắp đặt thiết bị an toàn cho đường dây tải điện và thiết bị tiêu thụ điện (*aptomat bảo vệ ngắn mạch và ngắn mạch chạm đất...*); kiểm tra mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn điện và có biện pháp thay thế kịp thời; xây dựng và niêm yết các nội quy lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành, an toàn cho máy móc, thiết bị.

- Phòng ngừa sự cố ngập úng: Hướng các dòng nước chảy về 3 lưu vực, trong đó 2 lưu vực thoát về phía Nam dự án, 1 lưu vực thoát về phía Bắc của dự án; tạm dừng việc thi công xây dựng trong điều kiện thời tiết xấu, tránh làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình, cũng như thực hiện các biện pháp che chắn để giảm tác động của nước mưa cuốn theo vật liệu xây dựng vào nguồn tiếp nhận.

b) Giai đoạn vận hành

- Phòng chống cháy nổ: Giáo dục ý thức người dân về công tác PCCC tại các hộ gia đình. Bố trí các họng lấy nước phòng cháy chữa cháy có sẵn, thuận tiện sử dụng khi cần thiết. Trên các trục đường có ống cấp nước chính đặt các trụ cứu hỏa, ưu tiên đặt các trụ cứu hỏa ở ngã ba, ngã tư để thuận tiện cho xe cứu hỏa lấy nước chữa cháy. Nâng cao nhận thức cho người dân về việc thoát hiểm, chữa cháy khi sự cố xảy ra.

- Ứng phó và khắc phục sự cố hư hỏng trạm xử lý nước thải tập trung: Nhận chuyển giao và đào tạo nhân lực để vận hành trạm xử lý nước thải theo hướng dẫn của nhà cung cấp hệ thống và thiết bị; vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị; luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế khi hỏng hóc; sử dụng bể điều hòa có thể tích $665,86\text{m}^3$ để chứa nước thải sinh hoạt khi hệ thống gặp sự cố; bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành đối với từng hệ thống, khi phát hiện sự cố báo cáo ngay với người chủ quản để đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời. Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải để sớm phát hiện các sự cố.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Hệ thống xử lý nước thải công suất $1.580\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ và hệ thống xử lý khí thải hấp phụ than hoạt tính để xử lý khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Giám sát môi trường không khí:

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí khu vực cổng vào công trường; 01 vị trí khu vực giữa công trường, 01 vị trí khu vực cuối công trường; 01 vị trí cuối hướng gió cách công trường 500m.

+ Tần suất: 06 tháng/lần cho đến khi kết thúc giai đoạn thi công và kiểm tra đột xuất khi có sự cố.

+ Thông số quan trắc: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, bụi lơ lửng, SO_2 , CO, NO_2 .

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT.

- Giám sát môi trường nước:

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải xây dựng tại hố ga trước khi thải ra ngoài dự án.

+ Tần suất: 06 tháng/lần cho đến khi giai đoạn thi công kết thúc và kiểm tra đột xuất khi có sự cố.

+ Thông số quan trắc: pH, BOD_5 , COD, TSS, NH_4^+ , $\text{N}_{\text{tổng}}$, $\text{P}_{\text{tổng}}$, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, Zn, Pb, As, Cu.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, mức B, giá trị C_{max} với hệ số $K_f = 1,2$ và $K_q = 0,9$.

5.2. Giai đoạn vận hành ổn định

- Giám sát môi trường nước: Tại trạm xử lý nước thải lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục để quan trắc các thông số lưu lượng, nhiệt độ, pH, COD, TSS và NH_4^+ và thực hiện giám sát nước thải định kỳ:

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải trước hệ thống xử lý nước thải và 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và kiểm tra đột xuất khi có sự cố.

+ Thông số quan trắc: BOD_5 , TDS, $\text{PO}_4^{3-}\text{-P}$, S^{2-} , $\text{NO}_3^-\text{-N}$, dầu mỡ động thực vật, chất HDBM, Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, mức A, giá trị C_{max} với hệ số $K = 1,0$.

- Giám sát bùn thải trạm xử lý nước thải:

+ Thông số giám sát theo QCVN 50:2013/BTNMT.

+ Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải QCVN 50:2013/BTNMT.

+ Tần suất giám sát: 01 năm/lần

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Phối hợp với UBND xã Thái Học và UBND xã Bình Minh niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

- Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi bắt đầu vận hành thử nghiệm ít nhất 20 ngày làm việc.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi hết hạn thời gian vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật/.

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang.

Kính gửi: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND.

Căn cứ Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, UBND huyện Bình Giang thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nêu trên với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang

2. Nhà đầu tư được lựa chọn: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0102340326, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 16 tháng 4 năm 2018, do phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà HUDLAND TOWER, Lô ACC7, Khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội)

3. Vị trí, địa điểm, diện tích thực hiện dự án:

3.1. Vị trí địa điểm: Xã Thái Học và xã Bình Minh huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp ruộng canh tác thôn Mỹ Trạch, xã Bình Minh; Phía Đông giáp tỉnh lộ 392 và dân cư hiện có; Phía Tây giáp ruộng canh tác và dân cư thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh; Phía Nam giáp đường 394, đất ruộng hiện có, Trường THPT Bình Giang.

3.2. Diện tích và cơ cấu sử dụng đất:

a) Diện tích thực hiện dự án: 442.610 m².

b) Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích lô đất (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất công trình công cộng	26.678	6,0
II	Đất ở	156.719	35,4
1	Đất xây dựng nhà ở biệt thự đơn lập	23.897	
2	Đất xây dựng nhà ở biệt thự song lập	15.576	
3	Đất xây dựng nhà ở biệt thự Phú	31.519	
4	Đất xây dựng nhà phố thương mại (liền kề)	53.797	
5	Đất xây dựng nhà ở xã hội (chung cư + nhà ở thu nhập thấp)	31.930	
III	Đất hỗn hợp (Dịch vụ - Thương mại)	8.710	2,0



IV	Đất công viên, cây xanh, mặt nước	56.921	12,9
V	Đất nghĩa trang và cây xanh cách ly	6.075	1,4
1	Đất nghĩa trang	2.350	
2	Đất cây xanh cách ly	3.725	
VI	Đất đấu mồi hạ tầng kỹ thuật	5.114	1,2
VII	Đất đấu nối với các trục đường Tỉnh lộ 392 và 394	4.239	1,0
VIII	Đất giao thông & Bãi đỗ xe tĩnh (3%)	178.154	40,3
1	Đường giao thông & đường dạo xe đạp	158.170	
2	Bãi đỗ xe tĩnh	19.984	
	Tổng	442.610	100,0

3.3. Hình thức, thời hạn sử dụng đất:

a) Đối với đất ở: Nhà nước giao đất cho Nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất; thời hạn sử dụng đất lâu dài. Nhà đầu tư tự tổ chức việc bán đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản; người mua đất ở được sử dụng đất ổn định lâu dài theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Đối với đất thương mại dịch vụ: Nhà nước cho Nhà đầu tư thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, hình thức trả tiền thuê đất một lần; thời hạn sử dụng đất 50 năm.

c) Đối với các loại đất khác: Nhà nước giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai; Nhà đầu tư có trách nhiệm đầu tư, xây dựng theo quy hoạch và dự án đầu tư được duyệt; sau khi hoàn thành nghiệm thu tổ chức bàn giao cho chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành.

4. Tổng mức đầu tư dự án (do nhà đầu tư đề xuất chưa bao gồm chi phí lãi trong thời gian xây dựng): 562.359.460.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng).

Trong đó:

4.1. Cơ cấu vốn đầu tư

+ Chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: 424.012.303.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tư tỷ, không trăm mười hai triệu, ba trăm linh ba ngàn đồng)

+ Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: 138.347.157.000 đồng (Một trăm ba mươi tám tỷ, ba trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm năm mươi bảy ngàn đồng). Trường hợp giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng thực tế thấp hơn mức giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng do nhà đầu tư đề xuất thì phần chênh lệch sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp cao hơn mức giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng do Nhà đầu tư đề xuất thì Nhà đầu tư phải bù phần thiếu hụt.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư: 127.693.131.000 VNĐ (chiếm 22,7% tổng mức đầu tư dự án).

b) Vốn nhà đầu tư huy động: 434.666.329.000 VNĐ (chiếm 77,3% tổng mức đầu tư dự án).

5. Giá trị nộp ngân sách nhà nước: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn). Giá trị nộp ngân sách nhà nước nêu trên chưa bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp của dự án được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Mục tiêu, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án

6.1. Mục tiêu: Đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang theo quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 nhằm hình thành khu dân cư hiện đại và đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, góp phần tạo không gian và cảnh quan khu vực.

6.2. Quy mô: Thực hiện theo đúng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt.

6.3. Quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế: Áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

7. Hiệu quả đầu tư: 138.847.155.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm năm mươi năm nghìn đồng).

8. Thời gian thực hiện dự án: 36 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

9. Loại hợp đồng: Hợp đồng thực hiện dự án có sử dụng đất (Nội dung cụ thể được quy định trong hợp đồng ký giữa Nhà đầu tư trúng thầu và UBND huyện Bình Giang).

10. Thời gian tiến hành đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng: Sau khi kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt (tối đa 120 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư)

Vậy UBND huyện Bình Giang thông báo cho nhà đầu tư biết kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án nêu trên.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Kiên



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4538/QĐ-UBND**

Hải Dương, ngày **25** tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện
Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phù, xã Thái Học
và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn Nhà đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 2527/BC-SKHĐT ngày 09 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phù, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phù, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang.

2. Nhà đầu tư được lựa chọn: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND** (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0102340326, đăng ký lần



đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 16 tháng 4 năm 2018, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà HUDLAND TOWER, lô ACC7, khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội).

3. Vị trí, địa điểm, diện tích đất dự án:

3.1. Vị trí, địa điểm: Xã Thái Học và xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Ranh giới: Phía Bắc giáp ruộng canh tác thôn Mỹ Trạch, xã Bình Minh; phía Nam giáp tỉnh lộ 394, đất công nghiệp hiện có, Trường THPT Bình Giang và dân cư thôn Quang Tiến, xã Bình Minh; phía Đông giáp tỉnh lộ 392 và khu dân hiện có; phía Tây giáp ruộng canh tác và dân cư thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh.

3.2. Diện tích và cơ cấu sử dụng đất:

a) Diện tích đất thực hiện dự án: 442.610,0 m².

b) Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất công trình công cộng	26.678	6,03
II	Đất ở	156.719	35,41
1	Đất nhà biệt thự đơn lập	23.897	5,40
2	Đất nhà biệt thự song lập	15.576	3,52
3	Đất nhà biệt thự Phủ	31.519	7,12
4	Đất nhà phố thương mại (liền kề)	53.797	12,15
5	Đất nhà ở xã hội	31.930	7,21
III	Đất hỗn hợp (Dịch vụ - Thương mại)	8.710	1,97
IV	Đất công viên, cây xanh, mặt nước	56.921	12,86
V	Đất nghĩa trang và cây xanh cách ly	6.075	1,37
1	Đất nghĩa trang	2.350	0,53
2	Đất cây xanh cách ly	3.725	0,84
VI	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	5.114	1,15
VII	Đất đầu nối với đường tỉnh 392, 394	4.239	0,96
VIII	Đất giao thông	178.154	40,25
1	Đất giao thông và đường dạo xe đạp	158.170	35,73
2	Đất bãi đỗ xe	19.984	4,52
Tổng diện tích đất thực hiện dự án		442.610,0	100

3.3. Hình thức, thời hạn sử dụng đất:

a) Đối với đất ở: Nhà nước giao đất cho Nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất; thời hạn sử dụng đất lâu dài. Nhà đầu tư tự tổ chức việc bán đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản; người mua đất ở được sử dụng đất ổn định lâu dài theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Đối với đất thương mại dịch vụ: Nhà nước cho Nhà đầu tư thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, hình thức trả tiền thuê đất một lần, thời hạn thuê đất 50 năm.

c) Đối với các loại đất khác: Nhà nước giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai; Nhà đầu tư có trách nhiệm đầu tư, xây dựng theo quy hoạch và dự án đầu tư được duyệt; sau khi hoàn thành nghiệm thu tổ chức bàn giao cho chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành.

4. Tổng mức đầu tư dự án (do Nhà đầu tư đề xuất và chưa bao gồm tiền sử dụng đất): 562.359.460.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó:

4.1. Cơ cấu vốn đầu tư:

a) Chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: 424.012.303.000 VND (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi bốn tỷ, không trăm mười hai triệu, ba trăm linh ba nghìn đồng).

b) Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: 138.347.155.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ, ba trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Trường hợp giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng thực tế thấp hơn mức giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng do Nhà đầu tư đề xuất thì phần chênh lệch sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp cao hơn mức giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng do Nhà đầu tư đề xuất thì Nhà đầu tư phải bù phần thiếu hụt.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư: 127.693.131.000 VND (chiếm 22,7% tổng mức đầu tư dự án).

b) Vốn Nhà đầu tư huy động: 434.666.329.000 VND (chiếm 77,3% tổng mức đầu tư dự án).

5. Giá trị nộp ngân sách nhà nước do Nhà đầu tư đề xuất: 500.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng). Giá trị nộp ngân sách nhà nước nêu trên chưa bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp của dự án. Tiền sử dụng đất phải nộp của dự án được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Mục tiêu, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án:

6.1. Mục tiêu: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang theo quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh phê duyệt

tại Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 nhằm hình thành khu dân cư hiện đại và đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, góp phần tạo không gian và cảnh quan khu vực.

6.2. Quy mô đầu tư: Thực hiện theo đúng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và Hồ sơ yêu cầu được duyệt.

7. Hiệu quả đầu tư: 138.847.155.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

8. Thời hạn thực hiện dự án: 36 tháng (ba mươi sáu tháng), kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

9. Loại hợp đồng: Hợp đồng thực hiện dự án có sử dụng đất (Nội dung cụ thể được quy định trong Hợp đồng ký giữa Nhà đầu tư trúng thầu và UBND huyện Bình Giang).

10. Thời gian tiến hành đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng: Sau khi kết quả lựa chọn Nhà đầu tư được phê duyệt (tối đa là 120 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư).

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

1. UBND huyện Bình Giang (Bên mời thầu) có trách nhiệm:

1.1. Thông báo kết quả lựa chọn Nhà đầu tư; tổ chức đàm phán hợp đồng và ký hợp đồng thực hiện đầu tư dự án với Nhà đầu tư theo đúng quy định.

1.2. Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án để bàn giao quỹ đất sạch cho Nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng tiến độ.

1.3. Chỉ đạo, đôn đốc Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các thủ tục khác có liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thực hiện dự án.

1.4. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn về quản lý quy hoạch, quản lý hoạt động xây dựng, đất đai và môi trường; đồng thời giám sát Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo tiến độ cam kết.

1.5. Nghiệm thu, nhận bàn giao và đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án theo đúng quy định.

2. Các Sở, ngành có liên quan (Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Cục Thuế tỉnh) theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn UBND huyện Bình Giang và Nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án, đồng thời thực hiện những nội dung công việc thuộc thẩm quyền.

3. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND:

3.1. Thực hiện thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các thủ tục khác có liên quan đến dự án theo quy định.

3.2. Nộp 500.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng) vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký kết hợp đồng.

3.3. Ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng cho Bên mời thầu để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất thực hiện dự án.

3.4. Nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3.5. Triển khai thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại hợp đồng, pháp luật về đầu tư, xây dựng và pháp luật khác có liên quan. Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư, thiết kế được duyệt, sau đó bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý (đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khác) theo quy định và không bồi hoàn; sử dụng đất đúng mục đích và có hiệu quả.

3.6. Chịu trách nhiệm về chất lượng công trình của dự án; tự giám sát, quản lý hoặc thuê tổ chức tư vấn độc lập để quản lý, giám sát thi công xây dựng công trình, nghiệm thu các hạng mục và toàn bộ công trình theo thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt.

3.7. Thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư, chấp hành sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước trong thời gian thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bình Giang; Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND huyện Bình Giang;
- Lưu: VT, TH, CV. Hùng (20b) &

CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Số: 01/2020/HDDA

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và
thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang**

GIỮA

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG
(LÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC ĐƯỢC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀI
DƯƠNG GIAO KÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN DỰ ÁN)**

**VÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN
HUDLAND (LÀ NHÀ ĐẦU TƯ)**



Bình Giang, tháng 01 năm 2020

MỤC LỤC HỢP ĐỒNG

PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ	2
PHẦN 2. CÁC BÊN THAM GIA KÝ KẾT HỢP ĐỒNG.....	4
PHẦN 3. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ	4
Điều 2. Mục tiêu, quy mô và phạm vi của Dự án.....	5
Điều 3. Thời gian thực hiện Dự án	7
Điều 4. Thời hạn giao đất để thực hiện Dự án	7
Điều 5. Nghĩa vụ tài chính của Bên nhận thầu	7
Điều 6. Thời hạn khởi công Dự án	8
Điều 7. Tiến độ thực hiện đầu tư Dự án	8
Điều 8. Gia hạn thời hạn thực hiện Hợp đồng.....	8
Điều 9. Khắc phục tiến độ chậm trễ	8
Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của các Bên.....	9
Điều 11. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng	10
Điều 12. Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.....	10
Điều 13. Bàn giao mặt bằng xây dựng	10
Điều 14. Thời hạn sử dụng đất	10
Điều 15. Yêu cầu thực hiện Dự án	10
Điều 16. Quản lý chất lượng công trình	11
Điều 17. Bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường.....	11
Điều 18. Cổ vật phát hiện tại khu vực Dự án	11
Điều 19. Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng Dự án	11
Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng	11
Điều 21. Điều kiện đặc thù của Dự án.....	12
Điều 22. Sự kiện bất khả kháng.....	12
Điều 23. Rủi ro và quản lý rủi ro	12
Điều 24. Tạm ngừng Hợp đồng Dự án.....	12
Điều 25. Giải quyết tranh chấp.....	13
Điều 26. Chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.....	13
Điều 27. Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai	14
Điều 28. Bảo hành công trình và bảo hiểm công trình.....	14
Điều 29. Những nội dung khác.....	15
Điều 30. Thanh lý Hợp đồng	16
Điều 31. Bảo mật.....	16
Điều 32. Các phụ lục và tài liệu kèm theo.....	16
Điều 33. Điều khoản chung.....	17

1

Được

Được

Được

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN
Số: 01/2020/HDDA

Về việc thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang

PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Các văn bản luật:

Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

2. Các văn bản dưới luật:

Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 04/5/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường;

Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 20/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Kinh doanh bất động sản;







Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Nhà ở;

Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 nước của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà;

Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam;

Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định 59/2015/NĐ-CP về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định 99/2015/NĐ-CP về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình;

3. Các văn bản của UBND tỉnh Hải Dương

Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang tỷ lệ 1/500;

Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất công bố lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2018 (đợt 5);

Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kết quả sơ tuyển nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang;

Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang;

Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang;

4. Văn bản của Nhà đầu tư

Nghị quyết số 289/NQ-HĐQT ngày 11/3/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND về việc chấp thuận chủ trương tham gia đấu thầu dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang.

3



Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2020, tại UBND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, chúng tôi, gồm các Bên dưới đây:

PHẦN 2. CÁC BÊN THAM GIA KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

1. Chủ đầu tư: UBND huyện Bình Giang.

(Là cơ quan Nhà nước được UBND tỉnh Hải Dương giao ký kết Hợp đồng đầu tư thực hiện dự án với Nhà đầu tư)

- Địa chỉ: Thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 02203.777.559
- Tài khoản: 7111.1054.101 - Tại Kho bạc Nhà nước huyện Bình Giang (Mã NDKT: 4949. Mã chương: 755)
- Đại diện: Ông Nguyễn Trung Kiên - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện (Sau đây gọi tắt là Bên A)

2. Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Mã số thuế: 0102340326
- Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà HUDLAND TOWER, Lô ACC7, Khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.3652.3862
- Fax: 024.3652.3864
- Email: hudland@hudland.com.vn.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Cao Sơn - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102340326 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 10/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 16/4/2018.

(Sau đây gọi tắt là Bên B)

PHẦN 3. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Hai Bên cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng đầu tư thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phù, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với những điều khoản như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Bên giao thầu và Bên nhận thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai Bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;
2. "Tổng mức đầu tư xây dựng" là toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng của dự án được xác định phù hợp với thiết kế cơ sở và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Nội dung tổng mức đầu tư xây dựng gồm: Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác và chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá;

3. "Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền" là UBND tỉnh Hải Dương;

4. "Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng" là UBND huyện Bình Giang;

4

(Chữ ký và dấu)

5. "*Nhà đầu tư*" là đơn vị được lựa chọn trúng thầu được phê duyệt tại Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

6. "*Thời gian xây dựng và hoàn thành các hạng mục hạ tầng kỹ thuật*" là khoảng thời gian Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện dự án tính từ ngày Bên giao thầu bàn giao toàn bộ mặt bằng sạch đến khi Nhà đầu tư hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước và đưa các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án vào khai thác sử dụng;

7. "*Thời hạn bảo hành công trình xây dựng*" là thời gian Nhà đầu tư chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót, hư hỏng đối với công trình. Thời hạn bảo hành tính từ ngày công trình được bàn giao, đưa vào khai thác sử dụng;

8. "*Biên bản nghiệm thu*" là biên bản xác định khối lượng, chất lượng công trình hoàn thành được các Bên xác nhận được phát hành theo quy định hiện hành của Nhà nước;

9. "*Diện tích khu đất*" là tổng diện tích đất quy hoạch thực hiện dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

10. "*Công trình hạ tầng kỹ thuật*" là hệ thống các hạng mục công trình thuộc Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang được cấp có thẩm quyền phê duyệt và như trong hồ sơ đề xuất;

11. "*Bên*" là Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu;

12. "*Các Bên*" bao gồm Bên giao thầu và Bên nhận thầu;

13. "*Thời gian hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà nước*" là khoảng thời gian Nhà đầu tư có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất, nộp tiền hỗ trợ ngân sách Nhà nước;

14. "*Dự án*" là Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang;

15. "*Ngày làm việc*" là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ cuối tuần, ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định của pháp luật;

16. Hồ sơ yêu cầu viết tắt là HSYC;

17. Hồ sơ đề xuất viết tắt là HSDX;

18. Giải phóng mặt bằng viết tắt là GPMB;

19. Ủy ban nhân dân viết tắt là UBND.

Các thuật ngữ khác không đề cập ở đây được hiểu là sử dụng theo các quy định giao dịch pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Mục tiêu, quy mô và phạm vi của Dự án

1. Mục tiêu của Dự án

Đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang theo quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 nhằm hình thành khu dân cư hiện đại và đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, góp phần tạo không gian và cảnh quan khu vực.

4⁵

5/20

11/2014

u

2. Quy mô của Dự án

Xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng quy mô Dự án, giải pháp kiến trúc, công năng cơ bản của công trình Dự án theo quy định hiện hành về pháp luật xây dựng và quy hoạch chi tiết được duyệt tại Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 16/10/2014.

3. Phạm vi của Dự án

Vị trí thực hiện Dự án: Xã Thái Học và xã Bình Minh huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp ruộng canh tác thôn Mỹ Trạch, xã Bình Minh; Phía Đông giáp tỉnh lộ 392 và dân cư hiện có; Phía Tây giáp ruộng canh tác và dân cư thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh; Phía Nam giáp đường 394, đất ruộng hiện có, Trường THPT Bình Giang.

(Ranh giới, vị trí cụ thể theo Tờ trích lục bản đồ thu hồi đất)

4. Diện tích và cơ cấu sử dụng đất

a. Diện tích thực hiện Dự án: 442.610 m²;

b. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích lô đất (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất công trình công cộng	26.678	6,03
II	Đất ở	156.719	35,41
1	Đất xây dựng nhà ở biệt thự đơn lập	23.897	
2	Đất xây dựng nhà ở biệt thự song lập	15.576	
3	Đất xây dựng nhà ở biệt thự Phủ	31.519	
4	Đất xây dựng nhà phố thương mại (liền kề)	53.797	
5	Đất xây dựng nhà ở xã hội (chung cư + nhà ở thu nhập thấp)	31.930	
III	Đất hỗn hợp (Dịch vụ - Thương mại)	8.710	1,97
IV	Đất công viên, cây xanh, mặt nước	56.921	12,86
V	Đất nghĩa trang và cây xanh cách ly	6.075	1,37
1	Đất nghĩa trang	2.350	
2	Đất cây xanh cách ly	3.725	
VI	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	5.114	1,15
VII	Đất đầu nối với các trục đường Tỉnh lộ 392 và 394	4.239	0,96
VIII	Đất giao thông & Bãi đỗ xe tĩnh (3%)	178.154	40,25
1	Đường giao thông & đường dạo xe đạp	158.170	
2	Bãi đỗ xe tĩnh	19.984	
	Tổng	442.610	100,0

5. Tổng mức đầu tư (chưa bao gồm chi phí lãi vay và tiền sử dụng đất): 562.359.460.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng).

Trong đó:

6
Đ
Đ
Đ

- Chi phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: 424.012.303.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tư tỷ, không trăm mười hai triệu, ba trăm linh ba ngàn đồng);

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng: 138.347.157.000 đồng (Một trăm ba mươi tám tỷ, ba trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

Điều 3. Thời gian thực hiện Dự án

1. Thời gian thực hiện Dự án bao gồm: (i) Thời gian thực hiện Hợp đồng và (ii) Thời gian kinh doanh, vận hành, bàn giao Dự án.

2. Thời gian thực hiện Hợp đồng:

a. Trong vòng 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (Không bao gồm thời gian chờ bên A bàn giao mặt bằng) các Bên có trách nhiệm thực hiện Hợp đồng.

b. Thời gian thực hiện Hợp đồng được tính từ thời điểm Hợp đồng có hiệu lực đến thời điểm Bên B hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng (bao gồm: Hoàn thành nộp chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB; Nộp ngân sách Nhà nước; Thời gian xây dựng và hoàn thành các hạng mục hạ tầng kỹ thuật).

3. Thời gian kinh doanh, vận hành, bàn giao Dự án được tính căn cứ theo các quy định pháp luật.

Điều 4. Thời hạn giao đất để thực hiện Dự án

1. Bên A hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện việc giao đất cho bên B để thực hiện Dự án trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công tác GPMB theo tiến độ.

2. Trường hợp xảy ra tình huống theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng, hoặc Bên A chậm bàn giao đủ diện tích đất thực hiện Dự án cho Bên B hoặc trường hợp không phải lỗi của Bên B làm chậm việc thi công thực hiện Dự án thì hai Bên sẽ bàn bạc, thống nhất để Bên A trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền gia hạn thời gian thực hiện Dự án.

Điều 5. Nghĩa vụ tài chính của Bên B

1. Nộp ngân sách Nhà nước

a. Bên B có trách nhiệm nộp số tiền đề xuất nộp ngân sách Nhà nước là 500.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn).

b. Hình thức: Chuyển khoản. Nộp vào ngân sách tại Kho bạc Nhà nước huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

c. Thời hạn nộp: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày ký kết Hợp đồng.

2. Nộp tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, Bên B phải chuyển toàn bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB cho Hội đồng hỗ trợ, bồi thường GPMB huyện Bình Giang (theo tiến độ yêu cầu của Hội đồng hỗ trợ, bồi thường GPMB huyện Bình Giang) để tiến hành bồi thường, hỗ trợ GPMB khu đất thực hiện Dự án.

3. Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: Giá trị tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai (theo chính sách và giá

7

for

am

đất tại thời điểm bàn giao đất đã GPMB trên thực địa). Bên B có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Quyết định phê duyệt phương án thu tiền sử dụng đất của UBND tỉnh Hải Dương trong thời hạn pháp luật quy định.

4. Nộp chi phí lập quy hoạch, tư vấn lựa chọn Nhà đầu tư, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, thẩm định kết quả sơ tuyển, thẩm định hồ sơ yêu cầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo giá trị quyết toán được duyệt: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày Bên B nhận thông báo bằng văn bản của Bên A. Các chi phí này sẽ được khấu trừ vào tiền sử dụng đất.

Điều 6. Thời hạn khởi công Dự án

Bên B có quyền chọn ngày khởi công Dự án trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày Bên A bàn giao cho Bên B toàn bộ (hoặc một phần) khu đất thực hiện Dự án.

Điều 7. Tiến độ thực hiện đầu tư Dự án

1. Căn cứ vào thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên B phải lập bản tiến độ thực hiện đầu tư Dự án chi tiết để trình cho Bên A trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực và cam kết thực hiện đúng tiến độ đề ra. Mỗi bản tiến độ thực hiện đầu tư sẽ bao gồm:

a. Trình tự thực hiện công việc và thời gian dự tính cho mỗi công việc của Dự án, trong đó nêu rõ thời gian hoàn thành công tác lập, thẩm định và phê duyệt Dự án theo quy định;

b. Báo cáo chung về các phương pháp dự kiến áp dụng và các công việc thực hiện Dự án; Dự kiến số lượng thiết bị, phương tiện, nhân lực để thực hiện các công việc thuộc Dự án.

2. Nếu bản tiến độ thực hiện đầu tư do Bên B lập không phù hợp với Hợp đồng thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản tiến độ của Bên B. Bên B phải chỉnh sửa bản tiến độ cho phù hợp với Hợp đồng theo yêu cầu của Bên A. Bản tiến độ được Bên A thống nhất là cơ sở để Bên A kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện đầu tư của Bên B;

3. Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu phát sinh những tình huống có thể gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đầu tư Dự án quy định tại Điều 8 của Hợp đồng, các Bên sẽ trao đổi về mức độ ảnh hưởng và thống nhất hướng giải quyết. Trường hợp phải điều chỉnh tiến độ thực hiện đầu tư, Bên B phải lập và nộp cho Bên A một bản tiến độ thực hiện đầu tư sửa đổi phù hợp.

Điều 8. Gia hạn thời hạn thực hiện Hợp đồng

Bên A và Bên B sẽ thương thảo và Bên A báo cáo Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc gia hạn thời hạn thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

- Do ảnh hưởng của các sự kiện bất khả kháng (Điều 22) và rủi ro (Điều 23);
- Được cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh mặt bằng quy hoạch.
- Các trường hợp đặc biệt khác (nếu có).

Điều 9. Khắc phục tiến độ chậm trễ

Trường hợp tiến độ thực hiện đầu tư bị chậm so với bản tiến độ đã được các Bên thống nhất mà không phải do những nguyên nhân quy định tại Điều 8

của Hợp đồng, Bên A có quyền yêu cầu Bên B sửa đổi bản tiến độ thực hiện đầu tư để đảm bảo Hợp đồng được hoàn thành đúng thời gian quy định tại Khoản 2, Điều 3 của Hợp đồng.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- a. Thực hiện thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai và các thủ tục khác có liên quan đến dự án theo quy định;
- b. Nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng;
- c. Ứng trước hoặc nộp toàn bộ chi phí tiền bồi thường, GPMB theo giá trị bồi thường, GPMB cho Bên A để thực hiện bồi thường, GPMB khu đất thực hiện Dự án;
- d. Triển khai thực hiện Dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại Hợp đồng, pháp luật về đầu tư, xây dựng và pháp luật khác có liên quan;
- e. Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết, Dự án đầu tư, thiết kế được duyệt, sau đó bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý (đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật) theo quy định, trừ phần diện tích đất mà bên B được kinh doanh bất động sản theo quy định;
- f. Nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai;
- g. Xây dựng Kế hoạch chi tiết thực hiện Dự án để bên A có cơ sở giám sát;
- h. Được yêu cầu bên A và các cơ quan có liên quan cung cấp các thông tin phục vụ việc triển khai thực hiện dự án. Được yêu cầu bên A bàn giao khu đất thực hiện dự án theo đúng diện tích và tiến độ GPMB;
- i. Được thực hiện các quyền của tổ chức sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có các công trình hạ tầng kỹ thuật để đầu tư xây dựng công trình, hạng mục công trình...);
- j. Được bán, cho thuê nhà ở và các công trình xây dựng trong phạm vi dự án theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản, trừ các công trình hạ tầng phải chuyển giao theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- k. Được huy động vốn để thực hiện đầu tư đảm bảo tuân thủ các quy định tại Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn;

Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- a. Tổ chức thực hiện bồi thường GPMB và bàn giao mặt bằng khu vực Dự án theo tiến độ quy định tại Hợp đồng;
- b. Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án, bao gồm các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, xây dựng và đất đai (giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...);
- c. Theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát, đôn đốc quá trình triển khai Dự án theo quy hoạch, thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công của Dự án được phê duyệt theo quy định của pháp luật;
- d. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện Dự án với tư cách cơ quan quản lý Nhà nước theo thẩm quyền;

4⁹

Trang

10/10/2023

e. Phối hợp với các cơ quan có chức năng hoàn thiện các thủ tục pháp lý bồi thường; hỗ trợ GPMB theo quy định của pháp luật, hoàn thiện thủ tục đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường bàn giao mặt bằng khu đất cho Bên B khi có đủ điều kiện;

f. Phối hợp với bên B, các cơ quan nhà nước có liên quan lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên B theo quy định của pháp luật.

g. Kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc có liên quan đến bên A trong quá trình thực hiện dự án của bên B hoặc đề xuất với người có thẩm quyền những vấn đề vượt quá thẩm quyền của mình.

h. Tổ chức tiếp nhận, quản lý và khai thác sử dụng công trình hạ tầng khi công trình hạ tầng được hoàn thành và bàn giao theo quy định tại Hợp đồng và các quy định của pháp luật hiện hành;

Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định.

Điều 11. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

Không áp dụng thực hiện theo quy định (Căn cứ theo Khoản b, Mục 1, Điều 27, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015)

Điều 12. Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng

1. Bên A và Bên B thỏa thuận cho Bên B thu xếp nguồn vốn để ứng trước chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB (bao gồm hỗ trợ, tái định cư, nếu có) theo đề xuất trong hồ sơ đề xuất (M₂).

2. Trường hợp chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB thực tế chi trả nhỏ hơn so với số tiền chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB được phê duyệt theo quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương thì Bên B có trách nhiệm nộp phần chênh lệch đó vào ngân sách Nhà nước.

3. Trường hợp chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB thực tế chi trả lớn hơn so với giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB đã được phê duyệt tại quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương thì Bên B có trách nhiệm trả số tiền chênh lệch phát sinh.

4. Bên B sẽ được khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB vào tiền sử dụng đất (bao gồm: bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nếu có) theo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không vượt quá số tiền thuê đất, tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 13. Bàn giao mặt bằng xây dựng

Bên A thực hiện giao quyền sử dụng khu vực thực hiện Dự án, bàn giao mặt bằng xây dựng cho Bên B theo đúng tiến độ GPMB.

Điều 14. Thời hạn sử dụng đất

Thời hạn sử dụng đất xác định theo quyết định giao đất.

Điều 15. Yêu cầu thực hiện Dự án

1. Bên B có trách nhiệm thực hiện Dự án phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; bảo đảm yêu cầu chất lượng, khối lượng, mỹ quan, an toàn lao động, vệ sinh môi trường công trình theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, pháp luật về môi trường và các quy định khác có liên quan.

2. Bên B có trách nhiệm bố trí đủ vốn để thực hiện Dự án.

3. Bên B phải thực hiện Dự án đảm bảo theo tiến độ đã cam kết trong hồ sơ đề xuất (bao gồm các nội dung về thời gian xây dựng công trình và thời gian khai thác Dự án).

4. Các trường hợp và điều kiện được phép điều chỉnh thời gian, tiến độ thực hiện Dự án: Bên A và Bên B sẽ thương thảo để Bên A báo cáo người có thẩm quyền quyết định về việc gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng.

Điều 16. Quản lý chất lượng công trình

Các Bên có trách nhiệm bảo đảm thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 17. Bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường

1. Bảo đảm an toàn:

Bên B có trách nhiệm bảo đảm an toàn trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình.

2. Bảo vệ môi trường:

a. Bên B có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định về đầu tư xây dựng hiện hành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b. Thực hiện đúng những cam kết về bảo vệ môi trường như trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Các cơ quan, đơn vị quản lý và tham gia thực hiện Dự án đều có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về bảo vệ môi trường;

c. Thực hiện đúng quy định luật bảo vệ môi trường và các quy định khác theo pháp luật hiện hành;

d. Trường hợp có thiệt hại phát sinh do việc không chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường thì Bên B phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Cổ vật phát hiện tại khu vực Dự án

Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng Mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Bên A. Bên B phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

Trường hợp phát hiện ra những đồ vật này, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A để hướng dẫn giải quyết. Nếu Bên B gặp phải sự chậm trễ và phải chịu chi phí để thực hiện hướng dẫn thì Bên B phải thông báo cho Bên A.

Điều 19. Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng Dự án

Bên B có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Dự án do mình thực hiện cho Nhà đầu tư khác theo quy định của pháp luật và phải thông báo cho Bên A biết. Trong mọi trường hợp, Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng Dự án phải kế thừa toàn bộ nghĩa vụ còn lại của Bên B đã cam kết với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và với Bên A.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

Hợp đồng sẽ được các Bên thỏa thuận, thống nhất để Bên A báo cáo người có thẩm quyền xem xét cho phép điều chỉnh trong những trường hợp được quy định tại Điều 8 của Hợp đồng.

Điều 21. Điều kiện đặc thù của Dự án

1. Trường hợp Dự án triển khai chậm do lỗi của Bên B thì Bên B phải chịu các rủi ro như: Trượt giá, chế độ chính sách thay đổi...

2. Trường hợp Bên B đề xuất điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh Dự án làm thay đổi cơ cấu, mục đích sử dụng, hệ số sử dụng đất, sau khi được UBND tỉnh chấp thuận thì Bên B phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Sự kiện bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng

a. Sự kiện bất khả kháng là những sự kiện mà xảy ra ngoài khả năng kiểm soát của các Bên và ngăn cản một hoặc cả hai Bên thực hiện toàn bộ hay một phần các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, với điều kiện một Bên hoặc các Bên bị cản trở đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết nhằm khắc phục tình trạng đó và đã thông báo cho Bên kia biết trong thời gian hợp lý. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, đình công, bạo loạn, bệnh dịch;

b. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện đó. Đồng thời, chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

2. Một Bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt Hợp đồng.

3. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các Bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 25 của Hợp đồng.

Điều 23. Rủi ro và quản lý rủi ro

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng.

2. Trách nhiệm quản lý rủi ro của các Bên

a. Bên phát hiện rủi ro có trách nhiệm thông báo với Bên còn lại bằng văn bản về rủi ro được phát hiện;

b. Trường hợp có rủi ro được một Bên chứng minh có khả năng xảy ra trên thực tế, Bên còn lại có trách nhiệm phải ghi nhận bằng văn bản về việc rủi ro đó;

c. Các Bên phải cùng nhau chịu trách nhiệm khi rủi ro xảy ra;

d. Các Bên có trách nhiệm bàn bạc, thảo luận về việc hợp tác để kiểm soát rủi ro;

e. Trường hợp rủi ro xảy ra trên thực tế gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Dự án, các Bên thống nhất bàn bạc để gia hạn thời hạn thực hiện Dự án.

Điều 24. Tạm ngừng Hợp đồng Dự án

1. Bên A được quyền tạm ngừng Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

a. Bên B thực hiện đầu tư chậm so với tiến độ đã cam kết quá 06 (sáu) tháng;

b. Thực hiện đầu tư Dự án không đảm bảo tuân thủ theo mặt bằng quy hoạch được duyệt hoặc các yêu cầu của HSYC, HSDX hoặc các nội dung đã cam kết trong Hợp đồng;

c. Bên B chuyển nhượng Dự án, huy động vốn không đúng quy định của Hợp đồng;

d. Xảy ra các sự kiện bất khả kháng;

e. Bên A sẽ thông báo tạm ngừng hợp đồng cho Bên B biết trước ngày ngừng hợp đồng tối thiểu 60 (sáu mươi) ngày làm việc. Bên B chịu trách nhiệm về việc Bên A tạm ngừng hợp đồng và sẽ không được bù khoảng thời gian tạm ngừng Hợp đồng trừ trường hợp do bất khả kháng.

2. Bên B tạm ngừng Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

a. Bên A chậm bàn giao khu đất thực hiện Dự án cho Bên B quá 06 (sáu) tháng theo quy định của Hợp đồng này;

b. Xảy ra các sự kiện bất khả kháng;

c. Bên B thông báo tạm ngừng Hợp đồng cho Bên A biết trước ngày ngừng Hợp đồng tối thiểu 60 (sáu mươi) ngày làm việc. Trong trường hợp này, Bên B được bù khoảng thời gian tạm ngừng Hợp đồng vào thời gian thực hiện Hợp đồng.

Điều 25. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai Bên thông qua thoả thuận, thương lượng, hòa giải trên tinh thần thiện chí.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thoả thuận, thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ Bên nào cũng có thể đề nghị đưa việc tranh chấp ra Tòa kinh tế, Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương để giải quyết theo quy định hiện hành. Các Bên phải có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh mọi phán quyết của Tòa án.

Điều 26. Chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn

1. Hợp đồng sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

a. Một Bên vi phạm gây ảnh hưởng đáng kể trong quá trình thực hiện Hợp đồng này và không thể thương thảo hoặc không có hành động tích cực để sửa chữa khắc phục các vi phạm đó trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên kia về việc vi phạm và yêu cầu sửa chữa, khắc phục vi phạm;

b. Các Bên không hoàn thành mọi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này;

c. Do quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

d. Do xảy ra sự kiện bất khả kháng quy định tại Điều 22 của Hợp đồng này;

e. Bên B bị phá sản, giải thể;

f. Tiến độ thực hiện Dự án chậm quá 12 (mười hai) tháng do lỗi của Bên B.

2. Khi xảy ra các trường hợp chấm dứt Hợp đồng, các Bên tiến hành thanh lý Hợp đồng bằng văn bản. Việc thanh lý Hợp đồng phải thực hiện xong trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc hoặc một thời hạn dài hơn do các Bên thoả thuận kể từ ngày nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng của bất kỳ Bên nào.

3. Trường hợp một trong các Bên vi phạm Hợp đồng dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 26 của Hợp đồng, các Bên sẽ tiến hành thỏa thuận và đề xuất các phương án xử lý phù hợp trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc hoặc một thời hạn dài hơn do các Bên thỏa thuận kể từ ngày nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng của bất kỳ Bên nào dựa trên nguyên tắc hợp tác thiện chí, cùng chia sẻ lợi ích và rủi ro, giảm thiểu tối đa thiệt hại và tuân thủ nguyên tắc quy định như sau:

a. Trường hợp chấm dứt Hợp đồng do lỗi của Bên A, Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B tiếp cận dự án khác hoặc một cách thức khác do Bên A đề xuất và được Bên B chấp thuận;

b. Trường hợp chấm dứt Hợp đồng do lỗi của Bên B, Bên B phải chịu toàn bộ các thiệt hại, tổn thất mà Bên B đã chi phí, Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A bằng tiền mặt hoặc bằng cách thức khác do Bên B đề xuất và được Bên A chấp thuận. Một phần hoặc toàn bộ giá trị công trình đã được quyết toán nghiệm thu và bàn giao cho Bên A sử dụng theo quy định tại Hợp đồng có thể được tính vào khoản tiền mà Bên B phải bồi thường cho Bên A. Bên A không có nghĩa vụ phải hoàn trả lại Bên B bất kỳ khoản tiền nào nếu giá trị công trình hoàn thành lớn hơn khoản tiền mà Bên B phải có trách nhiệm bồi thường cho Bên A.

Điều 27. Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai

1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm:

a. Sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, công nhận quyền sử dụng đất và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm;

b. Người sử dụng đất cố ý hủy hoại đất;

c. Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;

d. Đất không được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà người sử dụng đất do thiếu trách nhiệm để bị lấn, chiếm;

e. Người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà không chấp hành;

f. Đất được Nhà nước giao để thực hiện Dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liên tục hoặc tiến độ thực hiện Dự án chậm 24 (hai mươi bốn) tháng so với tiến độ ghi trong Dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa. Trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì Bên B được gia hạn sử dụng 24 (hai mươi bốn) tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện Dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà Bên B vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.

2. Việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai phải căn cứ vào văn bản, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai.

Điều 28. Bảo hành công trình và bảo hiểm công trình

1. Bảo hành công trình

Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình hạ tầng theo quy định của pháp luật, thời gian bảo hành là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày bàn giao công trình cho Bên A đưa vào sử dụng. Trước khi kết thúc thời hạn bảo hành, hai Bên cùng nhau kiểm tra toàn bộ công trình hạ tầng kỹ thuật làm cơ sở sửa chữa, khắc phục những hư hỏng (nếu có).

2. Bên B chịu trách nhiệm bắt đầu thực hiện bảo hành công trình HTKT trong thời hạn tối đa 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A. Việc bảo hành không gồm các trường hợp sau:

- a. Lỗi do Bên A sửa chữa hoặc thay đổi;
- b. Sự kiện bất khả kháng tại Điều 22 của Hợp đồng;
- c. Công trình ngoài hạng mục được bảo hành.

3. Bảo hiểm công trình: Bên B có trách nhiệm mua các loại bảo hiểm để thực hiện đầu tư Dự án theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Điều 29. Những nội dung khác

1. Các điều kiện về sử dụng đất, công trình phụ trợ cần thiết cho xây dựng, vận hành

Để phục vụ công tác triển khai Dự án, Bên B được sử dụng công trình hạ tầng hiện hữu (nếu được sự chấp thuận của các cơ quan liên quan) có liên quan để thực hiện đầu tư xây dựng công trình thuộc Dự án, Bên B chỉ được phép sử dụng các phương tiện vận tải chở đúng tải trọng cho phép của tuyến đường và công trình trên tuyến, đảm bảo giữ gìn vệ sinh khu vực và tuyến đường khi vận chuyển vật liệu. Trong quá trình sử dụng nếu gây hư hỏng thiệt hại thì phải sửa chữa, bồi thường hoặc xây dựng hoàn trả cho các Bên liên quan.

2. Bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật

a. Hoàn thành và bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật: Sau khi xây dựng xong toàn bộ các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo tiến độ quy định tại Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm bàn giao đất công cộng và công trình hạ tầng kỹ thuật cho Bên A đưa vào khai thác sử dụng, trừ phần diện tích bên B được kinh doanh bất động sản;

b. Bảo dưỡng và sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật trước khi bàn giao: Trước khi bàn giao công trình hạ tầng cho Bên A, Bên B phải thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa và các công việc cần thiết khác để đảm bảo công trình hạ tầng kỹ thuật đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và kỹ thuật quy định tại Hợp đồng;

c. Vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sau khi bàn giao: Sau khi nhận bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật, hết thời gian bảo hành, Bên A chịu trách nhiệm vận hành, duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật theo đúng quy trình kỹ thuật.

3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có bất kỳ sự thay đổi nào về quy mô, kết cấu, yêu cầu kỹ thuật của Dự án so với quy hoạch được duyệt, Hồ sơ yêu cầu, Hồ sơ đề xuất hoặc do các sự kiện bất khả kháng hoặc khi có những quy định của Nhà nước có liên quan đến quy định của Hợp đồng thì hai Bên sẽ thỏa thuận để ký bổ sung phụ lục Hợp đồng.

4. Thông báo

a. Tất cả các thông báo quy định trong Hợp đồng phải được lập thành văn bản và được gửi trực tiếp, hoặc qua bưu điện, hoặc gửi bằng fax, email và bản

gốc được gửi qua bưu điện trong vòng 05 (năm) ngày làm việc theo địa chỉ cụ thể tại Phần 2 của Hợp đồng;

b. Thông báo có hiệu lực ngay sau khi người nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện, fax, email tại địa chỉ và số fax ghi cụ thể tại phần đầu của Hợp đồng;

c. Mỗi Bên có trách nhiệm thông báo cho Bên kia bất kỳ thay đổi nào về địa chỉ, số điện thoại hoặc số fax hoặc thông tin người đại diện ký hợp đồng của mình.

Điều 30. Thanh lý Hợp đồng

1. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng, các Bên phải tiến hành ký văn bản thanh lý hợp đồng.

2. Khi xảy ra các trường hợp chấm dứt hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 26, các bên tiến hành thanh lý hợp đồng bằng văn bản. Việc gia hạn phải được sự chấp thuận của các Bên và lập thành văn bản.

Điều 31. Bảo mật

1. Thông tin bảo mật là những thông tin thuộc bí mật kinh doanh và tài sản sở hữu trí tuệ mà các Bên biết hoặc tiếp cận được trong quá trình thực hiện Dự án. Các Bên có trách nhiệm và cam kết bảo mật, không cung cấp cho Bên thứ ba hoặc sử dụng thông tin bảo mật vì bất kỳ lý do gì, nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại, trừ trường hợp các Bên có thoả thuận khác.

2. Trong quá trình thực hiện Dự án, các Bên phải thực hiện nghiêm túc những nội dung sau đây:

a. Không được phép sao chép, tạo mới các công việc hay sản phẩm dựa trên các thông tin này vì các mục đích cá nhân hoặc các mục đích khác ngoài phạm vi Dự án;

b. Không được phép sao chép, cung cấp một phần hay toàn bộ thông tin bảo mật cho bất kỳ Bên thứ ba nào biết khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên có quyền sở hữu đối với thông tin bảo mật;

c. Không được sử dụng thông tin bảo mật mà các Bên đã cung cấp cho nhau phục vụ cho các mục đích khác ngoài nội dung Dự án hai Bên thực hiện;

d. Cam kết không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của nhau trong quá trình thực hiện Dự án theo qui định của pháp luật.

3. Trường hợp không gây ảnh hưởng đến việc thực hiện Dự án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Bên A, Bên B được quyền sử dụng Hợp đồng này nhằm mục đích chứng minh năng lực nhà thầu tại các dự án khác.

Điều 32. Các phụ lục và tài liệu kèm theo

1. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư: Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương;

2. HSDX của Nhà đầu tư;

3. HSYC của Bên mời thầu;

4. HSDST của Nhà đầu tư;

5. HSMST của Bên mời thầu;

6. Biên bản thương thảo Hợp đồng;

7. Biên bản hoàn thiện Hợp đồng;

8. Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 33. Điều khoản chung

1. Các Bên cam kết thực hiện đúng các nội dung trong Hợp đồng theo nguyên tắc thỏa thuận, bình đẳng và tuân thủ pháp luật.

2. Tất cả các điều khoản và từng phần của các điều khoản của Hợp đồng sẽ có hiệu lực riêng biệt và độc lập với các điều khoản khác. Trường hợp trong quá trình thực hiện Dự án một hoặc một số quy định nào đó của Hợp đồng bị vô hiệu, giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành của các điều khoản còn lại sẽ không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào.

3. Sự chia tách, sát nhập, hợp nhất, đổi tên của bất kỳ Bên nào cũng không làm thay đổi hiệu lực của Hợp đồng.

4. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào về các điều khoản của Hợp đồng đều phải được sự đồng ý của hai Bên và được ghi nhận bằng Phụ lục. Phụ lục Hợp đồng là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

5. Các Bên xác nhận mình đã đọc, hiểu rõ và chịu sự ràng buộc của Hợp đồng. Đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp đồng. Tất cả các điều khoản khác không được quy định trong Hợp đồng sẽ được hiểu và áp dụng theo đúng các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

6. Các Bên đảm bảo người đại diện ký kết Hợp đồng là người có đủ thẩm quyền ký kết theo luật định.

7. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 12 (mười hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 06 (sáu) bản Bên B giữ 06 (sáu) bản./.



ĐẠI DIỆN BÊN A

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TRUNG KIÊN



ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Cao Phan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4538/QĐ-UBND**

Hải Dương, ngày **25** tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện
Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phù, xã Thái Học
và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn Nhà đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 2527/BC-SKHĐT ngày 09 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phù, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phù, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang.

2. Nhà đầu tư được lựa chọn: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND** (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0102340326, đăng ký lần



đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 16 tháng 4 năm 2018, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà HUDLAND TOWER, lô ACC7, khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội).

3. Vị trí, địa điểm, diện tích đất dự án:

3.1. Vị trí, địa điểm: Xã Thái Học và xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Ranh giới: Phía Bắc giáp ruộng canh tác thôn Mỹ Trạch, xã Bình Minh; phía Nam giáp tỉnh lộ 394, đất công nghiệp hiện có, Trường THPT Bình Giang và dân cư thôn Quang Tiến, xã Bình Minh; phía Đông giáp tỉnh lộ 392 và khu dân hiện có; phía Tây giáp ruộng canh tác và dân cư thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh.

3.2. Diện tích và cơ cấu sử dụng đất:

a) Diện tích đất thực hiện dự án: 442.610,0 m².

b) Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất công trình công cộng	26.678	6,03
II	Đất ở	156.719	35,41
1	Đất nhà biệt thự đơn lập	23.897	5,40
2	Đất nhà biệt thự song lập	15.576	3,52
3	Đất nhà biệt thự Phú	31.519	7,12
4	Đất nhà phố thương mại (liền kề)	53.797	12,15
5	Đất nhà ở xã hội	31.930	7,21
III	Đất hỗn hợp (Dịch vụ - Thương mại)	8.710	1,97
IV	Đất công viên, cây xanh, mặt nước	56.921	12,86
V	Đất nghĩa trang và cây xanh cách ly	6.075	1,37
1	Đất nghĩa trang	2.350	0,53
2	Đất cây xanh cách ly	3.725	0,84
VI	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	5.114	1,15
VII	Đất đầu nối với đường tỉnh 392, 394	4.239	0,96
VIII	Đất giao thông	178.154	40,25
1	Đất giao thông và đường dạo xe đạp	158.170	35,73
2	Đất bãi đỗ xe	19.984	4,52
Tổng diện tích đất thực hiện dự án		442.610,0	100

3.3. Hình thức, thời hạn sử dụng đất:

a) Đối với đất ở: Nhà nước giao đất cho Nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất; thời hạn sử dụng đất lâu dài. Nhà đầu tư tự tổ chức việc bán đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản; người mua đất ở được sử dụng đất ổn định lâu dài theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Đối với đất thương mại dịch vụ: Nhà nước cho Nhà đầu tư thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, hình thức trả tiền thuê đất một lần, thời hạn thuê đất 50 năm.

c) Đối với các loại đất khác: Nhà nước giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai; Nhà đầu tư có trách nhiệm đầu tư, xây dựng theo quy hoạch và dự án đầu tư được duyệt; sau khi hoàn thành nghiệm thu tổ chức bàn giao cho chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành.

4. Tổng mức đầu tư dự án (do Nhà đầu tư đề xuất và chưa bao gồm tiền sử dụng đất): 562.359.460.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó:

4.1. Cơ cấu vốn đầu tư:

a) Chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: 424.012.303.000 VND (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi bốn tỷ, không trăm mười hai triệu, ba trăm linh ba nghìn đồng).

b) Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: 138.347.155.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ, ba trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Trường hợp giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng thực tế thấp hơn mức giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng do Nhà đầu tư đề xuất thì phần chênh lệch sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp cao hơn mức giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng do Nhà đầu tư đề xuất thì Nhà đầu tư phải bù phần thiếu hụt.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư: 127.693.131.000 VND (chiếm 22,7% tổng mức đầu tư dự án).

b) Vốn Nhà đầu tư huy động: 434.666.329.000 VND (chiếm 77,3% tổng mức đầu tư dự án).

5. Giá trị nộp ngân sách nhà nước do Nhà đầu tư đề xuất: 500.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng). Giá trị nộp ngân sách nhà nước nêu trên chưa bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp của dự án. Tiền sử dụng đất phải nộp của dự án được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Mục tiêu, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án:

6.1. Mục tiêu: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới tại thôn Phù, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang theo quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh phê duyệt

tại Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 nhằm hình thành khu dân cư hiện đại và đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, góp phần tạo không gian và cảnh quan khu vực.

6.2. Quy mô đầu tư: Thực hiện theo đúng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và Hồ sơ yêu cầu được duyệt.

7. Hiệu quả đầu tư: 138.847.155.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

8. Thời hạn thực hiện dự án: 36 tháng (ba mươi sáu tháng), kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

9. Loại hợp đồng: Hợp đồng thực hiện dự án có sử dụng đất (Nội dung cụ thể được quy định trong Hợp đồng ký giữa Nhà đầu tư trúng thầu và UBND huyện Bình Giang).

10. Thời gian tiến hành đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng: Sau khi kết quả lựa chọn Nhà đầu tư được phê duyệt (tối đa là 120 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư).

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

1. UBND huyện Bình Giang (Bên mời thầu) có trách nhiệm:

1.1. Thông báo kết quả lựa chọn Nhà đầu tư; tổ chức đàm phán hợp đồng và ký hợp đồng thực hiện đầu tư dự án với Nhà đầu tư theo đúng quy định.

1.2. Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án để bàn giao quỹ đất sạch cho Nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng tiến độ.

1.3. Chỉ đạo, đôn đốc Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các thủ tục khác có liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thực hiện dự án.

1.4. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn về quản lý quy hoạch, quản lý hoạt động xây dựng, đất đai và môi trường; đồng thời giám sát Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo tiến độ cam kết.

1.5. Nghiệm thu, nhận bàn giao và đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án theo đúng quy định.

2. Các Sở, ngành có liên quan (Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Cục Thuế tỉnh) theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn UBND huyện Bình Giang và Nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án, đồng thời thực hiện những nội dung công việc thuộc thẩm quyền.

3. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND:

3.1. Thực hiện thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các thủ tục khác có liên quan đến dự án theo quy định.

3.2. Nộp 500.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng) vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký kết hợp đồng.

3.3. Ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng cho Bên mời thầu để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất thực hiện dự án.

3.4. Nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3.5. Triển khai thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại hợp đồng, pháp luật về đầu tư, xây dựng và pháp luật khác có liên quan. Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư, thiết kế được duyệt, sau đó bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý (đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khác) theo quy định và không bồi hoàn; sử dụng đất đúng mục đích và có hiệu quả.

3.6. Chịu trách nhiệm về chất lượng công trình của dự án; tự giám sát, quản lý hoặc thuê tổ chức tư vấn độc lập để quản lý, giám sát thi công xây dựng công trình, nghiệm thu các hạng mục và toàn bộ công trình theo thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt.

3.7. Thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư, chấp hành sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước trong thời gian thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bình Giang; Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND huyện Bình Giang;
- Lưu: VT, TH, CV. Hùng (20b) &

CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **250** /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **11** tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 1) cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland để đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Văn bản số 1267/TTg-NN ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích đất trồng lúa để thực hiện dự án nền địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 4538/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang; Quyết định 2529/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu dân cư mới thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh; Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2020 phê duyệt Điều chỉnh cục bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh; Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020 phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Bình Giang; Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Bình Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 19/TTr-STNMT ngày 11 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Chuyển mục đích 428.065 m² đất; gồm 386.278 m² đất trồng lúa (LUC), 914 m² đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK), 6.281 m² đất nuôi

trồng thủy sản (TSN), 25.344 m² đất giao thông (DGT), 8.266 m² đất thủy lợi (DTL), 982 m² đất có mặt nước chuyên dùng (MNC); trong đó:

- Xã Thái Học 102.200 m²; gồm 93.058 m² đất trồng lúa (LUC), 914 m² đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK), 5.119 m² đất giao thông (DGT), 2.127 m² đất thủy lợi (DTL) và 982 m² đất có mặt nước chuyên dùng (MNC);

- Xã Bình Minh 325.865 m²; gồm 293.220 m² đất trồng lúa (LUC), 6.281 m² đất nuôi trồng thủy sản (NTS), 20.225 m² đất giao thông (DGT), 6.139 m² đất thủy lợi (DTL).

2. Giao đất cho Công ty CP đầu tư và phát triển BĐS Hudland (giao đất đợt 01) 428.065 m² để thực hiện dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang theo Quy hoạch chi tiết xây dựng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 và Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2020. Cơ cấu sử dụng đất sau khi chuyển mục đích (đợt 1) như sau:

- Đất ở nông thôn (ONT): 152.684 m²; hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất cho Nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất; thời hạn sử dụng đất lâu dài. Nhà đầu tư tự tổ chức việc bán đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về kinh doanh bất động sản; người mua đất ở được sử dụng ổn định lâu dài theo quy định của pháp luật đất đai (Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh).

- Đất thương mại dịch vụ (TMD): 8.687 m²; hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho Nhà đầu tư thuê đất theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; thời hạn sử dụng đất 50 năm (QĐ số 4538/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh).

- Đối với các loại đất còn lại 266.694 m², gồm: Đất an ninh 757,7 m²; đất giao thông 175.041 m²; đất hạ tầng kỹ thuật 5.014 m²; đất cơ sở y tế 1.310,2 m²; đất cơ sở giáo dục và đào tạo 9.020,4 m²; đất cơ sở thể dục thể thao 3.742 m²; đất chợ 3.341,9 m²; đất sinh hoạt cộng đồng 11.645,8 m²; đất khu vui chơi, giải trí công cộng (công viên, cây xanh) 32.245 m²; đất quy hoạch mở rộng nghĩa trang 782 m²; đất có mặt nước chuyên dùng 23.794 m²; hình thức sử dụng đất: giao đất không thu tiền sử dụng đất; Nhà nước giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai; Nhà đầu tư có trách nhiệm đầu tư, xây dựng theo quy hoạch và dự án đầu tư được duyệt; sau khi hoàn thành nghiệm thu tổ chức bàn giao cho chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành (Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh).

3. Vị trí, ranh giới khu đất: xác định theo 03 mảnh trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính (tài liệu phục vụ giao đất đợt 1) do Công ty cổ phần tư vấn công nghệ môi trường Việt Nam lập ngày 28 tháng 12 năm 2020, UBND xã Thái Học, UBND xã Bình Minh và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Giang xác nhận ngày 28 tháng 12 năm 2020 (trích từ các mảnh trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính số 01, 02, 03-2020 do Công ty cổ phần tư vấn

công nghệ môi trường Việt Nam lập ngày 18/5/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra và xác nhận ngày 19/5/2020).

4. Diện tích đất đã thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng 17.283 m²; gồm 1.245 m² đất trồng lúa nằm trong ranh giới dự án, chưa giao đất 16.038 m² (15.626 m² đất trồng lúa, 412 m² đất thủy lợi) nằm ngoài ranh giới dự án không thay đổi mục đích sử dụng đất; giao UBND xã Thái Học và UBND xã Bình Minh quản lý theo quy định.

Điều 2.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Bình Giang, các sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND xã Thái Học, UBND xã Bình Minh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư và phát triển BĐS Hudland sử dụng đất đúng mục đích, vị trí, diện tích được giao đất; chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về lĩnh vực đất đai, môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình sử dụng đất; nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin (Văn phòng UBND tỉnh) có trách nhiệm đăng Quyết định này trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành và đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND huyện Bình Giang; Chủ tịch UBND xã Thái Học, Chủ tịch UBND xã Bình Minh; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển BĐS Hudland căn cứ Quyết định thi hành. /*Đ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các sở, ngành: TN&MT (3b), Tài chính, KH&ĐT, Cục Thuế tỉnh;
- Trung tâm CNTT (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT. (12b) *Đ*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Bản

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN
HUDLAND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/L/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và
thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND (bản sửa đổi lần thứ XII);

Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND được ban hành theo Nghị quyết ngày 14 tháng 04 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường năm 2021;

Căn cứ Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND về phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND ngày 12/06/2020 về việc thông qua các nội dung trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Căn cứ Hợp đồng số 01/2020/HĐĐA ngày 02/01/2020 giữa UBND Huyện Bình Giang và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND về việc thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang;

Căn cứ Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang (tỷ lệ 1/500);

Căn cứ Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND;

Căn cứ văn bản số 314/CV-PCCC ngày 4/12/2020 của Trường phòng cảnh sát PCCC và CNCH tỉnh Hải Dương về kết quả thẩm duyệt thiết kế cơ sở về PCCC công trình hạ tầng kỹ thuật Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang;

Căn cứ văn bản số 2124/SCT-QLNL ngày 4/12/2020 của Sở Công thương tỉnh Hải Dương về việc thẩm định thiết kế cơ sở phần đường dây, trạm biến áp và hạ thế Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang;

Căn cứ Công văn số 241/SKHCN-QLCN ngày 26/04/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc ý kiến công nghệ Trạm xử lý nước thải của dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Phú, xã Thái Học, thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang;

Căn cứ văn bản số 654/SXD-QLXD&HTKT ngày 17/05/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang;

Căn cứ Văn bản số 2200/HUD-HĐTV ngày 16/7/2021 của HĐTV Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị về BCNCKT dự án khu dân cư mới thôn Phú và thôn Nhuận Đông, Bình Giang, Hải Dương của Công ty HUDLAND;

Căn cứ Biên bản họp số 1070/BB-HĐQT ngày 02/8/2021 của Hội đồng quản trị v/v bao gồm việc thông qua nội dung phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang.

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND tại Tờ trình số 1786/TTr-HUDLAND ngày 20/7/2021 (Kèm Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi do Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng COTANA lập đã được hoàn thiện) và Báo cáo thẩm định số 239/BC-KHTH ngày 26/7/2021 của Phòng Kế hoạch Tổng hợp;

Căn cứ các văn bản pháp lý khác liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:

Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang.

2. Người quyết định đầu tư:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND.

3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư:

Cụ thể hoá quy hoạch định hướng đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt, góp phần tạo thêm quỹ đất ở và công ăn việc làm, thu nhập, từng bước cải thiện nâng cao chất lượng cuộc sống, vật chất, tinh thần của nhân dân khu vực và tỉnh, tạo điểm nhấn đô thị cho huyện Bình Giang và khu vực, sớm hiện thực hóa, cụ thể hóa quy hoạch chung mở rộng thị trấn Kê Sặt. Đồng thời kiến tạo một khu đô thị xanh trong tổng thể làng quê hiện hữu, gìn giữ văn hóa, bản sắc, kết hợp kiến trúc hiện đại tạo nên một khu dân cư có cảnh quan hài hòa, điều kiện sống cao.

Mang lại hiệu quả kinh tế xã hội và hiệu quả tài chính cho Nhà nước, Chủ đầu tư.

4.2. Quy mô đầu tư:

Đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật, cây xanh, cầu, cảnh quan đồng bộ, hiện đại, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Tổng diện tích đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật là 442.610 m² bao gồm các nội dung sau:

- San nền, kê đá hộc;
- Xây dựng hệ thống đường giao thông;
- Xây dựng mương, hồ nhân tạo, công viên, cầu, cảnh quan, cây xanh;
- Các công trình trên tuyến: hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, hệ thống thông tin

liên lạc...

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng, tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:

- Nhà thầu khảo sát địa chất: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Cotana;
- Nhà thầu khảo sát địa hình: Công ty TNHH Một thành viên Trắc địa bản đồ;
- Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng

Cotana.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Diện tích đất sử dụng: 442.610 m².

7. Loại, nhóm dự án; Loại, cấp công trình chính; Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại dự án, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, nhóm B.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: từ 20 đến dưới 50 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước;

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

+ Các Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

+ Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCXD 104-2007;

+ Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005;

+ Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế 22TCN 211-06;

+ Công tác đất - Thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012;

+ Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình TCXDVN 33-2006;

+ Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế TCVN 2622-1995;

+ Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2008;

+ Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế TCXDVN 333:2005;

+ Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị TCXDVN 259:2001;

+ Một số tiêu chuẩn, quy phạm, hướng dẫn thiết kế khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

9.1 Tổng mức đầu tư (bao gồm tiền sử dụng đất): 1.224.478.726.956 đồng.

9.2 Các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

- Chi phí đền bù GPMB dự kiến:	189.594.804.400 đồng;
- Chi phí xây dựng và thiết bị:	444.656.464.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	5.258.380.461 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	14.415.670.807 đồng;
- Chi phí khác:	17.677.895.905 đồng;
- Chi phí dự phòng:	78.112.318.828 đồng;
+ Cho khối lượng phát sinh:	62.430.752.922 đồng;

+ Phần trượt giá:	15.681.565.906 đồng;
- Tiền sử dụng đất nộp bổ sung dự kiến:	311.619.678.000 đồng;
- Tiền bảo vệ phát triển đất lúa:	14.970.000.000 đồng;
- Lãi vay trong thời gian xây dựng:	148.173.514.555 đồng;
Tổng cộng:	1.224.478.726.956 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư; thời hạn hoạt động của dự án:

Dự kiến thời gian hoàn thành xây dựng hệ thống hạ tầng và các công trình đưa vào khai thác là 3 năm kể từ khi nhận bàn giao toàn bộ mặt bằng dự án từ địa phương. Cụ thể như sau:

- Giai đoạn chuẩn bị dự án: dự kiến bắt đầu từ Quý I/2020 đến hết Quý III/2021.
- Giai đoạn thực hiện dự án: dự kiến bắt đầu từ đầu Quý IV/2021 tới hết Quý III/2024.
- Giai đoạn kết thúc xây dựng, bàn giao dự án đưa vào sử dụng: dự kiến dự án kết thúc đầu tư vào Quý III/2024 và nghiệm thu bàn giao đưa vào khai thác sử dụng toàn bộ dự án từ Quý IV/2024.

11. Nguồn vốn đầu tư:

Sử dụng vốn tự có của Chủ đầu tư, vốn vay thương mại và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác. Trong đó:

- Vốn tự có của Chủ đầu tư: 324.364.414.771 đồng, chiếm 26,49% tổng mức đầu tư.
- Vốn vay thương mại: 718.286.085.397 đồng, chiếm 58,66% tổng mức đầu tư.
- Vốn huy động hợp pháp khác: 181.828.226.788 đồng, chiếm 14,85% tổng mức đầu tư.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

Chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực để tổ chức quản lý dự án.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Chủ đầu tư phối hợp với UBND huyện Bình Giang tổ chức đền bù GPMB tái định cư toàn bộ dự án, các chi phí liên quan đến giải phóng mặt bằng được Chủ đầu tư thực hiện ứng trước và được khấu trừ vào tiền sử dụng đất theo quy định.

14. Các nội dung khác:

* Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của dự án:

- Doanh thu trước VAT:	1.473.477.993.704 đồng
- Tổng chi phí trước VAT:	1.306.905.378.780 đồng
+ Tổng mức đầu tư:	1.175.629.585.549 đồng
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp:	83.150.299.162 đồng
+ Chi phí bán hàng:	36.836.949.843 đồng
+ Chi phí lãi vay trong thời gian kinh doanh vận hành:	11.288.544.227 đồng

- Lợi nhuận ròng trước thuế TNDN:	166.572.614.924 đồng
- Thuế TNDN:	33.314.522.985 đồng
- Lợi nhuận ròng sau thuế TNDN:	133.258.091.939 đồng
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu trước VAT:	11,30%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng chi phí trước VAT:	12,75%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng mức đầu tư trước VAT:	14,17%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu trước VAT:	9,04%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng chi phí trước VAT:	10,20%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng mức đầu tư trước VAT:	11,34%

* Các nội dung khác: nêu tại báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

Điều 2. Giao Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Ban Giám đốc Công ty, Trưởng các phòng ban chức năng có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KHTH, PĐT (02);
- Lưu: VP.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Phạm Cao Sơn



Phạm Cao Sơn



UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG
TRÌNH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1272/CTy - KT

Hải Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2021

V/v thống nhất phương án thi công hệ thống thoát
nước Khu dân cư mới thôn Phú xã Thái Học và thôn
Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang.

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND.

Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi tỉnh Hải Dương nhận được văn bản số 2886/HUDLAND-ĐT ngày 17/11/2021 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND "V/v Đề nghị chấp thuận phương án thi công đấu nối hệ thống thoát nước mưa và nước thải Dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang", sau khi xem xét tài liệu gửi kèm và kiểm tra thực tế hiện trường (Biên bản làm việc ngày 26/11/2021), đối chiếu với các văn bản, quy định có liên quan, Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương có ý kiến như sau:

1. Hệ thống thoát nước (nước mưa, nước thải) thuộc Dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang ra công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương quản lý đã được thỏa thuận tại văn bản số 540/CTy-KT ngày 21/7/2020.

2. Thống nhất phương án thi công đấu nối hệ thống thoát nước (nước mưa, nước thải) thuộc Dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh vào công trình thủy lợi theo đề nghị của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND, trong điều kiện bình thường:

2.1. Thoát nước khu vực dự án vào kênh Hà - Phú tại K5+560 (tiếp giáp thượng lưu cầu Vạc): Cải tạo lại cống cũ dưới đường tỉnh 394 (tương đương lý trình Km14+950)

+ Làm đường tránh đường tỉnh 394 vào trong khu vực dự án: Chiều dài, chiều rộng mặt đường phải đảm bảo các phương tiện giao thông đi qua được thuận lợi.

+ Đóng cọc cử Larsen vào lòng kênh Hà - Phú chiều dài khoảng 20m để thi công cống dưới đường tỉnh 394, khoảng cách từ cọc cử Larsen tới bờ kênh bên kia (bờ Hữu) $\geq 6,5m$ để dẫn nước tưới, tiêu (chiều rộng kênh dẫn nước > chiều rộng thoát nước cầu Vạc = 5,5m).

2.2. Thoát nước vào kênh TTN Sắt - Phú tại vị trí K6+610: Hệ thống ống cống thuộc dự án đấu nối vào cống có sẵn dưới đường tỉnh 392, vì vậy không phải lập phương án dẫn dòng tưới, tiêu khi thi công vị trí thoát nước trên.

3. Yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND thực hiện một số công việc sau:

- Thỏa thuận chỉ tiêu kỹ thuật đường tránh (*chiều rộng mặt đường, phạm vi mở cua đầu nối,...*) và cắt đường tỉnh 394 để thi công cống với ngành giao thông.

- Gia cố bờ kênh phạm vi cửa cống tại K5+560 kênh Hà - Phú (*làm tiêu năng, kê mái bờ kênh hai bên cửa cống, tối thiểu mỗi bên $\geq 2,0m$*) để đảm bảo không sỏi lở bờ kênh trước mắt cũng như lâu dài.

- Hoàn thiện các thủ tục đề nghị cấp phép hoạt động xây dựng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định hiện hành

- Khi thi công phải thống nhất với Công ty (*trực tiếp là Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện Bình Giang*) về thời gian và thời điểm thi công, phương án ràng buộc trách nhiệm trong quá trình thi công để không ảnh hưởng đến việc tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế, vệ sinh môi trường của tuyến kênh.

- Trường hợp đặc biệt khó khăn, bất khả kháng về việc cung cấp nước tưới hoặc ách tắc dòng chảy khi tiêu thoát, khi có yêu cầu, phải thanh thải dòng chảy để đảm bảo kịp thời nhiệm vụ tưới, tiêu của tuyến kênh. Khi thi công xong phải thanh thải các chướng ngại vật (*nếu có*), có kiểm tra, xác nhận của Xí nghiệp KTCTTL huyện Bình Giang.

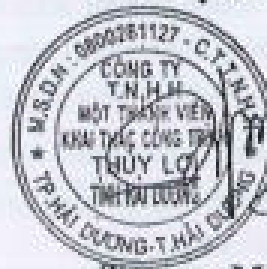
- Các nội dung khác có liên quan thực hiện theo văn bản số 540/CTy-KT ngày 21/7/2020 của Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hải Dương.

Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi tỉnh Hải Dương trả lời Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND biết, triển khai các thủ tục tiếp theo /.

Nơi nhận:

- Nurtin;
- Sở NN&PTNT (*thay B&C*);
- Xí nghiệp KTCT TL, huyện Bình Giang (*thay*);
- Phòng Kỹ thuật Công ty (*phối hợp thi*);
- Lưu VT, KT. *Phạm*

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Trương Mạnh Tiến

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG**

Số: 224.4.1 CV-KDNS

Về việc chấp thuận nguồn và điểm đầu nối cấp nước
dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và
thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang.

CÔNG VĂN BẢN

Số: 401

Ngày: 24 tháng 11 năm 2021.

Kính gửi: - Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 22 tháng 11 năm 2021

Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương xin gửi lời chào trân trọng, lời chúc tốt đẹp nhất tới Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND.

Ngày 19/11/2021 Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương nhận được Công văn số 2887/HUDLAND-ĐT ngày 17/11/2021 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND V/v Thỏa thuận đầu nối nguồn cấp nước cho Dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng, xã Bình Minh, huyện Bình Giang. Sau khi nghiên cứu, xem xét Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương có ý kiến như sau:

I. Về thỏa thuận điểm đầu nối:

1. Chấp thuận điểm đầu nối cấp nước:

- Vị trí đầu nối: Đầu vào đường ống truyền tải HDPE D280 nằm bên lề đường tỉnh lộ 392 tại Km3+300, cách vị trí dự án xây dựng khoảng 2,9km.
- Giải pháp đầu nối: Tê DN250x250, van đồng hồ và các phụ kiện kèm theo.
- Chi phí đầu nối và đường ống sau điểm đầu nối là của chủ đầu tư – Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND.

2. Chất lượng nước sạch:

Đảm bảo theo các tiêu chuẩn của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01-1:2018/BYT ban hành kèm theo thông tư 41/2018/TT – BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

3. Lưu lượng, áp lực và thời gian cấp nước:

- Lưu lượng: 2.264 m³/ngđ.
- Áp lực tối thiểu tại điểm đầu nối: 1 bar (10m);
- Thời gian cấp nước: Liên tục 24/24h trừ trường hợp bất khả kháng, sự cố lưới điện, chiến tranh và thiên tai.

II. Về phương án cấp nước:

Đề nghị Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND chỉ đạo đơn vị tư vấn thiết kế một số nội dung sau:

- Khi lập bản vẽ thiết kế thi công phải liên hệ với Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương xác định chính xác điểm đầu nối và lựa chọn chủng loại vật tư, thiết bị (van, đồng hồ và phụ tùng đầu nối...) đảm bảo về đặc tính kỹ thuật, chất lượng phù hợp với hệ thống cấp nước hiện có.
- Hệ thống cấp nước sạch của Công ty là hệ thống cấp nước sạch hỗn hợp phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh và để xe lấy nước chữa cháy, nên đơn

vị tư vấn thiết kế lựa chọn phương án cấp nước khu vực dự án phải tính toán phù hợp với nguồn nước đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cấp nước sạch đủ về lưu lượng, áp lực phục vụ cho sinh hoạt và PCCC của khu dân cư để trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

Thông tin liên hệ:

Bà Vũ Thị Hoa – Trưởng phòng Kỹ thuật.

Điện thoại: 0852399555.

Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương xin được phúc đáp Quý Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Các phó tổng giám đốc;
- Lưu VT, PKT.



Số: 01 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ngày 12/10/2021 của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland.

Người đại diện là Ông Nguyễn Thanh Tú Chức danh: Giám đốc
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN

CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ MỚI
TẠI THÔN PHỦ XÃ THÁI HỌC VÀ THÔN NHUẬN ĐÔNG XÃ BÌNH MINH

Địa điểm xây dựng: Xã Thái Học về xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Cotana.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Tổng mặt bằng xây dựng;
- Đường giao thông dành cho xe chữa cháy hoạt động;
- Hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;
- Trạm bơm cấp nước chữa cháy của Dự án;
- Các trụ cấp nước chữa cháy ngoài nhà (60 trụ);

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2.

Nơi nhận:

- Giám đốc CA tỉnh (PV01);
- UBND huyện Bình Giang;
- Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland;
- Lưu PCCC&CNCH.

Hải Dương, ngày 15 tháng 12 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG



THƯỢNG TÁ: Hà Tiến Dũng

QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 04../TD-PCCC ngày 15/12/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH)

[illegible]

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

**CÔNG AN TỈNH HẢI DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /TB-PCCC

Hải Dương, ngày 15 tháng 12 năm 2021

V/v thông báo nộp phí TDTK về PCCC công trình
Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã
Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh,
huyện Bình Giang.

Kính gửi: Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland tại văn bản ngày 12/10/2021 về việc thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang; địa điểm thực hiện: xã Thái Học và xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thông báo phí thẩm duyệt thiết kế về PCCC công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, được xác định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm duyệt thiết kế về PCCC như sau:

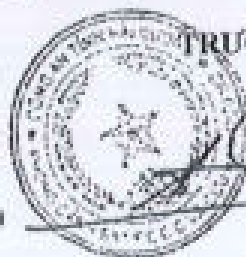
Tổng mức đầu tư đã được phê duyệt: 562.359.460.000 đồng (Năm trăm sáu mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Phí thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được tính toán theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính, mức thu phí thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang là **4.931.000 đồng (Bốn triệu, chín trăm ba mươi một nghìn đồng).**

Đề nghị Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland nộp số tiền phí thẩm duyệt thiết kế về PCCC của công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang tại Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Hải Dương, địa chỉ: số 352, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. / *foto*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu PCCC&CNCH.



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Hà Tiến Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **593** /GP-UBND

Hải Dương, ngày **04** tháng 3 năm 2022

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương
ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số
35/TTr-SNN ngày 02 tháng 3 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép được hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi như sau:

1. Tên tổ chức được cấp phép:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND.

- Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà HUDLAND TOWER Lô A-CC7, Khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2. Tên hoạt động:

- Xây dựng công hộp dưới đường tỉnh 394 (bờ phía Nam kênh Hà Chợ – Phù tại vị trí K5+560) để đầu nối tiêu thoát nước cho lưu vực 1 và 2 của dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn phủ, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang;

- Đầu nối hệ thống ống cống thuộc dự án với kênh tiêu phía Đông Nam thôn Mỹ Trạch, xã Bình Minh để tiêu thoát nước cho lưu vực 3 của dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn phủ, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang.

3. Phạm vi cho phép hoạt động:

Trong phạm vi bảo vệ kênh Hà Chợ – Phù (K5+560) trên địa bàn xã Thái Học và kênh tiêu phía Đông Nam thôn Mỹ Trạch, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

gđ

4. Quy mô, thông số chủ yếu của hoạt động:

a) Xây dựng cống hộp dưới đường tỉnh 394 (bờ phía Nam kênh Hà Chợ - Phù tại vị trí K5+560):

Cống hộp BTCT mác 300#, khẩu độ $n \times B \times H = 2 \times (2,0 \times 2,0) \text{m}$, cao độ đáy - 1,0m, chiều dài thân cống 16m; thành cống và bản mặt dày 0,3m; bản đáy dày 0,5m, lót đáy BTXM mác 100# dày 10cm và lớp đá dăm dày 20cm. Móng cống đặt trên hệ cọc BTCT (0,35x0,35)m dài 13,75m. Sân phủ và hai bên mang cống thượng hạ lưu gia cố bê tông mác 200#, xử lý nền móng bằng cọc tre $D=(6-8) \text{cm}$, mật độ 25cọc/m², $L=2,5 \text{m}$.

b) Đầu nối hệ thống ống cống thuộc dự án với kênh tiêu phía Đông Nam thôn Mỹ Trạch, xã Bình Minh để tiêu thoát nước cho lưu vực 3 của dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn phủ, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang (tại vị trí theo bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500 của dự án, phần quy hoạch thoát nước mưa)

(Hệ cao độ thủy lợi, chi tiết theo hồ sơ thiết kế)

5. Dẫn dòng thi công trong điều kiện thời tiết bình thường:

Đóng cừ Lasen vào lòng kênh Hà Chợ - Phù chiều dài khoảng 20m; chiều rộng lòng kênh còn lại (từ cừ Lasen đến bờ Bắc kênh Hà Chợ - Phù) $\geq 6,5 \text{m}$ để dẫn dòng.

6. Thời gian cấp phép: Từ ngày ký đến ngày 15/3/2023.

Điều 2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm:

- Thực hiện đúng các nội dung trong Giấy phép;
- Tuân thủ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017, các quy định về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, bảo vệ môi trường, quản lý đầu tư xây dựng, phòng chống thiên tai trên địa bàn; Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 32 Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Quá trình triển khai thi công phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế, vệ sinh môi trường, nguồn nước của hệ thống công trình thủy lợi; phải có sự phối hợp, thống nhất của Chi cục Thủy lợi và Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương. Trường hợp đặc biệt khó khăn, bất khả kháng về việc cung cấp nước tưới hoặc ách tắc dòng chảy khi tiêu thoát phải tháo dỡ cọc cừ và bổ sung biện pháp tăng cường dẫn nước tưới, tiêu đảm bảo kịp thời phục vụ sản xuất và dân sinh kinh tế;
- Khi thi công xong công trình phải tháo dỡ cọc cừ, đập, các chương ngại vật trong quá trình thi công, trả lại mặt thoáng của kênh, không làm ảnh hưởng đến dòng chảy (có kiểm tra, xác nhận của Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương và địa phương).

ST

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Thủy lợi phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Giấy phép này./K/

Nơi nhận:

- Cty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND huyện Bình Giang;
- Công ty TNHH MTV KTCTL tỉnh;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lưu: VT, KTN, O.Chính (7b) *R*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Quân

Hải Dương, ngày 16 tháng 3 năm 2022

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 06 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND.

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà HUDLAND TOWER, lô A CC7, Khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2. Được phép xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng: Khu dân cư mới tại thôn Phù, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang.

- Gồm các hạng mục công trình: Giao thông, cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện chiếu sáng, cấp điện sinh hoạt thông tin liên lạc thuộc các tuyến sau:

+ Tuyến N1: Đoạn nút: (E13-F12) - (E8-F6); (E8-F6) - (E1-F1); (E1 - F1) - N2.

+ Tuyến N6: Đoạn nút: N8 - N9; N9 - A8; A8 - (N6-N11); (N6-N11) - N20; N20 - (N6-B5); (N6-B5) - Giáp nút N21.

+ Tuyến N10: Đoạn nút: N14 - N17; N17 - N18.

+ Tuyến N2: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến N3: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến N4: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến N5: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến N7: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến N8: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến N9: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến N11: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến N12: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến N12A: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến A1-A2: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến A2-A3: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến A3-A6: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến A8-A9: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến B1-B3: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến B2-B4': Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến B4-B4': Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến B1-B8: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến B10-B11: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến C1-C3: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến C2-C11: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến C8-C10: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến C14-C15: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến C12-C13: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến D10-D11: Toàn bộ tuyến.

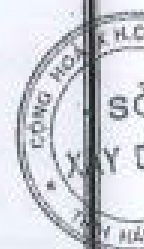
+ Tuyến E1-E4: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến E4-E10: Đoạn nút E6-E10.

+ Tuyến E6-E8: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến E2-E13: Toàn bộ tuyến.

+ Tuyến E9-E11: Toàn bộ tuyến.



+ Tuyển F1-F3: Toàn bộ tuyển.

+ Tuyển F6-F8: Toàn bộ tuyển.

+ Tuyển F2-F11: Đoạn nút F2-F7.

+ Tuyển F4-F12: Đoạn nút F4-F9.

- Theo thiết kế: Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng (đợt 1).

+ Do: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng COTANA và Công ty TNHH tư vấn xây dựng điện Yên Hưng lập.

+ Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: Theo khung tên bản vẽ trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng (đợt 1).

+ Đơn vị thẩm định thiết kế: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND.

+ Đơn vị thẩm tra thiết kế: Trung tâm giám định chất lượng xây dựng - Chi cục giám định xây dựng tỉnh Hải Dương.

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế: Theo Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế số 34/TTGĐXD ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng - Chi cục giám định xây dựng tỉnh Hải Dương.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Trong ranh giới khu đất có diện tích 428.065,0m² thuộc xã Thái Học và xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo 03 Mảnh trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính (tài liệu phục vụ giao đất đợt 1) do Công ty cổ phần tư vấn công nghệ môi trường Việt Nam lập ngày 28 tháng 12 năm 2020, UBND xã Thái Học, UBND xã Bình Minh và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Giang xác nhận ngày 28 tháng 12 năm 2020 (trích từ các mảnh trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính số 01, 02, 03 - 2020 do Công ty cổ phần tư vấn công nghệ môi trường Việt Nam lập ngày 18 tháng 5 năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra và xác nhận ngày 19 tháng 5 năm 2020.

+ Hướng tuyến công trình: Theo Hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014.

+ Cốt nền, chiều sâu (đối với công trình ngầm) xây dựng công trình: Theo Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng (đợt 1) được đóng dấu "Giấy phép xây dựng" của Sở Xây dựng Hải Dương.

3. Giấy tờ về đất đai:

- Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 1) cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland để đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Phù, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang;

- 03 Mảnh trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính (tài liệu phục vụ giao đất đợt 1) do Công ty cổ phần tư vấn công nghệ môi trường Việt Nam lập ngày 28 tháng 12 năm 2020, UBND xã Thái Học, UBND xã Bình Minh và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Giang xác nhận ngày 28 tháng 12 năm 2020 (trích từ các mảnh trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính số 01, 02, 03 - 2020 do Công ty cổ phần tư vấn công nghệ môi trường Việt Nam lập ngày 18 tháng 5 năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra và xác nhận ngày 19 tháng 5 năm 2020.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như điểm 1;
- UBND huyện Bình Giang;
- Chi cục Giám định xây dựng;
- Thanh tra Xây dựng;
- Lưu: VP, QLXD&HTKT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tăng Bá Bay



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:.....

Hải Dương, ngày tháng năm.....

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0102340326

Đang kể lần đầu: ngày 10 tháng 08 năm 2007

Phòng lý thay đổi lần thứ: 8, ngày 28 tháng 02 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUDLAND REAL ESTATE INVESTMENT
AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HUDLAND, JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 12, tòa nhà HUDLAND TOWER, lô ACC7, khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm,
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.36523862

Fax: 04.36523864

Email: hudland@hudland.com.vn

Website: hudland.com.vn

3. Vốn điều lệ: 315.999.610.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm mười lăm tỷ chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm
mười nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 31.599.961

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM CAO SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 01/05/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030071000315

Ngày cấp: 01/10/2013

Nơi cấp: Cục cảnh sát Đăng ký Quản lý cư trú và
Đề nghị quốc gia về dân cư

Địa chỉ thường trú: Tập thể trường Đại học Xây dựng, Phường Phúc Xá, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 15/1 Palm Garden, Khu Đô thị Việt Hưng, Phường Việt Hưng, Quận
Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Văn Cường

Số: 3145 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng
Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông,
xã Bình Minh, huyện Bình Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư;*

*- Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn
nhà đầu tư;*

*- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số
01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017; Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày
18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy
định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng
4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định
hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; Nghị định
30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015;*

- Căn cứ Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỷ lệ 1/500;

- Căn cứ Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỷ lệ 1/500;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 3341/BC-SKHĐT ngày 08 tháng 11 năm 2023 và Thông báo Kết luận số 257/TB-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang như sau:

I. Lý do điều chỉnh

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp khó khăn, nhà đầu tư chậm được bàn giao đất thực hiện dự án;
- Để phù hợp với Quy hoạch chi tiết xây dựng của dự án đã được phê duyệt và phù hợp với quy định pháp luật về đầu tư, đất đai hiện hành;
- Làm cơ sở để nhà đầu tư tiếp tục triển khai thực hiện dự án.

II. Nội dung điều chỉnh

1. Về quy mô đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án:

- Về san nền: Cao độ san nền của dự án từ +2,95m đến +3,10m;
- Về hệ thống giao thông: Chiều rộng vỉa hè, mặt đường tuyến đường (MC 6-6) có chi giới 11,5m (2,0+7,5+2,0); vượt nổi tuyến đường N1 (chi giới 40m) với đường bê tông (phía Đông Bắc) của khu cư dân hiện trạng; đoạn cuối đường vào khu trường học thành điểm quay xe có đường kính 10m;
- Về hệ thống thoát nước mưa: Hướng thoát nước chủ yếu về kênh đào trong phạm vi dự án sau đó thoát ra kênh Phú Hà qua 2 cống hộp BxH=2000x2000 cắt qua đường tỉnh 394; điều chỉnh kích thước, vị trí đặt cống thoát nước, hồ ga, cửa xả... Bổ sung 01 bơm và đường ống D160mm tạo dòng chảy tuần hoàn cho hệ thống Kênh và Hồ đào;

- Về hệ thống thoát nước thải: Công suất trạm xử lý nước thải khoảng 1.580m³/ngày đêm; bổ sung bể chi thị sinh học trong khu vực trạm xử lý; lưu

vực thoát nước thành 3 lưu vực, bỏ các trạm bơm chuyển bậc để tăng khả năng tự chảy và điều chỉnh kích thước cống thoát nước thải trong dự án từ cống D300 sang cống D300+D400, kết hợp cống hộp 400x400;

- Về hệ thống cấp nước: Điều chỉnh lại nhu cầu dùng nước, công suất cấp nước và một số tuyến ống nhánh; đồng thời, điều chỉnh lại khoảng cách trụ cứu hỏa đảm bảo theo tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy.

2. Về hình thức, thời hạn sử dụng đất

Đối với đất ở: Nhà nước giao đất cho Nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất; thời hạn giao đất theo thời hạn hoạt động của dự án được UBND tỉnh quyết định. Người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở của dự án được sử dụng đất ổn định, lâu dài theo quy định của pháp luật đất đai.

3. Tiến độ thực hiện dự án: Xây dựng hoàn thành toàn bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án xong trước ngày 30/6/2025.

4. Thời hạn hoạt động của dự án: 20 năm, kể từ ngày 25/12/2019.

Các nội dung khác của dự án không thay đổi và tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang và các văn bản khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND: Khẩn trương hoàn thiện các thủ tục tiếp theo và tập trung nguồn lực thực hiện đầu tư xây dựng dự án theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, nhà ở, môi trường,... và các quy định khác có liên quan; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định và quyết định của UBND tỉnh; phối hợp với UBND huyện Bình Giang ký bổ sung Phụ lục hợp đồng thực hiện dự án đúng quy định; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo giám sát, chấp hành sự theo dõi, kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý trong thời gian thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. UBND huyện Bình Giang: Đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng và làm cơ sở bàn giao phần diện tích đất còn lại cho Nhà đầu tư; tổ chức ký bổ sung Phụ lục hợp đồng thực hiện dự án với nhà đầu tư theo đúng quy định.

3. Các sở, ngành liên quan, UBND huyện Bình Giang: theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định và tiến độ đề ra.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Bình Giang; Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV. Việt Cường (10b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XDPT VIỆT ĐỨC**

Số: 08/CV-2024

**V/v chấp thuận điểm đầu nối
cung cấp nước sạch.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 06 tháng 06 năm 2024

**Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND**

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển Việt Đức xin gửi lời chào trân trọng, lời chúc tốt đẹp nhất tới **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND**.

Ngày 28/05/2024 Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển Việt Đức nhận được Công văn số: 1193/CV-HUDLAND ngày 23 tháng 05 năm 2024 của **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND** về việc "Xin chấp thuận vị trí đầu nối hệ thống cấp nước sạch chỉ dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương".

Sau khi khảo sát địa bản thực tế Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển Việt Đức xin được phúc đáp như sau:

1. Chấp thuận 01 điểm đầu nối cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và cứu hỏa khu vực dự án: Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Vị trí đầu nối: Cạnh đường Tỉnh lộ 392 trong khu vực dự án Khu dân cư mới thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang. Toạ độ cụ thể (Theo hệ toạ độ VN2000) là:

X: 2309139.4426

Y: 571961.7048

2. Chất lượng nước sạch: Đảm bảo theo tiêu chuẩn của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01:2021/HD ban hành theo Quyết định số: 27/2021/UBND-QĐ ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh Hải Dương.

3. Lưu lượng, áp lực và thời gian cấp:

- Lưu lượng: Đáp ứng đủ theo nhu cầu sử dụng của khách hàng trong địa bản dự án.
- Áp lực tại điểm đầu nối thời điểm hiện tại: 2,5 bar ($H = 25m$);
- Thời gian cấp: Liên tục 24/24h trừ trường hợp bất khả kháng.

Hệ thống cấp nước sạch của công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển Việt Đức là hệ thống cấp nước sạch hỗn hợp phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh và cấp nước cho xe chữa cháy (PCCC). Đề nghị **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND** chỉ đạo đơn vị tư vấn thiết kế, kỹ thuật, thi công hệ thống đường ống cấp nước của dự án phù hợp với nguồn cấp để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật

cấp nước sạch đủ về lưu lượng, áp lực phục vụ cho sinh hoạt, hoạt động sản xuất kinh doanh và PCCC của dự án.

4. Thông tin liên hệ:

- Ông : Vũ Anh Dũng – Phó Giám đốc Công ty.

- Điện thoại : 0946.832.323.

- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển Việt Đức xin được phúc đáp **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND**

- Trân trọng hợp tác./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Chủ tịch HĐQT, GD (dịch);
- Lưu VT



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2876/QĐ-UBND

Bình Giang, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình
Minh (nay là xã Thái Minh), huyện Bình Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020; Luật quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 23/08/2023 của UBND tỉnh Hải Dương sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022;

Căn cứ Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang (tỷ lệ 1/500);

Căn cứ Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang;

Căn cứ Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Kết luận số 161/KL-TTtr ngày 30/01/2024 của thanh tra tỉnh Hải Dương về việc Kết luận thanh tra Chuyên đề quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 420/SXD-QHPTĐT ngày 06/3/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương về việc khắc phục hạn chế, thiếu sót của quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang theo kết luận số 161/KL-TTtr ngày 30/01/2024 của Thanh tra tỉnh.

Căn cứ Thông báo số 2071-TB/TU ngày 17/6/2025 kết luận của Ban thường vụ tỉnh ủy về phương án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh (nay là xã Thái Minh), huyện Bình Giang;

Căn cứ công văn số 3331/UBND-VP ngày 22/6/2025 của UBND tỉnh Hải Dương Về việc thực hiện kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 2071-TB/TU ngày 17/6/2025;

Căn cứ văn bản số 305-CV/ĐU ngày 20/6/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông báo kết luận số 2071-TB/TU ngày 20/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Căn cứ Văn bản số 102/SXD-QHPTĐT ngày 14/01/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương về việc chủ trương Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang;

Căn cứ Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND huyện Bình Giang về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh (nay là xã Thái Minh), huyện Bình Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 29/5/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Bình Giang về việc thông qua đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, (nay là xã Thái Minh) huyện Bình Giang;

Căn cứ Thông báo số 861-TB/HU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ huyện ủy thông qua đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, (nay là xã Thái Minh) huyện Bình Giang;

Theo đề nghị của trường phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 101/TTr-KTHT&ĐT ngày 23/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh (nay là xã Thái Minh), huyện Bình Giang với nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh (nay là xã Thái Minh), huyện Bình Giang.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án thực hiện lập quy hoạch (theo Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của UBND huyện).

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng COTANA.

4. Vị trí, quy mô, phạm vi ranh giới:

- Vị trí: Xã Thái Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
- Phạm vi ranh giới:
 - + Phía Đông Bắc: Giáp tuyến đường tỉnh lộ 392 và Thôn Mỹ Trạch, xã Thái Minh;
 - + Phía Đông Nam: Giáp tuyến đường tỉnh lộ 394;
 - + Phía Tây Nam: Giáp thôn Nhuận Đông, xã Thái Minh;
 - + Phía Tây Bắc: Giáp thôn Quang Tiến, xã Thái Minh.
- Quy mô:
 - + Quy mô nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch: khoảng 44,24 ha.
 - + Quy mô dân số: Khoảng 5.576 người.

5. Lý do, sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch:

- Khắc phục theo kết luận thanh tra với nội dung: Quy hoạch kích thước ô đất tại các lô TNT-2, TNT-3, TNT-4, TNT-5, TNT-6, TNT-7 xây dựng nhà ở xã hội liên kề thấp tầng không đảm bảo quy định tại điểm 2.6.6 mục 2 Quy chuẩn QCVN01:2019/BXD, điểm 2.8.9 mục 2.8 chương 2 QCVN01:2008/BXD, quy hoạch nhà ở xã hội thấp tầng có hệ số SĐĐ vượt quá 2 lần là chưa đảm bảo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 08/2014/TT-BXD ngày 23/5/2014 của Bộ xây dựng.

- Trong quá trình triển khai dự án, có một số vị trí không thực hiện được quy hoạch do vướng GPMB: Đất cây xanh, mương và đường dạo vướng Miếu thờ của nhân dân thôn Vạc, Đất DN-1 vướng nhà dân đã được cấp sổ đỏ, Đất CC-1, YT, CA vướng Nhà máy may Grand Ocean.

- Nhà đầu tư bổ sung thêm một số hạng mục thiết kế như Cổng chào, cầu hồ trung tâm, hào cấp ... nhằm tăng tiện ích cộng đồng, tạo điểm nhấn cảnh quan mang lại môi trường tốt hơn cho việc nghỉ ngơi, thư giãn, góp phần nâng cao chất lượng sống trong đô thị nói riêng và khu vực nói chung.

Với các lý do nêu trên, việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang để đảm bảo phù hợp quy định pháp luật về quy hoạch, nhà ở, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành theo nội dung kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh là hết sức cần thiết và cấp bách. Nội dung điều chỉnh là cơ sở cho việc thực hiện triển khai các bước của dự án giai đoạn tiếp theo

6. Các nội dung điều chỉnh quy hoạch:

- Điều chỉnh quy hoạch nhà ở xã hội liên kề thấp tầng sang khu nhà ở xã hội chung cư cao tầng khắc phục theo kết luận thanh tra tỉnh ngày 30/01/2024 tại văn bản số 161/KL-TTr.

- Điều chỉnh thiết kế mương, đường dạo khu vực tiếp giáp lô đất Công trình văn hóa do vướng mặt bằng, không triển khai được đồ án.

- Điều chỉnh lại vị trí, công suất trạm điện TD-8, TD-9 để đáp ứng mật độ dân số khu nhà ở TNT tăng lên do thay đổi từ nhà thấp tầng sang nhà ở chung cư cao tầng.

- Bổ sung mặt bằng, mặt cắt hào cấp vào các bản vẽ quy hoạch liên quan.
- Điều chỉnh một số vị trí tuyến cống Thoát nước thải để đảm bảo không gian đặt cống không xung đột với hào cấp.
- Điều chỉnh tuyến ống Hạ tầng viễn thông tại một số vị trí để đảm bảo bảo không gian đặt hào cấp, ga kỹ thuật, ganivo.
- Điều chỉnh thiết kế chiếu sáng giao thông tại một số vị trí để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và cảnh quan chung của tuyến phố.
- Điều chỉnh vị trí tủ điện tại một số khu vực có vỉa hè rộng 0.75m và 1m do đặt tủ điện vào thì không còn đủ bề rộng để lưu thông trên vỉa hè.
- Điều chỉnh cảnh quan công viên trung tâm, điều chỉnh lại các chi tiết đường dạo trong công viên, tuyến nương và ruộng lúa trên nguyên tắc giữ nguyên cơ cấu sử dụng đất nhằm kiến tạo không gian kiến trúc với các công trình hiện hữu.
- Bổ sung thiết kế cầu cảnh quan thuộc hồ điều hòa.
- Vi chỉnh hình dạng Hồ trong lô đất Công trình văn hóa để phù hợp không gian, kiến trúc cảnh quan, tăng tiện ích cộng đồng.
- Điều chỉnh thiết kế mặt cắt nương thoát nước tại các bản vẽ quy hoạch liên quan để đảm bảo ổn định kết cấu mái nương, tăng bề rộng mặt nước tạo cảnh quan chung, tăng tiện ích cộng đồng.
- Điều chỉnh gộp lô LK20 (ô đất 14,15,16); LK24 (ô đất 14,15); LK25 (ô đất 04,05) do Chỉ giới xây dựng không phù hợp với thực tiễn, không thực hiện được quy hoạch (sau khi tuân thủ chỉ giới xây dựng các lô này không đủ kích thước, hình dáng để xây dựng công trình).
- Điều chỉnh lại Chỉ giới xây dựng các lô đất LK12, LK13, LK15, LK16, LK-17, LK-18, LK-19, LK-21, LK-22, LK-23, LK-24, LK-25, LK-26, LK-27, LK-28 cho phù hợp với tính chất shophouse của khu phố Huyện trên cơ sở đảm bảo mật độ xây dựng, bổ sung chỉ giới xây dựng cho lô BTSL-12 do chưa thể hiện trong bản vẽ QH-06.
- Cập nhật vỉa hè khu Phố Huyện trên bản vẽ QHSDĐ và QH chia lô theo bản vẽ QH Giao thông đã được phê duyệt tại quyết định số 3099/QĐ-UBND.
- Định chỉnh một số thông số (diện tích, cây xanh, thống kê số lô đất...) do sai số thống kê, sai sót kỹ thuật mà đảm bảo không làm thay đổi tính chất, ranh giới, định hướng phát triển chung của đô thị.
- Điều chỉnh hạng mục Đường dạo để đồng bộ giữa hồ sơ Quy hoạch và Thiết kế cơ sở được duyệt.
- Bỏ một số vị trí Cầu cảnh quan CQ1, CQ2, CQ3, CQ7 trong bản vẽ QH và TKCS do quanh bờ kênh đã có thiết kế đường dạo, vị trí đặt cầu cảnh quan gần các trục đường nên không đem lại hiệu quả về giao thông và cảnh quan, gây lãng phí.
- Điều chỉnh chuyển đổi tuyến nương 4, nương 5, nương 7 thành đất cây xanh do đây là tuyến nương cụt, ngược hướng dòng chảy dẫn đến khả năng lưu thông kém để hình thành dạng ao tù, gây mất vệ sinh.

- Điều chỉnh cao độ Bãi đỗ xe trong bản vẽ QH san nền.
- Điều chỉnh cục bộ vị trí lô đất Dịch vụ thương mại DVTM-2 và BX-28, BX-5 đảm bảo không thay đổi diện tích, tăng khả năng phục vụ cư dân khu vực, tăng tiện ích cộng đồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.
- Điều chỉnh ranh giới đồ án quy hoạch tại các vị trí trên hiện trạng nếu có chồng lấn.
- Bổ sung Cổng chào dự án đầu tuyến N1 khu Phố Huyện.

7. Quy hoạch điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất:

Bản cơ cấu sử dụng đất trước và sau khi điều chỉnh

TT	Chức năng sử dụng đất	QH đã phê duyệt		QH Điều chỉnh		Chênh lệch
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
1	Đất công trình công cộng	26.678	6,0	26.576	6,0	- 101,5
2	Đất ở	156.719	35,4	156.555	35,4	- 164,1
	Đất xây dựng nhà ở biệt thự đơn lập	23.897,4		21.512,0		- 2.385,4
	Đất xây dựng nhà ở biệt thự song lập	15575,6		17961,0		+2.385,4
	Đất xây dựng nhà ở liền kề	53.796,6		53.796,5		-
	Đất xây dựng nhà ở biệt thự Phú	31.519,0		31.519,0		-
	Đất xây dựng chung cư, nhà ở thu nhập thấp	31.930,4		31.766,3		- 164,1
3	Đất hỗn hợp (Dịch vụ - Thương mại)	8.710	2,0	8.710	2,0	-
4	Đất công viên, cây xanh, mặt nước	56.921	12,9	63.739	14,4	+6.818,4
5	Đất nghĩa trang và cây xanh cách ly	6.075	1,4	5.996	1,4	- 79,3
6	Đất đầu nối hạ tầng kỹ thuật	5.114	1,2	4.998	1,1	- 116,0
7	Đất đầu nối với các trục đường Tỉnh lộ	4.239	1,0	4.171	0,9	- 68,0
8	Đất giao thông	178.154	40,3	171.734	38,8	- 6.419,8
	Đường giao thông	146.260		146.979		+ 719,4
	Bãi đỗ xe	19984		21109		+ 1.125,2
	Đường dạo	11910		3.645,6		- 8.264,4
	Tổng	442.610	100	442.479,7	100	- 130,3

8. Các nội dung khác:

- Các nội dung khác giữ nguyên theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 16/10/2014, Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 14/10/2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban quản lý dự án thực hiện lập quy hoạch (theo Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của UBND huyện) phối hợp với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland và các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch, cấm và quản lý mốc giới quy hoạch theo đúng quy định đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử Cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh Hải Dương tại địa chỉ <http://quyhoach.haiduong.gov.vn>.

- Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland thực hiện đầu tư xây dựng các hạng mục theo đúng quy định pháp luật có liên quan.

- Đối với các hạng mục điều chỉnh trường hợp vượt tổng mức đầu tư của dự án theo Quyết định đã duyệt, Nhà đầu tư dự án cam kết tự bỏ kinh phí để đầu tư, không tính vào chi phí của dự án để đối trừ tiền sử dụng đất theo cam kết số 1041/CV-HUDLANE ngày 29/4/2025.

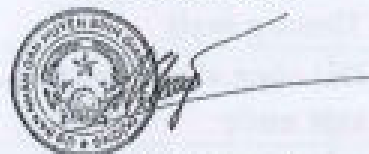
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Hudland, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Huyện ủy (để b/c);
- TT HĐND huyện (để b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBND xã Thái Minh;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Như Văn Chuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THỎA THUẬN

Số: *50* /BTT-PCHP-HUDLAND

Về việc đấu nối công trình điện

Công trình: Đường cáp ngầm 35kV và các TBA cấp điện cho Dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, thành phố Hải Phòng)

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;

Căn cứ Quy trình kinh doanh điện năng ban hành kèm theo Quyết định số 1135/QĐ-EVNNPC ngày 01 tháng 06 năm 2025 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc;

Căn cứ Công văn số 1649/CV-HUDLAND của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản Hudland về việc Điều chỉnh và gia hạn thỏa thuận đấu nối công trình;

Căn cứ Biên bản làm việc giữa đại diện Công ty Điện lực Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản Hudland về việc thống nhất một số nội dung liên quan trước khi lập Bản thỏa thuận đấu nối công trình điện;

Căn cứ vào yêu cầu và khả năng cung cấp dịch vụ phân phối điện.

Hôm nay, ngày *07* tháng *8* năm 2025.

Chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty Điện lực Hải Phòng (PCHP).

Đại diện: Ông Phạm Trung Nghĩa.

Chức vụ: Phó Giám đốc.

Địa chỉ: Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 02253.515.390.

Tài khoản số: 2125678996868 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Trần Phú, Hải Phòng.

Mã số thuế: 0100100417-069.

Bên B: Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản Hudland (Hudland).

Đại diện: Ông Vũ Tuấn Linh.

Chức vụ: Giám đốc.

107

b) Bên B: Đầu tư xây dựng theo Quy mô công trình tại khoản 1 Điều 1 của Bản thỏa thuận này.

4. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật:

a) *Xây dựng đường dây và TBA T2 750kVA-35(22)/0,4kV:*

* Phần đường dây trung thế:

- Điểm đầu: Cột số 116 đường dây 377E8.15 hiện có. Trên cột lắp đặt 01 bộ Cầu dao phụ tải 35kV-630A, 01 bộ CSV 48kV, đầu cáp co ngót ngoài trời Cu 3x70, xà đỡ dây dẫn, xà đỡ CD, xà đỡ CN+CSV, sứ đứng 35kV, hệ thống truyền động CD, ghế thao tác CD, xà đỡ ghế thao tác CD, thang trèo, tiếp địa RC2, biển tên CD, biển hướng tuyến cáp ngầm, biển thông tin làm đầu cáp, biển cáo thị.

- Điểm cuối: Tủ trung thế 35kV trong TBA Kios T2.

- Từ vị trí điểm đầu đến tủ trung thế trong TBA Kios T2, sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x70mm²-20/35(40,5)kV dài khoảng 388m, đi dưới vỉa hè quy hoạch của Khu dân cư.

* Phần trạm biến áp:

- Vị trí: TBA xây dựng mới được đặt trong khu đất quy hoạch Khu dân cư.

- Kết cấu TBA là trạm kios (toàn bộ các thiết bị của TBA được đặt trong trạm hợp bộ theo tiêu chuẩn 35kV). TBA gồm 03 khoang:

+ Khoang đặt tủ trung thế 35kV của trạm kios: Lắp đặt tủ trung thế 35kV loại 04 ngăn, bao gồm 01 ngăn cáp đến lắp đặt máy cắt trung thế 35kV-630A hợp bộ kèm rơ le bảo vệ, 01 ngăn lắp đặt CDPT 35kV-200A kèm cầu chì ống bảo vệ MBA T2 (sử dụng ống chì phù hợp với công suất của MBA), 02 ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A.

+ Khoang đặt ngăn máy biến áp: Lắp đặt 01 máy biến áp dầu. Dung lượng MBA 750kVA, điện áp sơ cấp/thứ cấp: 35(22)/0,4kV.

Cáp từ tủ trung thế 35kV sang MBA sử dụng 03 sợi cáp đơn pha Cu/XLPE/PVC-35kV-1x50mm², dùng đầu cáp Tee-Plug và Elbow.

Hộp chụp buzi mặt MBA kích thước phù hợp với MBA 750kVA.

Cáp tổng hạ thế (từ MBA sang tủ điện tổng): sử dụng cáp đồng bọc Cu/XLPE/PVC tiết diện cáp 4x(1x150)mm² cho dây pha và 2x(1x150)mm² cho dây trung tính, được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực bảo vệ và chống tổn thất.

- Khoang đặt tủ hạ thế: Lắp 01 tủ điện 0,4kV gồm 02 ngăn trong đó ngăn trên lắp đặt đo đếm và ngăn dưới bố trí các Aptomat, tủ điện phải được thiết kế 2 lớp cánh để đảm bảo trong quá trình vận hành. Tủ điện gồm: 01 ATM tổng 1250A, các ATM nhánh và các thiết bị đo, chỉ thị. Các loại TI lắp trong tủ đồng bộ 0,4kV gồm: TI đo có tỷ số biến 1200/5A. Bảo vệ phía hạ thế 0,4kV bằng chống sét van hạ thế GZ-500V.

b) *Xây dựng đường dây và TBA T1 750kVA-35(22)/0,4kV:*

* Phần đường dây trung thế:

- Điểm đầu: Ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A thuộc tủ trung thế TBA

Handwritten signature and initials.

T2.

- Điểm cuối: Tủ trung thế 35kV trong TBA Kios T1.

- Từ vị trí điểm đầu đến tủ trung thế trong TBA Kios T1, sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x70mm²-20/35(40,5)kV dài khoảng 250m, đi dưới vỉa hè và đường giao thông quy hoạch của Khu dân cư.

* Phân trạm biến áp:

- Vị trí: TBA xây dựng mới được đặt trong khu đất quy hoạch Khu dân cư.

- Kết cấu TBA là trạm kios (toàn bộ các thiết bị của TBA được đặt trong trạm hợp bộ theo tiêu chuẩn 35kV). TBA gồm 03 khoang:

+ Khoang đặt tủ trung thế 35kV của trạm kios: Lắp đặt tủ trung thế 35kV loại 03 ngăn, bao gồm 01 ngăn cáp đến lắp đặt CDPT 35kV-630A, 01 ngăn lắp đặt CDPT 35kV-200A kèm cầu chì ống bảo vệ MBA T1 (sử dụng ống chì phù hợp với công suất của MBA), 01 ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A.

+ Khoang đặt máy biến áp: Lắp đặt 01 máy biến áp dầu. Dung lượng MBA 750kVA, điện áp sơ cấp/thứ cấp: 35(22)/0,4kV.

Cáp từ tủ trung thế 35kV sang MBA sử dụng 03 sợi cáp đơn pha Cu/XLPE/PVC-35kV-1x50mm², dùng đầu cáp Tee-Plug và Elbow.

Hộp chụp buzi mặt MBA kích thước phù hợp với MBA 750kVA.

Cáp tổng hạ thế (từ MBA sang tủ điện tổng): sử dụng cáp đồng bọc Cu/XLPE/PVC tiết diện cáp 4x(1x150)mm² cho dây pha và 2x(1x150)mm² cho dây trung tính, được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực bảo vệ và chống tổn thất.

- Khoang đặt tủ hạ thế: Lắp 01 tủ điện 0,4kV gồm 02 ngăn trong đó ngăn trên lắp đặt đo đếm và ngăn dưới bố trí các Aptomat, tủ điện phải được thiết kế 2 lớp cánh để đảm bảo trong quá trình vận hành. Tủ điện gồm: 01 ATM tổng 1250A, các ATM nhánh và các thiết bị đo, chỉ thị. Các loại TI lắp trong tủ đồng bộ 0,4kV gồm: TI đo có tỷ số biến 1200/5A. Bảo vệ phía hạ thế 0,4kV bằng chống sét van hạ thế GZ-500V.

c) Xây dựng đường dây và TBA T10 2x1000kVA-35(22)/0,4kV:

* Phân đường dây trung thế:

- Điểm đầu: Ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A thuộc tủ trung thế TBA T1.

- Điểm cuối: Tủ trung thế 35kV trong TBA Kios T10.

- Từ vị trí điểm đầu đến tủ trung thế trong TBA Kios T10, sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x70mm²-20/35(40,5)kV dài khoảng 355m, đi dưới vỉa hè và đường giao thông quy hoạch của Khu dân cư.

* Phân trạm biến áp:

- Vị trí: TBA xây dựng mới được đặt trong khu đất quy hoạch Khu dân cư.

- Kết cấu TBA là trạm kios (toàn bộ các thiết bị của TBA được đặt trong trạm hợp bộ theo tiêu chuẩn 35kV). TBA gồm 03 khoang:

+ Khoang đặt tủ trung thế 35kV của trạm kios: Lắp đặt tủ trung thế 35kV

Đã 30/7

loại 04 ngăn, bao gồm 01 ngăn cáp đến lắp đặt CDPT 35kV-630A, 02 ngăn lắp đặt CDPT 35kV-200A kèm cầu chì ống bảo vệ 02 MBA T10 (sử dụng ống chì phù hợp với công suất của MBA), 01 ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A.

+ Khoang đặt máy biến áp: Lắp đặt 02 máy biến áp dầu. Dung lượng mỗi MBA 1000kVA, điện áp sơ cấp/thứ cấp: 35(22)/0,4kV. Có hồ dầu dưới bộ đỡ.

Cáp từ tủ trung thế 35kV sang mỗi MBA cùng sử dụng 03 sợi cáp đơn pha Cu/XLPE/PVC-35kV-1x50mm², dùng đầu cáp Tee-Plug và Elbow.

Hộp chụp buzi mặt MBA kích thước phù hợp với mỗi MBA 1000kVA.

Cáp tổng hạ thế cho mỗi MBA (từ MBA sang tủ điện tổng): sử dụng cáp đồng bọc Cu/XLPE/PVC tiết diện cáp 4x(1x240)mm² cho dây pha và 2x(1x240)mm² cho dây trung tính, được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực bảo vệ và chống tổn thất.

- Khoang đặt tủ hạ thế: Lắp 02 tủ điện 0,4kV (để đóng cắt bảo vệ phía hạ áp cho mỗi MBA), mỗi tủ bao gồm 02 ngăn trong đó ngăn trên lắp đặt đo đếm và ngăn dưới bố trí các Máy cắt hạ thế, Aptomat, tủ điện phải được thiết kế 2 lớp cánh để đảm bảo trong quá trình vận hành. Tủ điện gồm: 01 Máy cắt hạ thế tổng 1600A, các ATM nhánh và các thiết bị đo, chỉ thị. Các loại TI lắp trong tủ đồng bộ 0,4kV gồm: TI đo có tỷ số biến 1600/5A. Bảo vệ phía hạ thế 0,4kV bằng chống sét van hạ thế GZ-500V.

d) *Xây dựng đường dây và TBA T9 2x1000kVA-35(22)/0,4kV:*

* Phần đường dây trung thế:

- Điểm đầu: Ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A thuộc tủ trung thế TBA T10.

- Điểm cuối: Tủ trung thế 35kV trong nhà trạm biến áp T9.

- Từ vị trí điểm đầu đến tủ trung thế trong nhà trạm biến áp T9, sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x70mm²-20/35(40,5)kV dài khoảng 426m, đi dưới vỉa hè và đường giao thông quy hoạch của Khu dân cư.

* Phần trạm biến áp:

- Vị trí: TBA xây dựng mới được đặt trong khu đất quy hoạch Khu dân cư.

- Kết cấu TBA là trạm biến áp trong nhà (toàn bộ các thiết bị của TBA được đặt trong nhà trạm hợp bộ theo tiêu chuẩn 35kV). Nhà trạm biến áp gồm 03 phòng:

+ Phòng máy biến áp: Lắp đặt 02 máy biến áp dầu, mỗi MBA được đặt trong phòng riêng. Dung lượng mỗi MBA 1000kVA, điện áp sơ cấp/thứ cấp: 35(22)/0,4kV. Có hồ dầu dưới bộ đỡ MBA.

+ Phòng đặt tủ trung hạ thế:

Tủ trung thế: Lắp đặt tủ trung thế 35kV loại 04 ngăn, bao gồm 01 ngăn cáp đến lắp đặt CDPT 35kV-630A, 02 ngăn lắp đặt CDPT 35kV-200A kèm cầu chì ống bảo vệ 02 MBA T9 (sử dụng ống chì phù hợp với công suất của MBA), 01 ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A.

Tủ hạ thế: Lắp 02 tủ điện 0,4kV (để đóng cắt bảo vệ phía hạ áp cho mỗi MBA), mỗi tủ bao gồm 02 ngăn trong đó ngăn trên lắp đặt đo đếm và ngăn dưới bố

10/7 20/7

trí các Máy cắt hạ thế, Aptomat, tủ điện phải được thiết kế 2 lớp cánh để đảm bảo trong quá trình vận hành. Tủ điện gồm: 01 Máy cắt hạ thế tổng 1600A, các ATM nhánh và các thiết bị đo, chỉ thị. Các loại TI lắp trong tủ đồng bộ 0,4kV gồm: TI đo có tỷ số biến 1600/5A. Bảo vệ phía hạ thế 0,4kV bằng chống sét van hạ thế GZ-500V.

+ Cấp từ tủ trung thế 35kV sang mỗi MBA cùng sử dụng 03 sợi cáp đơn pha Cu/XLPE/PVC-35kV-1x70mm², dùng đầu cáp Tee-Plug và Elbow.

+ Hộp chụp buzi mặt MBA kích thước phù hợp với mỗi MBA 1000kVA.

- Cấp tổng hạ thế cho mỗi MBA (từ MBA sang tủ điện tổng): sử dụng cáp đồng bọc Cu/XLPE/PVC tiết diện cáp 5x(1x240)mm² cho dây pha và 3x(1x240)mm² cho dây trung tính, được đặt trong mương cáp bảo vệ và chống tổn thất.

e) Xây dựng đường dây và TBA T6 320kVA-35(22)/0,4kV:

* Phần đường dây trung thế:

- Điểm đầu: Ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A thuộc tủ trung thế TBA T9.

- Điểm cuối: Tủ trung thế 35kV trong TBA Kios T6.

- Từ vị trí điểm đầu đến tủ trung thế trong TBA Kios T6, sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x70mm²-20/35(40,5)kV dài khoảng 609m, đi dưới vỉa hè và đường giao thông quy hoạch của Khu dân cư.

* Phần trạm biến áp:

- Vị trí: TBA xây dựng mới được đặt trong khu đất quy hoạch Khu dân cư.

- Kết cấu TBA là trạm kios (toàn bộ các thiết bị của TBA được đặt trong trạm hợp bộ theo tiêu chuẩn 35kV). TBA gồm 03 khoang:

+ Khoang đặt tủ trung thế 35kV của trạm kios: Lắp đặt tủ trung thế 35kV loại 03 ngăn, bao gồm 01 ngăn cáp đến lắp đặt CDPT 35kV-630A, 01 ngăn lắp đặt CDPT 35kV-200A kèm cầu chì ống bảo vệ MBA T6 (sử dụng ống chì phù hợp với công suất của MBA), 01 ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A.

+ Ngăn máy biến áp: Lắp đặt 01 máy biến áp dầu. Dung lượng MBA 320kVA, điện áp sơ cấp/thứ cấp: 35(22)/0,4kV.

Cấp từ tủ trung thế 35kV sang MBA sử dụng 03 sợi cáp đơn pha Cu/XLPE/PVC-35kV-1x50mm², dùng đầu cáp Tee-Plug và Elbow.

Hộp chụp buzi mặt MBA kích thước phù hợp với MBA 320kVA.

Cấp tổng hạ thế (từ MBA sang tủ điện tổng): sử dụng cáp đồng bọc Cu/XLPE/PVC tiết diện cáp 2x(1x120)mm² cho dây pha và 1x120mm² cho dây trung tính, được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực bảo vệ và chống tổn thất.

- Ngăn hạ thế: Lắp 01 tủ điện 0,4kV gồm 02 ngăn trong đó ngăn trên lắp đặt đo đếm và ngăn dưới bố trí các Aptomat, tủ điện phải được thiết kế 2 lớp cánh để đảm bảo trong quá trình vận hành. Tủ điện gồm: 01 ATM tổng 500A, các ATM nhánh và các thiết bị đo, chỉ thị. Các loại TI lắp trong tủ đồng bộ 0,4kV gồm: TI đo có tỷ số biến 500/5A. Bảo vệ phía hạ thế 0,4kV bằng chống sét van hạ thế GZ-

107 207

500V.

f) *Xây dựng đường dây và TBA T4 2x1250kVA-35(22)/0,4kV:*

* Phần đường dây trung thế:

- Điểm đầu: Ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A thuộc tủ trung thế TBA

T6.

- Điểm cuối: Tủ trung thế 35kV trong nhà trạm biến áp T4.

- Từ vị trí điểm đầu đến tủ trung thế trong nhà trạm biến áp T4, sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x70mm²-20/35(40,5)kV dài khoảng 210m, đi dưới vỉa hè và đường giao thông quy hoạch của Khu dân cư.

* Phần trạm biến áp:

- Vị trí: TBA xây dựng mới được đặt trong khu đất quy hoạch Khu dân cư.

- Kết cấu TBA là trạm biến áp trong nhà (toàn bộ các thiết bị của TBA được đặt trong nhà trạm hợp bộ theo tiêu chuẩn 35kV). Nhà trạm biến áp gồm 03 phòng:

+ Phòng máy biến áp: Lắp đặt 02 máy biến áp dầu, mỗi MBA được đặt trong phòng riêng. Dung lượng mỗi MBA 1250kVA, điện áp sơ cấp/thứ cấp: 35(22)/0,4kV. Có hồ dầu dưới bệ đỡ MBA.

+ Phòng đặt tủ trung hạ thế:

Tủ trung thế: Lắp đặt tủ trung thế 35kV loại 04 ngăn, bao gồm 01 ngăn cáp đến lắp đặt CDPT 35kV-630A, 02 ngăn lắp đặt CDPT 35kV-200A kèm cầu chì ống bảo vệ 02 MBA T4 (sử dụng ống chì phù hợp với công suất của MBA), 01 ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A.

Tủ hạ thế: Lắp 02 tủ điện 0,4kV (để đóng cắt bảo vệ phía hạ áp cho mỗi MBA), mỗi tủ bao gồm 02 ngăn trong đó ngăn trên lắp đặt đo đếm và ngăn dưới bố trí các Máy cắt hạ thế, Aptomat, tủ điện phải được thiết kế 2 lớp cánh để đảm bảo trong quá trình vận hành. Tủ điện gồm: 01 Máy cắt hạ thế tổng 2000A, các ATM nhánh và các thiết bị đo, chỉ thị. Các loại TI lắp trong tủ đồng bộ 0,4kV gồm: TI đo có tỷ số biến 2000/5A. Bảo vệ phía hạ thế 0,4kV bằng chống sét van hạ thế GZ-500V.

+ Cáp từ tủ trung thế 35kV sang mỗi MBA cùng sử dụng 03 sợi cáp đơn pha Cu/XLPE/PVC-35kV-1x70mm², dùng đầu cáp Tee-Plug và Elbow.

+ Hộp chụp buzi mặt MBA kích thước phù hợp với mỗi MBA 1250kVA.

- Cáp tổng hạ thế cho mỗi MBA (từ MBA sang tủ điện tổng): sử dụng cáp đồng bọc Cu/XLPE/PVC tiết diện cáp 5x(1x240)mm² cho dây pha và 3x(1x240)mm² cho dây trung tính, được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực bảo vệ và chống tổn thất.

g) *Xây dựng đường dây và TBA T5 630kVA-35(22)/0,4kV:*

* Phần đường dây trung thế:

- Điểm đầu: Ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A thuộc tủ trung thế TBA

T4.

- Điểm cuối: Tủ trung thế 35kV trong TBA Kios T5.

Handwritten signature and initials.

- Từ vị trí điểm đầu đến tủ trung thế trong TBA Kios T5, sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x70mm²-20/35(40,5)kV dài khoảng 152m, đi dưới vỉa hè và đường giao thông quy hoạch của Khu dân cư.

* Phần trạm biến áp:

- Vị trí: TBA xây dựng mới được đặt trong khu đất quy hoạch Khu dân cư.

- Kết cấu TBA là trạm kios (toàn bộ các thiết bị của TBA được đặt trong trạm hợp bộ theo tiêu chuẩn 35kV). TBA gồm 03 khoang:

+ Khoang đặt tủ trung thế 35kV của trạm kios: Lắp đặt tủ trung thế 35kV loại 03 ngăn, bao gồm 01 ngăn cáp đến lắp đặt CDPT 35kV-630A, 01 ngăn lắp đặt CDPT 35kV-200A kèm cầu chì ống bảo vệ MBA T5 (sử dụng ống chì phù hợp với công suất của MBA), 01 ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A.

+ Ngăn máy biến áp: Lắp đặt 01 máy biến áp dầu. Dung lượng MBA 630kVA, điện áp sơ cấp/thứ cấp: 35(22)/0,4kV.

Cáp từ tủ trung thế 35kV sang MBA sử dụng 03 sợi cáp đơn pha Cu/XLPE/PVC-35kV-1x50mm², dùng đầu cáp Tee-Plug và Elbow.

Hộp chụp buzi mặt MBA kích thước phù hợp với MBA 630kVA.

Cáp tổng hạ thế (từ MBA sang tủ điện tổng): sử dụng cáp đồng bọc Cu/XLPE/PVC tiết diện cáp 2x(1x300)mm² cho dây pha và 1x300mm² cho dây trung tính, được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực bảo vệ và chống tổn thất.

- Ngăn hạ thế: Lắp 01 tủ điện 0,4kV gồm 02 ngăn trong đó ngăn trên lắp đặt đo đếm và ngăn dưới bố trí các Aptomat, tủ điện phải được thiết kế 2 lớp cánh để đảm bảo trong quá trình vận hành. Tủ điện gồm: 01 ATM tổng 1000A, các ATM nhánh và các thiết bị đo, chỉ thị. Các loại TI lắp trong tủ đồng bộ 0,4kV gồm: TI đo có tỷ số biến 1000/5A. Bảo vệ phía hạ thế 0,4kV bằng chống sét van hạ thế GZ-500V.

h) Xây dựng đường dây và TBA T3 630kVA-35(22)/0,4kV:

* Phần đường dây trung thế:

- Điểm đầu: Ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A thuộc tủ trung thế TBA T5.

- Điểm cuối: Tủ trung thế 35kV trong TBA Kios T3.

- Từ vị trí điểm đầu đến tủ trung thế trong TBA Kios T3, sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x70mm²-20/35(40,5)kV dài khoảng 398m, đi dưới vỉa hè và đường giao thông quy hoạch của Khu dân cư.

* Phần trạm biến áp:

- Vị trí: TBA xây dựng mới được đặt trong khu đất quy hoạch Khu dân cư.

- Kết cấu TBA là trạm kios (toàn bộ các thiết bị của TBA được đặt trong trạm hợp bộ theo tiêu chuẩn 35kV). TBA gồm 03 khoang:

+ Khoang đặt tủ trung thế 35kV của trạm kios: Lắp đặt tủ trung thế 35kV loại 03 ngăn, bao gồm 01 ngăn cáp đến lắp đặt CDPT 35kV-630A, 01 ngăn lắp đặt CDPT 35kV-200A kèm cầu chì ống bảo vệ MBA T3 (sử dụng ống chì phù hợp với

Handwritten signature and number 7

công suất của MBA), 01 ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A.

+ Ngăn máy biến áp: Lắp đặt 01 máy biến áp dầu. Dung lượng MBA 630kVA, điện áp sơ cấp/thứ cấp: 35(22)/0,4kV.

Cáp từ tủ trung thế 35kV sang MBA sử dụng 03 sợi cáp đơn pha Cu/XLPE/PVC-35kV-1x50mm², dùng đầu cáp Tee-Plug và Elbow.

Hộp chụp buzi mặt MBA kích thước phù hợp với MBA 630kVA.

Cáp tổng hạ thế (từ MBA sang tủ điện tổng): sử dụng cáp đồng bọc Cu/XLPE/PVC tiết diện cáp 2x(1x300)mm² cho dây pha và 1x300mm² cho dây trung tính, được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực bảo vệ và chống tổn thất.

- Ngăn hạ thế: Lắp 01 tủ điện 0,4kV gồm 02 ngăn trong đó ngăn trên lắp đặt đo đếm và ngăn dưới bố trí các Aptomat, tủ điện phải được thiết kế 2 lớp cánh để đảm bảo trong quá trình vận hành. Tủ điện gồm: 01 ATM tổng 1000A, các ATM nhánh và các thiết bị đo, chỉ thị. Các loại TI lắp trong tủ đồng bộ 0,4kV gồm: TI đo có tỷ số biến 1000/5A. Bảo vệ phía hạ thế 0,4kV bằng chống sét van hạ thế GZ-500V.

i) *Xây dựng đường dây và TBA T7 320kVA-35(22)/0,4kV:*

* Phần đường dây trung thế:

- Điểm đầu: Ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A thuộc tủ trung thế TBA T3.

- Điểm cuối: Tủ trung thế 35kV trong TBA Kios T7.

- Từ vị trí điểm đầu đến tủ trung thế trong TBA Kios T7, sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x70mm²-20/35(40,5)kV dài khoảng 141m, đi dưới vỉa hè và đường giao thông quy hoạch của Khu dân cư.

* Phần trạm biến áp:

- Vị trí: TBA xây dựng mới được đặt trong khu đất quy hoạch Khu dân cư.

- Kết cấu TBA là trạm kios (toàn bộ các thiết bị của TBA được đặt trong trạm hợp bộ theo tiêu chuẩn 35kV). TBA gồm 03 khoang:

+ Khoang đặt tủ trung thế 35kV của trạm kios: Lắp đặt tủ trung thế 35kV loại 03 ngăn, bao gồm 01 ngăn cáp đến lắp đặt CDPT 35kV-630A, 01 ngăn lắp đặt CDPT 35kV-200A kèm cầu chì ống bảo vệ MBA T7 (sử dụng ống chì phù hợp với công suất của MBA), 01 ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A.

+ Ngăn máy biến áp: Lắp đặt 01 máy biến áp dầu. Dung lượng MBA 320kVA, điện áp sơ cấp/thứ cấp: 35(22)/0,4kV.

Cáp từ tủ trung thế 35kV sang MBA sử dụng 03 sợi cáp đơn pha Cu/XLPE/PVC-35kV-1x50mm², dùng đầu cáp Tee-Plug và Elbow.

Hộp chụp buzi mặt MBA kích thước phù hợp với MBA 320kVA.

Cáp tổng hạ thế (từ MBA sang tủ điện tổng): sử dụng cáp đồng bọc Cu/XLPE/PVC tiết diện cáp 2x(1x120)mm² cho dây pha và 1x120mm² cho dây trung tính, được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực bảo vệ và chống tổn thất.

- Ngăn hạ thế: Lắp 01 tủ điện 0,4kV gồm 02 ngăn trong đó ngăn trên lắp đặt

Long 7

đo đếm và ngăn dưới bố trí các Aptomat, tủ điện phải được thiết kế 2 lớp cánh để đảm bảo trong quá trình vận hành. Tủ điện gồm: 01 ATM tổng 500A, các ATM nhánh và các thiết bị đo, chỉ thị. Các loại TI lắp trong tủ đồng bộ 0,4kV gồm: TI đo có tỷ số biến 500/5A. Bảo vệ phía hạ thế 0,4kV bằng chống sét van hạ thế GZ-500V.

j) Xây dựng đường dây và TBA T8 250kVA-35(22)/0,4kV:

* Phần đường dây trung thế:

- Điểm đầu: Ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A thuộc tủ trung thế TBA T7.

- Điểm cuối: Tủ trung thế 35kV trong TBA Kios T8.

- Từ vị trí điểm đầu đến tủ trung thế trong TBA Kios T8, sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x70mm²-20/35(40,5)kV dài khoảng 188m, đi dưới vỉa hè và đường giao thông quy hoạch của Khu dân cư.

* Phần trạm biến áp:

- Vị trí: TBA xây dựng mới được đặt trong khu đất quy hoạch Khu dân cư.

- Kết cấu TBA là trạm kios (toàn bộ các thiết bị của TBA được đặt trong trạm hợp bộ theo tiêu chuẩn 35kV). TBA gồm 03 khoang:

+ Khoang đặt tủ trung thế 35kV của trạm kios: Lắp đặt tủ trung thế 35kV loại 03 ngăn, bao gồm 01 ngăn cáp đến lắp đặt CDPT 35kV-630A, 01 ngăn lắp đặt CDPT 35kV-200A kèm cầu chì ống bảo vệ MBA T8 (sử dụng ống chì phù hợp với công suất của MBA), 01 ngăn cáp đi lắp đặt CDPT 35kV-630A.

+ Ngăn máy biến áp: Lắp đặt 01 máy biến áp dầu. Dung lượng MBA 250kVA, điện áp sơ cấp/thứ cấp: 35(22)/0,4kV.

Cáp từ tủ trung thế 35kV sang MBA sử dụng 03 sợi cáp đơn pha Cu/XLPE/PVC-35kV-1x50mm², dùng đầu cáp Tee-Plug và Elbow.

Hộp chụp buzi mặt MBA kích thước phù hợp với MBA 250kVA.

Cáp tổng hạ thế (từ MBA sang tủ điện tổng): sử dụng cáp đồng bọc Cu/XLPE/PVC tiết diện cáp 1x240mm² cho dây pha và 1x120mm² cho dây trung tính, được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực bảo vệ và chống tổn thất.

- Ngăn hạ thế: Lắp 01 tủ điện 0,4kV gồm 02 ngăn trong đó ngăn trên lắp đặt đo đếm và ngăn dưới bố trí các Aptomat, tủ điện phải được thiết kế 2 lớp cánh để đảm bảo trong quá trình vận hành. Tủ điện gồm: 01 ATM tổng 400A, các ATM nhánh và các thiết bị đo, chỉ thị. Các loại TI lắp trong tủ đồng bộ 0,4kV gồm: TI đo có tỷ số biến 400/5A. Bảo vệ phía hạ thế 0,4kV bằng chống sét van hạ thế GZ-500V.

k) Phần đường dây hạ thế:

- Cáp ngầm hạ thế sử dụng loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV tiết diện từ 4x16mm² đến 4x240mm² được luồn trong ống thép tráng kẽm đối với các đoạn đi dưới đường nhựa giao thông, đối với các đoạn đi dưới vỉa hè khu dân cư được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực, chôn trực tiếp trong đất với độ sâu $\geq 0,7$ m, còn đối với cáp đi trong hào kỹ thuật, cáp trực tiếp trên đáy rãnh cáp lên đáy hào

Handwritten signature and initials.

(theo bản vẽ sơ đồ một sợi hạ thế sau các TBA T1, T2, T3, T4, T5, T6, T7, T8, T9, T10 cấp điện cho Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đồng xã Bình Minh, huyện Bình Giang nay là xã Đường An, thành phố Hải Phòng do đơn vị tư vấn thiết kế lập).

- Trên tuyến cáp ngầm phải lắp báo hiệu cáp ngầm bằng sứ với khoảng cách khoảng 15-20m/mốc nhằm cảnh báo nguy hiểm phía dưới có cáp ngầm, dọc theo tuyến cáp dưới rãnh có gạch chỉ bảo vệ và băng nhựa báo hiệu cáp ngầm đặt bên trên cáp, tại những vị trí bề góc cáp phải đảm bảo bán kính cong từ 6 đến 8 lần đường kính cáp điện và đặt báo hiệu cáp ngầm tại hai đầu và giữa bán kính cong của cáp. Cáp được treo biển tên lộ cáp đến, cáp đi.

- Tủ công tơ loại 2 lớp cánh được chế tạo bằng tôn được sơn tĩnh điện, lắp đặt tiếp địa tủ công tơ cho từng tủ (01 râu bắt vỏ tủ, 01 râu bắt vào trung tính của đường dây hạ thế). Tủ công tơ được đánh tên tủ và sơn biển cảnh báo nguy hiểm.

- Aptomat 1 pha cấp điện cho các hộ biệt thự, cấp điện cho các hộ nhà liền kề sử dụng ATM loại 40A-60A. Đối với nhà thương mại cấp điện qua các tủ điện phân phối hạ thế 3 pha sử dụng ATM 3 pha từ 50A-500A.

- Toàn tủ công tơ được lắp đặt trên Bệ bằng bê tông cốt thép mác M200

- Tất cả các tủ công tơ được thiết kế lắp đặt được công tơ điện từ và công tơ ba pha (các cầu đấu dây pha và dây trung tính phải được chế tạo là loại cầu kép, các cầu được tách riêng để đấu nối cho từng công tơ).

m) Các giải pháp kỹ thuật chung:

- Công trình phải đảm bảo Quy phạm trang bị điện; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện; Tiêu chuẩn kỹ thuật: TCN, TCVN và IEC.

- Thiết bị vận hành trong phạm vi công trình phải đảm bảo theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BCT ngày 06/01/2023 của Bộ Công Thương về việc hợp nhất các thông tư quy định về hệ thống điện phân phối.

- Các vật tư thiết bị lắp đặt mới phải được kiểm định an toàn kỹ thuật theo thông tư 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

- Thiết kế, thi công công trình phải đảm bảo các tiêu chuẩn về PCCN, hành lang an toàn công trình điện.

- Tuyến cáp ngầm trung thế:

- + Trên tuyến cáp ngầm phải lắp mốc báo hiệu cáp ngầm với khoảng cách khoảng 15-20m/mốc nhằm cảnh báo nguy hiểm phía dưới có cáp ngầm, dọc theo tuyến cáp dưới rãnh có tấm đan bê tông bảo vệ và băng nhựa báo hiệu cáp ngầm đặt bên trên cáp, tại những vị trí bề góc cáp phải đảm bảo bán kính cong $\geq 1,0m$ và đặt báo hiệu cáp ngầm tại hai đầu và giữa bán kính cong của cáp.

- + Tuyến cáp ngầm dưới đường được luồn trong ống thép tráng kẽm đối với các đoạn đi dưới đường nhựa giao thông, còn đối với các đoạn đi dưới vỉa hè khu dân cư được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực, chôn trực tiếp trong đất với độ sâu cáp ngầm $35kV \geq 1m$, có dự phòng cáp ngầm tại các vị trí đấu nối $\geq 5m$ để xử lý khi cần thiết.

Handwritten signature and number 7

+ Tuyến cáp ngầm đi trong hào kỹ thuật được đặt trực tiếp trên giá đỡ bên trong hào kỹ thuật.

+ Tuyến cáp ngầm phải được treo biển cáp đến, cáp đi và biển thông tin làm đầu cáp. Tiếp địa vỏ cáp ngầm được nối dài và đấu nối vào hệ thống tiếp địa của cột điện trung thế, TBA hoặc tủ RMU để phục vụ đo phóng điện cục bộ PD.

- Vỏ trạm được làm bằng các tấm tôn dày 2mm được sơn tĩnh điện, để TBA sản xuất bằng thép dày 3mm, sơn tĩnh điện. Trạm được trang bị cửa hắt cơ học và chống thấm để đảm bảo thông thoát khí trong quá trình làm mát máy, trạm có hệ thống đèn chiếu sáng trạm tự động bật khi mở cửa. Khoang trung và hạ thế có cửa chớp để thông gió tự nhiên, khoang MBA có quạt hút thông gió. Vỏ trạm có đủ tên trạm biến áp và biển cáo thị theo đúng quy định hiện hành, mỗi ngăn được trang bị 01 quạt hút gió cưỡng bức tự động bằng cảm biến nhiệt, có hệ thống đèn chiếu sáng tự động khi mở cửa. Toàn bộ trạm được lắp đặt trên bệ xây bằng gạch chỉ đặc phía trên đồ giằng bê tông cốt thép bê tông mác M200. Tất cả các TBA kios đều phải có quy trình hướng dẫn sử dụng và sơ đồ nguyên lý đi kèm TBA và có khóa ở các ngăn cửa ra vào để thao tác.

- Tủ trung thế 35kV: Chế tạo và thử nghiệm theo tiêu chuẩn IEC 62271-200, IEC 60529 hoặc các tiêu chuẩn hiện hành tương đương. Tủ trung thế 35kV có các chức năng điều khiển được bố trí mặt trước, có sơ đồ điều khiển, đèn chỉ thị và các thiết bị chỉ thị ngắn mạch, tủ trung thế 35kV lắp đặt thiết bị cảnh báo sự cố, bộ cảm biến nhiệt độ, hệ thống sấy chống ẩm tự động; ngăn CDPT phải lắp tiếp địa để liên kết với CDPT 35kV; ngăn CDPT kèm cầu chì ống phải được liên động với nhau. Tủ sử dụng đầu cáp T-Plugs. Đề nghị chủ đầu tư xem xét sử dụng tủ trung thế 35kV do các hãng ABB, Schneider, Siemens sản xuất.

- Máy cắt trung thế được chế tạo và thử nghiệm theo tiêu chuẩn IEC 62271-100 hoặc các tiêu chuẩn hiện hành tương đương. Đề nghị chủ đầu tư xem xét sử dụng máy cắt trung thế do các hãng ABB, Schneider, Siemens sản xuất.

- Máy cắt hạ thế: được chế tạo và thử nghiệm theo IEC 60947-2.

- Các đầu cáp đấu nối ngăn CDPT trong tủ trung thế sử dụng đầu cáp T-Plugs, phía cao thế của MBA sử dụng đầu cáp Elbow phù hợp với chủng loại và tiết diện cáp ngầm đấu nối. Đầu cáp T-Plugs, Elbow được chế tạo theo tiêu chuẩn IEC 60502-4, IEEE 386, VDE 0278, CENELEC EN 50180, 50181 hoặc tương đương.

- Các đầu cáp ngầm đấu nối ngoài trời sử dụng đầu cáp ngầm co ngót ngoài trời hoặc tương đương.

- MBA loại 3 pha 2 cuộn dây làm mát bằng dầu tuần hoàn được chế tạo theo TCVN 6306, IEC 60076, TCVN 8525-2015. Trường hợp nếu có nghi ngờ về MBA đạt TCVN 8525-2015 thì Công ty Điện lực Hải Phòng được phép thí nghiệm kiểm tra trước khi đóng điện.

- Máy biến dòng điện được chế tạo phải phù hợp theo tiêu chuẩn IEC 61869-2 hoặc tương đương, chủng loại một pha.

- Cáp ngầm và cáp bọc trung thế: Chế tạo và thử nghiệm theo tiêu chuẩn

Đông
TH 7

IEC 60502, IEC 228, IEC 61089, TCVN 5935:2013 (phần vỏ bọc), TCVN 5064:1994 (phần ruột dẫn điện) hoặc các tiêu chuẩn hiện hành tương đương.

- Cáp hạ thế: Chế tạo và thử nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN 5935:2013; 5936:1995, 5064:1994, 6612:2007 hoặc các tiêu chuẩn hiện hành tương đương.

- Dây dẫn: sử dụng dây nhôm lõi thép được chế tạo và thử nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN 5064:1994/SĐ1:1995, TCVN 6483:1999, TCVN 2697:1978, IEC 61089:1997 hoặc các tiêu chuẩn hiện hành tương đương.

- Cầu dao phụ tải: sử dụng loại chém đúng, có buồng dập hồ quang bằng dầu và được chế tạo thử nghiệm theo tiêu chuẩn IEC-129, IEC-694, IEC-265 hoặc các tiêu chuẩn hiện hành tương đương. Đề nghị Chủ đầu tư xem xét sử dụng cầu dao có dòng rò cách điện $\geq 25\text{mm/kV}$.

- Cầu dao cách ly: Loại chém ngang, được chế tạo thử nghiệm theo tiêu chuẩn IEC-129, TCVN 5768-1993 hoặc các tiêu chuẩn hiện hành tương đương. Đề nghị Chủ đầu tư xem xét sử dụng cầu dao có dòng rò cách điện $\geq 25\text{mm/kV}$.

- Chống sét trung thế: chế tạo bằng vật liệu oxit kim loại (ZnO), không khe hở lắp đặt ngoài trời được chế tạo và thử nghiệm theo tiêu chuẩn IEC60099-4 hoặc các tiêu chuẩn hiện hành tương đương. Đề nghị sử dụng loại 48kV.

- Chống sét hạ thế: loại không khe hở và vỏ chống sét bằng gốm hoặc Polymer.

- Cách điện đúng: chế tạo thử nghiệm theo tiêu chuẩn IEC 60383:1993, TCVN 7998:2009 (TCVN 4759:1993) hoặc các tiêu chuẩn hiện hành tương đương. Đề nghị Chủ đầu tư xem xét sử dụng cách điện đúng có dòng rò $\geq 25\text{mm/kV}$.

- Tiếp địa đường dây: dùng loại cọc tia hỗn hợp, toàn bộ chi tiết tiếp địa được chế tạo bằng thép CT3 và được mạ kẽm theo TCVN. Trị số điện trở nối đất $R_{td} \leq 10\Omega$ (đối với cột đường dây).

- Tiếp địa trạm biến áp: Đối với TBA lắp 01 MBA dùng 01 bộ tiếp địa trạm sử dụng loại cọc tia hỗn hợp 06 cọc và 06 râu. Đối với TBA lắp 02 MBA dùng 02 bộ tiếp địa trạm sử dụng loại cọc tia hỗn hợp 10 cọc và 09 râu. Toàn bộ chi tiết tiếp địa được chế tạo bằng thép CT3 và được mạ kẽm theo TCVN. Trị số điện trở nối đất $R_{td} \leq 4\Omega$.

- Tiếp địa chống sét van được lắp riêng từng pha xuống theo dọc cột và bắt vào hệ thống tiếp địa chung, dây tiếp địa chống sét van có tiết diện tối thiểu 50mm^2 .

- Lắp đặt biển tên TBA, sơn biển cảnh báo nguy hiểm (biển cấm lại gần ở 4 phía của TBA).

- ATM: được chế tạo và thử nghiệm theo TCVN 6434:2008, IEC 60898 IEC 60947-2 hoặc các tiêu chuẩn hiện hành tương đương.

- Tất cả các chi tiết kim loại phải được mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN, chiều dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$.

- Các vật tư mới đưa vào lắp đặt phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chứng chỉ chất lượng đi kèm và phải được nghiệm thu, thí nghiệm trước khi lắp đặt.

Handwritten signature and initials.

4. Các hồ sơ kèm theo:

- Sơ đồ kèm theo Bản thỏa thuận.
- Hồ sơ đăng ký đấu nối (đăng ký công suất, biểu đồ phụ tải, ...), văn bản pháp lý Dự án. Biên bản làm việc thống nhất nội dung lập Bản thỏa thuận.

Điều 2. Trách nhiệm của các bên:

a) Trách nhiệm của Bên A:

- Đầu tư xây dựng lưới điện phân phối để đấu nối công trình điện của bên B, theo ranh giới đầu tư xây dựng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Bản thỏa thuận này.

- Phối hợp với bên B: Kiểm duyệt phương án tổ chức thi công đấu nối, kiểm tra điều kiện đóng điện, nghiệm thu đóng điện công trình điện của bên B.

b) Trách nhiệm của Bên B:

- Đầu tư xây dựng công trình điện của mình để kết nối với lưới điện của bên A theo ranh giới đầu tư xây dựng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Bản thỏa thuận này và chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn đơn vị thiết kế, giám sát, cung cấp thiết bị và thi công công trình.

- Thỏa thuận đo đếm điện năng với bên A. Đầu tư hệ thống đo đếm (trừ công tơ) phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam và phải được cơ quan quản lý nhà nước về đo lường kiểm chuẩn, niêm phong trước khi lắp đặt.

- Thực hiện đưa công trình điện vào kế hoạch thực hiện quy hoạch, phương án phát triển mạng lưới cấp điện thành phố Hải Phòng với cơ quan có thẩm quyền.

- Thực hiện thủ tục phê duyệt mặt bằng tuyến đường dây với cơ quan có thẩm quyền.

- Cam kết quản lý, vận hành hệ thống điện hoặc máy phát điện tuân thủ Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025, Thông tư số 06/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương và các quy định khác liên quan.

- Đảm bảo an toàn hành lang lưới điện theo Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

- Bên B hoặc đơn vị thi công công trình này ký hợp đồng giám sát an toàn điện với Bên A đối với các công việc có liên quan đến tài sản và phạm vi vận hành của bên A.

- Hoàn thiện hồ sơ công trình trước khi đóng điện. Thông báo cho bên A và tổ chức nghiệm thu sau khi công trình hoàn thành.

- Phối hợp với bên A: Đánh số thiết bị, tính chỉnh định rơ le bảo vệ; Lập quy trình vận hành và bảo trì thiết bị; Quy trình phối hợp vận hành và xử lý sự cố.

- Kiểm định định kỳ các thiết bị điện theo quy định và cung cấp kết quả sang bên A.

- Quản lý, vận hành khai thác đường dây và trạm biến áp của mình theo biểu đồ phụ tải đã đăng ký với bên A. Sẵn sàng điều chỉnh kế hoạch sử dụng điện, tuân thủ mệnh lệnh chỉ huy của cấp điều độ có thẩm quyền để đảm bảo thông số vận

1:810
CỘNG
HỢC
CHỦ
NGHĨA
VIỆT
NAM

18/7/2025

hành của lưới điện liên quan trong khu vực thuộc giới hạn cho phép.

- Bổ sung tụ bù trong trường hợp hệ số công suất thấp hơn 0,9 trong quá trình vận hành và thực hiện các giải pháp để nâng cao hệ số công suất phụ tải nhằm đảm bảo vận hành tin cậy, hiệu quả.

Điều 3. Thời gian đấu nối:

Ngày đấu nối, đóng điện dự kiến: Quý 3/2025.

Điều 4. Chi phí kiểm tra và thử nghiệm bổ sung:

Chi phí kiểm tra và thử nghiệm bổ sung thực hiện theo Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương.

Điều 5. Các thỏa thuận khác:

- Trong thời gian hiệu lực của Bản thỏa thuận, nếu lưới điện có sự thay đổi liên quan đến các thỏa thuận đã ký, các bên cùng phối hợp giải quyết phù hợp với thay đổi của lưới điện.

- Khi hết thời hạn đóng điện, các bên xem xét thống nhất gia hạn và điều chỉnh nội dung của Bản thỏa thuận (nếu cần) để đảm bảo phù hợp với hiện trạng lưới điện.

- Đơn vị pháp nhân thừa kế Dự án ĐTXD hoặc khai thác vận hành công trình của bên B có quyền và nghĩa vụ thực hiện các nội dung của Bản thỏa thuận này.

- Để đồng bộ trong công tác quản lý, tránh lãng phí, sớm đưa công trình vào sử dụng, trước khi thi công bên B phải thông báo cho bên A theo dõi, kiểm tra tồn tại.

- Lưới điện khu vực đang trong kế hoạch cải tạo của bên A, khi có sự thay đổi, bên B có trách nhiệm thực hiện đầu tư cải tạo để đồng bộ với lưới điện khu vực.

- Bán điện trong Dự án: Bên B đồng ý cho bên A bán điện trực tiếp đến các khách hàng bên trong Dự án. Bên B thông tin cho bên A khi có khách hàng đăng ký sử dụng điện và bên A thực hiện thủ tục cấp điện ngay cho khách hàng.

- Sau khi nghiệm thu hoàn thành dự án, bên B có trách nhiệm bàn giao công trình điện sang bên A theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và bên A là đơn vị duy nhất bán điện trực tiếp cho khách hàng sử dụng điện thuộc dự án.

- Trong thời gian chưa bàn giao chính thức tài sản: Các chi phí sửa chữa, vật tư thiết bị thay thế, nhân công, phòng chống cháy nổ thực hiện trên nguyên tắc tài sản của bên nào bên đó chịu trách nhiệm về các chi phí thực hiện. PCHP phối hợp, hỗ trợ, tư vấn Hudland về công tác quản lý kỹ thuật, sửa chữa tài sản trong quá trình vận hành.

- Bên A có quyền sử dụng ngăn tủ trung thế dự phòng (nếu có), đường cáp ngầm 35kV để đấu nối với lưới điện khu vực, tạo mạch vòng đảm bảo cấp điện cho bên B và phụ tải khu vực mà không phải trả bất cứ chi phí liên quan nào.

Điều 6. Tách đấu nối:

Bên B có quyền đề nghị tách đấu nối trong các trường hợp cụ thể hoặc bên A có quyền bắt buộc tách đấu nối và các bên phải tuân thủ Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025, Thông tư số 06/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương.

100%
3 TV
0 PH
100%
100%
100%
100%
100%

[Handwritten signature]

Điều 7. Hiệu lực thi hành:

- Bản thỏa thuận này thay thế bản thỏa thuận đầu nối số 07/2021/PCHD-HUDLAND ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương và Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản Hudland.

- Bản thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và được làm thành 05 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản và 01 bản gửi tới cấp điều độ có quyền điều khiển.

- Thời hạn đóng điện: 12 tháng sau khi Bản thỏa thuận có hiệu lực./.

**CÔNG TY CPĐT VÀ PT BẤT
ĐỘNG SẢN HUDLAND**
GIÁM ĐỐC 

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC 



Vũ Tuấn Linh

Phạm Trung Nghĩa

Nơi nhận:

- Bên B;
- Lưu: VT, KT.



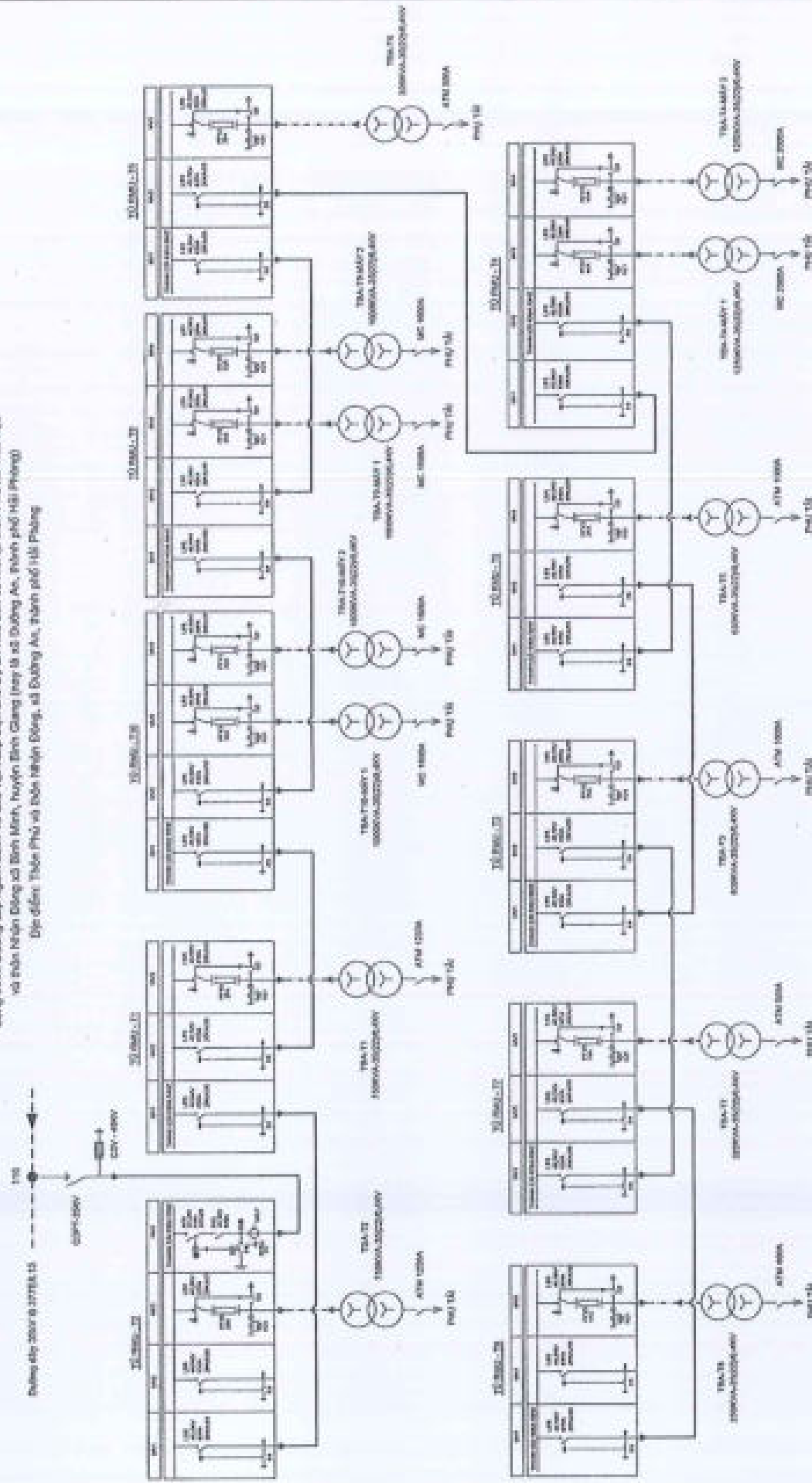


Kiểm tra và đánh giá: JTT-PCBP-HULAND, ngày: tháng: năm 2025

Kiểm tra Bản Tuyên bố.....2077-PC/PA-V/CS.AND, ngày.....tháng.....năm 2025

Công trình: Đường cấp nguồn 10KV và các TBA cấp điện cho Dự án Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Hợp và thôn Nhữn Dông xã Bình Minh, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, thành phố Hải Phòng)

Độc điểm: Thôn Phú và thôn Nhữn Dông, xã Đường An, thành phố Hải Phòng



có thể nhận ra trên các biển báo và các địa điểm
pôn cho dù địa chỉ của các địa điểm đó
là một số và biển báo đó là một số.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN PHÁT TRIỂN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG

KT. GIAM ĐỐC
PHÒNG KỸ THUẬT
TỔNG CÔNG TY



100



Copyright Clearance Center, Inc.

1997

10

11

1

1

1000

+

1003

10

PHỤ LỤC 2
CÁC BẢN VẼ HOÀN CÔNG CỦA DỰ ÁN

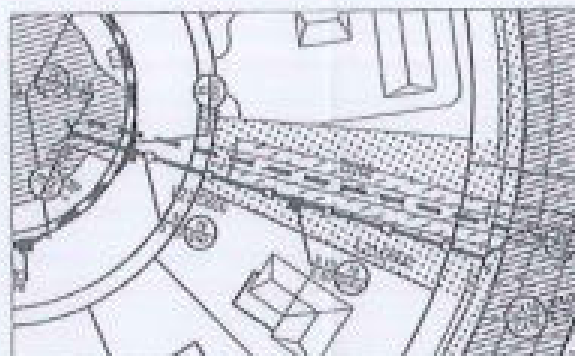
DANH MỤC MỘT SỐ BẢN VẼ HOÀN CÔNG CỦA DỰ ÁN

ST T	KÝ HIỆU BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ
1	HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	
1.1		BÌNH ĐỒ MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC MƯA 04
1.2		BÌNH ĐỒ MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC MƯA 06
1.3		BÌNH ĐỒ TRẮC DỌC MẠNG LƯỚI TNM TUYẾN T8 (CT8-CX8)
2	HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI	
2.1		BÌNH ĐỒ MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI 04
2.2		BÌNH ĐỒ MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI 06
2.3		BÌNH ĐỒ TRẮC DỌC MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI ĐOẠN T1B.01-T1.10
3	HỆ THỐNG CẤP NƯỚC, PCCC	
3.1	BG.CN.BĐ2	BÌNH ĐỒ BÃI ĐỖ XE TIẾP NƯỚC PCCC
3.2	BG.CN.BĐ3	MẶT CÁT BÃI ĐỖ XE
3.3	BG.CNPP.BĐ.01	BÌNH ĐỒ MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI 01
3.4	BG.CNPP.BĐ.02	BÌNH ĐỒ MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI 02
3.5	BG.CN.CT.12	CHI TIẾT TRỤ CỨU HỎA TRÊN ĐƯỜNG ỐNG D200
3.6	TT-00	MẶT BẰNG TỔNG THỂ (TRẠM BƠM TĂNG ÁP)
3.7	NTB-05	CHI TIẾT TRẠM BƠM TĂNG ÁP
3.8	NTB-06	SƠ ĐỒ CẤP NƯỚC TRẠM BƠM
3.9	BG.TB.CĐ-01	MẶT BẢN ĐIỆN ĐỘNG LỰC TRẠM BƠM
4	HỆ THỐNG THÔNG TIN LIÊN LẠC	
4.1	BG.ĐB.TTLL.D11 0(2/7)	BÌNH ĐỒ HẠ TẦNG VIỄN THÔNG ĐƯỜNG ỐNG D110
4.2	BG.ĐB.TTLL.D11 0(3/7)	BÌNH ĐỒ HẠ TẦNG VIỄN THÔNG ĐƯỜNG ỐNG D110
4.3	BG.ĐB.TTLL.D32 /25(4/7)	BÌNH ĐỒ HẠ TẦNG VIỄN THÔNG ĐƯỜNG ỐNG D32/25
4.4	BG.THĐD.01	ĐỊNH VỊ TỦ ĐIỆN, TỦ VIỄN THÔNG

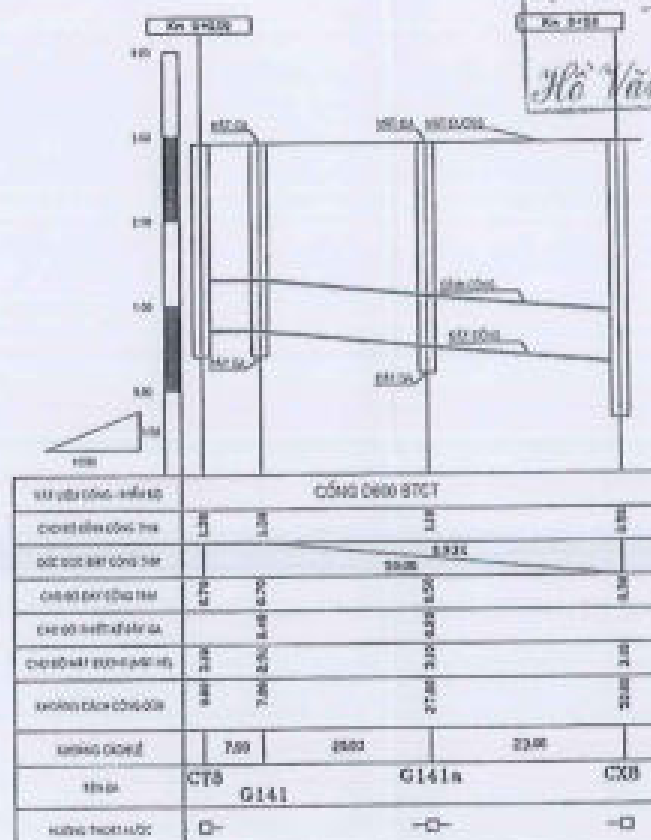
4.5	BG.THDD.07	ĐỊNH VỊ TỦ ĐIỆN, TỦ VIỄN THÔNG
4.6	BG.HTVT.CT-003	MẶT CẮT RÃNH ĐÀO
5	HỆ THỐNG ĐIỆN	
5.1	NO:2A	MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN 0.4KV (1/4)
5.2	NO:22	MẶT BẰNG VỊ TRÍ TBA T1
5.3	NO:04	MẶT CẮT LẮP ĐẶT CDPT (Vị trí cột 116 lộ 377 E8.15
5.4	NO:02A	MẶT BẰNG LẮP ĐẶT ỐNG CHỜ KÉO DÂY SAU CỐNG TƠ (1/4)
5.5	BG.ĐB.CS.1/4	TỔNG MẶT BẰNG CHIẾU SÁNG (1/4)
6	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
6.1	KT-00	MẶT BẰNG TỔNG THỂ
6.2	TK-01	SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ
6.3	TK-02	MẶT BẰNG TRẠM XLNT
6.4	TK-03	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC
6.5	TK-06	MẶT BẰNG HỆ THỐNG HÚT, XỬ LÝ MÙI
6.6	TK-08	MẶT CẮT A-A; B-B
6.7	TK-14	MÁY THỜI KHÍ
6.8	TK-16	CỤM BƠM HÓA CHẤT
6.9	TK-17	HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI



TUYỂN T8 (CT8-CX8)



TRẮC DỌC THOÁT NƯỚC MƯA
TUYẾN T8 (CT8-GX8)



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

BẢN VẼ HOÀN CÔNG HC-156

Ngày 31 tháng 05 năm 2025

ĐC MUA (GX8)
[Signature]

Km. 0+00
Hố Văn Khiêm

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRƯỜNG

Nguyễn Việt Phương

GIAM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ

Hồng Văn L

NOTES

Case	Case	Case
1	2	3
4	5	6
7	8	9

continued

CÔNG TY CỔ PHẦN SẮT THỦY
PHẢI TRIỂN SẮT ĐỒNG SẢN HƯNG LẠNG



PHONG ĐÀM TÚ

ICE CODE 100	ICE TYPE 100	
--------------	--------------	--

1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036	2037	2038	2039	2040	2041	2042	2043	2044	2045	2046	2047	2048	2049	2050	2051	2052	2053	2054	2055	2056	2057	2058	2059	2060	2061	2062	2063	2064	2065	2066	2067	2068	2069	2070	2071	2072	2073	2074	2075	2076	2077	2078	2079	2080	2081	2082	2083	2084	2085	2086	2087	2088	2089	2090	2091	2092	2093	2094	2095	2096	2097	2098	2099	2100	2101	2102	2103	2104	2105	2106	2107	2108	2109	2110	2111	2112	2113	2114	2115	2116	2117	2118	2119	2120	2121	2122	2123	2124	2125	2126	2127	2128	2129	2130	2131	2132	2133	2134	2135	2136	2137	2138	2139	2140	2141	2142	2143	2144	2145	2146	2147	2148	2149	2150	2151	2152	2153	2154	2155	2156	2157	2158	2159	2160	2161	2162	2163	2164	2165	2166	2167	2168	2169	2170	2171	2172	2173	2174	2175	2176	2177	2178	2179	2180	2181	2182	2183	2184	2185	2186	2187	2188	2189	2190	2191	2192	2193	2194	2195	2196	2197	2198	2199	2200	2201	2202	2203	2204	2205	2206	2207	2208	2209	2210	2211	2212	2213	2214	2215	2216	2217	2218	2219	2220	2221	2222	2223	2224	2225	2226	2227	2228	2229	2230	2231	2232	2233	2234	2235	2236	2237	2238	2239	2240	2241	2242	2243	2244	2245	2246	2247	2248	2249	2250	2251	2252	2253	2254	2255	2256	2257	2258	2259	2260	2261	2262	2263	2264	2265	2266	2267	2268	2269	2270	2271	2272	2273	2274	2275	2276	2277	2278	2279	2280	2281	2282	2283	2284	2285	2286	2287	2288	2289	2290	2291	2292	2293	2294	2295	2296	2297	2298	2299	2300	2301	2302	2303	2304	2305	2306	2307	2308	2309	2310	2311	2312	2313	2314	2315	2316	2317	2318	2319	2320	2321	2322	2323	2324	2325	2326	2327	2328	2329	2330	2331	2332	2333	2334	2335	2336	2337	2338	2339	2340	2341	2342	2343	2344	2345	2346	2347	2348	2349	2350	2351	2352	2353	2354	2355	2356	2357	2358	2359	2360	2361	2362	2363	2364	2365	2366	2367	2368	2369	2370	2371	2372	2373	2374	2375	2376	2377	2378	2379	2380	2381	2382	2383	2384	2385	2386	2387	2388	2389	2390	2391	2392	2393	2394	2395	2396	2397	2398</
------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	--------

ĐƠN DÂN CƯ MỘT TÀI THÔN PHỔ XÃ THÂN HỌC
VÀ THÔN NGUYỄN ĐỒNG XÃ BÌNH AN
HUYỆN PHẠM ĐỒNG

1000

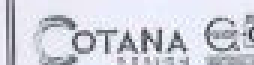
THOÁT MUỐC NÀJA

1994, 1995, 1996, 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 26

Đã có sự đồng thuận của các bên liên quan, nhất là các cơ quan chức năng, để triển khai thực hiện.

© 2008 by The McGraw-Hill Companies, Inc.

COTANA

[illegible]

proceeding through and

[illegible]

Open Access

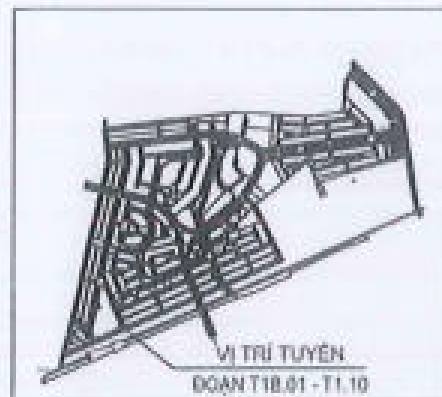
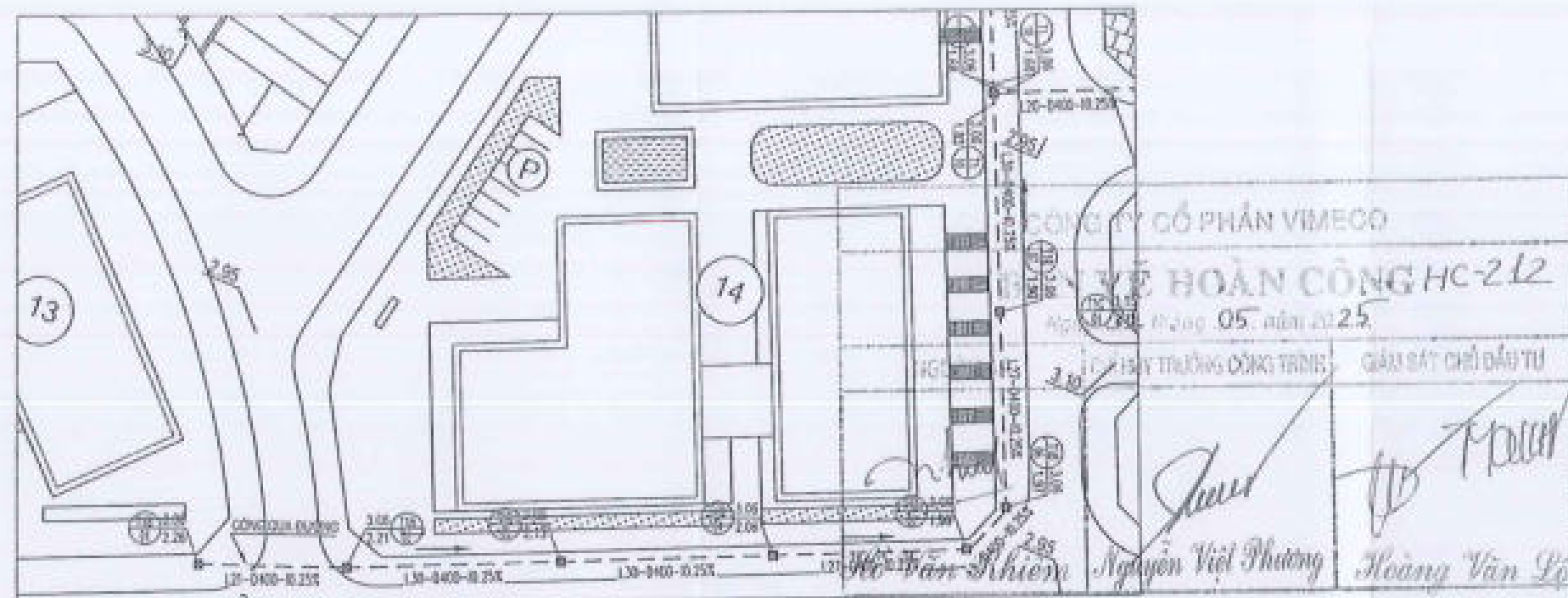
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
CÁC CÔNG TRÌNH
HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 26

EMAIL: tracdoc@vns.vn - TRAC ĐỌC MANG LƯỚI THỰC
TUYỂN THỰC (CTB-CXSB)

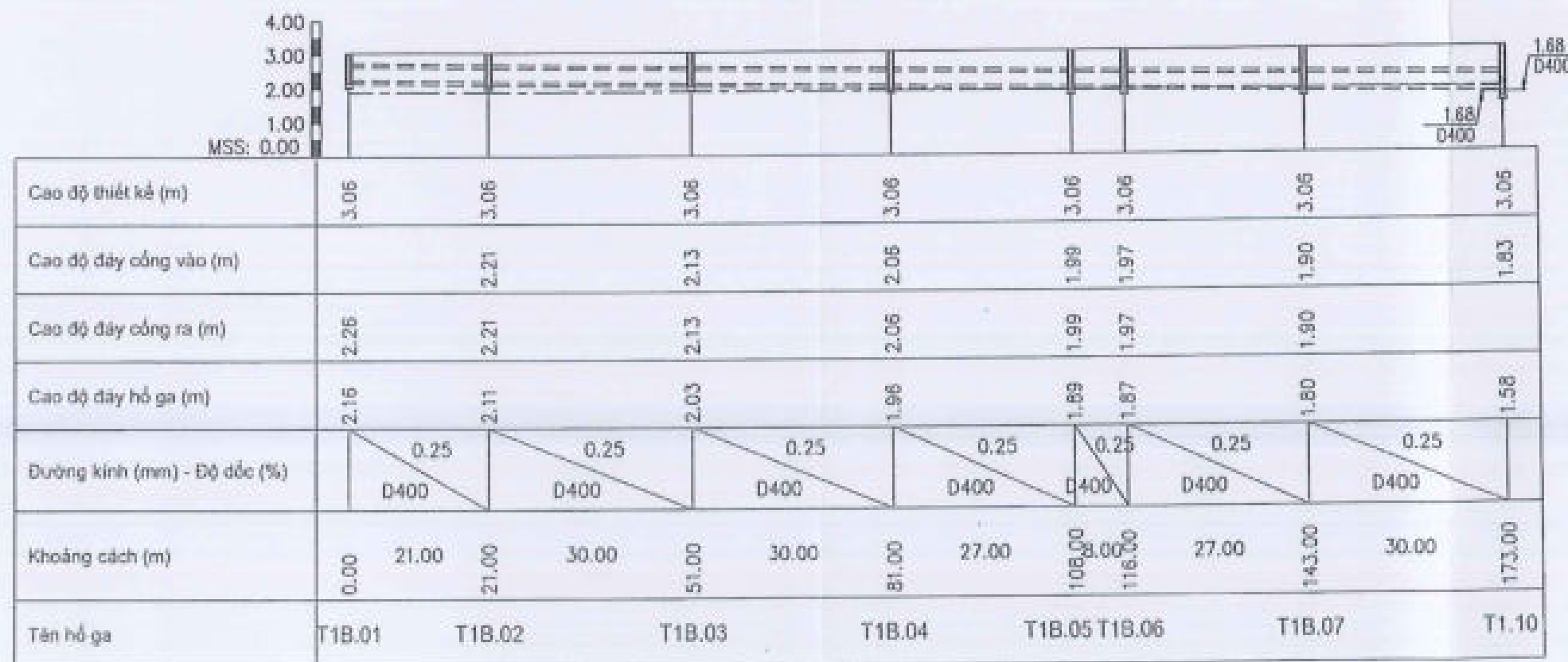
Time used	total cost	net selling price (quantity)	net selling price (unit)
	£	£/kg (kg)	£

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

BÌNH ĐỒ MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI
ĐOẠN T1B.01 - T1.10

TRẮC DỌC TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC ĐOẠN T1B.01 - T1.10

Tỷ lệ đứng: 1/200 - Tỷ lệ ngang: 1/1000



HUY CHỈNH

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	A.A.	
2	A.A.	
3	A.A.	

CHUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN SẮT ĐÓNG SÀN HỒ LẠNG

PHÒNG ĐẦU TƯ

CHỨC VỤ	HỌ TÊN	CHỮ KÝ
---------	--------	--------

THIẾT KẾ

KHOẢNG CÁCH TẠM THỜI PHỐ XE ĐẠM HỌC
VÀ THỜI GIAN ĐÓNG SẮT ĐÓNG SÀN HỒ LẠNG

THIẾT KẾ

THOÁT NƯỚC THẢI

THIẾT KẾ

BẢNG KẾ TOÁN VÀ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC
ĐÁNH GIÁ, KIỂM TRA, THỰC HIỆN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

COTANA

Số 01/2024/CT-ĐT và các văn bản liên quan
và các văn bản khác có liên quan đến
tư vấn thiết kế và thi công xây dựng

PHÒNG THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

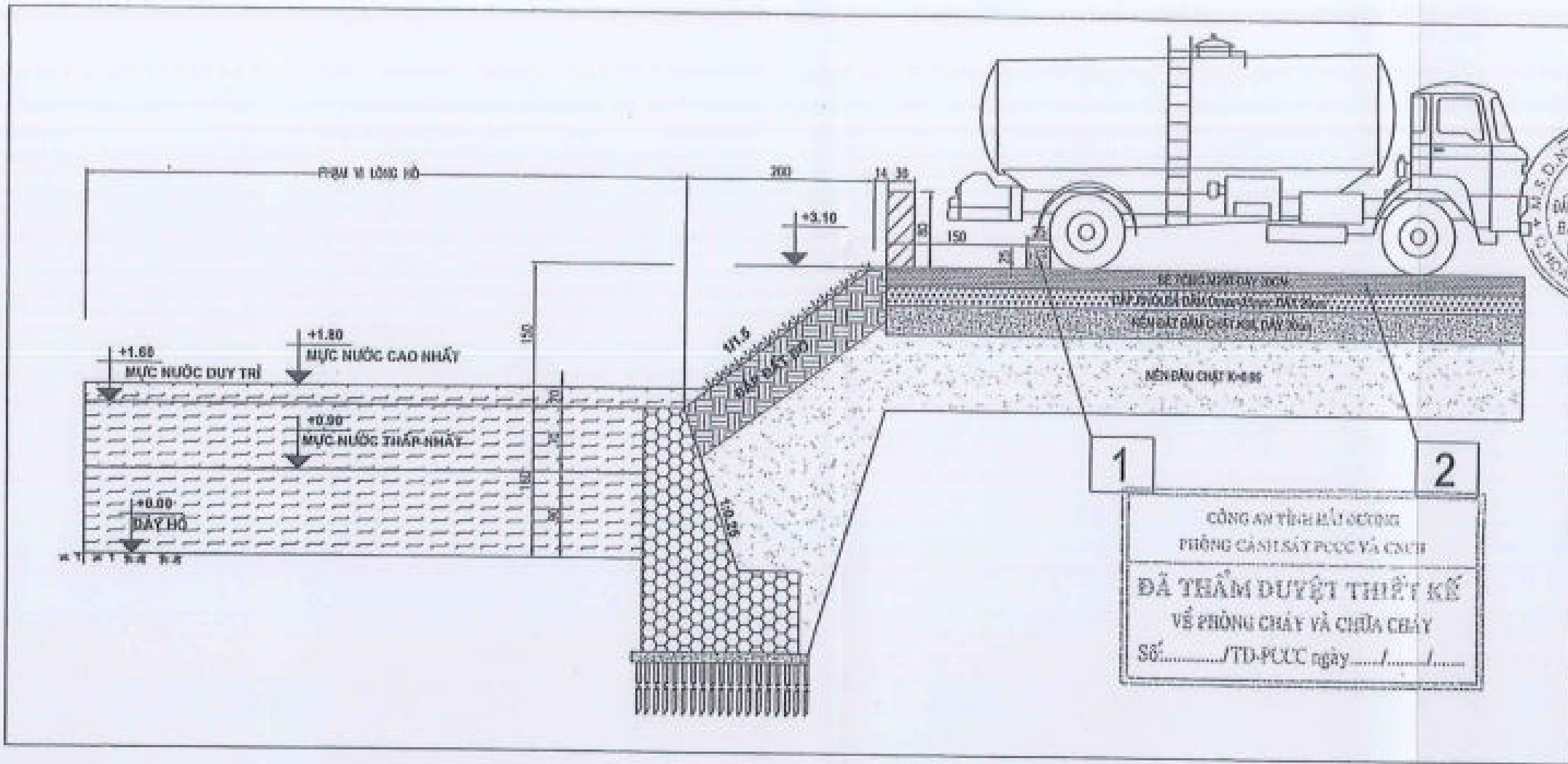
THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

THIẾT KẾ HẠ TẦNG

BÃI ĐỖ CHO XE CHỮA CHÁY LẤY NƯỚC

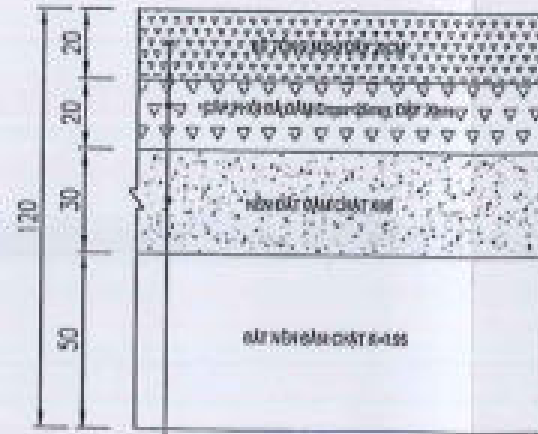


GHI CHÚ:

- (2) MẶT SÀN, KÍCH THƯỚC TỐI THIỂU 12MX12M (theo 5.1.5.4 QCVN 05:2020/BXD), CHỊU ĐƯỢC TẢI TRỌNG CỦA XE CHỨA CHÁY CÓ BỀ MẶT BẰNG PHẪNG. NẾU BỀ MẶT NGHIÊNG THÌ ĐỘ DỐC KHÔNG QUẢ 1:15 (theo 6.2.4 QCVN 05:2020/BXD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SỐ 2 BẮC NINH			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày: 15 tháng 6 năm 2015			
Người lập <i>(Ký và họ tên, chức vụ, chức tước)</i>  Trần Thị Hoa	Chỉ huy trưởng công trình <i>(Ký và họ tên, chức vụ)</i>  Trần Văn Lương	Tư vấn giám sát trưởng <i>(Ký và họ tên, chức vụ, chức tước)</i>  Trần Văn Lương	Giám sát của chủ đầu tư <i>(Ký và họ tên, chức vụ, chức tước)</i>  Trần Văn Lương

KẾT CẤU BÃI XE TIẾP NƯỚC



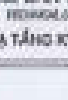
HỆ THỐNG MẠNG DÂY NGUYỄN
LỚP BÊN TRONG NGUYÊN CÁCH
CÁP PHẪU GIÁO DỤC 0,6mm-25mm, DÂY
LỚP DÂY CHẤT CHỨT KINH LƯU, DÂY 0,6mm
NÉT DÂY CHỨT KINH LƯU DÂY NGUYỄN

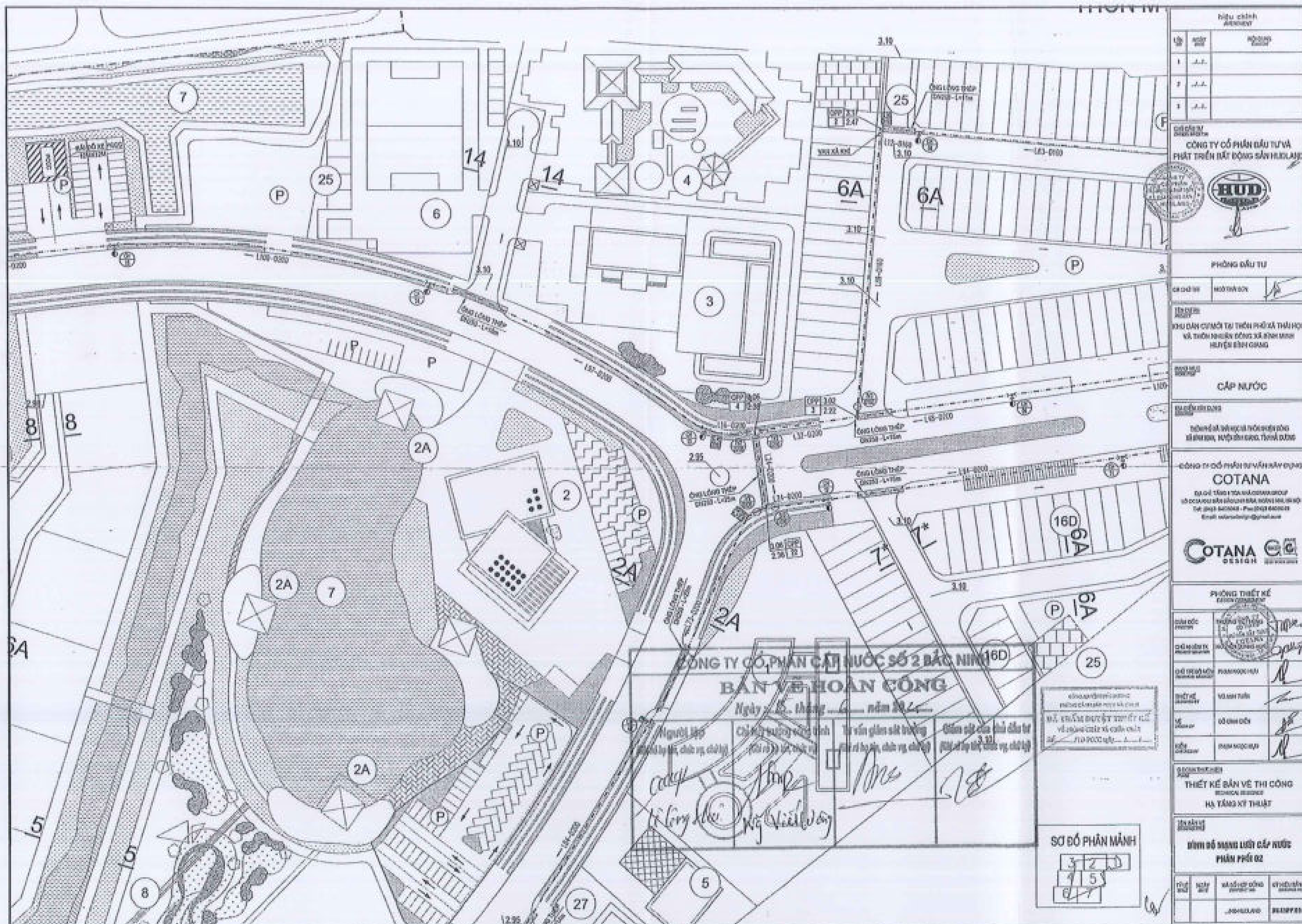
[illegible]

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SỐ 2 BẮC NINH BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày: 12. Tháng 6 năm 2015				DG-4 1.230
Người lập (Ký và ghi rõ họ tên)	Chỉ huy trưởng công trình (Ký và ghi rõ chức vụ)	Tổng giám đốc trường (Ký và ghi rõ chức vụ, chức)	Giám sát của chủ đầu tư (Ký và ghi rõ chức vụ, chức)	
16D Lê Công Hiếu	Ngô Việt Vương	[Ký]	[Ký]	

SƠ ĐỒ PHÂN MÀNH

3	2	1
4	5	
6	7	

Hồ sơ xin cấp nước Application for water supply			
Số hồ sơ File No.	Ngày gửi Date	Họ và tên Name	
1	...		
2	...		
3	...		
Cơ quan tư vấn thiết kế Design Consultant			
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND 			
PHÒNG ĐẦU TƯ			
Chức vụ Position	Số nhà House No.		
Đơn vị cung cấp tư vấn thiết kế kiến trúc và thẩm định công tác xây dựng Architectural and construction work design and appraisal unit			
CẤP NƯỚC			
Đơn vị thẩm định công tác xây dựng Construction work appraisal unit			
Đơn vị tư vấn kỹ thuật Technical consultant			
COTANA Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Group Cotana Real Estate Development and Investment Co., Ltd. Địa chỉ: 10/10 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, TP. HCM Email: cotanainfo@cotana.vn			
 			
PHÒNG THIẾT KẾ ARCHITECTURE			
Họ và tên Name			
Chức vụ Position			
Đơn vị tư vấn Consultant			
Họ và tên Name			
Vị trí Position			
Cấp phê duyệt Approval level			
Thiết kế bản vẽ thi công Construction drawing design			
HÀ TĂNG KÝ THUẬT			
Phòng kỹ thuật Technical room			
YÊU CẦU MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC WATER SUPPLY NETWORK REQUIREMENT			
Tỷ lệ Scale	Ngày Date	Số hồ sơ File No.	Số dự án Project No.
		...	...



Technical drawing showing a cross-section (MẶT CẮT 1-1) of a water supply system. The drawing includes a vertical riser pipe with various components and elevations. Key components and dimensions are labeled:

- Dimensions:**
 - Horizontal dimensions: 500-600, 600, 600, 600, 150, 110, 150, 100.
 - Vertical dimensions: 100, 200, 100, 600, 100, 150, 110, 150, 100, 510, 100, 150, 110, 150, 100.
 - Overall height: H_{tt} = 700.
- Components and Labels:**
 - 1:** BỂ TÔNG DÁ 1X2 B15 (M200)
 - 2:** BỂ TÔNG Ø10 (M150) DÁ 2X4
 - 3:** VÍA HÈ
 - 4:** LỒNG ĐƯỜNG
 - 5:** BỂ TÔNG Ø15 (MÁC 200)
 - 6:** BỂ TÔNG Ø7,5 (MÁC 100)
 - 7:** BỂ TÔNG Ø15 (MÁC 200)
 - 8:** BỂ TÔNG Ø7,5 (MÁC 100)
 - 9:** BỂ TÔNG Ø15 (MÁC 200)
 - 10:** BỂ TÔNG Ø7,5 (MÁC 100)
 - 11:** BỂ TÔNG Ø15 (MÁC 200)
 - 12:** BỂ TÔNG Ø7,5 (MÁC 100)

MẶT CẮT 1-1

STT	Tên
1	Tên
2	Vật
3	M
4	Q
5	T
6	Q
7	B

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC S
BẢN VẼ HOÀN C
 Ngày: 45 tháng 6 năm 2000

Người lập: _____
 Chỉ huy trưởng công trình: _____
 Tư vấn giám sát: _____

- ① TRỤY HƯỚC CHỮA CHẤY D100
- ② CHỤP HOPE BẢO VỆ TỶ VẠN D1110
- ③ CỐT CHÂN CÔNG 90 GANG
- ④ ỐNG NHỰA PVC D1110
- ⑤ VẠN CỎ BÈ D1100
- ⑥ MỎI HỎI MỀM DƯ D1100
- ⑦ ỐNG HOPE D1110
- ⑧ HỖ ĐỒU HOẶC HỖ GẮM HOPE D1110/1110
- ⑨ DAI CỎ ĐANG 5000
- ⑩ DƯ LÔNG M16

— MỐI NỐI HÀN — WELD JOINTS
— KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ LÀ MM
— ĐƯỜNG KÍNH ống trên bản vẽ là mm

BẢNG THÔNG KÊ KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ CHO MỘT TRỤ CỨU HÒA

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng
1	Trụ cứu hỏa D100	bộ	
2	Van BB D100	chiếc	
3	Mỏ nối mềm DE D100	chiếc	
4	Ông HOPS DN100	m	0
5	Tổ DN250x10	chiếc	
6	Đai giữ ống 50x6	chiếc	
7	Bộ lăng M16	chiếc	
Tư vấn giám sát trường		Giám sát của chủ đầu tư	

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG CHO MỘT TRỤ CỨU HỎA

Khối lượng cho một trụ		Trụ cứu hỏa		
STT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	
Gối đỡ tá DN250/110				
1	Bê tông B15 (M200) đá 1x2	m3	0,0	
2	Bê tông B7,5 (M100)	m3	0,0	
Gối đỡ trụ cứu hỏa				
1	Bê tông B7,5 (M100)	m3	0,0	
2	Bê tông B15 (M200) đá 1x2	m3	0,08	

MẬT BẢNG

HIỆU CHẤM Stamp			
Lần số	Ngày	Nội dung	
1	1.1		
2	1.2		
3	1.3		

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND

PHÒNG ĐẦU TƯ

CĐ CHỦ NH
Director

NGƯỜI CHỨC SỬN
Prepared by

THÀNH VIÊN
Member

KHU DÂN CƯ MỚI TẠI THÔN PHỐ XÃ THÁI HỌC VÀ THÔN HUỖN ĐÔNG XÃ BÌNH MINH HUYỆN BÌNH GIANG

HÀNG TRƯỞNG
Manager

CẤP NƯỚC

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG
Request for construction

THÔN PHỐ XÃ THÁI HỌC VÀ THÔN HUỖN ĐÔNG XÃ BÌNH MINH, HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
COTANA
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG
Unit for design and construction
Địa chỉ: Khu dân cư mới Bình Minh, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương
Địa chỉ: New Binh Minh Residential Area, Binh Giang District, Hai Duong Province
Điện thoại: 0916.000000 - Fax: 0220.000000
Email: cotanadn@ngl.vn

PHÒNG THIẾT KẾ
Design Department

THIẾT KẾ
Design

CÁC CÔNG VIỆC	THƯỜNG VIỆT HÙNG	CHỮ CHỮ
CÁC CÔNG VIỆC Design tasks	THƯỜNG VIỆT HÙNG	
CÁC CÔNG VIỆC Design tasks	THƯỜNG VIỆT HÙNG	
CÁC CÔNG VIỆC Design tasks	THƯỜNG VIỆT HÙNG	
THIẾT KẾ Design	THƯỜNG VIỆT HÙNG	
THIẾT KẾ Design	THƯỜNG VIỆT HÙNG	
THIẾT KẾ Design	THƯỜNG VIỆT HÙNG	

THIẾT KẾ
Design

THIẾT KẾ
Design

THIẾT KẾ
Design

PHÒNG THIẾT KẾ
Design Department

THIẾT KẾ
Design

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
Technical Drawing
HÀ TƯỜNG KÝ THUẬT

PHÒNG THIẾT KẾ
Design Department

THIẾT KẾ
Design

CHI TIẾT TRỤ CỬU HÒA TRÊN DƯỚI ĐƯỜNG ỒNG D200

Ngày	Ngày	Ngày	Ngày
1	1.1	1.2	1.3
2	2.1	2.2	2.3
3	3.1	3.2	3.3

ĐỊNH VỊ

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC ĐỊNH VỊ THEO HỆ TỌA ĐỘ VN-2000 NHƯ SAU:

- NHÀ ĐIỀU HÀNH ĐƯỢC ĐỊNH VỊ THEO TỌA ĐỘ CỦA 2 ĐIỂM TRÊN TRỤC CHÍNH CỦA CÔNG TRÌNH TRONG HỆ TỌA ĐỘ VN-2000
- CHỌN GỐC ĐIỂM GỐC A1 LÀ GIAO ĐIỂM GIỮA HAI TRỤC 3 VÀ A CỦA NHÀ ĐIỀU HÀNH
- CHỌN GỐC ĐIỂM GỐC A2 LÀ GIAO ĐIỂM GIỮA HAI TRỤC 3 VÀ B CỦA NHÀ ĐIỀU HÀNH (ĐIỂM A1, A2 CÓ TỌA ĐỘ VN-2000 XÁC ĐỊNH THEO NHƯ BẢNG DƯỚI)
- BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐƯỢC ĐỊNH VỊ THEO TỌA ĐỘ CỦA 2 ĐIỂM TRÊN TRỤC CHÍNH CỦA CÔNG TRÌNH TRONG HỆ TỌA ĐỘ VN-2000
- CHỌN GỐC ĐIỂM GỐC B1 LÀ GIAO ĐIỂM GIỮA 2 TRỤC E VÀ G CỦA BỂ NƯỚC NGẦM
- CHỌN GỐC ĐIỂM GỐC B2 LÀ GIAO ĐIỂM GIỮA 2 TRỤC A VÀ G CỦA BỂ NƯỚC NGẦM (ĐIỂM B1, B2 CÓ TỌA ĐỘ VN-2000 XÁC ĐỊNH THEO NHƯ BẢNG DƯỚI)

BẢNG TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ NHÀ ĐIỀU HÀNH

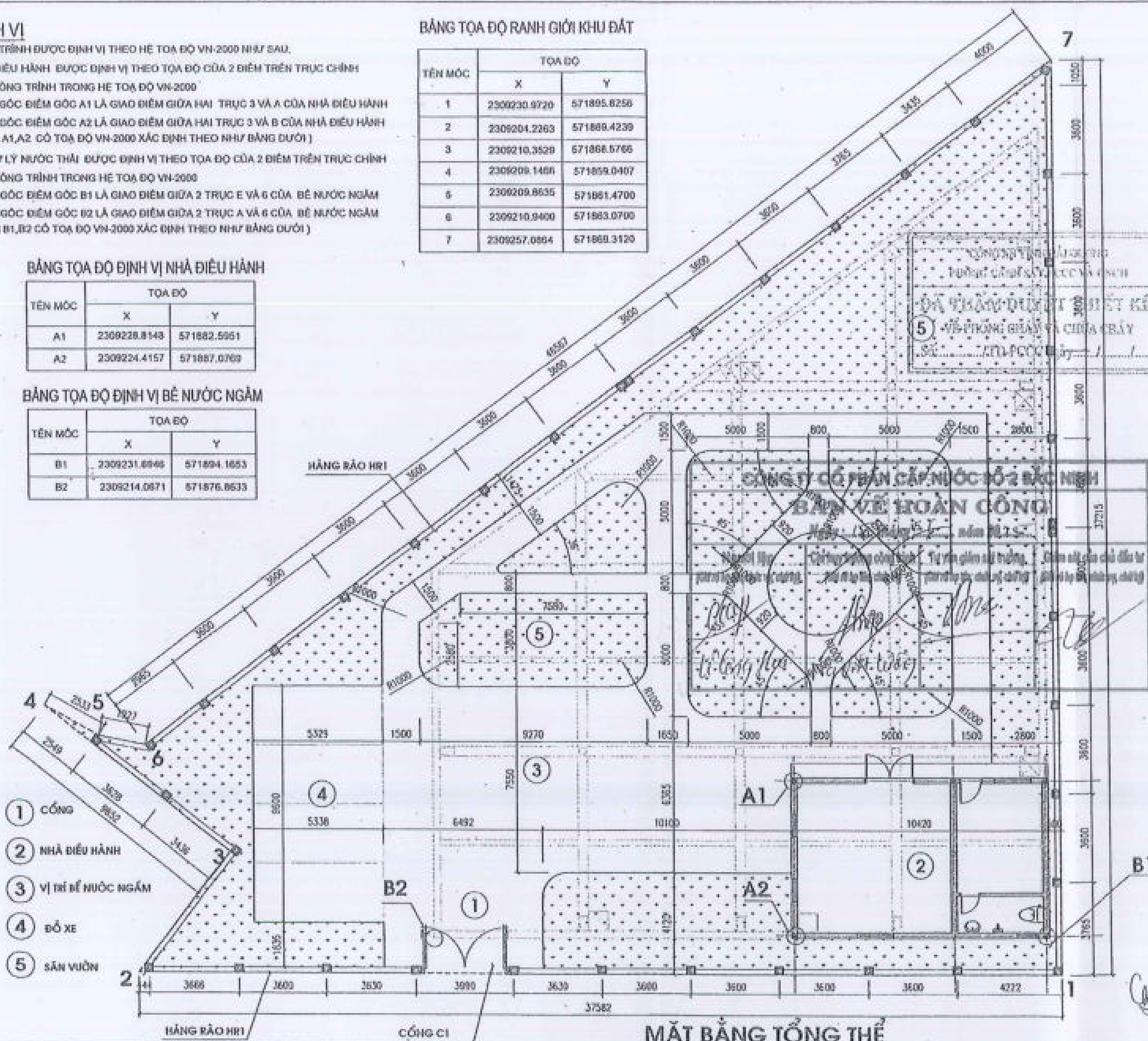
TÊN MỐC	TỌA ĐỘ	
	X	Y
A1	2309238.8148	571882.5951
A2	2309234.4157	571887.0703

BẢNG TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ BỂ NƯỚC NGẦM

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ	
	X	Y
B1	2309231.8846	571894.1653
B2	2309214.0671	571876.8633

BẢNG TỌA ĐỘ RANH GIỚI KHU ĐẤT

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ	
	X	Y
1	2309230.9720	571895.8258
2	2309204.2263	571889.4239
3	2309210.3529	571888.5766
4	2309209.1488	571899.0407
5	2309209.8635	571881.4700
6	2309210.9400	571893.0700
7	2309257.0894	571889.3120



- CỔNG
- NHÀ ĐIỀU HÀNH
- VỊ THÍ BỂ NƯỚC NGẦM
- BỜ XE
- SÂN VƯỜN

MẶT BẰNG TỔNG THỂ



HỒ CHƠI		
STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	...	...
2	...	...
3	...	...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÓ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BẤT ĐỘNG SẢN
HUDLAND

PHÒNG ĐẦU TƯ
CHỨC VỤ
HỌ TÊN

TRƯỜNG CẤP MỨC SƠ HẠCH VÀ PHOC
THÀNH PHỐ XÃ THÁI HẠCH VÀ THÔN NHUẬN ĐỒNG XÃ BÌNH MINH
HUYỆN BÌNH GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
COTANA
Địa chỉ: 10/11 Đường 10/11, Phường 10, Quận 10, TP. HCM
Tel: (04) 3 6408018 - Fax: (04) 3 6408041
Email: cotanadul@protonmail.com

CÔNG TY
PHÒNG NHẬN
TÀI VẤN XÂY DỰNG

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
HỒ SƠ KỸ THUẬT
HẠ TẦNG KỸ THUẬT

MẶT BẰNG TỔNG THỂ		
THỜI GIAN	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
...	...	...
...	...	...



STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	THỜI GIAN
01	Ôn tập kiến thức chung	Giáo viên	15 phút
02	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
03	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
04	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
05	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
06	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
07	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
08	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
09	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
10	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
11	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
12	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
13	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
14	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
15	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
16	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
17	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
18	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
19	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút
20	Ôn tập kiến thức chuyên môn	Giáo viên	15 phút

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
BẢN VẼ HOÀN

Ngày: 15 tháng 6

Tổng số	100%
Đã nộp	100%
Chưa nộp	0%

Pine

NGUYỄN LÝ VĂN HÀNH BOM

[illegible]

HỘI CHỈNH		
Adjustment		
Lần số	Ngày	Hội thảo
1	1.1.1.	
2	1.1.2.	
3	1.1.3.	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
 CÔNG NGHIỆP CÔNG SẢN HUDLAND
 PHÂN
 VÀ PHÁT TRIỂN
 CÔNG SẢN
 HUDLAND
 MAI LÊ HỮU SỸ

PHÒNG BẢO TỬ		
CÁ NHÂN	HOẠT ĐỘNG	ĐÁNH GIÁ

TÊN QUẬN
PHƯỜNG
KHU DÂN CƯ MỞI TẠI THÔN PHỐ XÃ THẮC HỌC
VÀ THÔN KHUẨN ĐỒNG XÃ BÌNH MINH
HUYỆN BÌNH GIANG

TRAM BOM SINH HOAT VÀ PCCC

THÀNH PHỐ XÃ THÁI NGUYÊN VÀ THỊNH MỸ SÔNG
XÃ BÌNH MỸ, HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
COTANA
Địa chỉ: Tầng 4 Tòa nhà COTANA GROUP
Số 10A Khu phố 10A Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 043820048 - Fax: 043820048
Email: info@cotana.vn



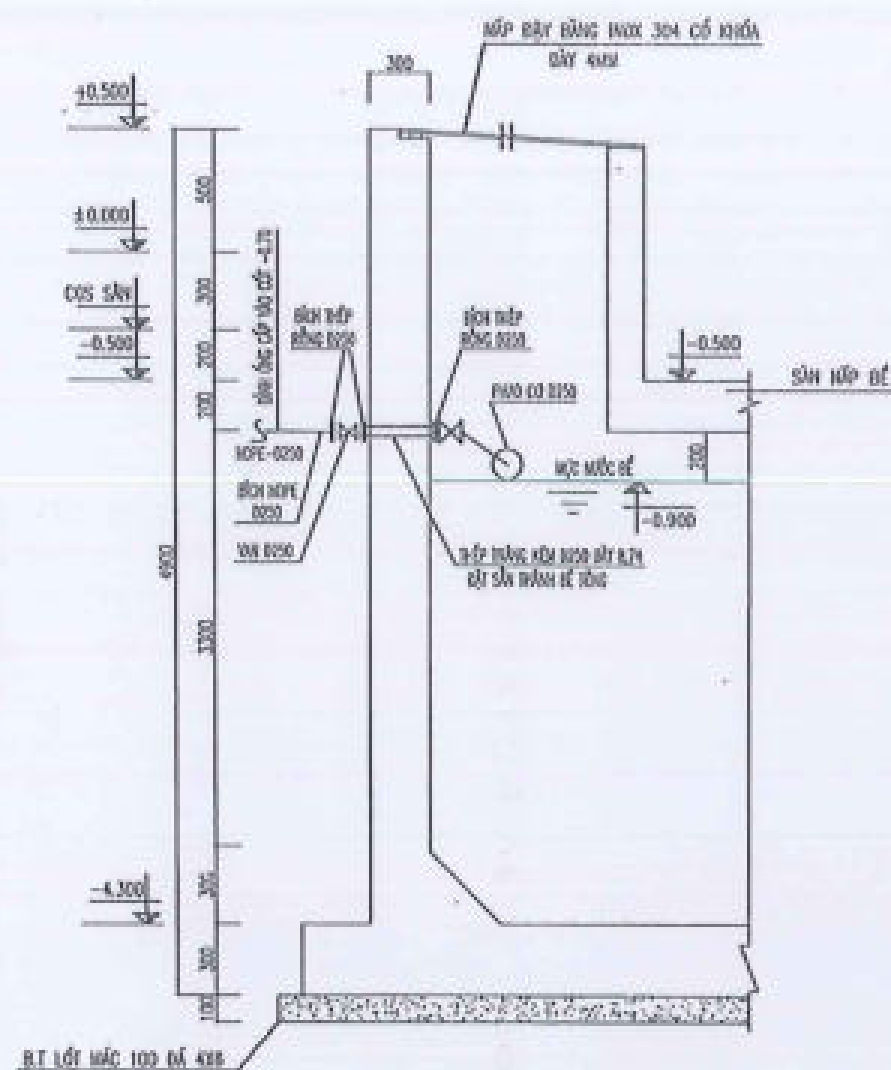

 BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
 HÀ NỘI

TRƯỜNG	HỌ TÊN	
QUẬN/HUYỆN	CHỨC VỤ	
CHỖ	CHỮ KÝ	

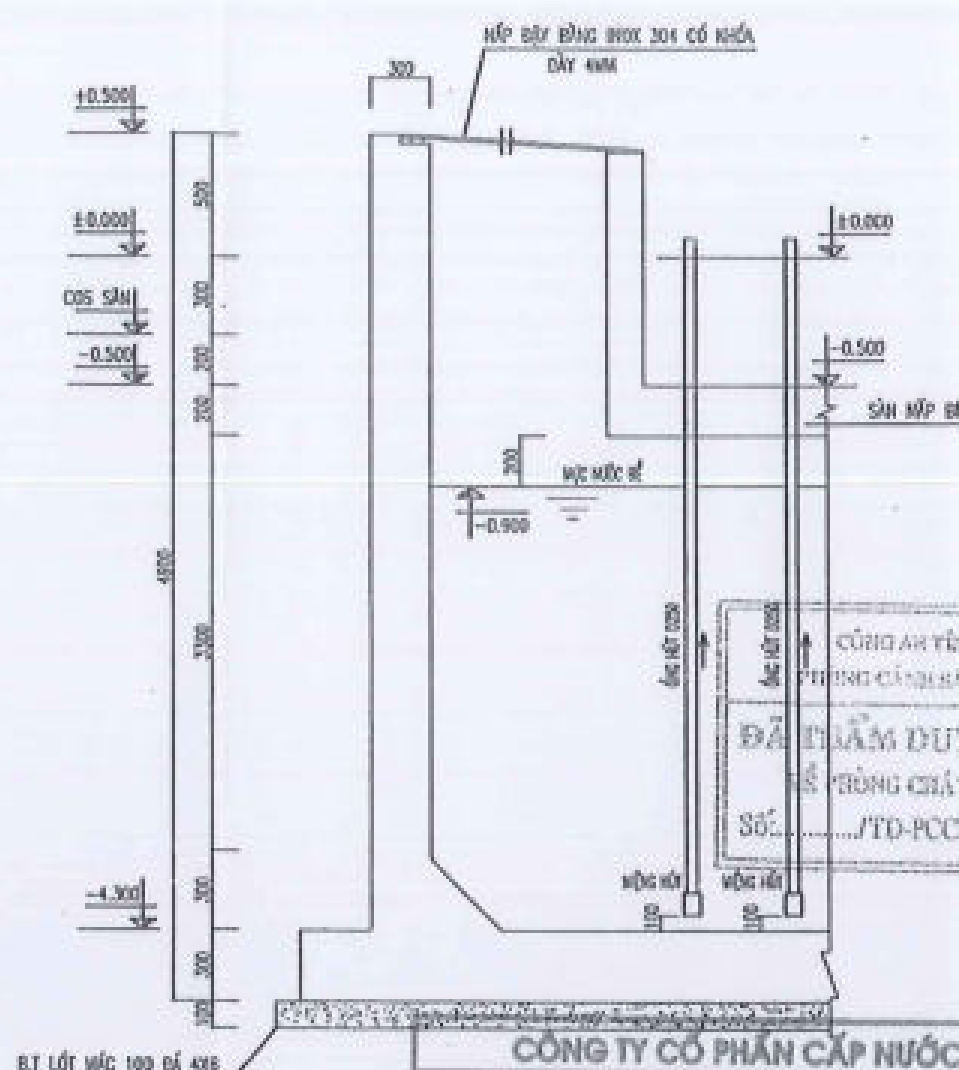
THIẾT KẾ SÀN VÉ NHÀ CỎ
TRƯỜNG ĐOẠN
HÀNG KẾ THỰC

CHỈ THIẾT TRẠM SƠ TĂNG ÁP

STT Hạng	Nội dung ĐVT	Mã số quy trình Khai thác	ST. người làm ĐVT/đợt
1	Đào đất	MĐ 1000/2000	1000/2000



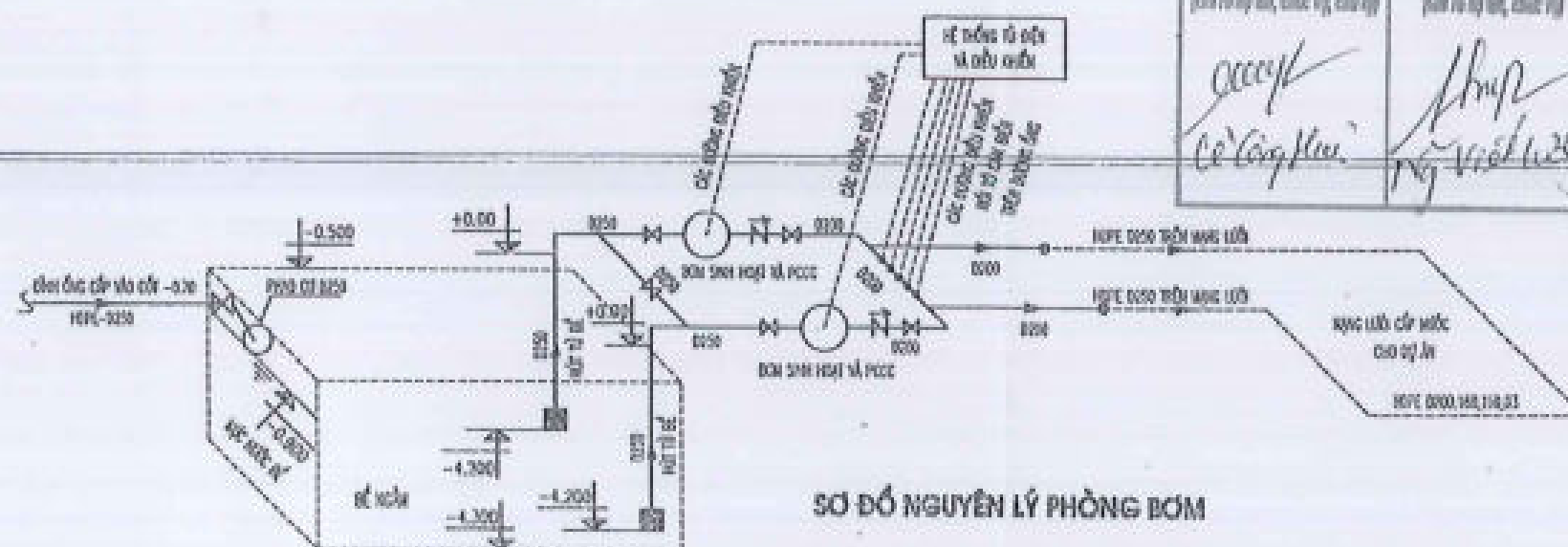
CAO ĐỘ ỐNG CẤP VÀO BẾ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SỐ 2 BẮC NINH
CAO ĐỘ ỐNG HƯỚNG LÊN BƠM HOÀN CÔNG

Ngày: 15 tháng 6 năm 2015

Người lập (Chức vụ, chức vụ, chức vụ)	Chỉ huy trưởng công trình (Chức vụ, chức vụ, chức vụ)	Tư vấn giám sát trưởng (Chức vụ, chức vụ, chức vụ)	Giám sát của chủ đầu tư (Chức vụ, chức vụ, chức vụ)
<i>[Signature]</i> C. C. C.	<i>[Signature]</i> V. V. V.	<i>[Signature]</i> P. P. P.	<i>[Signature]</i> Q. Q. Q.



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ PHÒNG BƠM

Lần	Ngày	Nội dung
1	...	...
2	...	...
3	...	...



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SỐ 2 BẮC NINH
BẮC ĐỘNG SẢN HUOLAND

PHÒNG DẪN TƯ
CƠ CHỨC VÀ NỘI DUNG

TRẠM BƠM SINH HOẠT VÀ PCCC

TRẠM BƠM SINH HOẠT VÀ PCCC

TRẠM BƠM SINH HOẠT VÀ PCCC

TRẠM BƠM SINH HOẠT VÀ PCCC

TRẠM BƠM SINH HOẠT VÀ PCCC

TRẠM BƠM SINH HOẠT VÀ PCCC

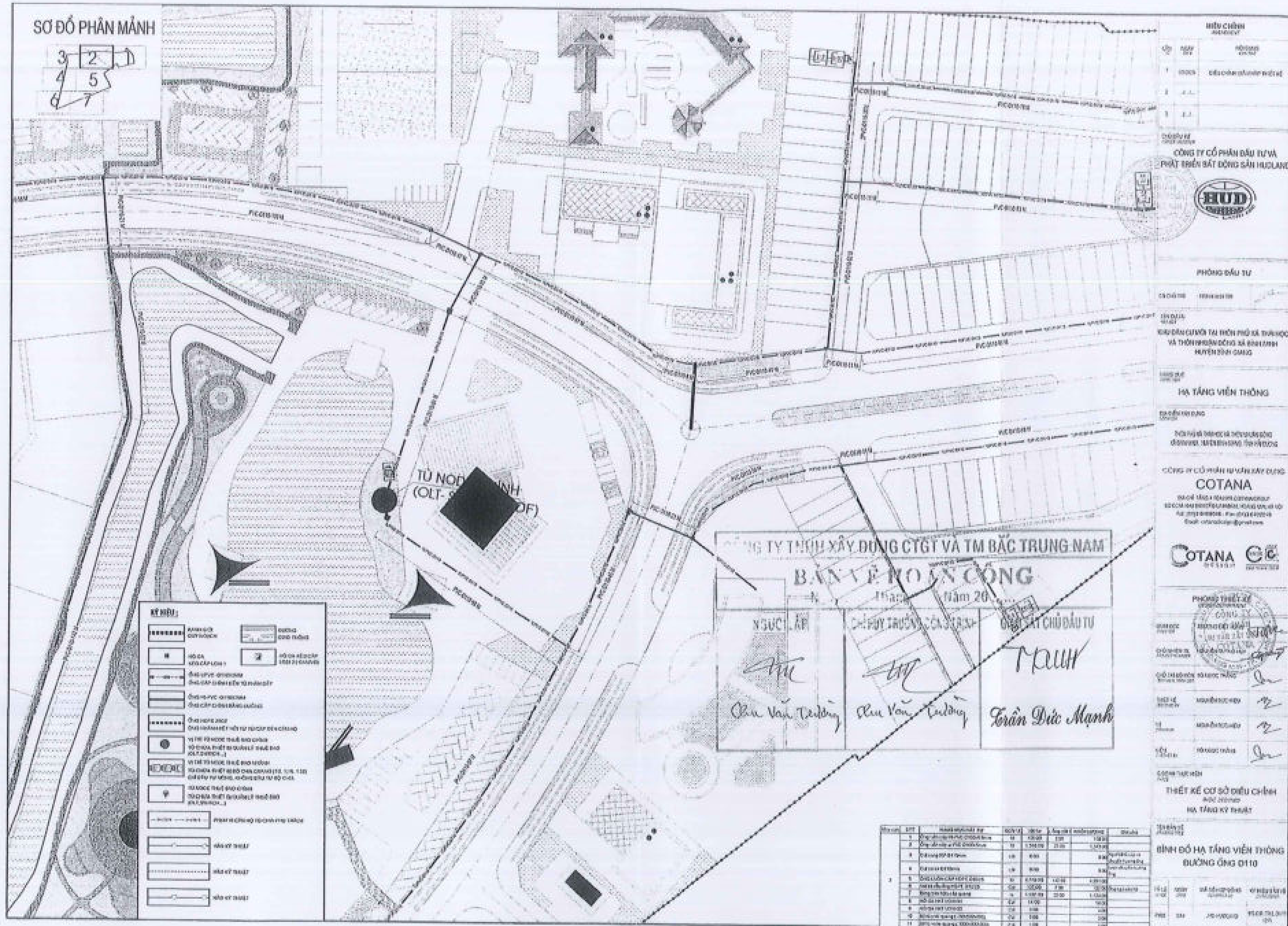
TRẠM BƠM SINH HOẠT VÀ PCCC

TRẠM BƠM SINH HOẠT VÀ PCCC

TRẠM BƠM SINH HOẠT VÀ PCCC

TRẠM BƠM SINH HOẠT VÀ PCCC

TRẠM BƠM SINH HOẠT VÀ PCCC



HỆ CHUẨN MATHCAD		
Chức năng	Ngày	Thời gian
1	10/03/2023	10h30
2	11/03/2023	11h30
3	12/03/2023	12h30

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HƯNG ANH



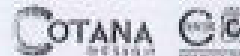
PHONG CẨM TÚ

**KHOẢNG CÁCH TÀI THRON PHỐ XÁ TRƯỜNG
VÀ THÔN HƯNG ĐÔNG XÃ BÌNH ANH
HUYỆN BÌNH GIANG**

Họ TÊN: VIÊN THÔNG

Đến đây là hết rồi và bạn cũng đã
chọn được phần mềm để tải về rồi đúng không?

CÔNG TY CỔ PHẦN HỖ TRỢ KINH DOANH
COTANA
ĐẠI LÝ THƯƠNG MẠI CHUYÊN NGHIỆP
CƠ CẤU VÀ PHÂN PHỐI SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ
HỖ TRỢ KINH DOANH. HỖ TRỢ KINH DOANH
ĐIỆN THOẠI: 0903 600000. FAX: 0903 600000
Email: cotanaco@vietnamtel.com



Package Deal:

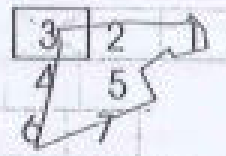
[illegible]

THIẾT KẾ CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH
MỘT ĐỘNG
HÀ TĂNG KỲ THUẬT

BÌNH ĐỒ HẠ TẦNG VIÊN THÔNG
ĐƯỜNG ống D110

Site no.	ERT	Investment/ha (€)	2015/16	2016/17	Aug 2017 to winter 2017/18	2018/19
1	Organic fertiliser (100 kg/ha) + 1000 kg/ha lime	50	1000/500	1000	1000	1000/500
2	Organic fertiliser + 1000 kg/ha lime	50	1000/500	1000	1000	1000/500
3	Organic fertiliser + 1000 kg/ha lime	50	1000/500	1000	1000	1000/500
4	Organic fertiliser + 1000 kg/ha lime	50	1000/500	1000	1000	1000/500
5	Organic fertiliser + 1000 kg/ha lime	50	1000/500	1000	1000	1000/500
6	Organic fertiliser + 1000 kg/ha lime	50	1000/500	1000	1000	1000/500
7	Organic fertiliser + 1000 kg/ha lime	50	1000/500	1000	1000	1000/500
8	Organic fertiliser + 1000 kg/ha lime	50	1000/500	1000	1000	1000/500
9	Organic fertiliser + 1000 kg/ha lime	50	1000/500	1000	1000	1000/500
10	Organic fertiliser + 1000 kg/ha lime	50	1000/500	1000	1000	1000/500
11	Organic fertiliser + 1000 kg/ha lime	50	1000/500	1000	1000	1000/500
12	Organic fertiliser + 1000 kg/ha lime	50	1000/500	1000	1000	1000/500
13	Organic fertiliser + 1000 kg/ha lime	50	1000/500	1000	1000	1000/500

SƠ ĐỒ PHÂN MẢNH



KÝ HIỆU:

- HẠNH GIỚI (Boundary line)
- ĐƯỜNG (Road)
- NHÀ (Building)
- KHU VỰC CHỖ DỪNG XE (Parking area)
- KHU VỰC CỎ (Green space)
- KHU VỰC NƯỚC (Water body)
- KHU VỰC LƯỚI (Fence)
- KHU VỰC HỆ THỐNG DRAINAGE (Drainage system)
- ĐƯỜNG CHUYỂN (Road intersection)
- ĐƯỜNG CHUYỂN (Road intersection)
- ĐƯỜNG CHUYỂN (Road intersection)
- ĐƯỜNG CHUYỂN (Road intersection)

STT	TÊN	DIỆN TÍCH (m ²)	DIỆN TÍCH (m ²)	DIỆN TÍCH (m ²)	DIỆN TÍCH (m ²)	DIỆN TÍCH (m ²)
1	ĐIỂM DỪNG XE	10	1000	100	1000	1000
2	ĐIỂM DỪNG XE	10	1000	100	1000	1000
3	ĐIỂM DỪNG XE	10	1000	100	1000	1000
4	ĐIỂM DỪNG XE	10	1000	100	1000	1000
5	ĐIỂM DỪNG XE	10	1000	100	1000	1000
6	ĐIỂM DỪNG XE	10	1000	100	1000	1000
7	ĐIỂM DỪNG XE	10	1000	100	1000	1000

HIỆU CHẤM

STT	TÊN	DIỆN TÍCH (m ²)
1	ĐIỂM DỪNG XE	1000
2	ĐIỂM DỪNG XE	1000
3	ĐIỂM DỪNG XE	1000

SƠ ĐỒ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HƯNG



PHƯƠNG DẪN

KHOẢNG CÁCH TỪ TRUNG TÂM THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TÊN ĐƯỜNG VÀ CÁC ĐƯỜNG LƯU THÔNG

HÀ TẦNG VIỄN THÔNG

KHOẢNG CÁCH TỪ TRUNG TÂM THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TÊN ĐƯỜNG VÀ CÁC ĐƯỜNG LƯU THÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HƯNG

COTANA

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Số điện thoại: 0909 123 456
Email: info@cotana.vn



THIẾT KẾ KẾ HOẠCH
THIẾT KẾ KẾ HOẠCH

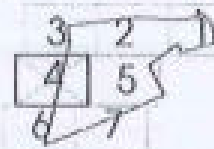
STT	TÊN	DIỆN TÍCH (m ²)
1	ĐIỂM DỪNG XE	1000
2	ĐIỂM DỪNG XE	1000
3	ĐIỂM DỪNG XE	1000

THIẾT KẾ KẾ HOẠCH
THIẾT KẾ KẾ HOẠCH

THIẾT KẾ KẾ HOẠCH
THIẾT KẾ KẾ HOẠCH

STT	TÊN	DIỆN TÍCH (m ²)
1	ĐIỂM DỪNG XE	1000
2	ĐIỂM DỪNG XE	1000
3	ĐIỂM DỪNG XE	1000

SƠ ĐỒ PHÂN MẢNH



KÝ HIỆU:

- Gạch lát sân vườn
- Sân cỏ
- Vỉa hè
- Đường
- Tường
- Cửa
- Cây xanh
- Hồ nước
- Bãi đỗ xe
- Khu vực khác

STT	Mô tả	Đơn vị	Giá	Giá trị
1	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
2	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
3	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
4	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
5	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
6	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
7	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
8	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
9	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
10	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000

HỆ CHẾ

STT	Mô tả	Đơn vị	Giá	Giá trị
1	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
2	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
3	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
4	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
5	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
6	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
7	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
8	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
9	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
10	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUOLAND



PHÒNG ĐẦU TƯ

CHỨC VỤ: ☐ Trưởng phòng ☐ Phó Trưởng phòng

CHỨC VỤ: ☐ Trưởng phòng ☐ Phó Trưởng phòng

CHỨC VỤ: ☐ Trưởng phòng ☐ Phó Trưởng phòng

HÀ TẦNG VIÊN THÔNG

CHỨC VỤ: ☐ Trưởng phòng ☐ Phó Trưởng phòng

CHỨC VỤ: ☐ Trưởng phòng ☐ Phó Trưởng phòng

CHỨC VỤ: ☐ Trưởng phòng ☐ Phó Trưởng phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUOLAND

COTANA

CHỨC VỤ: ☐ Trưởng phòng ☐ Phó Trưởng phòng

CHỨC VỤ: ☐ Trưởng phòng ☐ Phó Trưởng phòng

CHỨC VỤ: ☐ Trưởng phòng ☐ Phó Trưởng phòng

COTANA

PHÒNG THIẾT KẾ

CHỨC VỤ	Mô tả	Đơn vị	Giá	Giá trị
1	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
2	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
3	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
4	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
5	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
6	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
7	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
8	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
9	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
10	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000

COTANA

THIẾT KẾ CƠ SỞ SẠCH CHỈNH

HÀ TẦNG KỸ THUẬT

BÌNH BỐ HÀ TẦNG VIÊN THÔNG

ĐƯỜNG SỐ 03205

CHỨC VỤ	Mô tả	Đơn vị	Giá	Giá trị
1	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
2	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
3	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
4	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
5	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
6	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
7	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
8	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
9	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000
10	Đất nền xây dựng	m ²	1.000.000	1.000.000

THẨM ĐỊNH

Thao vãn bản số
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

(1) Tủ XTG-30(T1)	(6) Tủ để cáp ngầm	(10) Ghế thao tác
(2) Tủ XTG-30(T2)	(7) Tựa giữ cáp	(11) Thang treo 2,7m
(3) Giá đỡ tủ để CDP.T	(8) Hệ thống truyền động cầu dao	(12) Cầu dao phụ tải 35kV
(4) Giá đỡ tủ để CSV+CN	(9) Tủ để ghế thao tác	(13) Chống sét von 42kV
(5) Tủ để CSV		(14) Cáp ngầm 35kV

STT	Tên vật liệu + thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Xà XIG-30(11); XIG-30(12)	bộ	1;1
2	Giá đỡ xà đỡ CDP1	bộ	01
3	Giá đỡ xà đỡ CSV+CH; xà đỡ CSV; Xà đỡ cáp ngầm+tay giữ cáp	bộ	1;1;1
4	Xà đỡ ghế; ghế thao tác CD	bộ	1;1
5	Hệ thống truyền động cầu dao (cáp theo CD)	bộ	01
6	Thang treo 2,7m (2 thang/bộ)	bộ	01
7	Tiếp địa cầu dao RC2	bộ	01
8	Sứ đỡ 35kV + ty	bộ	10
9	Cầu dao phụ tải 35kV	bộ	01
10	Chống sét van 42kV	bộ	01
11	Dây nhôm lõi thép AC70/11	m	30
12	Thanh đóng dẹt 40x4	m	1,2
13	Dầu cốt AM70	cối	18
14	Dây đồng mềm Cu/XLPE/PVC 1x35mm ² (tiếp địa CSV)	m	40
15	Dầu cốt đồng M35(bất tiếp địa CSV, tiếp địa dầu cáp)	cối	08
16	Biến cáo thị; biển tên cầu dao; biển báo cáp ngầm; biển báo pha	cối	1;1;1;3
17	Dai thép + khóa đai	bộ	10
18	Khóa vật liệu khóa tay thao tác CD	cối	01

(15) Gióng cột GC5-22-U	(22) Giá đỡ xả đỡ CSV+CN	(28) Chế tạo lõi
(16) Xả XTG-10(T1)	(23) Xả đỡ CSV	(29) Thang kéo 2.2m
(17) Xả XTG-20(T2)	(24) Xả đỡ cấp nước	(30) Cửa dao nền động 35kV
(18) Xả XTG-30(T3)	(25) Tay gạt cấp	(31) Chống sét von 42kV
(19) Xả XTG-30(T4)	(26) Hệ thống truyền động cầu dao	(32) Cấp nước 35kV
(20) Giá đỡ xả đỡ COLD+XTG	(27) Xả đỡ gạt tháo lõi	(33) Giám sát chủ đầu tư
(21) Xả XTG-30(T5)		Xả 3X2L-1M+20(DDMB-U)

Nguyễn Văn Hào	Nguyễn Huy Văn	Nguyễn Văn Hùng
----------------	----------------	-----------------

Unit	Order	Order
1	1	
2	2	

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND**



PHÒNG ĐẦU TƯ		
PHÒNG QUẢN LÝ		
PHÒNG QUẢN LÝ		

**KHU DÂN CƯ MỚI TẠI THÔN PHỔ XÃ THÁI HẠC
VÀ THÔN KHUẨN ĐÔNG XÃ BÌNH MINH
HUYỆN BÌNH GIANG**

HÀNG NGÀY
ĐUÔI ĐUÔI

THÀNH PHỐ XÃ THẠM HỌC VÀ THÔN NHUẬN ĐỨC HOÀ
XÃ BÌNH MINH, HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI PHONG

QUESTIONS

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG

COTANA

ĐẠI CHẾ TĂNG - **ĐẠI CHẾ TĂNG GROUP**
 LỘ DORA HUYỀN HẠNH - **ĐẠI CHẾ TĂNG** VÀ HỖ
 TẬP CHẾ TĂNG - **ĐẠI CHẾ TĂNG**

[illegible]

CHỖ VÀNG ĐÓNG CHỮ

CÔNG TY THƯƠNG VẤN
VÀ XÂY DỰNG ĐỈNH YÊN HƯNG



THÀNH LẬP

CHIEF OF POLICE
CITY OF NEW YORK
JAN 25 1971
JAN 25 1971
JAN 25 1971

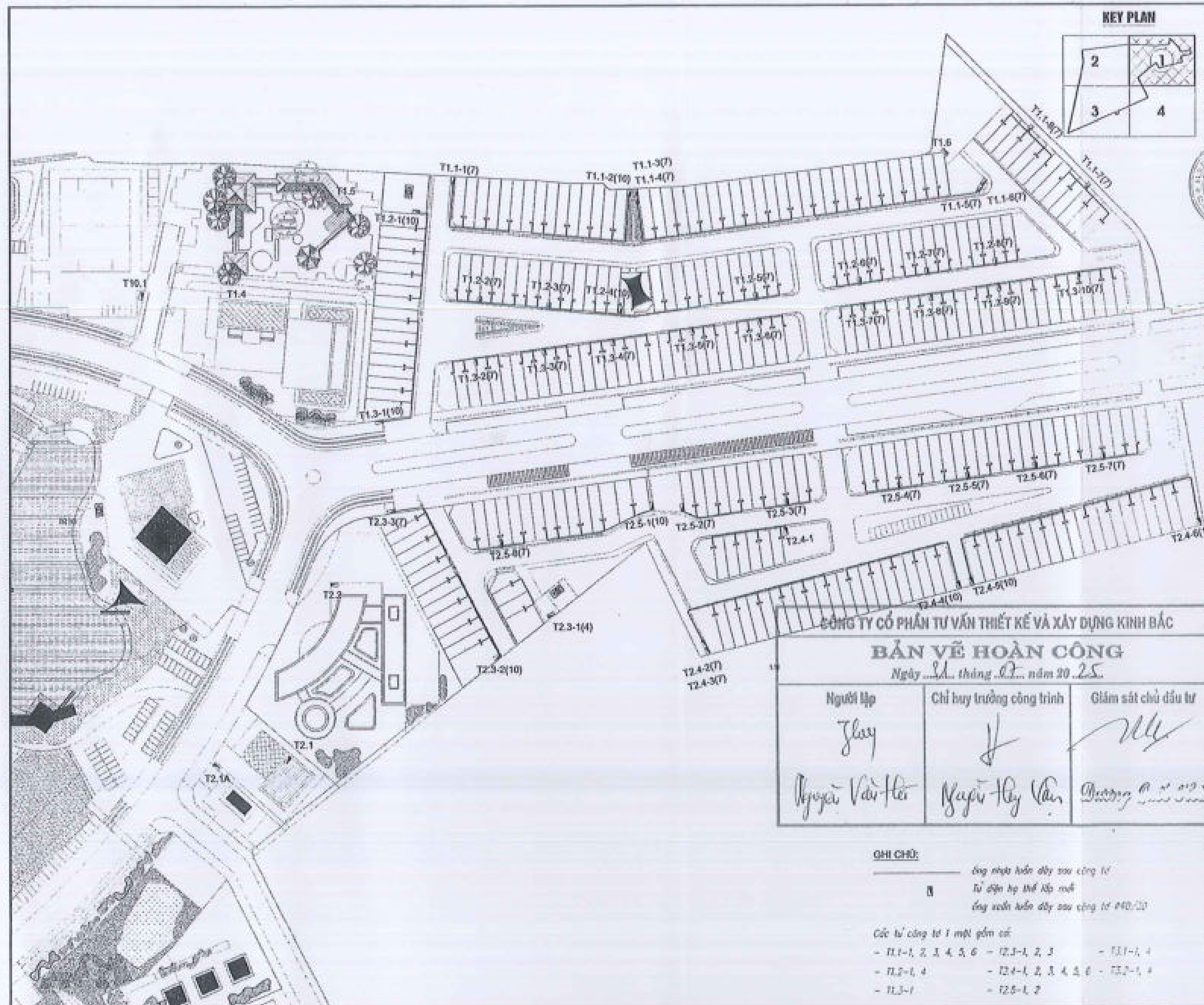
HỌ TÊN CHỨC VỤ	ĐẠI BIỂU CHỨC VỤ	
HỌ TÊN CHỨC VỤ	ĐẠI BIỂU CHỨC VỤ	

THIẾT KẾ BÀN VÍ THỦ CÔNG
CONSTRUCTION DRAWING
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP

THE JOURNAL
OF
THE
ACADEMY OF
MANAGEMENT

MỘT CẤP LẬP BÀI GIẢNG			
(Số bài giảng 118 ở 37 ERL)			
1981	1982	1983	1984

FILE NO.	FILE DATE	MAX. NO. OF RECORDS	FOR FILED IN OFFICE OF
	1-1	25-RECORD	NO-04



HỒ CHƠI		
Lần	Ngày	Họ tên
1	20/08	Nguyễn Văn Hùng
2	...	...
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND		
PHÒNG ĐẦU TƯ		
CHỨC VỤ	TRÌNH TRÌNH	
KHU DÂN CƯ MỚI TẠI THÔN PHỔ XÃ THÁI HỌC VÀ THÔN NHUAN ĐÔNG XÃ BÌNH MINH HUYỆN SƠN CƯƠNG		
ĐƯỜNG DÂY, THAM DIỄN ÁP VÀ HÀ ÁP		
THÔN PHỔ XÃ THÁI HỌC VÀ THÔN NHUAN ĐÔNG XÃ BÌNH MINH, HUYỆN SƠN CƯƠNG, TỈNH HÀ DƯƠNG		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KINH BẮC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày 14 tháng 07 năm 2025		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Giám sát chủ đầu tư
Trang		
Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Thị Văn	Đường Văn Hùng
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN YÊN HUNG		
PHẠM VĂN HÙNG	ĐANG VĂN HÙNG	ĐANG VĂN HÙNG
ĐANG VĂN HÙNG	ĐANG VĂN HÙNG	ĐANG VĂN HÙNG
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN YÊN HUNG		
MẶT BẰNG LẬP BÁT ĐỒ CHỖ KÈO DÂY SAU CÔNG TỐ (1/4)		
TRANG	NGÀY	MÃ SỐ CÔNG TRÌNH
...	...	...

GHI CHÚ:

1. Ông nhận hoàn tất sau công tác

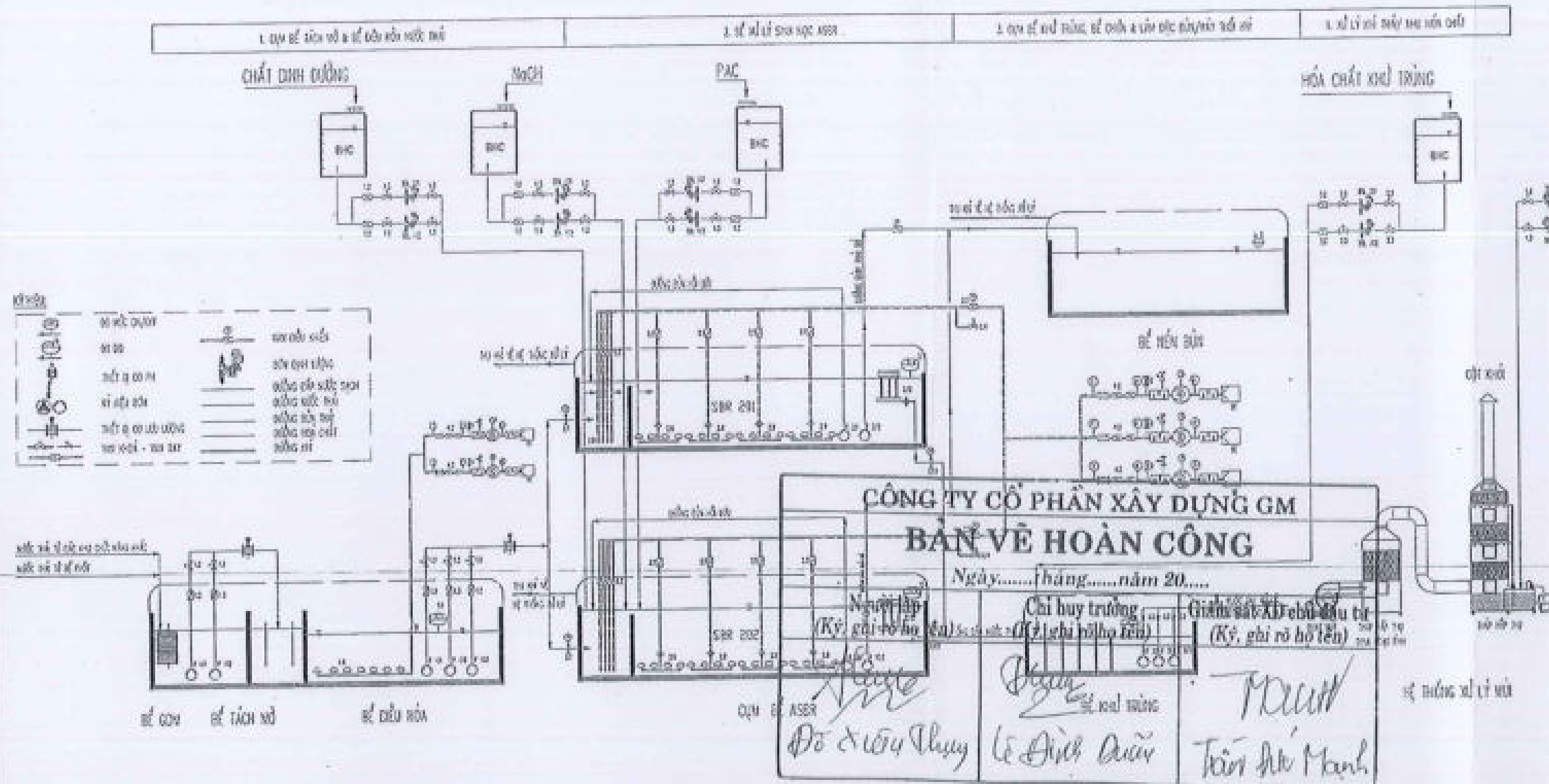
2. Tủ điện hạ thế lắp đặt

3. Ông nhận hoàn tất sau công tác 140/10

Các tủ công tơ 1 mặt gồm có:

- T1.1-1, 2, 3, 4, 5, 6 - T2.3-1, 2, 3 - T3.1-1, 2
- T1.2-1, 4 - T2.4-1, 2, 3, 4, 5, 6 - T3.2-1, 2
- T1.3-1 - T2.5-1, 2

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 1580 M3/NGÀY



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập (Ký, ghi rõ họ tên): *Đỗ Văn Chung*
Chỉ huy trưởng (Ký, ghi rõ họ tên): *Lê Đình An*
Giám sát kỹ thuật (Ký, ghi rõ họ tên): *Trần Văn Mạnh*

Định mức các công việc

STT	Ký hiệu	Mô tả công việc
01	TK-01	BỂ CHỨNG
02	TK-02	BỂ TÁCH NƯỚC
03	TK-03	BỂ ĐIỀU HÒA
04	TK-04	BỂ SELECTOR
05	TK-05	BỂ SBR
06	TK-06	BỂ KHỬ TRÙNG
07	TK-07	TRẠM CHỨA NƯỚC CHỨNG
08	TK-08	BỂ LỒN Bùn

Định mức											
1. ĐỊNH MỨC CÔNG VIỆC				2. ĐỊNH MỨC VẬT LIỆU				3. ĐỊNH MỨC NHÂN CÔNG			
STT	Mô tả công việc	Đơn vị	Định mức	STT	Mô tả vật liệu	Đơn vị	Định mức	STT	Mô tả nhân công	Đơn vị	Định mức
01	Đắp nền đáy	m ²	1,0	01	Sỏi	m ³	0,1	01	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
02	Đắp nền đáy	m ²	1,0	02	Sỏi	m ³	0,1	02	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
03	Đắp nền đáy	m ²	1,0	03	Sỏi	m ³	0,1	03	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
04	Đắp nền đáy	m ²	1,0	04	Sỏi	m ³	0,1	04	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
05	Đắp nền đáy	m ²	1,0	05	Sỏi	m ³	0,1	05	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
06	Đắp nền đáy	m ²	1,0	06	Sỏi	m ³	0,1	06	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
07	Đắp nền đáy	m ²	1,0	07	Sỏi	m ³	0,1	07	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
08	Đắp nền đáy	m ²	1,0	08	Sỏi	m ³	0,1	08	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
09	Đắp nền đáy	m ²	1,0	09	Sỏi	m ³	0,1	09	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
10	Đắp nền đáy	m ²	1,0	10	Sỏi	m ³	0,1	10	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
11	Đắp nền đáy	m ²	1,0	11	Sỏi	m ³	0,1	11	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
12	Đắp nền đáy	m ²	1,0	12	Sỏi	m ³	0,1	12	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
13	Đắp nền đáy	m ²	1,0	13	Sỏi	m ³	0,1	13	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
14	Đắp nền đáy	m ²	1,0	14	Sỏi	m ³	0,1	14	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
15	Đắp nền đáy	m ²	1,0	15	Sỏi	m ³	0,1	15	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
16	Đắp nền đáy	m ²	1,0	16	Sỏi	m ³	0,1	16	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
17	Đắp nền đáy	m ²	1,0	17	Sỏi	m ³	0,1	17	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
18	Đắp nền đáy	m ²	1,0	18	Sỏi	m ³	0,1	18	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
19	Đắp nền đáy	m ²	1,0	19	Sỏi	m ³	0,1	19	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
20	Đắp nền đáy	m ²	1,0	20	Sỏi	m ³	0,1	20	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
21	Đắp nền đáy	m ²	1,0	21	Sỏi	m ³	0,1	21	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
22	Đắp nền đáy	m ²	1,0	22	Sỏi	m ³	0,1	22	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
23	Đắp nền đáy	m ²	1,0	23	Sỏi	m ³	0,1	23	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
24	Đắp nền đáy	m ²	1,0	24	Sỏi	m ³	0,1	24	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
25	Đắp nền đáy	m ²	1,0	25	Sỏi	m ³	0,1	25	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
26	Đắp nền đáy	m ²	1,0	26	Sỏi	m ³	0,1	26	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
27	Đắp nền đáy	m ²	1,0	27	Sỏi	m ³	0,1	27	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
28	Đắp nền đáy	m ²	1,0	28	Sỏi	m ³	0,1	28	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
29	Đắp nền đáy	m ²	1,0	29	Sỏi	m ³	0,1	29	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
30	Đắp nền đáy	m ²	1,0	30	Sỏi	m ³	0,1	30	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
31	Đắp nền đáy	m ²	1,0	31	Sỏi	m ³	0,1	31	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
32	Đắp nền đáy	m ²	1,0	32	Sỏi	m ³	0,1	32	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
33	Đắp nền đáy	m ²	1,0	33	Sỏi	m ³	0,1	33	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
34	Đắp nền đáy	m ²	1,0	34	Sỏi	m ³	0,1	34	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
35	Đắp nền đáy	m ²	1,0	35	Sỏi	m ³	0,1	35	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
36	Đắp nền đáy	m ²	1,0	36	Sỏi	m ³	0,1	36	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
37	Đắp nền đáy	m ²	1,0	37	Sỏi	m ³	0,1	37	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
38	Đắp nền đáy	m ²	1,0	38	Sỏi	m ³	0,1	38	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
39	Đắp nền đáy	m ²	1,0	39	Sỏi	m ³	0,1	39	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
40	Đắp nền đáy	m ²	1,0	40	Sỏi	m ³	0,1	40	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
41	Đắp nền đáy	m ²	1,0	41	Sỏi	m ³	0,1	41	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
42	Đắp nền đáy	m ²	1,0	42	Sỏi	m ³	0,1	42	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
43	Đắp nền đáy	m ²	1,0	43	Sỏi	m ³	0,1	43	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
44	Đắp nền đáy	m ²	1,0	44	Sỏi	m ³	0,1	44	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
45	Đắp nền đáy	m ²	1,0	45	Sỏi	m ³	0,1	45	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
46	Đắp nền đáy	m ²	1,0	46	Sỏi	m ³	0,1	46	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
47	Đắp nền đáy	m ²	1,0	47	Sỏi	m ³	0,1	47	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
48	Đắp nền đáy	m ²	1,0	48	Sỏi	m ³	0,1	48	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
49	Đắp nền đáy	m ²	1,0	49	Sỏi	m ³	0,1	49	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
50	Đắp nền đáy	m ²	1,0	50	Sỏi	m ³	0,1	50	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
51	Đắp nền đáy	m ²	1,0	51	Sỏi	m ³	0,1	51	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
52	Đắp nền đáy	m ²	1,0	52	Sỏi	m ³	0,1	52	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
53	Đắp nền đáy	m ²	1,0	53	Sỏi	m ³	0,1	53	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
54	Đắp nền đáy	m ²	1,0	54	Sỏi	m ³	0,1	54	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
55	Đắp nền đáy	m ²	1,0	55	Sỏi	m ³	0,1	55	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
56	Đắp nền đáy	m ²	1,0	56	Sỏi	m ³	0,1	56	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
57	Đắp nền đáy	m ²	1,0	57	Sỏi	m ³	0,1	57	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
58	Đắp nền đáy	m ²	1,0	58	Sỏi	m ³	0,1	58	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
59	Đắp nền đáy	m ²	1,0	59	Sỏi	m ³	0,1	59	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
60	Đắp nền đáy	m ²	1,0	60	Sỏi	m ³	0,1	60	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
61	Đắp nền đáy	m ²	1,0	61	Sỏi	m ³	0,1	61	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
62	Đắp nền đáy	m ²	1,0	62	Sỏi	m ³	0,1	62	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
63	Đắp nền đáy	m ²	1,0	63	Sỏi	m ³	0,1	63	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
64	Đắp nền đáy	m ²	1,0	64	Sỏi	m ³	0,1	64	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
65	Đắp nền đáy	m ²	1,0	65	Sỏi	m ³	0,1	65	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
66	Đắp nền đáy	m ²	1,0	66	Sỏi	m ³	0,1	66	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
67	Đắp nền đáy	m ²	1,0	67	Sỏi	m ³	0,1	67	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
68	Đắp nền đáy	m ²	1,0	68	Sỏi	m ³	0,1	68	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
69	Đắp nền đáy	m ²	1,0	69	Sỏi	m ³	0,1	69	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
70	Đắp nền đáy	m ²	1,0	70	Sỏi	m ³	0,1	70	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
71	Đắp nền đáy	m ²	1,0	71	Sỏi	m ³	0,1	71	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
72	Đắp nền đáy	m ²	1,0	72	Sỏi	m ³	0,1	72	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
73	Đắp nền đáy	m ²	1,0	73	Sỏi	m ³	0,1	73	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
74	Đắp nền đáy	m ²	1,0	74	Sỏi	m ³	0,1	74	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
75	Đắp nền đáy	m ²	1,0	75	Sỏi	m ³	0,1	75	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
76	Đắp nền đáy	m ²	1,0	76	Sỏi	m ³	0,1	76	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
77	Đắp nền đáy	m ²	1,0	77	Sỏi	m ³	0,1	77	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
78	Đắp nền đáy	m ²	1,0	78	Sỏi	m ³	0,1	78	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
79	Đắp nền đáy	m ²	1,0	79	Sỏi	m ³	0,1	79	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
80	Đắp nền đáy	m ²	1,0	80	Sỏi	m ³	0,1	80	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
81	Đắp nền đáy	m ²	1,0	81	Sỏi	m ³	0,1	81	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
82	Đắp nền đáy	m ²	1,0	82	Sỏi	m ³	0,1	82	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
83	Đắp nền đáy	m ²	1,0	83	Sỏi	m ³	0,1	83	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
84	Đắp nền đáy	m ²	1,0	84	Sỏi	m ³	0,1	84	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
85	Đắp nền đáy	m ²	1,0	85	Sỏi	m ³	0,1	85	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
86	Đắp nền đáy	m ²	1,0	86	Sỏi	m ³	0,1	86	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
87	Đắp nền đáy	m ²	1,0	87	Sỏi	m ³	0,1	87	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
88	Đắp nền đáy	m ²	1,0	88	Sỏi	m ³	0,1	88	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
89	Đắp nền đáy	m ²	1,0	89	Sỏi	m ³	0,1	89	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
90	Đắp nền đáy	m ²	1,0	90	Sỏi	m ³	0,1	90	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
91	Đắp nền đáy	m ²	1,0	91	Sỏi	m ³	0,1	91	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
92	Đắp nền đáy	m ²	1,0	92	Sỏi	m ³	0,1	92	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
93	Đắp nền đáy	m ²	1,0	93	Sỏi	m ³	0,1	93	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
94	Đắp nền đáy	m ²	1,0	94	Sỏi	m ³	0,1	94	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
95	Đắp nền đáy	m ²	1,0	95	Sỏi	m ³	0,1	95	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
96	Đắp nền đáy	m ²	1,0	96	Sỏi	m ³	0,1	96	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
97	Đắp nền đáy	m ²	1,0	97	Sỏi	m ³	0,1	97	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
98	Đắp nền đáy	m ²	1,0	98	Sỏi	m ³	0,1	98	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
99	Đắp nền đáy	m ²	1,0	99	Sỏi	m ³	0,1	99	Đắp nền đáy	ngày công	1,0
100	Đắp nền đáy	m ²	1,0	100	Sỏi	m ³	0,1	100	Đắp nền đáy	ngày công	1,0

HỆ CHẾ

STT	Họ tên	Chức vụ
1	...	...
2	...	...
3	...	...

PHÒNG ĐẦU TƯ

CHỨC VỤ: ...

HỌ TÊN: ...

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐƠN VỊ: ...

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA

ĐƠN VỊ: ...

PHÒNG THIẾT KẾ

CHỨC VỤ: ...

HỌ TÊN: ...

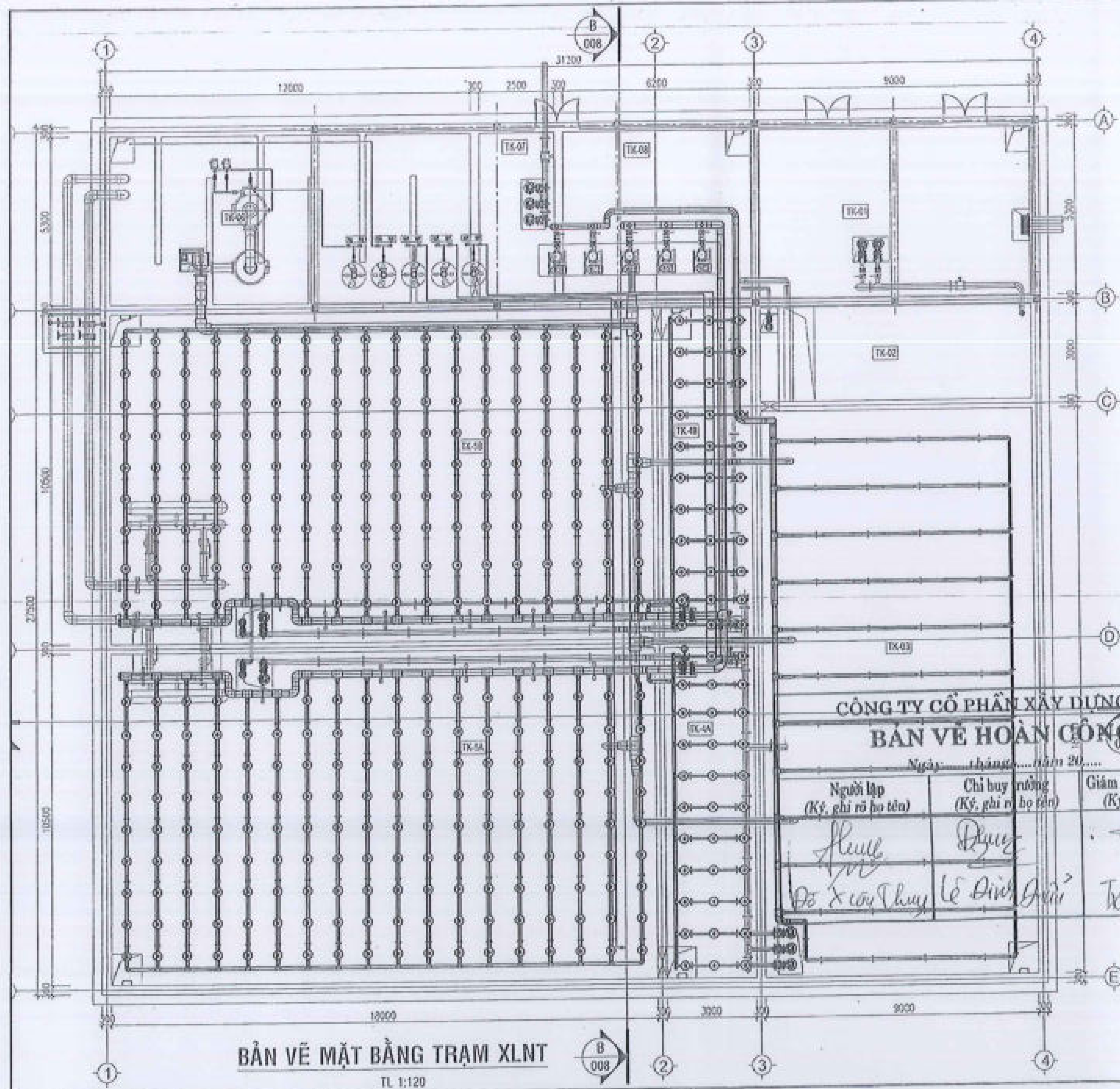
PHÒNG KẾ TÍNH

CHỨC VỤ: ...

HỌ TÊN: ...

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

STT	Họ tên	Chức vụ
1	...	...
2	...	...



GHI CHÚ:

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
TK-01	BỂ GOM
TK-02	BỂ TÁCH MỖ
TK-03	BỂ ĐIỀU HÒA
TK-04/05	BỂ SELECTOR
TK-05/06	BỂ SBR
TK-06	BỂ KHỬ TRÙNG
TK-07	NGĂN CHỨA NƯỚC CHÁY TRẦN
TK-08	BỂ NÉM ĐÚN

HỒI CHỨNG	
STT	NỘI DUNG
1	...
2	...
3	...

PHÒNG ĐẦU TƯ

CHỨC VỤ: *...*

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
COTANA
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
10/0000 ĐƯỜNG LÊ ĐÌNH AN, QUẬN 1, TP. HCM
TEL: 0903 600000 - FAX: 0903 600000
Email: cotana.vn@gmail.com

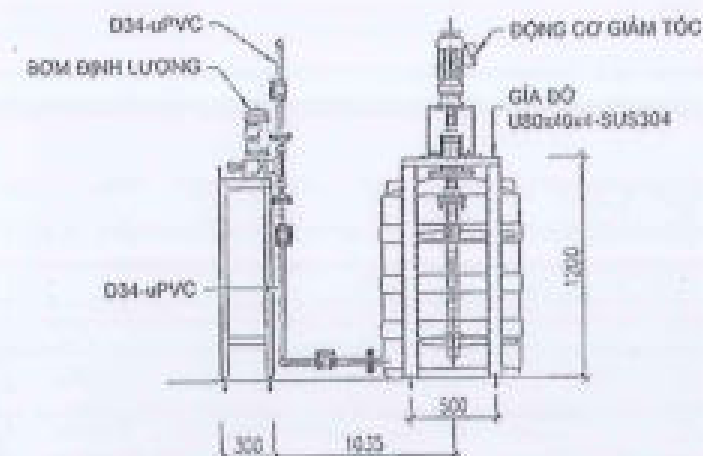
COTANA **GM**

THIẾT KẾ BẢN VẼ MẶT BẰNG
THIẾT KẾ BẢN VẼ MẶT BẰNG
MÀ TẮNG KỸ THUẬT

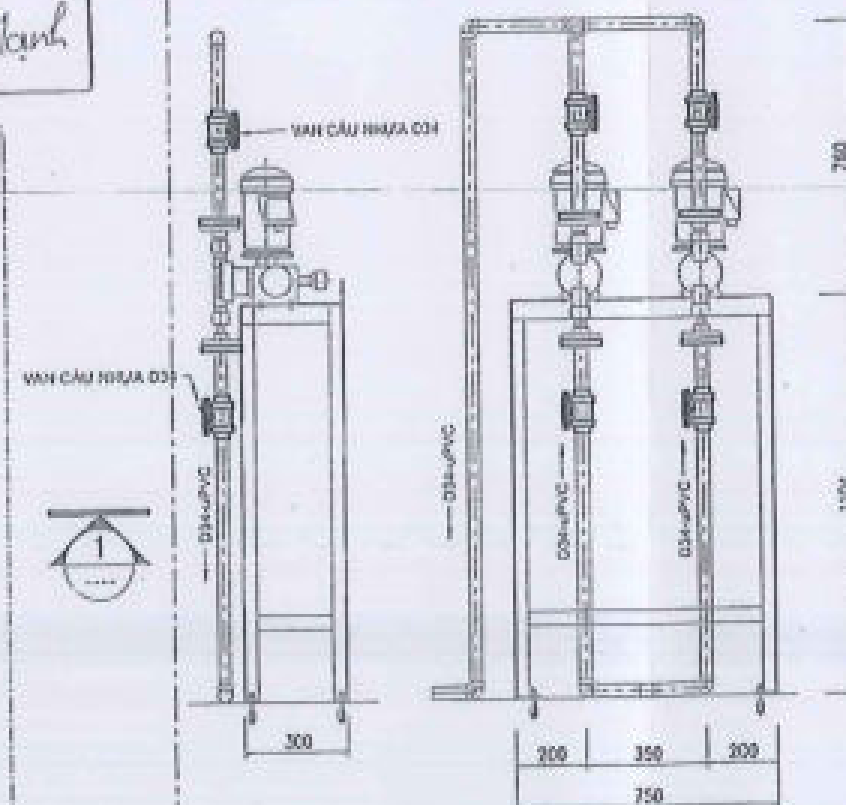
MẶT BẰNG TRẠM XLNT

STT	NỘI DUNG	THIẾT KẾ	KÝ HIỆU
1	...	...	TK-01

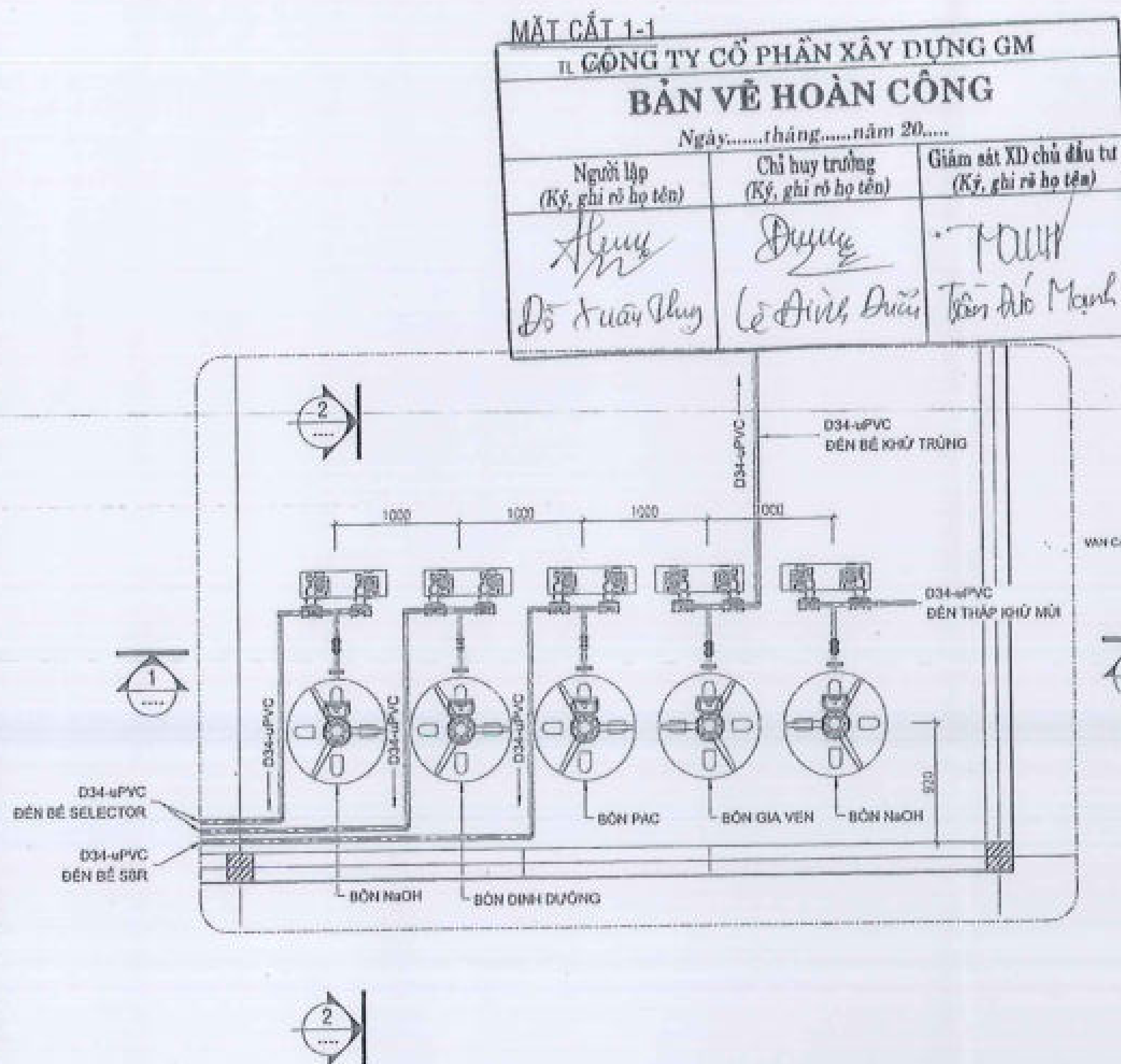
[illegible]



MẶT CẮT 2-2
TL 1/40



CHI TIẾT CỤM BƠM HOẠT CHẤT



- HỒ CHỨNG A.000001			
LH Số	HỌ TÊN	SỐ QUÂN ĐƠN VỊ	
1	A. L.		
2	A. L.		
3	A. L.		

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN
BẮC ĐÔNG SÂN HƯCLAND

COTANA

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN
BẮC ĐÔNG SÂN HƯCLAND

PHÒNG DẦU MỎ

CÁI CHẾ MỎ	HỌ TÊN SƠ
	[Signature]

HỌ TÊN
QUÂN

KHU DÂN CƯ MỎ TẠI THÔN PHÚ XÁ THỦ HỌC
VÀ THÔN HUỖN ĐÔNG XÃ BÌNH MINH
HUYỆN BÌNH GIANG.

HỌ TÊN
QUÂN

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

QUY CHẾ SỬ DỤNG
HỒ CHỨNG

THÔN PHÚ XÁ THỦ HỌC VÀ THÔN HUỖN ĐÔNG
XÃ BÌNH MINH, HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HÀ GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN
COTANA

ĐƠN CHẾ TÍNH TÀI HÓA TRẢ COTANA GROUP
LƯU COTANA NHƯ BẢN GỒN LƯU CỦA HOẠT ĐỘNG HÀ NỘI
TÀI KHOẢN 01010149 - Fax: 0989 010019
Email: cotana.vn@info@gmail.com

PHÒNG THIẾT KẾ
ĐỒ AN TOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN
BẮC ĐÔNG SÂN HƯCLAND

COTANA

TÀI KHOẢN 01010149 - Fax: 0989 010019
Email: cotana.vn@info@gmail.com

HỌ TÊN QUÂN	HỌ TÊN SƠ	[Signature]
[Signature]	[Signature]	[Signature]
[Signature]	[Signature]	[Signature]

Ghi chú thực hiện

Thiết kế bản vẽ thi công
Sơ đồ địa điểm thi công
HÀ LẮNG KẾ THUẬT

HỌ TÊN
QUÂN

CỤM BƠI HÓA CHẤT

TÊN BƠI	HỌ TÊN	HÀ LẮNG KẾ THUẬT	TÊN BƠI
	[Signature]	[Signature]	[Signature]



PHỤ LỤC 3
CO/CQ CỦA CÁC HỆ THỐNG THIẾT BỊ ĐỒNG BỘ, HỢP KHỐI





Enertech Electric Motors (Aust) Pty Ltd
No. 45 Merri Concourse, Campbellfield
Vic 3061, Australia
PH: +61 39333 6605
FX: +61 39333 6603

17th Jun 2024
Energy Technology Co., Ltd
142 Dong Nai Str., W. 15, Dist. 10,
Ho Chi Minh City, Viet Nam

CERTIFICATE OF QUALITY

Re: ESC Series, Electrical Motors

Type	:	ESC 100L1-4
Motor	:	2.2KW 4P B3
	:	380V / 3Ph / 50Hz, IP55
S/No	:	E2040440377
Invoice No.	:	JVS20240711V1

We here by confirmed that the above motor is:

1. Conformed to Australian standard AS 1359, International Standards IEC 60034 and IEC 60072.
2. The above motor is suitable to operate at 380V/ 3PH/ 50Hz.
3. The warranty period is 1 year after shipment.
4. All the motors have been tested in factory.


ENERTECH ELECTRIC MOTORS
(AUSTRALIA) PTY LTD



Enertech Electric Motors (Aust) Pty Ltd
No. 45 Merri Concourse, Campbellfield
Vic 3061, Australia
PH: +61 39333 6605
FX: +61 39333 6603

17th Jun 2024
Energy Technology Co., Ltd
142 Dong Nai Str., W. 15, Dist. 10,
Ho Chi Minh City, Viet Nam

CERTIFICATE OF QUALITY

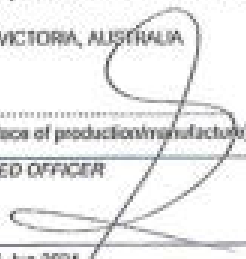
Re: ESC Series, Electrical Motors

Type	:	ESC 100L1-4
Motor	:	2.2KW 4P B3
	:	380V / 3Ph / 50Hz, IP55
S/No	:	E2040440399
Invoice No.	:	JVS20240711V1

We hereby confirmed that the above motor is:

1. Conformed to Australian standard AS 1359, International Standards IEC 60034 and IEC 60072.
2. The above motor is suitable to operate at 380V/ 3PH/ 50Hz.
3. The warranty period is 1 year after shipment.
4. All the motors have been tested in factory.

**ENERTECH ELECTRIC MOTORS
(AUSTRALIA) PTY LTD**

EXPORTER (Name and address) ENERTECH ELECTRIC MOTORS (AUSTRALIA) 45 Merri Concourse Campbellfield Vic 3081 Australia		CERTIFICATE NO. 726492	
		EXPORTER'S REFERENCE JVS20240711V1	
CONSIGNEE (Name and address) ENERGY TECHNOLOGY CO. LTD 142 DONG NAI STREET WARD 15, DISTRICT 10, HO CHI MINH CITY, VIETNAM		BUYER (IF NOT CONSIGNEE)	
PORT OF LOADING MELBOURNE PORT, AUSTRALIA		Certificate of Australian Origin AUSTRALIAN CHAMBER OF COMMERCE AND INDUSTRY  Australian Chamber of Commerce and Industry Level 3, Commerce House 24 Brisbane Avenue BARTON A.C.T AUSTRALIAN 2000 A.B.N 85 008 3191 705 Tel Int: (61) (2) 6270 8000 Local: (02) 6270 8000 Authorized to issue Certificates of Origin by The Government of the Commonwealth of Australia VICTORIAN CHAMBER OF COMMERCE AND INDUSTRY  Victorian Chamber of Commerce and Industry Level 2, 150 Collins Street MELBOURNE VIC 3000 AUSTRALIA Telephone: (61) (3) 8992 5333 Facsimile: (61) (3) 8992 5201 Email: global@victorianchamber.com.au Authorized agent for the Australian Chamber of Commerce and Industry	
VESSEL/AIRCRAFT OOCL BRISBANE 2417S	DATE OF DEPARTURE 22 Jun 2024		
SEA / AIRPORT OF DISCHARGE HO CHI MINH PORT, VIETNAM	FINAL DESTINATION (if an onward)		
MARKS AND NUMBERS 10 cases	NUMBER AND KIND OF PACKAGES 20 PCS/CASE 1 30 PCS/CASE 1 10 PCS/CASE 1 40 PCS/CASE 2 30 PCS/CASE 2 38 PCS/CASE 2 24 PCS/CASE 1	DESCRIPTION OF GOODS ESC 100L-2, 3kW, 3 phase 220/380V/50Hz ESC 100L2-4, 3kW, 3 phase 220/380V/50Hz ESC 112M1-2, 4kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 132S1-2, 5.5kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 100L1-4, 2.2kW, 3 phase 220/380V/50Hz ESC 112M-4, 4kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 132S-4, 5.5kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 132M1-4, 7.5kW, 3 phase 380/660V/50Hz	GROSS WEIGHT (or other measurement) 9,430 KGS
MAKE: ENERTECH AUSTRALIA			
DECLARATION BY THE EXPORTER: I, the undersigned, being duly authorized by the above exporter, and having made the necessary enquiries, HEREBY CERTIFY THAT all the goods listed above originate in AUSTRALIA. I further declare that I will furnish to the Customs authorities of the importing country or their nominee, for inspection at any time such evidence as may be requested for the purpose of verifying this certificate. The goods were produced / manufactured in Australia VICTORIA, AUSTRALIA (Insert place of production/manufacture)		CERTIFICATION: I, the undersigned, being duly authorized by the Australian Chamber of Commerce and Industry to sign documentary evidence of origin, hereby certify that on the basis of information supplied by the exporter and to the best of my knowledge and belief the country of origin of the above mentioned goods, based on the rules of origin claimed by the exporter, is AUSTRALIA.  Victorian Chamber of Commerce and Industry	
SIGNATURE OF AUTHORISED OFFICER 		SIGNATURE OF AUTHORISED OFFICER 	
DATE 25 Jun 2024		DATE 25 Jun 2024	

PACKING LIST

Invoice No: JVS20240711VJ
Date: 19-Jun-24

From: ENERTECH ELECTRIC MOTOR (AUST) PTY LTD
45 Merri Commerce Campbellfield Vic 3061, Australia
Tel : +61393336605
Fax: +61393336605

To: ENERGY TECHNOLOGY CO., LTD
142 Dong Nai Str.,
W.15, Dist. 10, HCMC, Vietnam
Tel: +84 8 2220 5849
Fax: +84 8 2220 5847

EXECUTION & TERMS:

Frequency: 50Hz
Enclosure: IP55
Insulation: Class F
Bearings: SKF, FAG, NSK BEARING
Packing: WOODEN

DESCRIPTION OF GOODS: Enertech Electric Motors (Australia)

No.	Type	Power (Kw)	Voltage	Qty	PCS/CASE	CASE	N.W.	G.W.	MEASUREMENT
1	ESC 100L-2	3	220/380V	10	20	1	9094 KGS	9430 KGS	10.25 CBM
2	ESC 100L2-4	3	220/380V	10					
3	ESC 112M1-2	4	380/660V	30	30	1			
4	ESC 132S1-2	5.5	380/660V	10	10	1			
5	ESC 100L1-4	2.2	220/380V	40	20	2			
6	ESC 112M-4	4	380/660V	30	15	2			
7	ESC 132S-4	5.5	380/660V	38	19	2			
8	ESC 132M1-4	7.5	380/660V	24	24	1			
				192		10	9094 KGS	9430 KGS	10.25 CBM
TOTAL 192 PCS/10 CASES 9094 KGS/9430 KGS 10.25 CBM									

Name of Vessel: OOCL BRISBANE 24175

Date of departure: 22-Jun-24

Authorized Signature


ENERTECH ELECTRIC MOTORS
(AUSTRALIA) PTY LTD

Shipper
 EVERTECH ELECTRIC MOTORS (AUSTRALIA)
 45 MERRI CONCOURSE
 CAMPBELLFIELD 3061, VICTORIA, AUSTRALIA

EXPRESS

BL No.
 XMJY24072203

Consol Ref.
 Reference No.
 NEGOTIABLE
 COMBINED TRANSPORT BILL OF LADING
 Based upon BIMCO COMBIBILL

Consigned to order of
 ENERGY TECHNOLOGY CO. LTD
 142 DONG HAI STREET
 WARD 15, DISTRICT 10,
 HO CHI MINH CITY
 VIET NAM

DSV

Notify party/consignee
 ENERGY TECHNOLOGY CO. LTD
 142 DONG HAI STREET
 WARD 15, DISTRICT 10,
 HO CHI MINH CITY
 VIET NAM

Carrier:
 DSV Ocean Transport A/S
 Hovedgaden 630
 DK-2640 Hedehusene
 Denmark

CVR/VAT No: 25 13 34 55

Pre-carriage by	Place of receipt MELBOURNE, AUSTRALIA	Express Bill of Lading	
Ocean Vessel OOCL BRISBANE 24175	Port of loading MELBOURNE, AUSTRALIA		
Port of discharge	Place of delivery HO CHI MINH CITY, VIET NAM	Freight payable at MELBOURNE, AUSTRALIA	Number of original Bills of Lading 0 (Zero)
Marks and Nos.	Quantity and description of goods 10 Pallet(s) EVERTECH ELECTRIC MOTORS	Gross weight, kg. Measurement, m ³ 9,430.00 kg 30.25 m ³	
Container	Seals	Type	Weight
THIU5784780	5338594164	40GP	9,430.00 KG
		Volume	Packages
		30.25 M3	30 FLT
		Mode	CFS/CFS

INCOTERMS:
 SHIPPED ON BOARD 21-Jun-24

EXLV
 *Shipper Load and Count

Periods above declared by Shipper

Freight and charges FREIGHT PREPAID	RECEIVED the goods in apparent good order and condition and, as far as ascertained by reasonable means of checking, as specified above unless otherwise stated. The Carrier, in accordance with and to the extent of the provisions contained in this Bill of Lading, and with liberty to sub-contract, undertakes to perform and/or in his own name to procure performance of the combined transport and the delivery of the goods in charge to the place and time of delivery and accepts responsibility for such transport and such services. One of the Bills of Lading must be surrendered duly endorsed in exchange for the goods or delivery order. IN WITNESS whereof TWO (2) original Bills of Lading have been signed, if not otherwise stated above, one of which being accomplished the other(s)
For delivery of goods please apply to: PMMALPINA WORLD TRANSPORT (VIETNAM) CO., LTD 3B Floor, Republic Plaza Bldg., 181 Cong Hoa St, as Agent of DSV Ocean Transport A/S, Denmark Ho Chi Minh Viet Nam	
Phone: Fax:	
Shipper's declared value of	
subject to payment of above extra charge	Place and date of issue Melbourne, Australia 21-Jun-24
Note: The Merchant's attention is called to the fact that according to Clauses 10 to 12 and Clause 24 of this Bill of Lading, the liability of the Carrier is, in most cases, limited in respect of loss of or damage to the goods and delay	Signed for DSV OCEAN TRANSPORT A/S AS CARRIER DSV AIR & SEA PTY LTD - 1800 by..... As agents to carrier
T-2015 (edg. 12/02)	B.L.O



Enertech Electric Motors (Aust) Pty Ltd
No. 45 Merri Concourse, Campbellfield
Vic 3061, Australia
PH: +61 39333 6605
FX: +61 39333 6603

10th Jun 2024
Energy Technology Co., Ltd
142 Dong Nai Str., W. 15, Dist. 10,
Ho Chi Minh City, Viet Nam

CERTIFICATE OF QUALITY

Re: ESC Series, Electrical Motors

Type	:	ESC 160M-4
Motor	:	11KW 4P B3
	:	380V / 3Ph / 50Hz, IP55
S/No	:	E2023640008
Invoice No.	:	RJ240705

We hereby confirmed that the above motor is:

1. Conformed to Australian standard AS 1359, International Standards IEC 60034 and IEC 60072.
2. The above motor is suitable to operate at 380V/ 3PH/ 50Hz.
3. The warranty period is 1 year after shipment.
4. All the motors have been tested in factory.

ENERTECH ELECTRIC MOTORS (AUSTRALIA) PTY LTD



Enertech Electric Motors (Aust) Pty Ltd
No. 45 Merri Concourse, Campbellfield
Vic 3061, Australia
PH: +61 39333 6605
FX: +61 39333 6603

10th Jun 2024
Energy Technology Co., Ltd
142 Dong Nai Str., W. 15, Dist. 10,
Ho Chi Minh City, Viet Nam

CERTIFICATE OF QUALITY

Re: ESC Series, Electrical Motors

Type	:	ESC 160M-4
Motor	:	11KW 4P B3
		380V / 3Ph / 50Hz, IP55
S/No	:	E2023640007
Invoice No.	:	RJ240705

We here by confirmed that the above motor is:

1. Conformed to Australian standard AS 1359, International Standards IEC 60034 and IEC 60072.
2. The above motor is suitable to operate at 380V/ 3PH/ 50Hz.
3. The warranty period is 1 year after shipment.
4. All the motors have been tested in factory.


ENERTECH ELECTRIC MOTORS
(AUSTRALIA) PTY LTD



Enertech Electric Motors (Aust) Pty Ltd
No. 45 Merri Concourse, Campbellfield
Vic 3061, Australia
PH: +61 39333 6605
FX: +61 39333 6603

10th Jun 2024
Energy Technology Co., Ltd
142 Dong Nai Str., W. 15, Dist. 10,
Ho Chi Minh City, Viet Nam

CERTIFICATE OF QUALITY

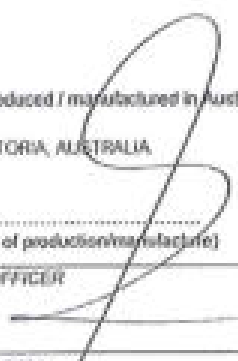
Re: ESC Series, Electrical Motors

Type	:	ESC 160M-4
Motor	:	11KW 4P B3
	:	380V / 3Ph / 50Hz, IP55
S/No	:	E2029140019
Invoice No.	:	RJ240705

We here by confirmed that the above motor is:

1. Conformed to Australian standard AS 1359, International Standards IEC 60034 and IEC 60072.
2. The above motor is suitable to operate at 380V/ 3PH/ 50Hz.
3. The warranty period is 1 year after shipment.
4. All the motors have been tested in factory.

**ENERTECH ELECTRIC MOTORS
(AUSTRALIA) PTY LTD**

EXPORTER (Name and address) ENERTECH ELECTRIC MOTORS (AUSTRALIA) PTY LTD 45 Merri Concourse Campbellfield Vic 3061 Australia		CERTIFICATE NO. 726488	
		EXPORTER'S REFERENCE RJ240705	
CONSIGNEE (Name and address) ENERGY TECHNOLOGY CO. LTD 142 DONG NAI STREET WARD 15, DISTRICT 10, HO CHI MINH CITY, VIETNAM		BUYER (IF NOT CONSIGNEE)	
PORT OF LOADING MELBOURNE PORT, AUSTRALIA		Certificate of Australian Origin AUSTRALIAN CHAMBER OF COMMERCE AND INDUSTRY  Level 3, Commerce House 34 Brisbane Avenue BARTON A.C.T. AUSTRALIAN 2600 A.B.N 85 008 3191 795 Tel Int: (61) (2) 6270 8000 Local: (62) 6270 3000 Authorised to issue Certificates of Origin by the Government of the Commonwealth of Australia VICTORIAN CHAMBER OF COMMERCE AND INDUSTRY  Level 2, 150 Collins Street MELBOURNE VIC 3000 AUSTRALIA Telephone: (61) (3) 8662 5333 Facsimile: (61) (3) 8662 5201 Email: global@victorianchamber.com.au Authorised agent for the Australian Chamber of Commerce and Industry	
VESSEL/AIRCRAFT OOCL CHICAGO 0064N	DATE OF DEPARTURE 15 Jun 2024		
SEA / AIRPORT OF DISCHARGE HO CHI MINH PORT, VIETNAM	FINAL DESTINATION (if in transit)		
MARKS AND NUMBERS	NUMBER AND KIND OF PACKAGES	DESCRIPTION OF GOODS	GROSS WEIGHT (or other measurement)
69 cases	17 PCS/CASE 17 15 PCS/CASE 15 2 PCS/CASE 2 3 PCS/CASE 3 10 PCS/CASE 10 1 PCS/CASE 1 8 PCS/CASE 8 1 PCS/CASE 1 2 PCS/CASE 2 2 PCS/CASE 2 2 PCS/CASE 2 1 PCS/CASE 1 2 PCS/CASE 2 3 PCS/CASE 3	ESC 160M-4, 11kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 160L-4, 15kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 315S-2, 110kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 180M-4, 18.5kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 180L-4, 22kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 200L-4, 30kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 225S-4, 37kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 315S-4, 110kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 315L2-4, 200kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 280M1-4, 90kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 315M-2, 132kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 315L2-2, 200kW, 3 phase 380/660V/50Hz ESC 160M-4, 11kW, 3 phase 380/660V/50Hz, IP56 ESC 200L-4, 30kW, 3 phase 380/660V/50Hz, IE3	16,000 KGS
MAKE: ENERTECH AUSTRALIA			
DECLARATION BY THE EXPORTER: I, the undersigned, being duly authorised by the above exporter, and having made the necessary enquiries, HEREBY CERTIFY THAT all the goods listed above originate in AUSTRALIA. I further declare that I will furnish to the Customs authorities of the importing country or their nominee, for inspection at any time such evidence as may be requested for the purpose of verifying this certificate. The goods were produced / manufactured in Australia VICTORIA, AUSTRALIA _____ (Insert place of production/manufacture)		CERTIFICATION: I, the undersigned, being duly authorised by the Australian Chamber of Commerce and Industry to sign documentary evidence of origin, hereby certify that on the basis of information supplied by the exporter and to the best of my knowledge and belief the country of origin of the above mentioned goods, based on the rules of origin claimed by the exporter, is AUSTRALIA.  Victorian Chamber of Commerce and Industry	
SIGNATURE OF AUTHORISED OFFICER 		SIGNATURE OF AUTHORISED OFFICER 	
DATE 19 Jun 2024		DATE 19 Jun 2024	

PACKING LIST

Invoice No: EEJ40785
Date: 12-Jun-24

From: ENERTECH ELECTRIC MOTORS (AUSTRALIA) PTY LTD
45 Merri Crescease Campbellfield Vic 3061, Australia
Tel: +61 393336605
Fax: +61 393336600

To: ENERGY TECHNOLOGY CO., LTD
143 Dong Nai St.,
W.15, Dist.10, HCMC, Vietnam
Tel: +84 8 2220 5849
Fax: +84 8 2220 5847

EXECUTION & TERMS:

Frequency: 50Hz
Enclosure: IP55
Insulation: Class F
Bearings: SKF, FAG, NSK BEARING
Packing: WOODEN

DESCRIPTION OF GOODS: Enertech Electric Motors (Australia)

No.	Type	Power (Kw)	Voltage	Q'ty	PCS/CASE	CASE	N.W.	G.W.	MEASUREMENT
1	ESC 160M-4	11	380/660V	17	1	17	15401 KGS	16000 KGS	48 CBM
2	ESC 160L-4	15	380/660V	15	1	15			
3	ESC 315S-2	110	380/660V	2	1	2			
4	ESC 180M-4	18.5	380/660V	3	1	3			
5	ESC 180L-4	22	380/660V	10	1	10			
6	ESC 200L-4	30	380/660V	1	1	1			
7	ESC 325S-4	37	380/660V	8	1	8			
8	ESC 315S-4	110	380/660V	1	1	1			
9	ESC 315L2-4	200	380/660V	2	1	2			
10	ESC 280M1-4	90	380/660V	2	1	2			
11	ESC 315M-2	132	380/660V	2	1	2			
12	ESC 315L2-2	200	380/660V	1	1	1			
13	ESC 160M-4, IP56	11	380/660V	2	1	2			
14	ESC 200L-4 IE3	30	380/660V	3	1	3			
				69		69	15401 KGS	16000 KGS	48 CBM
TOTAL 69 PCS/69 CASES 15401 KGS/16000 KGS 48 CBM									

Name of Vessel: OOCL CHICAGO 894N
Date of departure: 15-Jun-24

Authorized Signature


ENERTECH ELECTRIC MOTORS
(AUSTRALIA) PTY LTD

Shipper
ENERTECH ELECTRIC MOTORS (AUSTRALIA) PTY LTD
45 MERRI CONCOURSE
CAMPELLFIELD 3061, VICTORIA, AUSTRALIA

EXPRESS

BL No.
CCL24070311

Consol Ref
Reference No.
NEGOTIABLE
COMBINED TRANSPORT BILL OF LADING
Based upon BIMCO COMBICONBILL

Consigned to order of
ENERGY TECHNOLOGY CO. LTD
142 DONG NAI STREET
WARD 15, DISTRICT 10,
HO CHI MINH CITY
Viet Nam

DSV

Notify party/address
ENERGY TECHNOLOGY CO. LTD
142 DONG NAI STREET
WARD 15, DISTRICT 10,
HO CHI MINH CITY
VIET NAM

Carrier:
DSV Ocean Transport A/S
Hovedgaden 630
DK-2640 Hedehusene
Denmark

CVR/VAT No: 25 13 34 55

Freight by	Place of receipt MELBOURNE, AUSTRALIA		
Ocean Vessel OOCL CHICAGO /094H	Port of loading MELBOURNE, AUSTRALIA	Express Bill of Lading	
Port of discharge	Place of delivery HO CHI MINH CITY, VIET NAM	Freight payable at MELBOURNE, AUSTRALIA	Number of original Bills of Lading 0 (Zero)
Marks and Nos.	Quantity and description of goods 69 Pallet(s) ENERTECH ELECTRIC MOTORS	Gross weight, kg. Measurement, m ³ 16000.00kg 24m ³	
Container SACU2909819	Seals 955185	Type 20GP	Weight 16000.00 KGS
		Volume 24 m3	Packages 69 PLY
		Mode	

INCOTERM:
SHIPPED ON BOARD 14-Jun-24

EXLV
*Shipper Load and Count

Particulars above declared by Shipper

Freight and charges FREIGHT PREPAID	RECEIVED the goods in apparent good order and condition and, as far as ascertained by reasonable means of checking, as specified above unless otherwise stated. The Carrier, in accordance with and to the extent of the provisions contained in this Bill of Lading, and with liberty to sub-contract, undertakes to perform and/or in his own name to procure performance of the combined transport and the delivery of the goods in charge to the place and time of delivery and accepts responsibility for such transport and such services. One of the Bills of Lading must be surrendered duly endorsed in exchange for the goods or delivery order. IN WITNESS whereof TWO (2) original Bills of Lading have been signed, if not otherwise stated above, one of which being accomplished the other(s)
For delivery of goods please apply to: PANALPINA WORLD TRANSPORT (VIETNAM) CO., LTD 38 Floor, Republic Plaza bldg., 18t Cong Hoa St, as Agent of DSV Ocean Transport A/S, Denmark Ho Chi Minh Viet Nam	
Phone: Fax:	
Shipper's declared value of	
subject to payment of above extra charge	Place and date of issue Melbourne, Australia 14-Jun-24 Signed for DSV OCEAN TRANSPORT A/S AS CARRIER DSV AIR & SEA PTY LTD - 1800 by..... As agents to carrier
Note: The Merchant's attention is called to the fact that according to Clauses 10 to 12 and Clause 24 of this Bill of Lading, the liability of the Carrier is, in most cases, limited in respect of loss of or damage to the goods and delay	

1. Exporter (Name, address, country) ShinMaywa Industries, Ltd. 1-1 Shimoinoue-cho, Takarazuka, Hyogo 665-8550, Japan	CERTIFICATE OF ORIGIN issued by The Kawasaki Chamber of Commerce and Industry Kawasaki, Japan																																					
2. Consignee (Name, address, country) NHAT ANH CO., LTD 28/3 THUONG CONG DINH STREET, WARD 14, TAN DINH DISTRICT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM	*print ORIGINAL or COPY ORIGINAL																																					
	3. No. and date of Invoice SM2504-012 April 22, 2025																																					
	4. Country of Origin JAPAN																																					
5. Transport details From : KOBE SEAPORT, JAPAN To : CAT LAI SEAPORT, VIETNAM By : HOWE AIR V. 25115 On or about : May 2, 2025	6. Remarks																																					
<table border="0" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th style="text-align: left;">7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods</th> <th style="text-align: right;">8. Quantity</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="2">ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS</td> </tr> <tr><td>1): ARS65A Blower 2395-959~2395-963</td><td style="text-align: right;">5 SET(s)</td></tr> <tr><td>2): ARS100 Blower 2395-979~2395-983</td><td style="text-align: right;">5 SET(s)</td></tr> <tr><td>3): ARS150 Blower 2396-178~2396-179</td><td style="text-align: right;">2 SET(s)</td></tr> <tr><td>4): ARS150 Blower 2396-180~2396-181</td><td style="text-align: right;">2 SET(s)</td></tr> <tr><td>5): CR3003 Submersible sludge pump 2410-058~2410-059</td><td style="text-align: right;">2 SET(s)</td></tr> <tr><td>6): F300 Frange</td><td style="text-align: right;">2 SET(s)</td></tr> <tr><td>7): CR401T-WT Submersible sludge pump 2412-012~2412-022</td><td style="text-align: right;">10 SET(s)</td></tr> <tr><td>8): CR501T-WT Submersible sludge pump 2412-042~2412-052</td><td style="text-align: right;">10 SET(s)</td></tr> <tr><td>9): CR501T-WT Submersible sludge pump 2412-052~2412-062</td><td style="text-align: right;">10 SET(s)</td></tr> <tr><td>10): CR501-WT Submersible sludge pump 2412-082~2412-092</td><td style="text-align: right;">10 SET(s)</td></tr> <tr><td>11): CR501-WT Submersible sludge pump 2412-092~2412-102</td><td style="text-align: right;">10 SET(s)</td></tr> <tr><td>12): CR501-WT Submersible sludge pump 2412-102~2412-112</td><td style="text-align: right;">10 SET(s)</td></tr> <tr><td>13): CR551-WT Submersible sludge pump 2412-122~2412-142</td><td style="text-align: right;">10 SET(s)</td></tr> <tr><td>14): CR551-WT Submersible sludge pump 2412-142~2412-152</td><td style="text-align: right;">10 SET(s)</td></tr> <tr><td>15): CR551-WT Submersible sludge pump 2412-152~2412-162</td><td style="text-align: right;">10 SET(s)</td></tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center;">- To be continued -</td> </tr> </tbody> </table>			7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods	8. Quantity	ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS		1): ARS65A Blower 2395-959~2395-963	5 SET(s)	2): ARS100 Blower 2395-979~2395-983	5 SET(s)	3): ARS150 Blower 2396-178~2396-179	2 SET(s)	4): ARS150 Blower 2396-180~2396-181	2 SET(s)	5): CR3003 Submersible sludge pump 2410-058~2410-059	2 SET(s)	6): F300 Frange	2 SET(s)	7): CR401T-WT Submersible sludge pump 2412-012~2412-022	10 SET(s)	8): CR501T-WT Submersible sludge pump 2412-042~2412-052	10 SET(s)	9): CR501T-WT Submersible sludge pump 2412-052~2412-062	10 SET(s)	10): CR501-WT Submersible sludge pump 2412-082~2412-092	10 SET(s)	11): CR501-WT Submersible sludge pump 2412-092~2412-102	10 SET(s)	12): CR501-WT Submersible sludge pump 2412-102~2412-112	10 SET(s)	13): CR551-WT Submersible sludge pump 2412-122~2412-142	10 SET(s)	14): CR551-WT Submersible sludge pump 2412-142~2412-152	10 SET(s)	15): CR551-WT Submersible sludge pump 2412-152~2412-162	10 SET(s)	- To be continued -	
7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods	8. Quantity																																					
ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS																																						
1): ARS65A Blower 2395-959~2395-963	5 SET(s)																																					
2): ARS100 Blower 2395-979~2395-983	5 SET(s)																																					
3): ARS150 Blower 2396-178~2396-179	2 SET(s)																																					
4): ARS150 Blower 2396-180~2396-181	2 SET(s)																																					
5): CR3003 Submersible sludge pump 2410-058~2410-059	2 SET(s)																																					
6): F300 Frange	2 SET(s)																																					
7): CR401T-WT Submersible sludge pump 2412-012~2412-022	10 SET(s)																																					
8): CR501T-WT Submersible sludge pump 2412-042~2412-052	10 SET(s)																																					
9): CR501T-WT Submersible sludge pump 2412-052~2412-062	10 SET(s)																																					
10): CR501-WT Submersible sludge pump 2412-082~2412-092	10 SET(s)																																					
11): CR501-WT Submersible sludge pump 2412-092~2412-102	10 SET(s)																																					
12): CR501-WT Submersible sludge pump 2412-102~2412-112	10 SET(s)																																					
13): CR551-WT Submersible sludge pump 2412-122~2412-142	10 SET(s)																																					
14): CR551-WT Submersible sludge pump 2412-142~2412-152	10 SET(s)																																					
15): CR551-WT Submersible sludge pump 2412-152~2412-162	10 SET(s)																																					
- To be continued -																																						
9. Declaration by the Exporter The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4. Place and Date: Kawasaki May 7, 2025 (Signature) ghira (Name) Yuta Hirayama Manager	10. Certification The undersigned hereby certifies, on the basis of relative invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief. The Kawasaki Chamber of Commerce and Industry   Yasuko Ohshima May 7, 2025 Certificate No. 1803-0925-0111291																																					

Identify the authenticity or certificate for verification with the website(<https://net.kcci.or.jp/>) or the right QR Code

Access Code: 672A-u5JA-r587-j6A7
 Number: 1 / 2
 Certificate Date: May 7, 2025



7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods	8. Quantity
16): SM750 Mixer 2412-538~2412-542	5 SET(s)
17): SM750 Mixer 2412-543~2412-547	5 SET(s)
18): AV5573-C Filter	40 SET(s)
19): 078665-B Pump housing	1 SET(s)
Total 150 SET(s)	
Marks and numbers: NO GHI MINH NO. 126D, 128E, 169-24, 02, 03, 22C, 20-25NA, MADE IN JAPAN C/No. 1-20 Number and kind of packages: 20 CRATE(s) //////////////////////////////////////	
9. Declaration by the Exporter The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4. Place and Date: <u>Kawasaki</u> <u>May 7, 2025</u> (Signature)  (Name) Yuta Hirayama Manager 10. Certification The undersigned hereby certifies, on the basis of relative invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief. The Kawasaki Chamber of Commerce and Industry   Yasuko Ohshima May 7, 2025 Certificate No. 1803-0925-0111291	

Identify the authenticity or certificate for verification with the website(<https://rel.jcci.or.jp/>) or the right QR Code

Access Code. 672A-u5jA-r587-j6A7
 Number. 2 / 2
 Certificate Date. May 7, 2025



ShinMaywa

ShinMaywa Industries, Ltd.
1-1, Shinnaiwa-cho, Takarazuka, Hyogo
665-8550, Japan

April 22, 2025

CERTIFICATE OF QUALITY AND QUANTITY

TO WHOM IT MAY CONCERN

MEANS OF TRANSPORT AND ROUTE: OUR INVOICE NO. SMJ2504-012 SHIPPED PER
HONG AN V. 2511S SAILED ON OR ABOUT May 2, 2025 FROM
KOBE SEAPORT, JAPAN TO CAT LAI SEAPORT, VIETNAM

<u>MARKS & NOS.</u>	<u>DESCRIPTION OF GOODS</u>	<u>QUANTITY</u>
HO CHI MINH No.126D,128E,168- 24,02,03,22C,30-25NA MADE IN JAPAN C/No.1-20	-DETAILS ARE AS PER ATTACHED SHEET(S)-	159 SETS

THIS IS TO CERTIFY THAT WE HAVE MANUFACTURED AND INSPECTED THE
ABOVEMENTIONED GOODS AND THAT THE QUALITY AND QUANTITY HAVE BEEN PROVED
TO BE GOOD, CORRECT AND IN CONFORMITY WITH THE SPECIFICATIONS AND
STIPULATION OF THE CONTRACT IN ALL RESPECT:

ShinMaywa Industries, Ltd.


Shuusaku Sano

INVOICE NO. :SMJ2504-012

ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS

(MODEL & DESCRIPTION OF GOODS)

ITEM No	Model	Product Name	Serial No	Q'ty
1	ARS05A	Blower	2395-959~2395-963	5
2	ARS100	Blower	2395-979~2395-983	5
3	ARS150	Blower	2396-178~2396-179	2
4	ARS150	Blower	2396-180~2396-181	2
5	CN3003	Submersible sludge pump	2410-958~2410-959	2
6	F300	Frang		2
7	CN401T-MT	Submersible sludge pump	2412-013~2412-022	10
8	CN501T-MT	Submersible sludge pump	2412-043~2412-052	10
9	CN501T-MT	Submersible sludge pump	2412-053~2412-062	10
10	CN501-MT	Submersible sludge pump	2412-083~2412-092	10
11	CN501-MT	Submersible sludge pump	2412-093~2412-102	10
12	CN501-MT	Submersible sludge pump	2412-103~2412-112	10
13	CN651-MT	Submersible sludge pump	2412-133~2412-142	10
14	CN651-MT	Submersible sludge pump	2412-143~2412-152	10
15	CN651-MT	Submersible sludge pump	2412-153~2412-162	10
16	SM750	Mixer	2412-538~2412-542	5
17	SM750	Mixer	2412-543~2412-547	5
18	AV5577-C	Filter		40
19	D78665-B	Pump housing		1
	TOTAL			159

ShinMaywa

ShinMaywa Industries, Ltd.

1-1, Shimanejiwa-cho, Takarazuka, Hyogo

665-8550, Japan

PACKING LIST

SOLD TO : NHAT ANH CO., LTD 28/3 TRUONG CONG DINH STREET, WARD 14, TAN BINH DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIET NAM TAX ID : 0302396622	INVOICE	DATE			
	NO. SMJ2504-012	Apr. 22, 2025			
	PAYMENT TERMS: T/T Remittance				
	LC No.	DATE of ISSUE			
	ISSUED BY				
SHIPPED PER : HONG AN V. 2511S	CONTRACT	PURCHASE	No.126D,128E,168-		
ON OR ABOUT : May. 02, 2025	NO.	Order No.	24,02,03,22C,30-25NA		
FROM	TO				
KOBE SEAPORT, JAPAN	CAT LAI SEAPORT, VIETNAM				
MARK & NOS.	DESCRIPTION OF GOODS	QTY	N/W (KGS)	G/W (KGS)	M3

ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS

(DETAILS ACCORDING TO: SALES CONTRACT

No.126D,128E,168-24,02,03,22C,30-25NA/ShinMaywa)

Date: **9-Apr-25**

HO CHI MINH
No.126D,128E,168-
24,02,03,22C,30-25NA
MADE IN JAPAN
C/No.1-20

- Details are as per attached sheet(s) -

TOTAL :	20 CRATE(s)	5,244.00	6,630.00	21.65
		KGS	KGS	M3

ShinMaywa Industries, Ltd.


Shunsaku Sano

ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS

INVOICENO:SMJ2504-012

(MODEL & DESCRIPTION OF GOODS)

C/NO	Package	Items#	Model	Description	SerialNo.	Qty	KGS	KGS	M3	
1	CRATE	13	CN651-MT	Submersible sludge pump	2412-133 2412-142	10	870	1,000.00	2.31	
1	CRATE	14	CN651-MT	Submersible sludge pump	2412-143 2412-152	10				
1	CRATE	15	CN651-MT	Submersible sludge pump	2412-153 2412-162	10				
2	CRATE	7	CN401T-MT	Submersible sludge pump	2412-013 2412-022	10	510	700	1.68	
2	CRATE	8	CN501T-MT	Submersible sludge pump	2412-043 2412-052	10				
2	CRATE	9	CN501T-MT	Submersible sludge pump	2412-053 2412-062	10				
3	CRATE	10	CN501-MT	Submersible sludge pump	2412-083 2412-092	10	540	720	1.68	
3	CRATE	11	CN501-MT	Submersible sludge pump	2412-093 2412-102	10				
3	CRATE	12	CN501-MT	Submersible sludge pump	2412-103 2412-112	10				
4	CRATE	16	SM750	Mixer	2412-538 2412-542	5	231	300	1.77	
4	CRATE	17	SM750	Mixer	2412-543 2412-547	5				
4	CRATE	18	AV5577-C	Filter		40				
4	CRATE	19	D7885-B	Pump housing		1				
5	CRATE	1	ARS65A	Blower	2395-959 2395-963	1	78	100	0.53	
6	CRATE	1	ARS65A	Blower	2395-959 2395-963	1	78	100	0.53	
7	CRATE	1	ARS65A	Blower	2395-959 2395-963	1	78	100	0.53	
8	CRATE	1	ARS65A	Blower	2395-959 2395-963	1	78	100	0.53	
9	CRATE	1	ARS65A	Blower	2395-959 2395-963	1	78	100	0.53	
10	CRATE	2	ARS100	Blower	2395-979 2395-983	1	139	170	0.59	
11	CRATE	2	ARS100	Blower	2395-979 2395-983	1	139	170	0.59	
12	CRATE	2	ARS100	Blower	2395-979 2395-983	1	139	170	0.59	
13	CRATE	2	ARS100	Blower	2395-979 2395-983	1	139	170	0.59	
14	CRATE	2	ARS100	Blower	2395-979 2395-983	1	139	170	0.59	
15	CRATE	3	ARS150	Blower	2396-178, 2396-179	1	312	410	1.42	
16	CRATE	3	ARS150	Blower	2396-178, 2396-179	1	312	410	1.42	
17	CRATE	4	ARS150	Blower	2396-180, 2396-181	1	312	410	1.42	
18	CRATE	4	ARS150	Blower	2396-180, 2396-181	1	312	410	1.42	
19	CRATE	5	CN3003	Submersible sludge pump	2410-958, 2410-959	1	380	420	1.45	
19	CRATE	6	F300	Franga		1				
20	CRATE	5	CN3003	Submersible sludge pump	2410-958, 2410-959	1	380	420	1.45	
20	CRATE	6	F300	Franga		1				
TOTAL							SETS	KGS	KGS	M3
20 CRATE(s)							159	5,244.00	6,630.00	21.65

W. A. R. R.

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

'107168813250'

Số tờ khai	107168813250	Số tờ khai đầu tiên			107168813250
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	8413
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQSGKV1		Mã bộ phận xử lý tờ khai		
Ngày đăng ký	10/05/2025 08:42:48	Ngày thay đổi đăng ký	Thời hạn tái nhập/ tái xuất		

Người nhập khẩu	
Mã	0302396622
Tên	Công Ty TNHH Nhật Anh
Mã bưu chính	(+84) 43
Địa chỉ	28/3 Trương Công Định, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.HCM
Số điện thoại	0933741277
Người ủy thác nhập khẩu	
Mã	
Tên	

Người xuất khẩu		
Mã		
Tên	SHIMAYWA INDUSTRIES, LTD.	
Mã bưu chính		
Địa chỉ	1-1, SHIMEIWA-CHO, HYOGO 665-8550,	TAKARABUKA, JAPAN
Mã nước	JP	

Người ủy thác xuất khẩu					
Đại lý Hải quan		Mã nhận viên Hải quan			
Số vận đơn			Địa điểm lưu kho	02C1501	TUNG CTY TAI CANG SG
1	020525025040983		Địa điểm dỡ hàng	VNCL1	CANG CAT LAI (HCM)
2			Địa điểm xếp hàng	JPURR	KOBE - HYOGO
3			Phương tiện vận chuyển		
4				9999	HONG AI 25115
5			Ngày hàng đến		11/05/2025
Số lượng		CR	Ký hiệu và số hiệu		
Tổng trọng lượng hàng (Gross)		KGM			
Số lượng container			Ngày được phép nhập kho đầu tiên		
			Mã văn bản pháp quy khác		NO

Số hóa đơn	A - SHJ2504-012				
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử					
Ngày phát hành	22/04/2025				
Phương thức thanh toán	KC				
Tổng trị giá hóa đơn	A - FCA - JPY -				
Tổng trị giá tính thuế					
Tổng hệ số phân bổ trị giá	-				
Mã kết quả kiểm tra nội dung					

Giấy phép nhập khẩu					
1	-	2	-	3	-
4	-	5	-		
Mã phân loại khai trị giá	6				
Khai trị giá tổng hợp		-	-		-
Các khoản điều chỉnh					
Phí vận chuyển	A - VND -				
Phí bảo hiểm	D - -				
Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ		
1	-	-			
2	-	-			
3	-	-			
4	-	-			
5	-	-			

Chi tiết khai trị giá
0205202584 Phương thức thanh toán: TT. Hợp đồng số 126D,128E,148-24,02,03,23C,30-25HA/Shimaywa ngày 09/04/2025

	Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng		
1	H Thuế HK	VND	2	Tổng tiền thuế phải nộp	VND
2	V Thuế GTGT	VND	18	Số tiền bảo lãnh	VND
3		VND		Tỷ giá tính thuế	JPY -
4		VND			-
5		VND			-
6		VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	D
				Mã lý do đề nghị BP	
				Người nộp thuế	1
				Phân loại nộp thuế	A
				Tổng số trang của tờ khai	20
				Tổng số dòng hàng của tờ khai	18

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107168813250	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	8413
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HOSGKV1		Mã bộ phận xử lý tờ khai	01	
Ngày đăng ký	10/05/2025 08:42:48	Ngày thay đổi đăng ký			
Số định kèm khai báo điện tử	1	ETC - 122348944500	2	-	3
Phần ghi chú	C/O Form JV số 250042257174401909 ngày 07/05/2025				

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp		Số quản lý người sử dụng	00027
------------------------------------	--	--------------------------	-------

Phân loại chi thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thống báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan	Trưởng NGCK cảng Sài Gòn khu vực 1
Ngày cấp phép	13/05/2025 10:32:01
Ngày hoàn thành kiểm tra	13/05/2025 10:26:41
Phân loại thẩm tra sau thông quan	
Ngày phê duyệt BP	/ /
Ngày hoàn thành kiểm tra BP	/ /
Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu	
Tổng số tiền thuế chậm nộp	

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)

	Địa điểm	Ngày đến		Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	-	/ /
	2	/ /	-	/ /
	3	/ /	-	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế		/ /		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107168813250	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	8413
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQSGCVL		Mã bộ phận xử lý tờ khai		01
Ngày đăng ký	10/05/2025 08:42:48	Ngày thay đổi đăng ký	Thời hạn tái nhập/ tái xuất		

<11>

Mã số hàng hóa	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận gì	[1]
Mô tả hàng hóa	Bom bơm đặt chìm, ly tâm, trục đứng, đường kính của hút 30mm, Model: CH501-MT, 0.75kW, 380V, 3 pha, 50Hz, Hiệu: SHINDAYWA, 1 Set = 1 Pce, không phải thiết bị điện tử, Mũi 100t		

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	10	SET
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	10	PCE
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPY	SET
Trị giá tính thuế(5)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - SET
Thuế suất		Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	JP - JAPAN - B10
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VR235
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	0%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107168813250	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 2 1 4 1	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	8413
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	H0000001			Mã bộ phận xử lý tờ khai	01
Ngày đăng ký	10/05/2025 08:42:48	Ngày thay đổi đăng ký	Thời hạn tái nhập/ tái xuất		

<12>

Mã số hàng hóa	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận ghi []
Mô tả hàng hóa	Bơm bùn đất chìm, ly tâm, trục đứng, đường kính cửa hút 43mm, Model: CH631-S7, 1.5kW, 380V, 3 pha, 50Hz, Hiệu: SHIMADAYNA, 1 Set = 1 Pce, không phải thiết bị điện tử, Mối 100%	

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	10	SET
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	10	PCE
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPY	SET
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - SET
Thuế suất		Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	JP - JAPAN - B10
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VN235
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	0%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

1. Exporter (Name, address, country) ShinMaywa Industries, Ltd. 1-1 Shimotowa-cho, Takarazuka, Hyogo 665-8500, Japan	CERTIFICATE OF ORIGIN Issued by The Kawasaki Chamber of Commerce and Industry Kawasaki, Japan																																					
2. Consignee (Name, address, country) NHAT ANH CO., LTD 26/3 TRUONG CONG DINH STREET, WARD 14, TAN BINH DISTRICT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM	*print ORIGINAL or COPY ORIGINAL																																					
	3. No. and date of Invoice SMJ2501-023 February 4, 2025																																					
	4. Country of Origin JAPAN																																					
5. Transport details From : KOBE SEAPORT, JAPAN To : CAT LAI SEAPORT, VIETNAM By : HONG AN V, 2505S On or about : February 18, 2025	6. Remarks																																					
<table border="0" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th style="text-align: left;">7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods</th> <th style="text-align: right;">8. Quantity</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="2">ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS</td> </tr> <tr> <td>1): ARS80 Blower 2352-532~2352-533</td> <td style="text-align: right;">3 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>2): ARS80 Blower 2349-394~2349-398</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>3): ARS80 Blower 2349-359~2349-363</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>4): ARS100 Blower 2349-364~2349-369</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>5): ARS50 Blower 2369-945~2369-949</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>6): ARS50 Blower 2369-950~2369-954</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>7): ARS50 Blower 2369-965~2369-969</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>8): ARS65A Blower 2369-965~2369-969</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>9): ARS65A Blower 2369-970~2369-974</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>10): SM1500A Mixer 2389-792~2389-796</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>11): SM1500A Mixer 2389-797~2389-801</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>12): P2000 Auto coupling</td> <td style="text-align: right;">4 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>13): P2000 Auto coupling</td> <td style="text-align: right;">4 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>14): P2000 Auto coupling</td> <td style="text-align: right;">4 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>15): P2000 Auto coupling</td> <td style="text-align: right;">4 SET(s)</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center;">- To be continued -</td> </tr> </tbody> </table>			7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods	8. Quantity	ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS		1): ARS80 Blower 2352-532~2352-533	3 SET(s)	2): ARS80 Blower 2349-394~2349-398	5 SET(s)	3): ARS80 Blower 2349-359~2349-363	5 SET(s)	4): ARS100 Blower 2349-364~2349-369	5 SET(s)	5): ARS50 Blower 2369-945~2369-949	5 SET(s)	6): ARS50 Blower 2369-950~2369-954	5 SET(s)	7): ARS50 Blower 2369-965~2369-969	5 SET(s)	8): ARS65A Blower 2369-965~2369-969	5 SET(s)	9): ARS65A Blower 2369-970~2369-974	5 SET(s)	10): SM1500A Mixer 2389-792~2389-796	5 SET(s)	11): SM1500A Mixer 2389-797~2389-801	5 SET(s)	12): P2000 Auto coupling	4 SET(s)	13): P2000 Auto coupling	4 SET(s)	14): P2000 Auto coupling	4 SET(s)	15): P2000 Auto coupling	4 SET(s)	- To be continued -	
7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods	8. Quantity																																					
ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS																																						
1): ARS80 Blower 2352-532~2352-533	3 SET(s)																																					
2): ARS80 Blower 2349-394~2349-398	5 SET(s)																																					
3): ARS80 Blower 2349-359~2349-363	5 SET(s)																																					
4): ARS100 Blower 2349-364~2349-369	5 SET(s)																																					
5): ARS50 Blower 2369-945~2369-949	5 SET(s)																																					
6): ARS50 Blower 2369-950~2369-954	5 SET(s)																																					
7): ARS50 Blower 2369-965~2369-969	5 SET(s)																																					
8): ARS65A Blower 2369-965~2369-969	5 SET(s)																																					
9): ARS65A Blower 2369-970~2369-974	5 SET(s)																																					
10): SM1500A Mixer 2389-792~2389-796	5 SET(s)																																					
11): SM1500A Mixer 2389-797~2389-801	5 SET(s)																																					
12): P2000 Auto coupling	4 SET(s)																																					
13): P2000 Auto coupling	4 SET(s)																																					
14): P2000 Auto coupling	4 SET(s)																																					
15): P2000 Auto coupling	4 SET(s)																																					
- To be continued -																																						
9. Declaration by the Exporter The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4. Place and Date: Kawasaki February 18, 2025 (Signature) ghira (Name) Yuta Hirayama Manager	10. Certification The undersigned hereby certifies, on the basis of relative invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief. The Kawasaki Chamber of Commerce and Industry   Sayaka Nakizaki February 18, 2025 Certificate No. 1803-6524-0924641																																					

Identify the authenticity or certificate for verification with the website(<https://ref.jcci.or.jp/>) or the right QR Code

Access Code. BL75-Sn47-M394-457s
 Number. 1 / 3
 Certificate Date. February 18, 2025



7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods	8. Quantity
16): P2000 Auto coupling	4 SET (x)
17): SME288 Mixer 2395-791	1 SET (x)
18): CM150 Submersible sludge pump 2395-837~2395-838	2 SET (x)
19): CM150 Submersible sludge pump 2395-839~2395-840	2 SET (x)
20): CM150 Submersible sludge pump 2395-831~2395-832	2 SET (x)
21): CY501 Submersible sludge pump 2396-517	1 SET (x)
22): CJ80 Submersible sludge pump 2400-606~2400-607	2 SET (x)
23): CJ851 Submersible sludge pump 2400-604~2400-605	2 SET (x)
24): 90S Screen	1 SET (x)
25): S47035-A Mechanical seal	2 SET (x)
26): S64397-A Mechanical seal	1 SET (x)
27): S45669-A Mechanical seal	1 SET (x)
28): S64508-A Mechanical seal	1 SET (x)
29): SY1501-E Ball bearing (gear side)	2 SET (x)
30): SY1501-E Ball bearing (driven side)	1 SET (x)
31): SY1501-F Ball bearing (driving side)	1 SET (x)
32): 1A-G190 O-ring	8 SET (x)
33): 1S4673-C Ball bearing	8 SET (x)
34): 1S4679-A Band	8 SET (x)
35): 1S4680-C Oil seal	14 SET (x)
36): A76838-X Seal washer	56 SET (x)
37): AN2956-D O-ring	56 SET (x)
38): AN3943-D Seal washer	56 SET (x)
39): BL0741-A Gasket	28 SET (x)
40): BL7129-A Shield ring	8 SET (x)
41): H60515-P Seal washer	56 SET (x)
42): S63781-A Ball bearing	8 SET (x)
43): SY4804-D Mechanical seal	8 SET (x)

- To be continued -

9. Declaration by the Exporter The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4. Place and Date: <u>Kawasaki</u> <u>February 18, 2025</u> (Signature)  (Name) Yuta Hirayama Manager	10. Certification The undersigned hereby certifies, on the basis of relative invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief. The Kawasaki Chamber of Commerce and Industry   Sayaka Kukiizaki February 18, 2025 Certificate No. 1803-6524-0924641
--	--

Identify the authenticity or certificate for verification with the website(<https://ref.jcci.or.jp/>) or the right QR Code

Access Code. BL75-5m47-M384-457s
Number. 2 / 3
Certificate Date. February 18, 2025



7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods

8. Quantity

44):	CR501T Submersible sludge pump 2403-675*2403-676	2 SET(s)
45):	CG4401-C Impeller	7 SET(s)
46):	BT6666-B 4-core cable (10m)	3 SET(s)
47):	B63882-C 4-core cable (8m)	3 SET(s)
48):	B63751-A Pump housing	1 SET(s)
49):	AP8446-E Filter	4 SET(s)
50):	AV5577-C Filter	4 SET(s)

Total 432 SET(s)

Marks and numbers: 100 QH, 8158
 NO. 210, 37E, 75C, 113C, 122, 131B, 132, 140, 144, 152, 156, 158, 166, 172, 174-24, 06-25MA MADE
 IN JAPAN C/No. 1-69

Number and kind of packages: 69 CRATE(s)

////////////////////////////////////

9. Declaration by the Exporter

The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4.

Place and Date: Kawasaki February 18, 2025

(Signature)

ghira

(Name)

Yuta Hirayama
Manager

10. Certification

The undersigned hereby certifies, on the basis of relative invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief.

The Kawasaki Chamber of Commerce and Industry



S. Kuri

Sayaka Kuriyaki
February 18, 2025

Certificate No. 1803-6524-0924641

Identify the authenticity or certificate for verification with the website(<https://ref.jcc.or.jp/>) or the right QR Code

Access Code: BL75-5e47-8384-457s
 Number: 3 / 3
 Certificate Date: February 18, 2025



February 4, 2025

CERTIFICATE OF QUALITY AND QUANTITY

TO WHOM IT MAY CONCERN

MEANS OF TRANSPORT AND ROUTE: OUR INVOICE NO. SMJ2501-023 SHIPPED PER
HONG AN V.2505S SAILED ON OR ABOUT February 18, 2025 FROM
KOBE SEAPORT, JAPAN TO CAT LAI SEAPORT, VIETNAM

<u>MARKS & NOS.</u>	<u>DESCRIPTION OF GOODS</u>	<u>QUANTITY</u>
HO CHI MINH No.21D,37E,75C,112C,1 22,131B,132,140,144,15 2,156,158,166,172,174- 24,06-25NA MADE IN JAPAN C/No.1-69	-DETAILS ARE AS PER ATTACHED SHEET(S)-	432 SETS

THIS IS TO CERTIFY THAT WE HAVE MANUFACTURED AND INSPECTED THE
ABOVEMENTIONED GOODS AND THAT THE QUALITY AND QUANTITY HAVE BEEN PROVED
TO BE GOOD, CORRECT AND IN CONFORMITY WITH THE SPECIFICATIONS AND
STIPULATION OF THE CONTRACT IN ALL RESPECT:

ShinMaywa Industries, Ltd.



Kazunari Sano

INVOICE NO. :SMJ2501-023

ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS

(MODEL & DESCRIPTION OF GOODS)

ITEM No	Model	Product Name	Serial No	Q'ty
1	ARS80	Blower	2352-532~2352-533	2
2	ARS80	Blower	2349-384~2349-398	5
3	ARS80	Blower	2349-359~2349-363	5
4	ARS100	Blower	2349-364~2349-368	5
5	ARS50	Blower	2369-945~2369-949	5
6	ARS50	Blower	2369-950~2369-954	5
7	ARS50	Blower	2369-955~2369-959	5
8	ARS65A	Blower	2369-965~2369-969	5
9	ARS65A	Blower	2369-970~2369-974	5
10	SM1500A	Mixer	2389-792~2389-796	5
11	SM1500A	Mixer	2389-797~2389-801	5
12	P200G	Auto coupling		4
13	P200G	Auto coupling		4
14	P200G	Auto coupling		4
15	P200G	Auto coupling		4
16	P200G	Auto coupling		4
17	SME28B	Mixer	2395-791	1
18	CN150	Submersible sludge pump	2395-837~2395-838	2
19	CN150	Submersible sludge pump	2395-839~2395-840	2
20	CN150	Submersible sludge pump	2395-831~2395-832	2
21	CV501	Submersible sludge pump	2396-517	1
22	CJ80	Submersible sludge pump	2400-606~2400-607	2
23	CJ851	Submersible sludge pump	2400-604~2400-605	2
24	90S	Screen		1
25	S47035-A	Mechanical seal		2
26	S64397-A	Mechanical seal		1
27	S45669-A	Mechanical seal		1
28	S64508-A	Mechanical seal		1
29	SY1501-E	Ball bearing (gear side)		2
30	SY1501-E	Ball bearing (driven side)		1
31	SY1501-F	Ball bearing (driving side)		1
32	1A-G190	O-ring		8
33	1S4673-C	Ball bearing		8
34	1S4679-A	Band		8
35	1S4680-C	Oil seal		14
36	A76838-X	Seal washer		56
37	AM2958-D	O-ring		56
38	AM7943-D	Seal washer		56
39	BL0741-A	Gasket		28
40	BL7129-A	Shield ring		8
41	H60515-P	Seal washer		56
42	S83781-A	Ball bearing		8
43	SY4804-D	Mechanical seal		8
44	CR501T	Submersible sludge pump	2403-675~2403-676	2
45	C64401-C	Impeller		7
46	B76606-B	4-core cable (10m)		3
47	B83882-C	4-core cable (8m)		3
48	D52751-A	Pump housing		1
49	AP8446-E	Filter		4
50	AV5577-C	Filter		4
	TOTAL			432

ShinMaywa

ShinMaywa Industries, Ltd.

1-1, Shinmeiwa-cho, Takarazuka, Hyogo
665-8550, Japan

PACKING LIST

SOLD TO : NHAT ANH CO., LTD 28/3 TRUONG CONG DINH STREET, WARD 14, TAN BINH DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIET NAM TAX ID : 0302396622	INVOICE	DATE			
	NO. SMJ2501-023	Feb. 04, 2025			
	PAYMENT TERMS:				
	T/T Remittance				
SHIPPED PER : HONG AN V,2505S ON OR ABOUT : Feb. 18, 2025	L/C No.	DATE of ISSUE			
	ISSUED BY				
	CONTRACT	PURCHASE			
FROM KOBE SEAPORT, JAPAN	NO.	Order No.			
	No.21D,37E,75C,112C,1 22,131B,132,140,144,15 2,156,158,166,172,174- 24,06-25NA				
TO CAT LAI SEAPORT, VIETNAM					
MARK & NOS.	DESCRIPTION OF GOODS	QTY	N/W (KGS)	G/W (KGS)	M3

ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS

(DETAILS ACCORDING TO: SALES CONTRACT

No.21D,37E,75C,112C,122,131B,132,140,144,152,156,158,166,172,174-24,06-

Date: 20-Jan-25

HO CHI MINH

No.21D,37E,75C,112C,1

22,131B,132,140,144,15

2,156,158,166,172,174-

24,06-25NA

MADE IN JAPAN

C/No.1-69

- Details are as per attached sheet(s) -

TOTAL :	69CRATE(s)	7,811.60	9,380.00	37.49
		KGS	KGS	M3

ShinMaywa Industries, Ltd.



Kazunari Sano

ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS

(MODEL & DESCRIPTION OF GOODS)

C/NO	Package	Items#	Model	Description	SerialNo.	Qty	KGS	KGS	M3
1	CRATE	10	SM1500A	Mixer	2389-792 2389-796	5	270.6	430	1.37
1	CRATE	21	CV501	Submersible sludge pump	2395-517	1			
1	CRATE	22	CJ80	Submersible sludge pump	2400-606, 2400-607	2			
1	CRATE	44	CR501T	Submersible sludge pump	2403-675, 2403-676	2			
2	CRATE	18	CN150	Submersible sludge pump	2395-837, 2395-838	2	652	720	2.32
3	CRATE	19	CN150	Submersible sludge pump	2395-839, 2395-840	2	710	770	2.32
3	CRATE	23	CJ851	Submersible sludge pump	2400-604, 2400-605	2			
4	CRATE	20	CN150	Submersible sludge pump	2395-831, 2395-832	2	481	580	2.32
4	CRATE	25	S47035-A	Mechanical seal		2			
4	CRATE	26	S64397-A	Mechanical seal		1			
4	CRATE	27	S45869-A	Mechanical seal		1			
4	CRATE	28	S64508-A	Mechanical seal		1			
4	CRATE	29	SY1501-E	Ball bearing (gear side)		2			
4	CRATE	30	SY1501-E	Ball bearing (driven side)		1			
4	CRATE	31	SY1501-F	Ball bearing (driving side)		1			
4	CRATE	32	1A-G190	O-ring		8			
4	CRATE	33	1S4673-C	Ball bearing		8			
4	CRATE	34	1S4679-A	Band		8			
4	CRATE	35	1S4680-C	Oil seal		14			
4	CRATE	36	A76838-X	Seal washer		56			
4	CRATE	37	AM2958-D	O-ring		56			
4	CRATE	38	AM7943-D	Seal washer		56			
4	CRATE	39	BL0741-A	Gasket		28			
4	CRATE	40	BL7129-A	Shield ring		8			
4	CRATE	41	H60515-P	Seal washer		56			
4	CRATE	42	S63781-A	Ball bearing		8			
4	CRATE	43	SY4804-D	Mechanical seal		8			
4	CRATE	45	C64401-C	Impeller		2			
4	CRATE	46	B76666-B	4-core cable (10m)		3			
4	CRATE	47	B83682-C	4-core cable (8m)		3			
4	CRATE	48	D52751-A	Pump housing		1			
4	CRATE	49	AP8446-E	Filter		4			
4	CRATE	50	AV5577-C	Filter		4			
5	CRATE	11	SM1500A	Mixer	2389-797 2389-801	5	100	140	0.63
6	CRATE	1	ARS80	Blower	2352-532, 2352-533	1	112	120	0.7
7	CRATE	1	ARS80	Blower	2352-532, 2352-533	1	112	120	0.7
8	CRATE	2	ARS80	Blower	2349-394 2349-398	1	112	120	0.7
9	CRATE	2	ARS80	Blower	2349-394 2349-398	1	112	120	0.7
10	CRATE	2	ARS80	Blower	2349-394 2349-398	1	112	120	0.7
11	CRATE	2	ARS80	Blower	2349-394 2349-398	1	112	120	0.7
12	CRATE	2	ARS80	Blower	2349-394 2349-398	1	112	120	0.7
13	CRATE	3	ARS80	Blower	2349-359 2349-363	1	112	120	0.7
14	CRATE	3	ARS80	Blower	2349-359 2349-363	1	112	120	0.7
15	CRATE	3	ARS80	Blower	2349-359 2349-363	1	112	120	0.7
16	CRATE	3	ARS80	Blower	2349-359 2349-363	1	112	120	0.7
17	CRATE	3	ARS80	Blower	2349-359 2349-363	1	112	120	0.7
18	CRATE	4	ARS100	Blower	2349-364 2349-368	1	137	170	0.57
19	CRATE	4	ARS100	Blower	2349-364 2349-368	1	137	170	0.57
20	CRATE	4	ARS100	Blower	2349-364 2349-368	1	137	170	0.57
21	CRATE	4	ARS100	Blower	2349-364 2349-368	1	137	170	0.57
22	CRATE	4	ARS100	Blower	2349-364 2349-368	1	137	170	0.57
23	CRATE	5	ARS50	Blower	2369-945 2369-949	1	58	90	0.41
24	CRATE	5	ARS50	Blower	2369-945 2369-949	1	58	90	0.41
25	CRATE	5	ARS50	Blower	2369-945 2369-949	1	58	90	0.41
26	CRATE	5	ARS50	Blower	2369-945 2369-949	1	58	90	0.41
27	CRATE	5	ARS50	Blower	2369-945 2369-949	1	58	90	0.41
28	CRATE	6	ARS50	Blower	2369-950 2369-954	1	58	90	0.41
29	CRATE	6	ARS50	Blower	2369-950 2369-954	1	58	90	0.41
30	CRATE	6	ARS50	Blower	2369-950 2369-954	1	58	90	0.41
31	CRATE	6	ARS50	Blower	2369-950 2369-954	1	58	90	0.41
32	CRATE	6	ARS50	Blower	2369-950 2369-954	1	58	90	0.41
33	CRATE	7	ARS50	Blower	2369-955 2369-959	1	58	90	0.41
34	CRATE	7	ARS50	Blower	2369-955 2369-959	1	58	90	0.41
35	CRATE	7	ARS50	Blower	2369-955 2369-959	1	58	90	0.41

ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS

(MODEL & DESCRIPTION OF GOODS)

C/NO	Package	Items#	Model	Description	SerialNo.	Qty	KGS	KGS	M3
36	CRATE	7	ARS50	Blower	2369-955 2369-959	1	58	90	0.41
37	CRATE	7	ARS50	Blower	2369-955 2369-959	1	58	90	0.41
38	CRATE	8	ARS65A	Blower	2369-965 2369-969	1	78	100	0.53
39	CRATE	8	ARS65A	Blower	2369-965 2369-969	1	78	100	0.53
40	CRATE	8	ARS65A	Blower	2369-965 2369-969	1	78	100	0.53
41	CRATE	8	ARS65A	Blower	2369-965 2369-969	1	78	100	0.53
42	CRATE	8	ARS65A	Blower	2369-965 2369-969	1	78	100	0.53
43	CRATE	9	ARS65A	Blower	2369-970 2369-974	1	78	100	0.53
44	CRATE	9	ARS65A	Blower	2369-970 2369-974	1	78	100	0.53
45	CRATE	9	ARS65A	Blower	2369-970 2369-974	1	78	100	0.53
46	CRATE	9	ARS65A	Blower	2369-970 2369-974	1	78	100	0.53
47	CRATE	9	ARS65A	Blower	2369-970 2369-974	1	78	100	0.53
48	CRATE	12	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
49	CRATE	12	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
50	CRATE	12	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
51	CRATE	12	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
52	CRATE	13	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
53	CRATE	13	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
54	CRATE	13	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
55	CRATE	13	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
56	CRATE	14	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
57	CRATE	14	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
58	CRATE	14	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
59	CRATE	14	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
60	CRATE	15	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
61	CRATE	15	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
62	CRATE	15	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
63	CRATE	15	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
64	CRATE	16	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
65	CRATE	16	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
66	CRATE	16	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
67	CRATE	16	P200G	Auto coupling		1	90	100	0.26
68	CRATE	17	SME28B	Mixer	2395-791	1	75	100	0.55
69	CRATE	24	90S	Screen		1	140	190	2.45
TOTAL						SETS	KGS	KGS	M3
69 CRATE(s)						432	7,907.60	9,570.00	39.94

Shipper
SHIMAYKA INDUSTRIES, LTD.
1-1, SHINMEIWA-CHO, TAKARAZUKA,
HYOGO 665-8550, JAPAN

Consignee
NHAT ANH CO., LTD
28/3 TRONG CONG DINH STREET,
WARD 14, TAN BINH DISTRICT,
HOCHIMINH CITY, VIETNAM
TAX ID:0302398622

Notify Party
SAME AS CONSIGNEE

Pre-carriage by

Place of Receipt
KORE CY

Vessel
HONG AN

Voy. No.
20822

Port of Loading
KORE, JAPAN

Port of Discharge
HO CHI MINH CITY, VIETNAM

Place of Delivery
HO CHI MINH CITY CY

Container No.
Seal No.
Marks and Numbers
HO CHI MINH
NO. 210, 37E, 75C,
112C, 122, 131B,
132, 140, 144, 152,
156, 158, 166, 172,
174-24, 05-25NA
MADE IN JAPAN
C/NO. 1-69

No. of
Containers
or Pkg.
2 CONTAINER(S)
69 CRATES

Kind of Packages/Description of Goods
"SHIPPER'S LOAD & COUNT" "SAID TO CONTAIN"

-AS PER ATTACHED SHEET(S)-

Gross Weight
(KGS)

9,570,000

Measurement
(CBM)

39.940

BK006461193 /SITF019543 /40' HD
TGR7838198 /SITF019606 /40' HD

"FREIGHT COLLECT AS ARRANGED"

Total number of Containers
or other Packages or Units
(in words)

ORIGINAL

TOTAL: TWO (2) CONTAINER(S) ONLY. -

Merchant's Declared Value (See Clauses 18 & 21):

Note:

The Merchant's attention is called to the fact that according to Clauses 18 & 21 of this Waybill, the liability of the Carrier is, in most cases, limited in respect of loss of or damage to the Goods.

Freight and Charges

Revenue Tons

Rate

Per

Prepaid

Collect

"AS ARRANGED"

Exchange Rate

Prepaid at

Payable at

DESTINATION

Place and Date of Issue

TOKYO, JAPAN

FEB. 18, 2025

Total Prepaid in Local Currency

No. of Original Waybills

ONE (1)

In witness whereof, the undersigned, has signed the number of the Waybill(s) stated herein, all of this issue and date.

Vessel
HONG AN
Port of Loading

KORE, JAPAN

Loaded on Board the Vessel

Date

FEB. 18, 2025

By

As Carrier

NAIGAI NITTO CO., LTD.

An enlarged copy of back clauses is
available from the Carrier upon request.

(TERMS CONTAINED ON BACK HEREOF)
CIFTA MODEL FORM 470-002

This document is protected by anti-counterfeiting measures.



Member of
Japan International
Freight Forwarders
Association Inc.

Waybill No.

B25020485

WAYBILL
NON-NEGOTIABLE



NAIGAI NITTO CO., LTD.

38-8, HIGASHI SHINAGAWA 1-CHOME,
SHINAGAWA-KU, TOKYO, 140-0002 JAPAN
TEL:03(5460-9716 FAX:03(5460-9744

Issued by the Carrier from the Shipper in agreement with the conditions unless otherwise indicated herein, the Goods, or the Containers or packages used to contain the cargo, are to be loaded, to be loaded subject to all the terms and conditions appearing on the face and the back of this Waybill by the vessel named therein or any substitute of the Carrier's agent and/or other means of transport, from the Place of Receipt to the Port of Loading and to the Port of Discharge or the Place of Delivery shown herein and there to be delivered unto the Consignee named herein, or its authorized agent, on production of such proof of identity as required by the Carrier. In accepting this Waybill, the Shipper agrees to be bound by all the stipulations, exceptions, terms and conditions on the face and back hereof and of the Carrier's applicable tariff, whether written, typed, stamped or printed, as left or if signed by the Shipper, any local customs or practice in the country established, and agrees that all agreements or freight engagements for and in connection with the carriage of the Goods as approved by this Waybill, however, the Shipper accepts the said stipulations, exceptions, terms and conditions not only on his behalf but on behalf of the Consignee and the Owner of the Goods and the Shipper warrants that he has the authority to do so.

Partly to contact the carrier please
NAIGAI NITTO LOGISTICS VIETNAM
CO. LTD. HCMC BRANCH OFFICE
TEL: +84, 28, 7300-8762/63
PIC: MS. TRA
NNV001, VNENAI@NAIGAI.NITTO.COM
PHONE: 0908-981-371

EE560159 0000

Final Destination (Merchant's reference only)

-ATTACHED SHEET(S)-

No. B25020485

PAGE- 1

Shipping Marks

Description of Goods

ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS

DETAILS ACCORDING TO SALES

CONTRACT NO. 21D, 37E, 75C, 112C, 122,
131B, 132, 140, 144, 152, 156, 158, 166,
172, 174-24, 06-25KA/

SHIMAYEA, DATE:20-JAN-2025

HS CODE:8479.89, 8482.10, 8484.20,
8479.82, 8413.91, 8414.59, 4016.93,
8413.70

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

'106973031430'

Số tờ khai	106973031430	Số tờ khai đầu tiên			
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11	2	[4]
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CSOONKVI	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	8479		
Ngày đăng ký	26/02/2025 19:02:12	Ngày thay đổi đăng ký			
		Mã bộ phận xử lý tờ khai	01		
		Thời hạn tái nhập/ tái xuất			

Người nhập khẩu			
Mã	0302396622		
Tên	Công Ty TNHH Nhật Anh		
Mã bưu chính	(+84)43		
Địa chỉ	28/3 Trương Công Định, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.HCM		
Số điện thoại	0933741277		
Người ủy thác nhập khẩu			
Mã			
Tên			

Người xuất khẩu			
Mã			
Tên	SHIRAYWA INDUSTRIES, LTD.		
Mã bưu chính			
Địa chỉ	1-1, SHIRAKIWA-CHO, HYOGO 665-8550,	TAKARAZUKA, JAPAN	
Mã nước	JP		

Người ủy thác xuất khẩu			
Đại lý Hải quan			Mã nhận viên Hải quan
Số vận đơn		Địa điểm lưu kho	02C1501
1 106225025020485		Địa điểm dỡ hàng	WVCL1
2		Địa điểm xếp hàng	JPURB
3		Phương tiện vận chuyển	
4			9999
5		Ngày hàng đến	20/02/2025
Số lượng	CR	Ký hiệu và số hiệu	
Tổng trọng lượng hàng (Gross)	KGH		
Số lượng container		Ngày được phép nhập kho đầu tiên	
		Mã vận bản pháp quy khác	MO

Số hóa đơn	A - SHJ2501-023
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử	
Ngày phát hành	04/02/2025
Phương thức thanh toán	KC
Tổng trị giá hóa đơn	A - FCA - JPY -
Tổng trị giá tính thuế	
Tổng hệ số phân bổ trị giá	-
Mã kết quả kiểm tra nội dung	

Giấy phép nhập khẩu			
1	-	2	-
4	-	5	-
3	-		
Mã phân loại khai trị giá	6		
Khai trị giá tổng hợp			
Các khoản điều chỉnh			
Phí vận chuyển	A - VND -		
Phí bảo hiểm	D - -		
Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ
1	-	-	
2	-	-	
3	-	-	
4	-	-	
5	-	-	

Chỉ tiết khai trị giá			
1002202504	Phương thức thanh toán: TT. Hợp đồng số		
21D, 37E, 75C, 112C, 122, 131B, 132, 140, 144, 152, 156, 158, 166, 172, 174-24, 06-25HA/Shiraywa	ngày 20/01/2025		

	Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số đồng tổng			
1	H Thuế BK	VND	27	Tổng tiền thuế phải nộp		VND
2	V Thuế GTGT	VND	50	Số tiền bảo lãnh		VND
3		VND		Tỷ giá tính thuế	JPY	165,86
4		VND				
5		VND				
6		VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	D	Người nộp thuế
				Mã lý do đề nghị BP		Phân loại nộp thuế
				Tổng số trang của tờ khai	52	Tổng số đồng hàng của tờ khai

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	106973031430	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	ALL - 2 (4)	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	8479
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CSG008KVF1		Mã bộ phận xử lý tờ khai	01	
Ngày đăng ký	26/02/2025 19:02:12	Ngày thay đổi đăng ký			
Số định kèm khai bảo điện tử	1	ETC -	722294516120	2	-
Phần ghi chú	C/O Form JV số 240290250179301209 ngày 18/02/2025			3	-

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp	Số quản lý người sử dụng	00011
Phân loại chỉ thị của Hải quan		
Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /	
2	/ /	
3	/ /	
4	/ /	
5	/ /	
6	/ /	
7	/ /	
8	/ /	
9	/ /	
10	/ /	

Mục thông báo của Hải quan	
Tên trưởng đơn vị Hải quan	CCT CC HQ CK Cảng Sài Gòn KV I
Ngày cấp phép	27/02/2025 16:24:52
Ngày hoàn thành kiểm tra	27/02/2025 16:20:26
Phân loại thẩm tra sau thông quan	
Ngày phê duyệt BP	/ /
Ngày hoàn thành kiểm tra BP	/ /
Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu	
Tổng số tiền thuế chậm nộp	

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)			
	Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	- / /
	2	/ /	- / /
	3	/ /	- / /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế		/ /	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	106973031430	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	8479
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	C300HRY1			Mã bộ phận xử lý tờ khai	01
Ngày đăng ký	26/02/2025 19:02:12	Ngày thay đổi đăng ký	Thời hạn tái nhập/ tái xuất		

<OS>

Mã số hàng hóa	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận gì	[1]
Mô tả hàng hóa	Máy thổi khí, Model: AR350, 2.2KW, 380V, 3 Pha, 50Hz, Hiệu: SMTIRHAYNA, 1Set=1Pce, không phải thiết bị điện tử, mới 100%		

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	5	SET
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	5	PCE
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPY	SET
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - SET
Thuế suất		Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	JP - JAPAN - B10
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB235
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	0%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	106973031430	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	Alt 2 4	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	8479
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CS00000V1		Mã bộ phận xử lý tờ khai		01
Ngày đăng ký	26/02/2025 19:02:12	Ngày thay đổi đăng ký	Thời hạn tái nhập/ tái xuất		

<00>

Mã số hàng hóa	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận gì	()
Mô tả hàng hóa	Máy thổi khí, Model: AR850, 2.2kW, 380V, 3 Pha, 50Hz, Hiệu: SHIMADZUWA, 1Set=1Pce, không phải thiết bị điện tử, mỗi 100t		

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	5	SET
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	5	PCE
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPT	SET
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - SET
Thuế suất		Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	JP - JAPAN - 310
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB235
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	0%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

1. Exporter (Name, address, country) Shimlaway Industries, Ltd. 1-1 Shimslawa-cho, Takarazuka, Hyogo 665-8550, Japan	CERTIFICATE OF ORIGIN issued by The Kawasaki Chamber of Commerce and Industry Kawasaki, Japan																																					
2. Consignee (Name, address, country) NHAT ANH CO., LTD 28/3 TRUONG CONG DINH STREET, WARD 14, TAN BINH DISTRICT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM	*print ORIGINAL or COPY ORIGINAL																																					
	3. No. and date of Invoice SNJ2407-040 August 28, 2024																																					
	4. Country of Origin JAPAN																																					
5. Transport details From : KOBE SEAPORT, JAPAN To : CAT LAI SEAPORT, VIETNAM By : SITC CHANGDE V. 24185 On or about : September 2, 2024	6. Remarks																																					
<table border="0" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th style="text-align: left;">7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods</th> <th style="text-align: right;">8. Quantity</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="2">ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS</td> </tr> <tr> <td>1): CR150 Submersible sludge pump 2356-844~2356-945</td> <td style="text-align: right;">2 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>2): AH501 Submersible sludge pump 2363-586~2363-589</td> <td style="text-align: right;">2 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>3): AH502 Submersible sludge pump 2363-600~2363-601</td> <td style="text-align: right;">2 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>4): AH651 Submersible sludge pump 2363-605~2363-606</td> <td style="text-align: right;">2 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>5): CR150-MT Submersible sludge pump 2363-611~2363-615</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>6): CR150-MT Submersible sludge pump 2363-616~2363-620</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>7): CR150-MT Submersible sludge pump 2363-621~2363-625</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>8): CR150-MT Submersible sludge pump 2363-626~2363-630</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>9): CR501T-MT Submersible sludge pump 2364-460~2364-479</td> <td style="text-align: right;">20 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>10): CR501-MT Submersible sludge pump 2364-480~2364-509</td> <td style="text-align: right;">30 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>11): CR80-MT Submersible sludge pump 2364-511~2364-520</td> <td style="text-align: right;">10 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>12): CR80-MT Submersible sludge pump 2364-521~2364-530</td> <td style="text-align: right;">10 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>13): CR80-MT Submersible sludge pump 2364-531~2364-540</td> <td style="text-align: right;">10 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>14): CR100-MT Submersible sludge pump 2364-541~2364-545</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td>15): CR100-MT Submersible sludge pump 2368-786~2368-790</td> <td style="text-align: right;">5 SET(s)</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center;">- To be continued -</td> </tr> </tbody> </table>			7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods	8. Quantity	ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS		1): CR150 Submersible sludge pump 2356-844~2356-945	2 SET(s)	2): AH501 Submersible sludge pump 2363-586~2363-589	2 SET(s)	3): AH502 Submersible sludge pump 2363-600~2363-601	2 SET(s)	4): AH651 Submersible sludge pump 2363-605~2363-606	2 SET(s)	5): CR150-MT Submersible sludge pump 2363-611~2363-615	5 SET(s)	6): CR150-MT Submersible sludge pump 2363-616~2363-620	5 SET(s)	7): CR150-MT Submersible sludge pump 2363-621~2363-625	5 SET(s)	8): CR150-MT Submersible sludge pump 2363-626~2363-630	5 SET(s)	9): CR501T-MT Submersible sludge pump 2364-460~2364-479	20 SET(s)	10): CR501-MT Submersible sludge pump 2364-480~2364-509	30 SET(s)	11): CR80-MT Submersible sludge pump 2364-511~2364-520	10 SET(s)	12): CR80-MT Submersible sludge pump 2364-521~2364-530	10 SET(s)	13): CR80-MT Submersible sludge pump 2364-531~2364-540	10 SET(s)	14): CR100-MT Submersible sludge pump 2364-541~2364-545	5 SET(s)	15): CR100-MT Submersible sludge pump 2368-786~2368-790	5 SET(s)	- To be continued -	
7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods	8. Quantity																																					
ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS																																						
1): CR150 Submersible sludge pump 2356-844~2356-945	2 SET(s)																																					
2): AH501 Submersible sludge pump 2363-586~2363-589	2 SET(s)																																					
3): AH502 Submersible sludge pump 2363-600~2363-601	2 SET(s)																																					
4): AH651 Submersible sludge pump 2363-605~2363-606	2 SET(s)																																					
5): CR150-MT Submersible sludge pump 2363-611~2363-615	5 SET(s)																																					
6): CR150-MT Submersible sludge pump 2363-616~2363-620	5 SET(s)																																					
7): CR150-MT Submersible sludge pump 2363-621~2363-625	5 SET(s)																																					
8): CR150-MT Submersible sludge pump 2363-626~2363-630	5 SET(s)																																					
9): CR501T-MT Submersible sludge pump 2364-460~2364-479	20 SET(s)																																					
10): CR501-MT Submersible sludge pump 2364-480~2364-509	30 SET(s)																																					
11): CR80-MT Submersible sludge pump 2364-511~2364-520	10 SET(s)																																					
12): CR80-MT Submersible sludge pump 2364-521~2364-530	10 SET(s)																																					
13): CR80-MT Submersible sludge pump 2364-531~2364-540	10 SET(s)																																					
14): CR100-MT Submersible sludge pump 2364-541~2364-545	5 SET(s)																																					
15): CR100-MT Submersible sludge pump 2368-786~2368-790	5 SET(s)																																					
- To be continued -																																						
9. Declaration by the Exporter The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4. Place and Date: <u>Kawasaki September 3, 2024</u> (Signature)  (Name) Yuta Hirayama Manager	10. Certification The undersigned hereby certifies, on the basis of relative invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief. The Kawasaki Chamber of Commerce and Industry   Sayaka Kishiraki September 3, 2024 Certificate No. 1803-0424-0429441																																					

Identify the authenticity or certificate for verification with the website (<https://net.jcci.or.jp/>) or the right QR Code.

Access Code: **KGdu-gL52-L999-8a77**
 Number: **1 / 2**
 Certificate Date: **September 3, 2024**



7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods	8. Quantity
16) : AT1930-E CHECK VALVE	1 SET(s)
Total 119SET(s)	
Marks and numbers: HO D15 MIMI NO. 50, 67, 72, 76-24NA MADE IN JAPAN C/No. 1-13	
Number and kind of packages: 13 CRATE(s)	
9. Declaration by the Exporter	
The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4.	
Place and Date: Kawasaki September 3, 2024	
(Signature)	
	
(Name)	
Yuta Hirayama Manager	
10. Certification	
The undersigned hereby certifies, on the basis of relative invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief.	
The Kawasaki Chamber of Commerce and Industry	
	
	
Sayaka Kukiizaki September 3, 2024	
Certificate No. 1803-0424-0429441	

Identify the authenticity or certificate for verification with the website (<https://net.jcci.or.jp/>) or the right QR Code.

Access Code. M00u-pl52-L999-6e77
 Number. 2 / 2
 Certificate Date. September 3, 2024



ShinMaywa

SHINMAYWA INDUSTRIES, LTD.
1-1, Shimaoka-cho, Takasaka, Hyogo
665-8550, Japan

August 20, 2024

CERTIFICATE OF QUALITY AND QUANTITY

TO WHOM IT MAY CONCERN

MEANS OF TRANSPORT AND ROUTE: OUR INVOICE NO. SMJ2407-040 SHIPPED PER
SITC CHANGDE V. 24185 SAILED ON OR ABOUT September 2, 2024 FROM
KOBE SEAPORT, JAPAN TO CAT LAI SEAPORT, VIETNAM

<u>MARKS & NOS.</u>	<u>DESCRIPTION OF GOODS</u>	<u>QUANTITY</u>
HO CHI MINH NO.50,67,72,78-24NA MADE IN JAPAN C/No.1-13	-DETAILS ARE AS PER ATTACHED SHEET(S)-	119 SETS

THIS IS TO CERTIFY THAT WE HAVE MANUFACTURED AND INSPECTED THE
ABOVEMENTIONED GOODS AND THAT THE QUALITY AND QUANTITY HAVE BEEN PROVED
TO BE GOOD, CORRECT AND IN CONFORMITY WITH THE SPECIFICATIONS AND
STIPULATION OF THE CONTRACT IN ALL RESPECT:

ShinMaywa Industries, Ltd.


Shuusaku Sano

INVOICE NO. :SMJ2407-040

ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS

(MODEL & DESCRIPTION OF GOODS)

ITEM No	Model	Product Name	Serial No	Q'ty
1	CN150	Submersible sludge pump	2356-944 2356-945	2
2	AH501	Submersible sludge pump	2363-598 2363-599	2
3	AH502	Submersible sludge pump	2363-600 2363-601	2
4	AH651	Submersible sludge pump	2363-605 2363-606	2
5	CN150-MT	Submersible sludge pump	2363-611 2363-615	5
6	CN150-MT	Submersible sludge pump	2363-616 2363-620	5
7	CN150-MT	Submersible sludge pump	2363-621 2363-625	5
8	CN150-MT	Submersible sludge pump	2363-626 2363-630	5
9	CN501T-MT	Submersible sludge pump	2364-460 2364-479	20
10	CN501-MT	Submersible sludge pump	2364-480 2364-509	30
11	CN80-MT	Submersible sludge pump	2364-511 2364-520	10
12	CN80-MT	Submersible sludge pump	2364-521 2364-530	10
13	CN80-MT	Submersible sludge pump	2364-531 2364-540	10
14	CN100-MT	Submersible sludge pump	2364-541 2364-545	5
15	CN100-MT	Submersible sludge pump	2368-786 2368-790	5
16	AY1930-E	CHECK VALVE		1
	TOTAL			119

ShinMaywa

ShinMaywa Industries, Ltd.
1-1, Shimaiwa-cho, Takarazuka, Hyogo
665-8550, Japan

PACKING LIST

SOLD TO : NHAT ANH CO., LTD 28/3 TRUONG CONG DINH STREET, WARD 14, TAN BINH DISTRICT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM TAX ID: 0302396622	INVOICE		DATE		
	NO.	SMJ2407-040	Aug. 20, 2024		
	PAYMENT TERMS:				
	T/T Remittance				
	LC No.	DATE of ISSUE			
ISSUED BY					
SHIPPED PER : SITC CHANGDE V. 2418S		CONTRACT	PURCHASE	NO.50,67,72,78-24NA	
ON OR ABOUT : Sep. 02, 2024		NO.	Order No.		
FROM		TO			
KOBE SEAPORT, JAPAN		CAT LAI SEAPORT, VIETNAM			
MARK & NOS.	DISCRPTION OF GOODS	QTY	NW (KGS)	GW (KGS)	M3

ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS

(DETAILS ACCORDING TO: SALES CONTRACT
NO.50,67,72,78-24NA/ShinMaywa)
Date: 30-Jul-24

HO CHI MINH
NO.50,67,72,78-24NA
MADE IN JAPAN
C/No.1-13

- Details are as per attached sheet(s) -

TOTAL :	13CRATE(s)	8,600.00	10,640.00	33.76
		KGS	KGS	M3

ShinMaywa Industries, Ltd.


Shunsaku Sano

ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS

(MODEL & DESCRIPTION OF GOODS)

MODEL & DESCRIPTION OF GOODS										
C/NO	Package	Items#	Model	Discription	SerialNo.	Qty	KGS	KGS	M3	
1	CRATE	1	CN150	Submersible sludge pump	2363-644, 2363-645	2	710	850	2.33	
2	CRATE	5	CN150-MT	Submersible sludge pump	2363-611, 2363-615	5	850	1,000.00	3.31	
3	CRATE	6	CN150-MT	Submersible sludge pump	2363-616, 2363-620	5	850	1,000.00	3.31	
4	CRATE	7	CN150-MT	Submersible sludge pump	2363-621, 2363-625	5	850	1,000.00	3.31	
5	CRATE	8	CN150-MT	Submersible sludge pump	2363-626, 2363-630	5	850	1,000.00	3.31	
6	CRATE	13	CN80-MT	Submersible sludge pump	2364-521, 2364-530	10	750	930	3.15	
7	CRATE	13	CN80-MT	Submersible sludge pump	2364-531, 2364-540	10	750	930	3.15	
8	CRATE	14	CN100-MT	Submersible sludge pump	2364-541, 2364-545	5	550	700	2.41	
9	CRATE	15	CN100-MT	Submersible sludge pump	2368-786, 2368-790	5	550	700	2.41	
10	CRATE	11	CN80-MT	Submersible sludge pump	2364-511, 2364-530	10	820	800	2.68	
11	CRATE	9	CN501T-MT	Submersible sludge pump	2364-460, 2364-478	20	420	530	1.41	
12	CRATE	10	CN501-MT	Submersible sludge pump	2364-480, 2364-509	30	650	780	1.9	
13	CRATE	2	AH501	Submersible sludge pump	2363-598, 2363-599	2	200	300	1.07	
13	CRATE	3	AH502	Submersible sludge pump	2363-600, 2363-601	2				
13	CRATE	4	AH551	Submersible sludge pump	2363-605, 2363-606	2				
13	CRATE	16	AY1930-E	CHECK VALVE		1				
TOTAL							SETS	KGS	KGS	M3
13 CRATE(s)							119	8,600.00	10,640.00	33.76

Shipper
SHINMAYRA INDUSTRIES, LTD.
1-1, SHINMEIWA-CHO, TAKARAZUKA,
HYOGO 665-8550, JAPAN

Consignee
NHAT ANH CO., LTD
28/3 TRUNG CONG DINH STREET,
WARD 14, TAN BINH DISTRICT,
HOCHIMINH CITY, VIETNAM
TAX ID: 0302396622

Notify Party
SAME AS CONSIGNEE

Pre-carriage by

Place of Receipt
KOBE CY

Vessel
SITC CHANGDE

Voy. No.
24885

Port of Loading
KOBE, JAPAN

Port of Discharge
HO CHI MINH CITY, VIETNAM

Place of Delivery
HO CHI MINH CITY CT



B/L No.
B24080670

MULTIMODAL TRANSPORT BILL OF LADING



NAIGAI NITTO CO., LTD.

6-5, HIGASHI SHINAGAWA 3-CHOME
SHINAGAWA-KU, TOKYO, 140-0002 JAPAN
TEL: 03(5460-9716 FAX: 03(5460-9744

Received by the Carrier from the Shipper in apparent good order and condition unless otherwise indicated herein, the Goods, or the Containers, or packages so sold to contain the cargo herein mentioned, to be carried subject to all the terms and conditions appearing on the face and back of this Bill of Lading by the vessel named herein or any substitute at the Carrier's option and/or other means of transport, from the Place of Receipt or the Port of Loading to the Port of Discharge or the Place of Delivery shown herein and there to be delivered unto order or assignee. This Bill of Lading duly endorsed must be surrendered in exchange for the Goods or delivery order. In accepting this Bill of Lading, the Merchant agrees to be bound by all the stipulations, exceptions, terms and conditions on the face and back hereof and of the Carrier's applicable tariff, whether written, typed, stamped or printed, as fully as if signed by the Merchant, any local custom or privilege to the contrary notwithstanding, agrees that all agreements or freight engagement for and in connection with the Carriage of the Goods are superseded by this Bill of Lading.

Party to contact for cargo release
NAIGAI NITTO LOGISTICS VIETNAM
CO. LTD. HCMC BRANCH OFFICE
TEL: +84. 28. 7300-8762/63
PIC: MS. TRA
NNVH01.VN@NAIGAINITTO.COM
PHONE: 0908-981-371

EE401436 0000

Final Destination (Merchant's reference only)

Container No.
Seal No.
Marks and Numbers
HO CHI MINH
NOL 50, 67, 72,
78-24XA
MADE IN JAPAN
C/NO. 1-13

No. of
Containers
or Pkg.
2 CONTAINER(S)
13 CRATES

Kind of Packages; Description of Goods
"SHIPPER'S LOAD & COUNT" "SAID TO CONTAIN"

Gross Weight
(KGS)
10,640.000

Measurement
(CBM)
33.760

ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS

DETAILS ACCORDING TO SALES
CONTRACT NO. 50, 67, 72,
78-24XA
/SHINMAYRA, DATE: 30-JULY-2024

HS CODE: 8413. 70, 8481. 30

TLL08506584 /SITE495088 /40' HD
SEGU2561130 /SITE495092 /20' D

"FREIGHT COLLECT AS ARRANGED"

Total number of Containers
or other Packages or Units
(in words)

ORIGINAL

TOTAL: TWO(2) CONTAINER(S) ONLY. -

Merchant's Declared Value (See Clauses 18 & 23)

Note:
The Merchant's attention is called to the fact that according to Clauses 18 & 23 of this Bill of Lading the liability of the Carrier is, in most cases, limited in respect of loss of or damage to the Goods.

Freight and Charges

Revenue Tons

Rate

Per

Prepaid

Collect

"AS ARRANGED"

Exchange Rate

Prepaid at

Payable at

DESTINATION

Place and Date of Issue

TOKYO, JAPAN

SEP. - 2. 2024

Total Prepaid in Local Currency

No. of Original B/L

THREE (3)

In witness whereof, the undersigned has signed the number of Bills of Lading stated herein, all of this tenor and date, one of which being accomplished, the others stand void.

Vessel
SITC CHANGDE

Port of Loading
KOBE, JAPAN

Laden on Board the Vessel

Date

SEP. - 2. 2024

By

[Signature]

As Carrier

NAIGAI NITTO CO., LTD.

[Signature]

An enlarged copy of back clauses is
available from the Carrier upon request.

(TERMS CONTINUED ON BACK HEREOF)

©JIFFA MODEL FORM 02-03

This document is protected by anti-counterfeiting measures.

Particulars furnished by Merchant. All descriptions contained herein (and hereon) are subject to the Carrier's inspection.

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

106561318730

Số tờ khai106561318730Số tờ khai đầu tiên/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 (4)Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai8413

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiCS00080V1Mã bộ phận xử lý tờ khai01

Ngày đăng ký10/09/2024 10:08:31Ngày thay đổi đăng kýThời hạn tái nhập/ tái xuất

Người nhập khẩu

Mã0302396622

TênCông Ty TNHH Nhật Anh

Mã bưu chính(+84)43

Địa chỉ28/3 Trương Công Định, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.HCM

Số điện thoại0933741277

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

TênSHIMADAYMA INDUSTRIES, LTD.

Mã bưu chính

Địa chỉ1-1, SHIMADAYMA-CHO, TAKARAZUKA, HYOGO 665-8550, JAPAN

Mã nướcJP

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan

Số vận đơn

Địa điểm lưu kho02C1801

Địa điểm dỡ hàngVNCLI

Địa điểm xếp hàngJPURB

Phương tiện vận chuyển

Ngày hàng đến

Ký hiệu và số hiệu

Số lượngCH

Tổng trọng lượng hàng (Gross)KGM

Số lượng container

Mã nhận viên Hải quan

TONG CTY TAM CANG SG

CANG CAT LAI (HCM)

KOBE - HYOGO

SITC CHANGDE 24188

12/09/2024

Ngày được phép nhập kho đầu tiên

Mã vận bản pháp quy khác

Số hóa đơnA - SHJ2407-040

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành20/09/2024

Phương thức thanh toánKC

Tổng trị giá hóa đơnA - PCA - JPY -

Tổng trị giá tính thuế

Tổng hệ số phân bổ trị giá-

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu

1-

2-

3-

4-

5-

Mã phân loại khai trị giá6

Khai trị giá tổng hợp-

Các khoản điều chỉnh

Phí vận chuyểnA - VND -

Phí bảo hiểmD - -

Mã tên

Mã phân loại

Trị giá khoản điều chỉnh

Tổng hệ số phân bổ

1-

2-

3-

4-

5-

Chi tiết khai trị giá

0209202404, Phương thức thanh toán: TT, Hộp đóng số 50,67,72,78-24NA/Shimadaya ngày 30/07/2024

Tên sắc thuế

Tổng tiền thuế

Số dòng tổng

1 M Thuế HK VND 1

2 V Thuế GTGT VND 16

3 VND

4 VND

5 VND

6 VND

Tổng tiền thuế phải nộp VND

Số tiền bảo lãnh VND

Tỷ giá tính thuế JPY -

Mã xác định thời hạn nộp thuế D

Mã lý do đề nghị BP

Tổng số trang của tờ khai 18

Tổng số dòng hàng của tờ khai 16

Người nộp thuế

Phân loại nộp thuế

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	106561318730	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	All 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	8413
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	C900HKVI		Mã bộ phận xử lý tờ khai	01	
Ngày đăng ký	10/09/2024 10:08:31	Ngày thay đổi đăng ký			
Số định kèm khai báo điện tử	1	ETC - 322194507340	2	-	3
Phần ghi chú	C/O Form JV số 240119071179001409 ngày 03/09/2024				
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp				Số quản lý người sử dụng	00037
Phân loại chỉ thị của Hải quan					

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan	
Tên trưởng đơn vị Hải quan	OCT CC HQ CK Cảng Sài Gòn KV I
Ngày cấp phép	11/09/2024 09:27:58
Ngày hoàn thành kiểm tra	10/09/2024 17:24:09
Phân loại thẩm tra sau thông quan	
Ngày phê duyệt BP	/ /
Ngày hoàn thành kiểm tra BP	/ /
Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu	
Tổng số tiền thuế chậm nộp	
Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt	

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)			
Địa điểm	Ngày đến		Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	- / /
	2	/ /	- / /
	3	/ /	- / /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế		/ /	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	106561318730	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	All 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	8413
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CSGONKVI		Mã bộ phận xử lý tờ khai		
Ngày đăng ký	10/09/2024 10:06:31	Ngày thay đổi đăng ký	Thời hạn tái nhập/ tái xuất		

<05>

Mã số hàng hóa	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận gì: []
Mô tả hàng hóa	Đèn bôn đặt chim, ly tằm, trục đồng, đường kính của hót 75mm, Model: CH150-MT, 7.5kW, 380V, 3 pha, 50Hz, Hiệu:SHIMAYAMA, 1Set=1Pce, không phải thiết bị điện tử, Mũi 100%	

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	5	SET
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	5	PCE
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPY	SET
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - SET
Thuế suất	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	JP - JAPAN - B10
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB225
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	0%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

1. Exporter (Name, address, country) Shimayasu Industries, Ltd. 1-1 Shimoiwa-cho, Takarazuka, Hyogo 665-8550, Japan		CERTIFICATE OF ORIGIN Issued by The Kawasaki Chamber of Commerce and Industry Kawasaki, Japan	
2. Consignee (Name, address, country) NHAH AMH CO., LTD 28/3 TRUONG CONG DINH STREET, WARD 14, TAN BINH DISTRICT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM		*print ORIGINAL or COPY ORIGINAL	3. No. and date of Invoice SNJ2502-026 March 4, 2025
		4. Country of Origin JAPAN	
5. Transport details From : KOBE SEAPORT, JAPAN To : CAT LAI SEAPORT, VIETNAM By : HONG AN 'E 3507S On or about : March 13, 2025		6. Remarks	
7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods ENVIRONMENT TREATMENT EQUIPMENTS		B. Quantity	
1): ARS80 Blower 2370-009~2370-013		5 SET (s)	
2): CM2003 Submersible sludge pump 2385-875~2385-878		4 SET (s)	
3): CM2003 Submersible sludge pump 2385-879~2385-882		4 SET (s)	
4): CM2003 Submersible sludge pump 2385-883~2385-886		4 SET (s)	
5): CM2003 Submersible sludge pump 2385-887~2385-890		4 SET (s)	
6): CM2003 Submersible sludge pump 2385-891~2385-894		4 SET (s)	
7): ARS200 Blower 2395-841		1 SET (s)	
8): CM2003 Submersible sludge pump 2395-487		1 SET (s)	
9): ARS150 Blower 2402-590~2402-591		2 SET (s)	
10): ARS150 Blower 2402-592~2402-593		2 SET (s)	
11): ARS100S Blower 2402-762		1 SET (s)	
12): BS4N Screen 2402-760~2402-761		2 SET (s)	
13): BS4S2N Submersible Blower 2403-400		1 SET (s)	
14): GN401T-MT Submersible sludge pump 2412-283~2412-292		10 SET (s)	
15): GN401T-MT Submersible sludge pump 2412-900~2412-912		10 SET (s)	
- To be continued -			
9. Declaration by the Exporter The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4. Place and Date: Kawasaki March 18, 2025 (Signature)  (Name) Yuta Hirayama Manager		10. Certification The undersigned hereby certifies, on the basis of relative invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief. The Kawasaki Chamber of Commerce and Industry   Yasuko Ohshima March 18, 2025	
		Certificate No. 1803-4724-1022631	

Identify the authenticity or certificate for verification with the website(<https://ref.loc.gov/>) for the right OR Code

Access Code: 4J75-688y-Py8t-5592
Number: 1 / 2
Certificate Date: March 18, 2025

